

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
Của

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG TRANG TRÍ NỘI THẤT, CÔNG SUẤT
210.000 SẢN PHẨM/NĂM, DIỆN TÍCH ĐẤT 21.744 M²”**

(Địa điểm: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

Bình Dương, Tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG TRANG TRÍ NỘI THẤT, CÔNG SUẤT
210.000 SẢN PHẨM/NĂM, DIỆN TÍCH ĐẤT 21.744 M²”**

(Địa điểm: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ
AN CƯỜNG**



Võ Thị Ngọc Ánh
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH TM DV
KIẾN CON**



Mai Thị Ánh Huyền

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	7
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	8
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	10
1.2. TÊN CƠ SỞ	10
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ	11
1.3.1. Công suất và sản phẩm của Cơ sở	11
1.3.2. Công nghệ sản xuất cơ sở	13
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	15
1.4.1. Nhu cầu máy móc thiết bị	15
1.4.2. Nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu sử dụng	18
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	19
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nhân công	21
1.4.5. Nhu cầu sử dụng điện	21
1.4.6. Nhu cầu sử dụng nước	22
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	23
1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở	23
1.5.2. Các hạng mục công trình của Cơ sở	27
CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	33
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33
2.2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực	34
2.2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với hệ thống thoát nước thải của khu vực	40
2.2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận khí thải	40
2.2.4. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn thông thường	40
2.2.5. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn nguy hại	40
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	41
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	41
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	42
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	58
3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy	58
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất hàng trang trí nội thất.....	59
3.3. CÔNG TRÌNH LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG..	67
3.3.1. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	67
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	68
3.3.3. Chất thải nguy hại	69
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	71
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	72
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ	78
3.6.3. Biện pháp ứng phó với sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải	85
3.6.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với hệ thống xử lý bụi.....	90
3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC	91
3.7.1. Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp	91
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT	94
3.8.1. Đánh giá hiện trạng so với báo cáo đề án chi tiết đã được phê duyệt.....	94
3.8.2. Đánh giá các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	94
3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	96
CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	97
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	97
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	97
4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa.....	97
4.1.3. Dòng nước thải.....	97
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn tương ứng.....	97
4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải vào nguồn tiếp nhận nước thải	98
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	98
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	98
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải, phương thức xả khí thải.....	99
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	100

4.3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung	100
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	101
4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VỚI CHẤT THẢI	101
4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh	101
4.4.1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên ...	101
4.4.1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên	102
4.4.1.3. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên	103
4.4.1.4. Khối lượng, chứng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát	103
4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:	103
4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại	103
4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	104
4.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	105
CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	107
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	107
5.1.1. Vị trí tọa độ lấy mẫu nước thải	107
5.1.2. Kết quả phân tích nước thải	107
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI	109
5.2.1. Kết quả phân tích không khí môi trường lao động	109
CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	111
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	111
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	111
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải	113
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI	117
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	117
6.2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục	117
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	117
CHƯƠNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	118
CHƯƠNG 8: CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ	119
PHỤ LỤC	120

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản phẩm của Cơ sở	12
Bảng 1.2: Danh mục các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất của nhà máy	15
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất tại nhà máy	18
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất.....	20
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy	21
Bảng 1.6: Lượng tiêu thụ điện hàng tháng trong năm 2024 tại Cơ sở	21
Bảng 1.7: Tổng hợp lưu lượng nước sử dụng trong tháng của Cơ sở	22
Bảng 1.8: Nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy	22
Bảng 1.9: Tọa độ vị trí khu đất nhà máy của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường	24
Bảng 1.10: Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất của nhà máy	27
Bảng 2.1: Giới hạn chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường.....	34
Bảng 2.2: Kết quả phân tích mẫu nước mặt suối Bưng Cù	35
Bảng 2.3. Các thông số tính toán tải lượng	36
Bảng 2.4. Tải lượng ô nhiễm tối đa suối Bưng Cù có thể tiếp nhận	37
Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên suối Bưng Cù	38
Bảng 2.6. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào suối Bưng Cù	38
Bảng 2.7. Tính toán khả năng tiếp nhận suối Bưng Cù.....	39
Bảng 3.1: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa	41
Bảng 3.2: Nhu cầu xả nước thải của Cơ sở	42
Bảng 3.3 Thông số kỹ thuật tuyến đường ống thu gom, xả thải nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	43
Bảng 3.4: Nước thải sau hệ thống xử lý của Cơ sở năm 2023	44
Bảng 3.5: Chất lượng nước mặt suối Bưng Cù	45
Bảng 3.6: Số lượng và vị trí các bể tự hoại và hố thu gom trong nhà máy	47

Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường	53
Bảng 3.8: Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	55
Bảng 3.9: Bảng quy chuẩn kỹ thuật nước thải sau xử lý	57
Bảng 3.10: Thống kê các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường	58
Bảng 3.11. Các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý bụi	62
Bảng 3.12: Thành phần và tính chất của các chất trong keo sử dụng dán cạnh	64
Bảng 3.13. Hệ số tải lượng khí thải từ máy phát điện	65
Bảng 3.14. Nồng độ của khí thải từ máy phát điện	67
Bảng 3.15. Thành phần, khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại nhà máy	68
Bảng 3.16. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	70
Bảng 3.17: Cường độ ồn trong khu vực sản xuất	71
Bảng 3.18: Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất	73
Bảng 3.19: Công trình xử lý chất thải theo báo cáo ĐTM và báo cáo hoàn công đã phê duyệt và theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	94
Bảng 4.1: Danh sách các chất ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn tương ứng theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A	97
Bảng 4.2: Giá trị cho phép các thông số đặc trưng cho từng nguồn khí thải	99
Bảng 4.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	100
Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA ..	100
Bảng 4.5. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất	100
Bảng 4.6: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	101
Bảng 4.7: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên	102
Bảng 4.8: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên	103
Bảng 5.1: Thông tin lấy mẫu quan trắc định kỳ tại công ty Cổ phần Gỗ An Cường ..	107

Bảng 5.2: Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý năm 2023 của Tổng kho 2	107
Bảng 5.3: Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024 của Tổng kho 2	108
Bảng 5.4: Ký hiệu, vị trí lấy mẫu môi trường không khí trong khu vực sản xuất	109
Bảng 5.5: Kết quả phân tích chất lượng không khí trong khu vực sản xuất tại Tổng kho 2 năm 2023	109
Bảng 5.6: Kết quả phân tích chất lượng không khí trong khu vực sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2024 tại Tổng kho 2	110
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	112
Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc. Lấy mẫu phân tích chất thải của từng công trình	114
Bảng 6.3: Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm ..	117

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Một số hình ảnh sản phẩm của công ty	13
.....	14
Hình 1.2. Quy trình sản xuất hàng trang trí nội thất tại công ty.....	14
Hình 1.3: Bản đồ góc ranh của khu đất Cơ sở (Tổng kho 2 Công ty cổ phần Gõ An Cường)	24
Hình 1.4: Sơ đồ đường đi tới Cơ sở và các đối tượng xung quanh.....	26
Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại nhà máy.....	41
Hình 3.2. Sơ đồ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt	46
Hình 3.3. Bể tự hoại 3 ngăn.....	47
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải công suất 50 m ³ /ngày	49
Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt sau khi cải tạo	51
Hình 3.6: Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý bụi	60
Hình 3.7: Công trình xử lý bụi của Cơ sở	62
Hình 3.8: Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố hóa chất	77
Hình 3.9: Sơ đồ tổ chức đội PCCC cơ sở.....	80
Hình 3.10: Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ	83

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên Môi Trường
BYT	: Bộ Y Tế
COD	: Nhu cầu ôxy hóa học
ĐH	: Đường huyện
GPMT	: Giấy phép môi trường
NĐ-CP	: Nghị định – chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QĐ	: Quyết định
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLD	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TT-BTNMT	: Thông tư-Bộ Tài Nguyên Môi Trường
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
XLNT	: Xử lý nước thải
VHTM	: Vận hành thương mại

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 3700748131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2006 và cấp thay đổi lần thứ 34 ngày 16 tháng 05 năm 2024.

“*Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm, diện tích đất 21.744 m²*” của công ty Cổ phần Gỗ An Cường tọa lạc tại địa chỉ thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 38/QĐ-STNMT ngày 13/01/2017. Bên cạnh đó, nhà máy cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 89/GP-STNMT ngày 04/11/2021.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, lập báo cáo giám sát định kỳ, lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, phối hợp với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý các loại chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động. Các chất thải, khí thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường,

Căn cứ tại khoản 1, Điều 39 và điểm a, khoản 4, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 thì Cơ sở thuộc đối tượng phải lập giấy phép môi trường cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt.

Hiện nay, Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã có hiệu lực, do vậy công ty lập lại hồ sơ xin Giấy phép môi trường theo quy định. Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn để tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho “*Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm, diện tích đất 21.744 m²*” trình lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xem xét và thẩm định.

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

– Tên Chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

– Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 5, Đường ĐT 747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

– Người đại diện theo pháp luật của Cơ sở:

1. Ông. LÊ ĐỨC NGHĨA

+ Chức vụ : Chủ tịch hội đồng quản trị

+ Sinh ngày : 30/12/1972

+ Quốc tịch : Việt Nam

+ Địa chỉ thường trú : A3-22A, lô CN2-2, khu phố Lam Thiên Lục Địa 2, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

+ Chỗ ở hiện nay : A3-22A, lô CN2-2, khu phố Lam Thiên Lục Địa 2, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Võ Thị Ngọc Ánh

+ Chức vụ: Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 18/09/1977

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Địa chỉ thường trú: 32, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

+ Địa chỉ liên lạc: A2-1 CC Garden Plaza 2 -CN3, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

– Điện thoại: 0274 362 6282

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700748131, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 23 tháng 08 năm 2023.

1.2. TÊN CƠ SỞ

- Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm, diện tích đất 21.744 m²”

– Địa điểm Cơ sở: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

– Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 38/QĐ-STNMT ngày 13/01/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp

– Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

– Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 89/GP-STNMT ngày 04/11/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp, quy mô tổng vốn đầu tư 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng), phân loại cơ sở nhóm B, thuộc Khoản 3, Điều 9, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019 theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Quy mô của Cơ sở: hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm.

+ Diện tích sử dụng: 21.744 m².

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất và sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy từ thời điểm được cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (năm 2017) bao gồm: ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm và cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019.

Tuy nhiên, từ khi đi vào hoạt động cho đến nay do thực tế đơn hàng về các sản phẩm ván (phủ bề mặt ván) không có nên sản phẩm của công ty chỉ là hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm.

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản phẩm của Cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)			Khối lượng trung bình 1 sản phẩm (kg/sản phẩm)	Khối lượng (tấn/năm)		
		ĐTM	Từ năm 2019 đến nay	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT		ĐTM	Từ năm 2019 đến nay	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT
1	Ván phủ giấy melamine	500.000	0	0	40 kg	20.000	0	0
2	Ván phủ tấm nhựa	290.000	0	0	42 kg	12.180	0	0
3	Hàng trang trí nội thất	210.000	210.000	210.000	27 kg	5.670	5.670	5.670

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

Một số hình ảnh sản phẩm của công ty:



Giường, tủ



Tủ bếp



Bàn



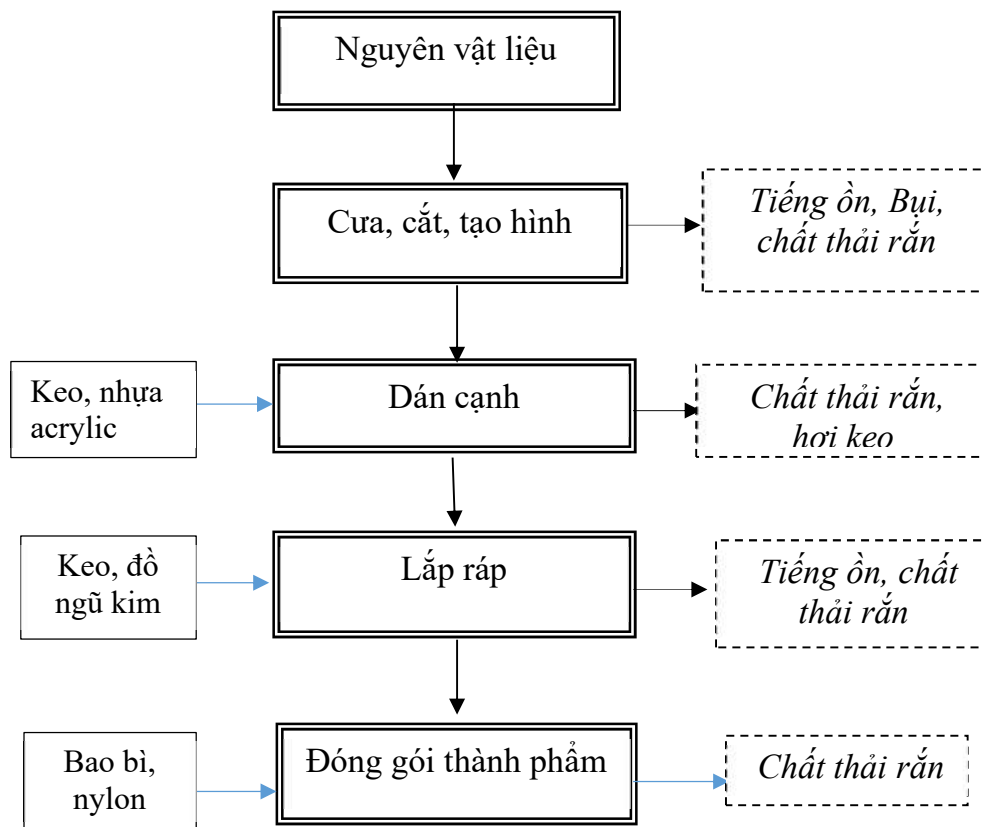
Ghế

Hình 1.1. Một số hình ảnh sản phẩm của công ty

1.3.2. Công nghệ sản xuất cơ sở

Nhà máy sử dụng sức lao động của con người cùng với sự hỗ trợ đắc lực của các máy móc chuyên dụng hiện đại để tạo ra các sản phẩm chất lượng tốt, mẫu mã đẹp phù hợp với thị hiếu của khách hàng và đặc biệt là an toàn khi sử dụng. Các sản phẩm chính của nhà máy là ván đã phủ bề mặt; hàng trang trí nội thất. Cụ thể quy trình sản xuất từng loại sản phẩm như sau:

❖ **Quy trình sản xuất hàng trang trí nội thất**



Hình 1.2. Quy trình sản xuất hàng trang trí nội thất tại công ty

Thuyết minh quy trình:

Các sản phẩm hàng trang trí nội thất của Công ty An Cường đều có chung đặc điểm là đơn giản, tinh tế và sang trọng, không có hoa văn kiểu cách giống các mặt hàng đồ gỗ khác. Các sản phẩm đều có cấu tạo từ ván ép phủ bề mặt vừa có công năng riêng, vừa có thể trang trí nội thất.

Các sản phẩm hàng trang trí nội thất như: giường, tủ bếp, tủ giường, bàn,... Nguyên liệu sử dụng là ván thành phẩm đã được phủ bề mặt được cưa, cắt và tạo hình theo kích cỡ yêu cầu của sản phẩm, công đoạn tạo hình bao gồm tubi, router, uốn cong các chi tiết,... sau đó chuyển qua công đoạn uốn cong, dán cạnh (do tấm ván nguyên liệu không được dán cạnh, do vậy sau khi sản xuất thành sản phẩm hàng trang trí nội thất, công ty sẽ dán cạnh, dán chỉ các tấm ván để tạo độ thẩm mỹ cho sản phẩm, cạnh được dán vào sản phẩm làm từ nhựa acrylic) cho sản phẩm theo yêu cầu về mặt kỹ thuật. Công ty đã trang bị quạt hút, quạt thông gió trong nhà xưởng để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân đồng thời phát tán hơi keo từ quá trình dán cạnh.

Sản phẩm sau khi dán cạnh được chuyển qua công đoạn lắp ráp để hoàn thiện sản phẩm bao gồm các công đoạn: lắp chân sản phẩm, lắp bản lề, khóa, thanh ray trượt... đồng thời kiểm tra phát hiện lỗi lần cuối trước khi lưu kho và xuất đi theo yêu cầu của

khách hàng. Các sản phẩm bị lỗi ở đâu sẽ chuyển ngược lại các công đoạn sản xuất để làm lại, trường hợp không sửa được sẽ loại ra.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nhu cầu máy móc thiết bị

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường bắt đầu hoạt động tại địa điểm Thửa đất 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương từ năm 2017, từ khi đi vào hoạt động đến nay thì nhà máy chỉ sản xuất hàng trang trí nội thất với công suất 210.000 sản phẩm/năm. Do vậy, danh mục máy móc phục vụ hoạt động sản xuất này như sau:

Bảng 1.2: Danh mục các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất của nhà máy

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị	Hiện trạng	Công suất	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế/ báo cáo xin cấp GPMT	Xuất xứ
Danh mục máy móc phục vụ cho sản xuất							
1	Máy ép	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 75 HP - Công suất làm việc: 80 sản phẩm/giờ/máy	6	1	Trung Quốc
2	Máy lăn keo	cái	Mới 80%	-	3	0	-
3	Máy cắt bàn	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 20 HP - Công suất làm việc: 35 sản phẩm/giờ/máy	14	2	Ý, Trung Quốc
4	Máy CNC	cái	Mới 80%	-	3	0	-
5	Máy ép 4 tầng	cái	Mới 80%	-	2	0	-
6	Máy ép cong	cái	Mới 80%	-	1	0	-
7	Máy dán cạnh	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 35 HP - Công suất làm việc: 10 sản phẩm/máy/giờ	2	8	Đài Loan

8	Máy khoan	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 20 HP - Công suất làm việc: 15 sản phẩm/máy/giờ	7	6	Trung Quốc, Nhật
9	Máy khoan 64 đầu	cái	Mới 80%	-	2	0	-
10	Máy khoan 120 đầu	cái	Mới 80%	-	2	0	-
11	Máy cưa cnc	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 20 HP - Công suất làm việc: 40 sản phẩm/máy/giờ	4	2	Ý, Đức
12	Máy Mài	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 18,5 HP - Công suất làm việc: 70 sản phẩm/máy/giờ	2	1	Đài Loan
13	Dây chuyền ARC	bộ	Mới 80%	-	1	0	-
14	Xe nâng	cái	Mới 80%	-	8	8	Nhật
15	Máy bơm hơi	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 200 HP	1	2	Đài Loan
16	Lò gia nhiệt	cái	Mới 80%		1	0	-
17	Máy chà nhám	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 75 HP - Công suất làm việc: 35 sản phẩm/máy/giờ	0	2	Đài Loan, Nhật
18	Máy đánh bóng cạnh	cái	Mới 80%	- Công suất điện: 75 HP - Công suất làm việc: 18 sản phẩm/máy/giờ	0	4	Unimac

19	Máy phát điện	Cái	Mới 80%	- Công suất 275 KVA	0	1	Trung Quốc
20	Máy cắt giấy	Cái	Mới 100%	- Công suất làm việc: 70 sản phẩm/giờ/máy	0	1	Trung Quốc
21	Máy đóng đai	Cái	Mới 100%	- Công suất làm việc: 20 sản phẩm/giờ/máy	0	4	Trung Quốc
22	Máy quấn PE	Cái	Mới 100%	- Công suất làm việc: 40 sản phẩm/giờ/máy	0	2	Việt Nam
23	Máy phủ phim	Cái	Mới 100%	- Công suất làm việc: 70 sản phẩm/giờ/máy	0	1	Trung Quốc
24	Thang máy	Cái	Mới 100%	-	0	2	Việt Nam
25	Máy đo ken chỉ	Cái	Mới 100%	-	0	2	Việt Nam
26	Máy cạo Primer	Cái	Mới 100%	-	0	1	Việt Nam
27	Máy bo góc	Cái	Mới 100%	- Công suất làm việc: 70 sản phẩm/giờ/máy	0	1	Trung Quốc

Danh mục máy móc phục vụ xử lý môi trường

1	Máy hút bụi loại nhỏ	cái	Mới 80%	-	10	3	Việt Nam
2	Quạt hút bụi	cái	Mới 80%	-	07	2	Việt Nam
3	Bơm nước thải	cái	Mới 80%	0,5-1,5 HP	05	3	Nhật
4	Máy thổi khí	cái	Mới 80%	1-1,5 HP	02	2	Nhật
5	Cụm thiết bị	cái	Mới 80%	75 HP	03	1	Việt Nam

	thu bụi bằng túi vải tay áo (loại lớn)						
6	Cyclone thu bụi	cái	Mới 80%	75HP	02	1	Việt Nam
7	Tháp xử lý khí thải lò nhiệt	cái	Mới 80%	-	01	0	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gổ An Cường, 2024)

1.4.2. Nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu sử dụng

“Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm, hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 38/QĐ-STNMT ngày 13/01/2017. Tuy nhiên, từ khi đi vào sản xuất đến nay, công ty mới chỉ sản xuất hàng trang trí nội thất với công suất 210.000 sản phẩm/năm. Do vậy, trong báo cáo xin cấp giấy phép môi trường chỉ trình bày các nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm. Cụ thể các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất như sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất tại nhà máy

S T T	Tên nguyên liệu	Thành phần nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng		Quy ra khối lượng (tấn/năm)
				Báo cáo ĐTM	Hiện tại/báo cáo xin cấp GPMT	
Nguyên vật liệu sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm						
1	Ván các loại	Thành phần: bột sợi gỗ, dăm gỗ, chất kết	m ² /năm	2.370.000	2.370.000	5.599

		dính, parafin wax, chất chống mối mọt, chất độn vô cơ, tấm melamin Quy cách: 1,2m×2,4m hoặc 1,8m×2,4m				
2	Chỉ dán cạnh	- Dạng cuộn - Kích thước: đường kính 31cm/ chiều rộng 2cm/ dày 0.5mm	Tấn/năm	13,5	13,5	13,5
3	Ngũ kim (đinh, ốc vít, bas, bản lề, tay nắm, thanh trượt,...)	-	tấn/năm	105	105	105
4	Keo sữa	- Thành phần: Vinyl Acetate, polyvinyl alcohol, canxi carbonat, nước,... Tính chất: màu trắng đục, dạng sệt	Tấn/năm	7	7	7
5	Thùng carton	-	Tấn/năm	0	20	20
6	Bao bì PE (đóng gói)	-	Tấn/năm	0	5	5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất tại nhà máy như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất

TT	Loại nhiên liệu	Thành phần và tính chất	Trạng thái	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích
Nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho quá trình sản xuất						
1	Dầu DO	- Thành phần: Hỗn hợp hydrocarbon - Màu sắc: vàng nhạt - Mùi nhẹ; điểm sôi từ 160 – 400⁰C - Điểm nóng chảy: 6⁰C - Nhiệt độ tự cháy: 260⁰C - Dùng cho động cơ Đielzen của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các động cơ Đielzen dùng cho mục đích khác.	Lỏng	Lít/năm	4.000	Hoạt động của xe nâng hàng, máy phát điện
2	Dầu bôi trơn	- Dầu gốc và phụ gia ức chế mài mòn. - Dầu bôi trơn tạo thành một màng dầu mỏng ở các bề mặt tiếp xúc, làm giảm ma sát, chống mài mòn, giảm tổn thất công suất cho máy.	Lỏng	Lít/năm	20	Bôi trơn máy móc
3	Dầu thủy lực	Dầu gốc và chất phụ gia tăng chỉ số độ nhớt	Lỏng	Lít/năm	100	Tạo thủy lực cho máy CNC
Hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải						
1	Hóa chất khử trùng (chlorine)	- Khối lượng: 142,98 g/mol - Tỷ trọng: 2,35 g/cm³ - Nhiệt độ nóng chảy: 100⁰C - Nhiệt độ sôi: 175⁰C	Lỏng	kg/năm	80	Sử dụng để khử trùng nước thải trước khi thải ra môi trường

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nhân công

Số lượng công nhân viên làm việc tại nhà máy từ thời điểm được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (năm 2019) đến nay có sự sụt giảm. Thời điểm năm 2019 số lượng làm việc tại nhà máy là 500 người, tại thời điểm này nhà máy đang đào tạo công nhân để làm việc cho nhà máy mới của công ty tại KCN KSB cho nên số lượng công nhân nhiều, sau khi công nhân được chuyển lên nhà máy tại KCN KSB thì số lượng người làm việc tại nhà máy này là 330 người và ổn định số lượng này từ năm 2020 đến nay.

Công nhân viên làm việc 10 tiếng/ngày (bao gồm cả tăng ca), 300 ngày/năm và hưởng các chế độ theo Luật lao động của Việt Nam. Nhu cầu lao động cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy

STT	Nhu cầu lao động	Số lượng (người)		
		Theo báo cáo ĐTM đã được duyệt	Theo báo cáo hoàn công đã được duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT
1	Nhân viên văn phòng	10	20	20
2	Công nhân	90	480	310
Tổng		100	500	330

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

1.4.5. Nhu cầu sử dụng điện

Căn cứ vào hóa đơn sử dụng điện thực tế 5 tháng đầu năm 2024 thì nhu cầu sử dụng điện các tháng như sau:

Bảng 1.6: Lượng tiêu thụ điện hàng tháng trong năm 2024 tại Cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng điện (KWh)
1	01/2024	112.090
2	02/2024	44.230
3	03/2024	68.500
4	04/2024	70.600

5	05/2024	62.940
Trung bình tháng		71.672

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gổ An Cường, 2024)

Nguồn điện nhà máy sử dụng được lấy từ mạng lưới cung cấp điện quốc gia thông qua mạng lưới cung cấp điện của chi nhánh điện lực tỉnh Bình Dương. Hiện tại, công suất điện công ty tiêu thụ trung bình khoảng 71.672 Kwh/tháng.

1.4.6. Nhu cầu sử dụng nước

Hóa đơn tiền nước sử dụng từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2024 như sau:
Bảng 1.7: Tổng hợp lưu lượng nước sử dụng trong tháng của Cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /tháng)
1	01/2024	1.051
2	02/2024	848
3	03/2024	853
4	04/2024	1.177
5	05/2024	1.112
Trung bình tháng		1.008,2

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gổ An Cường, 2024)

Như vậy, căn cứ vào bảng tổng hợp ở trên thì khối lượng nước sử dụng trung bình hàng tháng khoảng 1.008,2 m³/tháng tương đương khoảng 39 m³/ngày. Tháng sử dụng thấp nhất với lưu lượng 848 m³/tháng tương đương khoảng 33 m³/ngày, tháng sử dụng cao nhất là 1177 m³/tháng tương đương khoảng 45 m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước cho hoạt động tại nhà máy là nguồn nước cấp của Chi nhánh cấp nước Dĩ An- Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Các nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy gồm: sinh hoạt vệ sinh của công nhân, tưới cây, bể PCCC,... Cụ thể từng nhu cầu tối đa như sau:

Bảng 1.8: Nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy

STT	Nhu cầu	Đơn vị	Lưu lượng sử dụng	Nguồn nước cấp
1	Nước cho sinh hoạt	m ³ /ngày	20	Nước cấp

2	Nước tưới cây, tưới đường	m ³ /ngày	11	
3	Nước cấp bù PCCC	m ³ /ngày	8	
Tổng		m³/ngày	39	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

Ngoài nhu cầu sử dụng nước ở trên, công ty còn có một bể nước khoảng 150m³ dự phòng cho hoạt động PCCC.

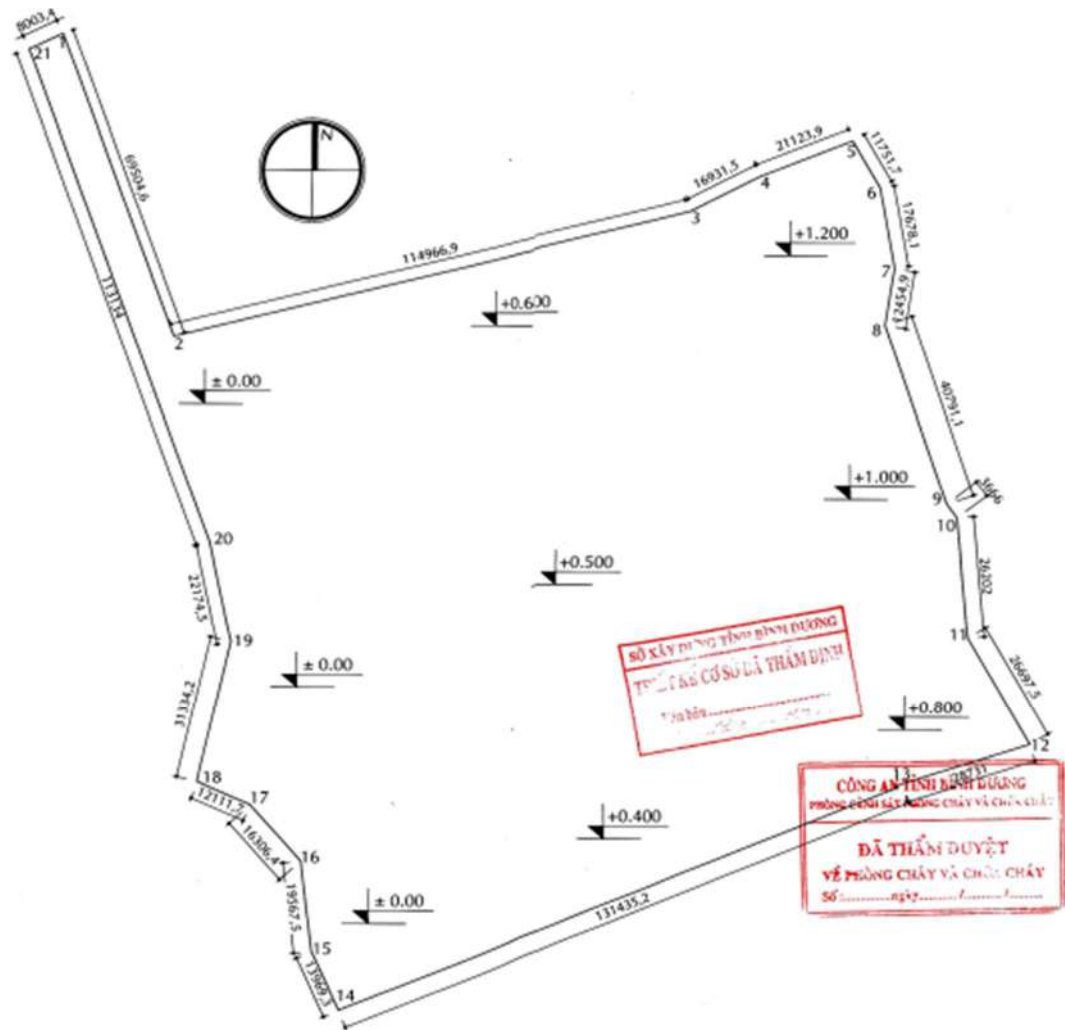
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất của công ty Cổ phần Gỗ An Cường (sau đây gọi là Tổng kho 2 Công ty Cổ phần Gỗ An Cường) tọa lạc tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp với đường liên khu phố rộng 6m
- Phía Nam: Giáp với nhà dân
- Phía Đông: giáp với đất trống
- Phía Tây: giáp với đất trống

Tọa độ vị trí nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất của Tổng kho 2 Công Ty Cổ phần Gỗ An Cường gồm các góc ranh như hình sau:

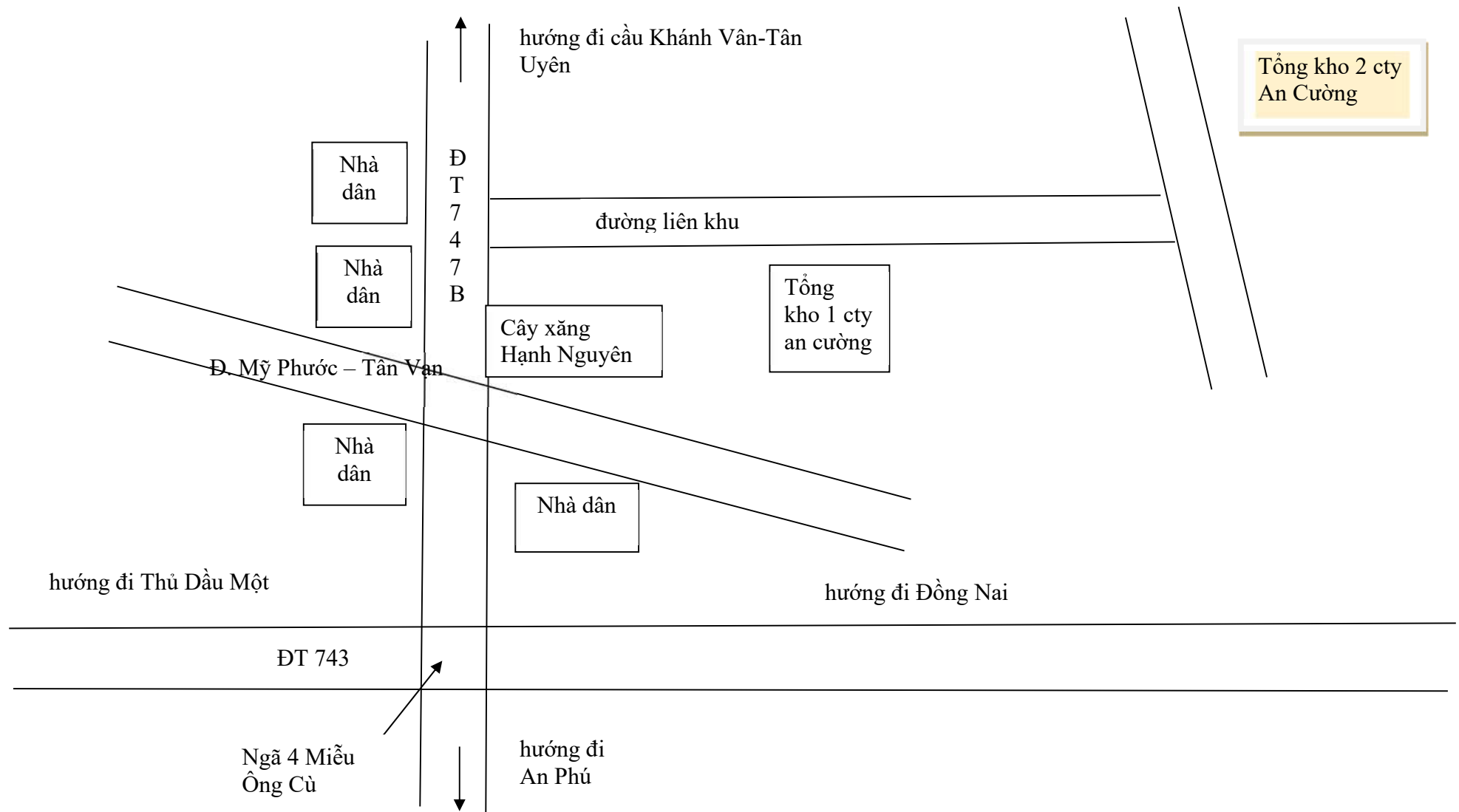


Hình 1.3: Bản đồ góc ranh của khu đất Cơ sở (Tổng kho 2 Công ty cổ phần Gỗ An Cường)

Bảng 1.9: Tọa độ vị trí khu đất nhà máy của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường

Góc	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	1215865,37	609075,93
2	1215800,06	609099,71
3	1211827,19	609211,43
4	1215834,77	609226,57
5	1215842,42	609246,26
6	1215832,28	609252,20
7	1215814,86	609255,21
8	1215802,57	609253,19

9	1215763,96	609266,35
10	1215761,02	609268,54
11	1215734,92	609270,85
12	1215711,80	609284,20
13	1215703,22	609256,78
14	1215654,47	609134,72
15	1215667,16	609128,88
16	1215686,60	609126,65
17	1215698,71	606115,73
18	1215703,51	609104,61
19	1215733,97	609111,96
20	1215755,66	609107,35
21	1215861,98	609068,68



Hình 1.4: Sơ đồ đường đi tới Cơ sở và các đối tượng xung quanh

Mối tương quan với các đối tượng xung quanh

- Đối tượng kinh tế- xã hội:
 - Cách đường với đường ĐT 747 B về phía Tây khoảng 500m
 - Cách cụm công nghiệp Bảy Mẫu khoảng 2km về phía Nam
 - Cách văn phòng khu phố Phước Hải khoảng 100m
 - Cách hộ dân gần nhất khoảng 10m.

Theo mô tả ở trên thì tiếp giáp ở phía Nam của nhà máy là nhà dân (khoảng 07 hộ). Phần ranh đất phía Nam của công ty tiếp giáp với các hộ dân, khoảng cách từ ranh đất đến các hộ dân là 10m (hiện tại chỉ có phía Nam của nhà máy là tiếp giáp với các hộ dân), còn các phía còn lại tiếp giáp với đất trống. Ngoài ra, đối với phần tiếp giáp với nhà dân, công ty bố trí trồng nhiều cây xanh, xây tường cao để giảm thiểu tác động từ hoạt động của nhà máy đến các hộ dân xung quanh.

1.5.2. Các hạng mục công trình của Cơ sở

❖ Các hạng mục công trình chính:

Tổng diện tích khu đất của nhà máy là 22.580 m², trong đó diện tích đất sử dụng là 21.744 m² và diện tích hành lang đi điều là 836 m². Công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 057390 ngày 28/3/2017. Ngày 24/4/2017 Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường được Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng số 1182/GPXD ngày 24/4/2017 để xây dựng thêm hạng mục công trình tại khu vực đất trống. Như vậy, tổng hợp các hạng mục công trình của Cơ sở như sau:

Bảng 1.10: Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất của nhà máy

STT	Tên hạng mục	Phân khu chức năng thực tế	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
<i>I. các hạng mục công trình xây dựng chính và phụ trợ đi kèm</i>			<i>12.314,7</i>	<i>15.488,7</i>	<i>56,63</i>
1	Nhà xưởng 1 - Số tầng: 01 tầng - Chiều cao: 10,2 m (tính từ cốt sàn) - Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung cột, kèo thép, xà gồ thép, mái lợp tole. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông, xoa phẳng mặt. Cửa cuốn, cửa sắt, cửa nhôm kính	Xưởng sản xuất	3.072	3.072	14,12
2	Nhà xưởng 2 - Số tầng: 01 tầng - Chiều cao: 10,15 m (tính từ cốt sàn) - Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung cột, kèo thép, xà gồ thép, mái lợp tole. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông, xoa phẳng mặt. Cửa cuốn, cửa sắt, cửa nhôm kính	Xưởng sản xuất	5.400	5.400	24,83
3	Văn phòng và nhà trưng bày - Số tầng: 2 tầng - Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Tường	Văn phòng và nhà trưng bày	439,2	925,2	2,1

	xây gạch, trần đóng thạch cao, tường sơn nước, nền bê tông xoa phẳng, cửa nhôm kính.				
4	Nhà ăn - Số tầng: 01 tầng - Chiều cao: 5,045 m (tính từ cốt sàn) - Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Khung cột, kèo thép, xà gồ thép, mái lợp tole. Tường xây gạch, sơn nước. Nền bê tông, xoa phẳng mặt. Cửa cuốn, cửa sắt, cửa nhôm kính	Nhà kho	212,5	212,5	0,98
5	Nhà xưởng 3 - Số tầng: 02 tầng - Chiều cao: 16,4m (tính từ cốt sàn) - Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Sàn bê tông cốt thép, khung thép. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.	Xưởng sản xuất	2.688	5.376	12,36
6	Bãi xuất container	Bãi xuất container	192	192	0,88
7	Trạm biến thế	Trạm biến thế	2	2	0,009
8	Nhà để xe ô tô	Nhà để xe ô tô	60	60	0,27

9	Nhà để xe đạp – xe máy	Nhà để xe đạp – xe máy	150	150	0,69
10	Bể nước ngầm (PCCC)	Bể nước ngầm	24	24	0,11
11	Khu nhà vệ sinh công nhân	Khu nhà vệ sinh công nhân	70	70	0,32
12	Khu đặt máy phát điện	Khu đặt máy phát điện	5	5	0,02
II	Công trình bảo vệ môi trường		322	322	1,48
1	Khu nhà nghỉ trưa công nhân 1	Hệ thống xử lý bụi	176	176	0,8
2	Khu nhà nghỉ trưa công nhân 2	Hệ thống xử lý nước thải	64	64	0,29
3	Nhà chứa rác	Nhà chứa rác	50	50	0,22
4	Nhà bảo vệ	Nhà bảo vệ	12	12	0,05
III. Đất cây xanh			4.400	4.400	20,23
IV. Đất giao thông và sân bãi			4.727,3	4.727,3	21,74
Tổng I+II+III+IV			21.744	24.918	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần An Cường, 2024)

Hệ thống giao thông nội bộ:

Hệ thống giao thông tại nhà máy được xây dựng khá hoàn chỉnh, toàn bộ đường đi nội bộ trong nhà máy đều được đổ bê tông; toàn bộ đường dẫn nối từ bên ngoài với đường ĐT 747C vào nhà máy đều được mở rộng và trải nhựa hoàn chỉnh đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa nguyên vật liệu ra vào nhà máy.

Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của công ty được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia thông qua mạng lưới điện của khu vực và được hạ thế trước khi đưa vào sử dụng tại

nhà máy. Nhà máy còn sử dụng 1 máy phát điện dự phòng có công suất 275 KVA để dự phòng khi có sự cố mất điện.

Hệ thống cấp nước:

Nguồn cung cấp nước cho nhà máy được lấy từ hệ thống cấp nước cấp của Chi nhánh cấp nước Dĩ An đi ngang qua khu vực, nước được dẫn từ hệ thống ống dẫn nước dọc theo đường đi của khu vực đến nhà máy, từ đây nước được đầu nối vào hệ thống đường ống cấp nước D140mm đến các vị trí sử dụng trong nhà máy như văn phòng, khu nhà vệ sinh, khu nhà xưởng.

Hệ thống thoát nước mưa:

– Nước mưa thu gom từ mái nhà xưởng được chảy theo các ống uPVC Ø140-200mm xuống các hố ga thu gom có bố trí song chắn rác → Hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép → kênh thoát nước chung của khu vực (chiều dài 600m) → Suối Bưng Cù → Suối Cái → sông Đồng Nai.

- Trên toàn bộ hệ thống cống thoát nước mưa này đã xây dựng các hố ga với kích thước (1500mm x 1500mm) để thu gom, lắng cặn trước khi cho thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực.

Hệ thống thoát nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải tại nhà máy được tách biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

– Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng uPVC Ø42mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm → Kênh thoát nước chung của khu vực → suối Bưng Cù → suối Cái → Sông Đồng Nai.

Nước thải sau đó được xử lý đạt quy chuẩn cho phép (theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A) sau đó chảy ra kênh thoát nước chung của khu vực nằm ở phía Nam nhà máy bằng đường ống nhựa PVC φ 114mm sau đó thoát ra suối Bưng Cù → Suối Cái → sông Đồng Nai.

Cây xanh, thảm cỏ:

Cây xanh và thảm cỏ được công ty bố trí trồng dọc đường đi nội bộ bao gồm các cây thân gỗ như cây bàng Đài Loan, một số loại cây được bố trí trồng trong chậu như cây dừa cảnh, cây nguyệt quế và thảm cỏ. Cây xanh có tác dụng tạo cảnh quan, tạo bóng mát cho nhà máy.

Khu vực chứa chất thải:

Nhà chứa rác thải các loại của nhà máy có diện tích 70 m², tường bao và vách ngăn xây bằng gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, được xây dựng thành 2 ngăn riêng biệt: ngăn chứa chất thải rắn không nguy hại 60 m², ngăn chứa chất thải rắn nguy hại 10 m². Chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong thùng nhựa có nắp đậy và đặt tại các khu vực trong khuôn viên nhà máy để công nhân thuận tiện bỏ rác.

CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700748131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 20/9/2006 tại địa chỉ Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 5, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nhà máy sản xuất của công ty hoạt động tại địa điểm thửa đất 441, tờ bản đồ số 08, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00005 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09/12/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/4/2023.

Nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường tại địa chỉ thửa đất 441, tờ bản đồ 08, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 38/QĐ-STNMT ngày 13/01/2017 với các sản phẩm đăng ký là ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm. Tuy nhiên, từ khi đi vào hoạt động đến nay, tại nhà máy này công ty chỉ sản xuất các sản phẩm hàng trang trí nội thất với công suất 210.000 sản phẩm/năm. Công ty cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019.

Từ đó cho đến nay, về cơ bản nhà máy không thay đổi công suất và quy trình sản xuất; trong quá trình hoạt động luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, các chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; các loại rác thải được thu gom và chứa trong nhà chứa rác đúng quy định, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác nhằm không gây ồn ứ và mất cảnh quan trong công ty.

Có thể nói, hoạt động của nhà máy hàng trang trí nội thất của công ty Cổ phần An Cường là hoàn toàn phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư phát triển ngành nghề, kinh tế xã hội của tỉnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn phường Thái Hòa nói riêng và các vùng lân cận nói chung, góp phần vào sự phát triển chung của khu vực.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực

Nước mưa sau khi thu gom trên mặt bằng khu đất của Cơ sở thì được thoát vào Kênh thoát nước chung của khu vực ở phía Nam nhà máy → suối Bưng Cù → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

Suối Bưng Cù là nơi tiếp nhận nước mưa và nước thải của các đối tượng xung quanh khu vực suối, suối có địa hình thấp dần theo hướng Tây - Đông với cao độ địa hình từ vị trí điểm bắt đầu tiếp nhận nước thải của công ty là 18m đến vị trí nhập dòng vào suối Cái là 3m. Điểm xả nước thải từ suối Cái vào sông Đồng Nai tại cầu Bà Kiên có độ cao là 2m. Quãng đường xả thải từ suối Bưng Cù vào suối Cái khoảng 3km, đoạn từ suối Cái ra sông Đồng Nai vào khoảng 1km.

Suối Bưng Cù có bề rộng khoảng 5 - 30m tùy đoạn, chiều sâu lòng suối khoảng 3m, chiều cao mực nước vào mùa khô khoảng 0,5m; chiều cao mực nước vào mùa mưa khoảng 1,5-2m. Suối có lưu vực khoảng 4 km dẫn ra Sông Đồng Nai. Suối Bưng Cù được sử dụng cho mục đích tiêu thoát nước trong khu vực.

Bảng 2.1: Giới hạn chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gổ An Cường

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K _q =0,9; K _f =1,1)
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/L	49,5
3	BOD ₅	mg/L	29,7
4	COD	mg/L	74,25
5	Amoni	mg/L	4,95
6	Tổng Nito	mg/L	19,8
7	Tổng Phospho	mg/L	3,96
8	Coliform	Vi khuẩn /100mL	3.000

Đánh giá khả năng tiếp nhận của suối Bưng Cù được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trên hoặc ngay gần thượng lưu khu vực bảo hộ vệ sinh.
- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trong khu vực bảo tồn.

- Suối Bưng Cù tại khu vực xả thải có chất lượng nước tốt, không xảy ra hiện tượng nước đen và bốc mùi hôi thối.

- Suối Bưng Cù tại khu vực xả thải hiện nay không xảy ra hiện tượng các sinh vật thủy sinh bị đe dọa sự sống hoặc xảy ra hiện tượng cá, thủy sinh vật chết hàng loạt.

- Suối Bưng Cù chưa từng xảy ra hiện tượng tảo nở hoa.

- Khu vực chưa từng có báo cáo, số liệu liên quan đến vấn đề bệnh tật cộng đồng do tiếp xúc với nguồn nước mặt gây ra.

Quá trình đánh giá khả năng tiếp nhận được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thông số cụ thể và đánh giá chi tiết sẽ được tính toán như sau:

- Các thông số được đánh giá về khả năng tiếp nhận nước thải của Suối Bưng Cù bao gồm: COD, BOD₅, SS, NH₃-N, tổng N, tổng P.

- Giả thiết rằng các chất ô nhiễm sau khi đi vào nguồn nước tiếp nhận sẽ không tham gia vào các quá trình biến đổi chất trong nguồn nước như:

+ Lắng đọng, tích lũy, giải phóng các chất ô nhiễm

+ Tích đọng các chất ô nhiễm trong thực vật, động vật thủy sinh

+ Tương tác vật lý, hóa học hoặc/và sinh học của các chất ô nhiễm trong nguồn nước.

+ Sự bay hơi của các chất ô nhiễm ra khỏi nguồn nước.

❖ **Nồng độ chất ô nhiễm trong nguồn tiếp nhận**

Nguồn tiếp nhận suối Bưng Cù theo kết quả tổng hợp trong năm 2023 như sau:

Bảng 2.2: Kết quả phân tích mẫu nước mặt suối Bưng Cù

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Trung bình	QCVN 08- MT:2015/B TNMT, cột A2
			Quý 1/2023	Quý 2/2023	Quý 3/2023	Quý 4/2023		
1	pH	-	6,36	6,47	6,67	6,14	6,41	6-8,5
2	TSS	mg/L	12	13	20	25	17,5	30
3	COD	mg/L	12	8	13	10	10,75	15
4	BOD ₅	mg/L	5	3	5	4	4,25	6

5	NH ₄ (tính theo N)	mg/L	0,13	0,18	0,085	0,045	0,11	0,3
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,045	0,047	0,55	0,12	0,19	5
8	PO ₄ ⁻ (tính theo P)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,2
9	Coliform	MPN/100mL	3.900	3.200	4.600	3.200	3.725	5.000

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm**

Theo Điều 10 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4 \quad (l)$$

Trong đó:

L_{td} : tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận (kg/ngày)

C_{qc} : giá trị nồng độ giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (mức B) (mg/l)

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn suối cần đánh giá (m³/s), $Q_s = 0,0025$ m³/s (Nguồn: Tham khảo tài liệu Dòng Chảy nhỏ nhất của sông suối ở Việt Nam, PGS.TS Trần Thanh Xuân, Viện Khí tượng thủy văn)

Q_t : lưu lượng nước thải lớn nhất từ dự án (m³/s): 50 m³/ngày tương đương 0,0013 m³/s

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.3. Các thông số tính toán tải lượng

STT	Thông số	Nguồn thải	Suối Bưng Cù
1	Q_s (m ³ /s)	-	0,0025
2	Q_t (m ³ /s)		0,0013

Kết quả tính toán như sau:

Bảng 2.4. Tải lượng ô nhiễm tối đa suối Bưng Cù có thể tiếp nhận

STT	Chỉ tiêu	Giá trị C_{qc} (mg/L)	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	15	32,4
2	BOD ₅	6	12,96
3	NH ₄ ⁺	0,3	0,648
4	Tổng N	1,5	3,24
5	Tổng P	0,3	0,648
6	SS	100	216

❖ Tính toán tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận

Theo Điều 11 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4 \quad (2)$$

Trong đó:

L_{nn} : tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (kg/ngày)

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn sông, suối cần đánh giá, $Q_s = 0,0025$ m³/s.

C_{nn} : nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (mg/l)

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên suối Bưng Cù

STT	Chỉ tiêu	Nồng độ lớn nhất C_{nn} (mg/L)	L_{nn} (kg/ngày)
1	COD	12	25,92
2	BOD ₅	5	1,08
3	NH ₄ ⁺	0,18	0,038
4	Tổng N	0,55	0,1188
5	Tổng P	KPH	0,216
6	SS	25	5,4

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận**

Theo Điều 12 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận được tính theo công thức sau:

$$L_t = Q_t \cdot C_t \cdot 86,4$$

Trong đó:

L_t (kg/ngày) là tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải;

Q_t (m³/s) là lưu lượng nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày tương đương 0,0013 m³/s

C_t (mg/l) là giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải.

Bảng 2.6. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào suối Bưng Cù

STT	Chỉ tiêu	Nồng độ (C_t) (mg/L)	L_t (kg/ngày)
1	COD	57	6,40
2	BOD ₅	24	2,69
3	NH ₄ ⁺	15,1	0,5
4	Tổng N	26,1	2,93
5	Tổng P	2,7	0,3

STT	Chỉ tiêu	Nồng độ (C_t) (mg/L)	L_t (kg/ngày)
6	SS	42	4,71

❖ **Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải**

Theo Điều 09 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo phương pháp đánh giá gián tiếp theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s$$

Trong đó:

L_{tt} (kg/ngày): tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

F_s : là hệ số an toàn ($0,7 < F_s < 0,9$), chọn 0,8

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Bảng 2.7. Tính toán khả năng tiếp nhận suối Bưng Cù

Chỉ tiêu	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
COD	32,4	25,92	6,40	0,064
BOD ₅	12,96	1,08	2,69	7,35
NH ₄ ⁺	0,648	0,038	0,5	0,088
Tổng N	3,24	0,1188	2,93	0,15
Tổng P	0,648	0,216	0,3	0,105
SS	216	5,4	4,71	164,7

Nhận xét:

Như vậy, chỉ số $L_{tn} > 0$ thì nguồn nước mặt suối Bưng Cù vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở.

2.2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với hệ thống thoát nước thải của khu vực

Nước thải phát sinh tại Cơ sở sau khi được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn cho phép thì được thải vào kênh thoát nước chung của khu vực nằm ở phía Nam của nhà máy → suối Bưng Cù → suối Cái → Sông Đồng Nai.

Như vậy, nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở cũng là suối Bưng Cù. Như đánh giá về khả năng tiếp nhận của suối Bưng Cù ở mục 2.2.1 thì việc thải nước thải sau xử lý của Cơ sở vào suối Bưng Cù là phù hợp.

2.2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận khí thải

Cơ sở tọa lạc tại phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đây là đô thị loại 2 nên khí thải phát sinh từ các cơ sở trong đô thị phải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

2.2.4. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn thông thường

Đối với cơ sở tọa lạc tại các thành phố, khu đô thị, CTR công nghiệp thông thường thì các Doanh nghiệp phải tự hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.2.5. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn nguy hại

Đối với CTNH thì các Doanh nghiệp phải tự hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

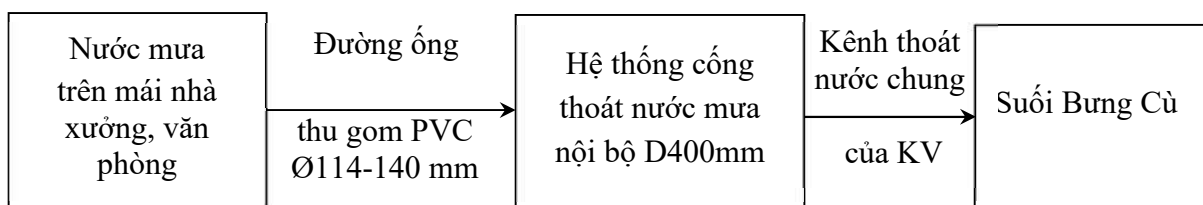
– Nước mưa thu gom từ mái nhà xưởng được chảy theo các ống uPVC Ø114-140mm xuống các hố ga thu gom có bố trí song chắn rác (tổng chiều dài đường ống nhựa thu gom nước mưa từ mái nhà xưởng xuống hố ga là 140m) → Hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép (Ø400mm), tổng chiều dài đường cống dẫn nước mưa tại nhà máy là 705m.

– Nước mưa chảy tràn → Chảy về hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép (Ø1000mm) theo phương thức tự chảy, hướng chảy Bắc → Nam; Tây → Đông

- Trên toàn bộ hệ thống cống thoát nước mưa này đã xây dựng các hố ga với kích thước (1,5m x 1,5m) để thu gom, lắng cặn trước khi cho thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực. Tổng số lượng hố ga thu nước mưa và lắng cặn bố trí dọc hệ thống cống thoát nước mưa của công ty là 36 cái có kích thước mỗi cái là D×R×H = 1,5 m× 1,5m ×1,0m.

- Có 01 điểm xả nước mưa vào kênh thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra suối Bưng Cù.

(Bản vẽ thoát nước thải của nhà máy đính kèm phụ lục)



Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại nhà máy

Bảng 3.1: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa

TT	Hệ thống thu gom nước mưa	Thông số, quy cách	Vị trí lắp đặt
1	Ống nhựa uPVC	PVC Ø114-140	Xung quanh nhà xưởng thu gom nước mưa trên mái - Tổng chiều dài: 140m

2	Cống BTCT	D400 mm	Bố trí xung quanh nhà xưởng đến hố ga đầu nối vào cống hộp thoát nước ra kênh thoát nước chung của khu vực trước khi thoát ra suối Bưng Cù. - Tổng chiều dài: 705m.
3	Hố ga lắng cặn	10 – 15 m bố trí một hố thu. Xây gạch đặc, láng vữa xi măng M75 dày 100mm, nắp đáy bằng tấm đan bê tông M80 dày 100mm.	Bố trí dọc đường cống thoát nước mưa xung quanh nhà xưởng - Số lượng: 36 cái
4	Hố ga xả thải nước mưa	- Cống hộp bê tông cốt thép, lòng cống là cống tròn BTCT có D=1000mm, kích thước cống hộp là 1200 × 1200 (mm). - Số lượng: 1 điểm xả	Cống hộp thoát nước mưa ra Kênh thoát nước chung của khu vực. - Tọa độ: X=1215645; Y=609147

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Với các nhu cầu sử dụng nước được thể hiện trong chương 1 thì nhu cầu thải nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.2: Nhu cầu xả nước thải của Cơ sở

STT	Nhu cầu	Đơn vị	Lưu lượng sử dụng	Lưu lượng nước thải	Ghi chú
1	Nước cho sinh hoạt	m ³ /ngày	20	20	Bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước tưới cây, tưới đường	m ³ /ngày	11	0	Không có nước thải
3	Nước cấp bù PCCC	m ³ /ngày	8	0	
Tổng		m³/ngày	39	20	-

Như vậy, căn cứ vào bảng trên thì tại Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất với tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở khoảng 20 m³/ngày.

a/ Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

– Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng uPVC Ø42mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm → kênh thoát nước chung của khu vực → suối Bưng Cù → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

+ Số hố thu gom nước thải sinh hoạt: 3 hố, kích thước 1 hố D×H = 0,9×2,0 (m). Kết cấu hố thu gom bằng BTCT.

+ Chiều dài đường ống thu gom: 150m, chất liệu nhựa uPVC Ø42mm

+ Phương thức: dùng bơm có công suất 0,75 hp/cái để bơm nước từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy. Số lượng: 3 cái.

b/ Điểm xả nước thải sau xử lý

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm của nhà máy thì được thải ra Kênh thoát nước chung của khu vực → suối Bưng Cù → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

+ Đường ống dẫn nước thải sau xử lý: ống nhựa uPVC Ø114mm (chiều dài 10m) → Kênh thoát nước chung của khu vực → suối Bưng Cù → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải vào kênh thoát nước chung của khu vực: X=1215645; Y=609147.

+ Địa chỉ công trình xử lý nước thải của Công ty: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 08, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

+ Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: tự chảy

➔ Tổng hợp hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của nhà máy như sau:

Bảng 3.3 Thông số kỹ thuật tuyến đường ống thu gom, xả thải nước thải sinh hoạt của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Thu gom nước thải sinh hoạt		

1	Đường ống thu gom nước thải từ bể tự hoại về trạm xử lý nước thải công suất 50 m ³ /ngày đêm.	- Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC Ø42mm - Tổng chiều dài: 150m
2	Hố thu gom	- Số lượng: 03 hố - Kích thước: D× H = 0,9×2,0 (m). - Vật liệu: bê tông cốt thép
3	Bơm thu gom	- Số lượng: 03 cái - Công suất: 0,75 HP/cái
Điểm xả nước thải sau khi xử lý		
1	Đường ống dẫn nước thải sau xử lý ra điểm tiếp nhận nước thải	- Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC Ø114mm - Tổng chiều dài: 10m - Phương thức: tự chảy
2	Điểm xả nước thải sau xử lý: kênh thoát nước chung của khu vực	- Số lượng: 01 điểm - Tọa độ: X=1215645; Y=609147

Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.4: Nước thải sau hệ thống xử lý của Cơ sở năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)
			Quý 1/2023	Quý 2/2023	Quý 3/2023	Quý 4/2023	
1	pH	-	6,56	6,85	6,96	6,12	6-9
2	TSS	mg/L	40	40	42	29	49,5
3	COD	mg/L	57	42	52	42	74,25
4	BOD ₅	mg/L	24	17	23	20	29,7
5	T-N	mg/L	26,1	10,5	12,7	18,1	19,8

6	T-P	mg/L	2,7	1,52	2,22	2,45	3,96
7	NH ₄	mg/L	15,1	2,06	3,09	3,11	4,95
8	Coliform	MPN/100mL	2.600	2.100	2.200	2.700	3.000

(Nguồn: Kết quả đo quan trắc Tổng kho 2- công ty Cổ phần Gỗ An Cường năm 2023)

Nhận xét:

Căn cứ vào bảng kết quả tổng hợp ở bảng trên cho thấy, tất cả các chỉ tiêu đặc trưng lựa chọn phân tích trong nước thải sau xử lý của công ty Cổ phần Gỗ An Cường đều thấp hơn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$), như vậy đủ điều kiện xả thải ra suối Bưng Cù, giảm thiểu đến mức tối đa việc gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt suối Bưng Cù.

Trong năm 2023, công ty Cổ phần Gỗ An Cường cũng định kỳ phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu nước mặt suối Bưng Cù để làm báo cáo xả thải định kỳ hàng năm, theo đó chất lượng nước mặt suối Bưng Cù được theo mẫu lấy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.5: Chất lượng nước mặt suối Bưng Cù

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2
			Quý 1/2023	Quý 2/2023	Quý 3/2023	Quý 4/2023	
1	pH	-	6,36	6,47	6,67	6,14	6-8,5
2	TSS	mg/L	12	13	20	25	30
3	COD	mg/L	12	8	13	10	15
4	BOD ₅	mg/L	5	3	5	4	6
5	NH ₄ (tính theo N)	mg/L	0,13	0,18	0,085	0,045	0,3
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05

7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,045	0,047	0,55	0,12	5
8	PO ₄ ⁻ (tính theo N)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,2
9	Coliform	MPN/100mL	3.900	3.200	4.600	3.200	5.000

(Nguồn: Kết quả đo quan trắc mẫu nước mặt suối Bưng Cù-Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường năm 2023)

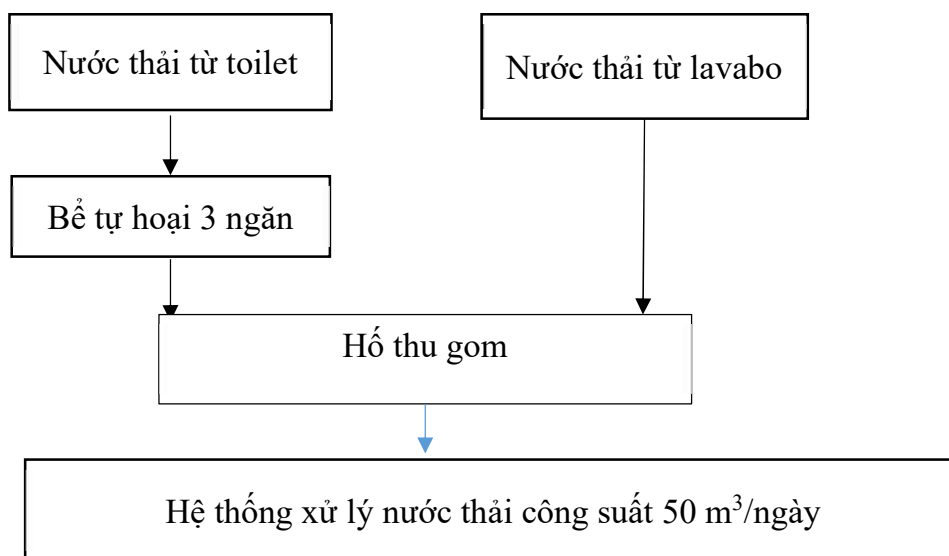
Nhận xét:

Suối Bưng Cù là nơi tiếp nhận nước thải của các đối tượng trong khu vực như nước thải sinh hoạt của các hộ dân, nước thải của các nhà máy xí nghiệp trong khu vực xung quanh,... theo kết quả tổng hợp ở bảng trên thì nồng độ các chất ô nhiễm thấp hơn giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt – QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2. Như vậy, có thể thấy khả năng tự điều tiết, tự làm sạch và lưu thông dòng chảy của suối Bưng Cù tốt, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước suối Bưng Cù vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải từ các đối tượng trong khu vực nói chung và của Tổng kho 2 Công ty Cổ phần Gỗ An Cường nói riêng.

(Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom và thoát nước thải đính kèm phụ lục)

3.1.3. Xử lý nước thải

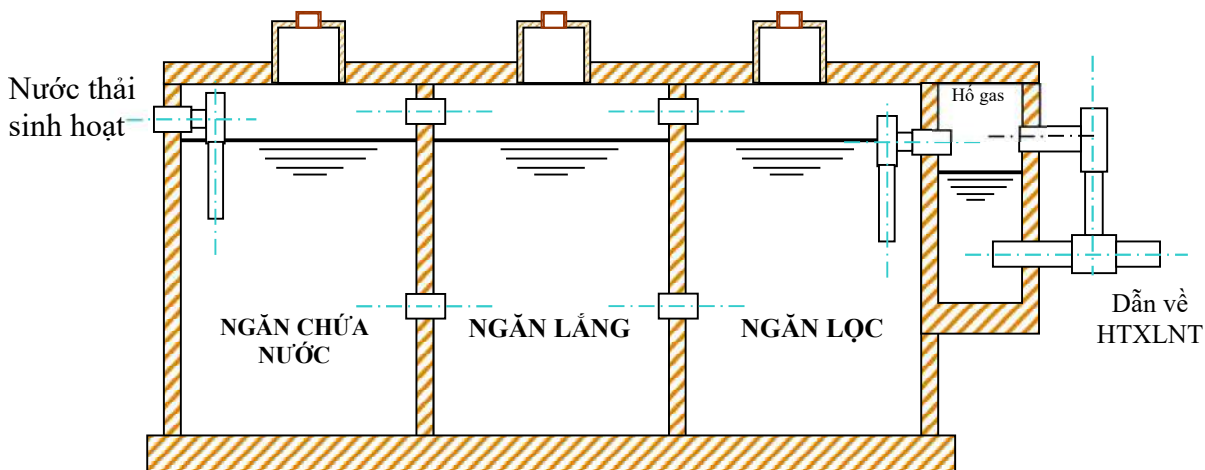
Nước thải phát sinh tại Cơ sở chỉ có nước thải sinh hoạt, sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của công nhân viên trong Công ty được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn được bố trí ở khu vực nhà vệ sinh, nước thải từ bể tự hoại và nước rửa tay từ lavabo sẽ thu gom chung về một hố thu gom, sau đó thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty với công suất 50 m³/ngày.

Bể tự hoại 3 ngăn tại công ty có cấu tạo như sau:



Hình 3.3. Bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt có nồng độ các chất ô nhiễm chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại để lắng cặn và phân huỷ chất hữu cơ, nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại như sau:

Nước thải chuyển động chậm chạp trong bể và các cặn dần được lắng xuống đáy bể. Sau một thời gian cặn lắng sẽ được phân huỷ yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó nước thải chảy qua ngăn lắng rồi thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có cổng thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra do quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi nghẹt. Hiệu quả xử lý theo chất rắn lơ lửng đạt 65-70% và theo các chất hữu cơ đạt từ 40-50%.

Công ty đã bố trí 3 bể tự hoại tại các khu nhà vệ sinh tại khu nhà vệ sinh tập trung, khu văn phòng, cụ thể các thông số như sau:

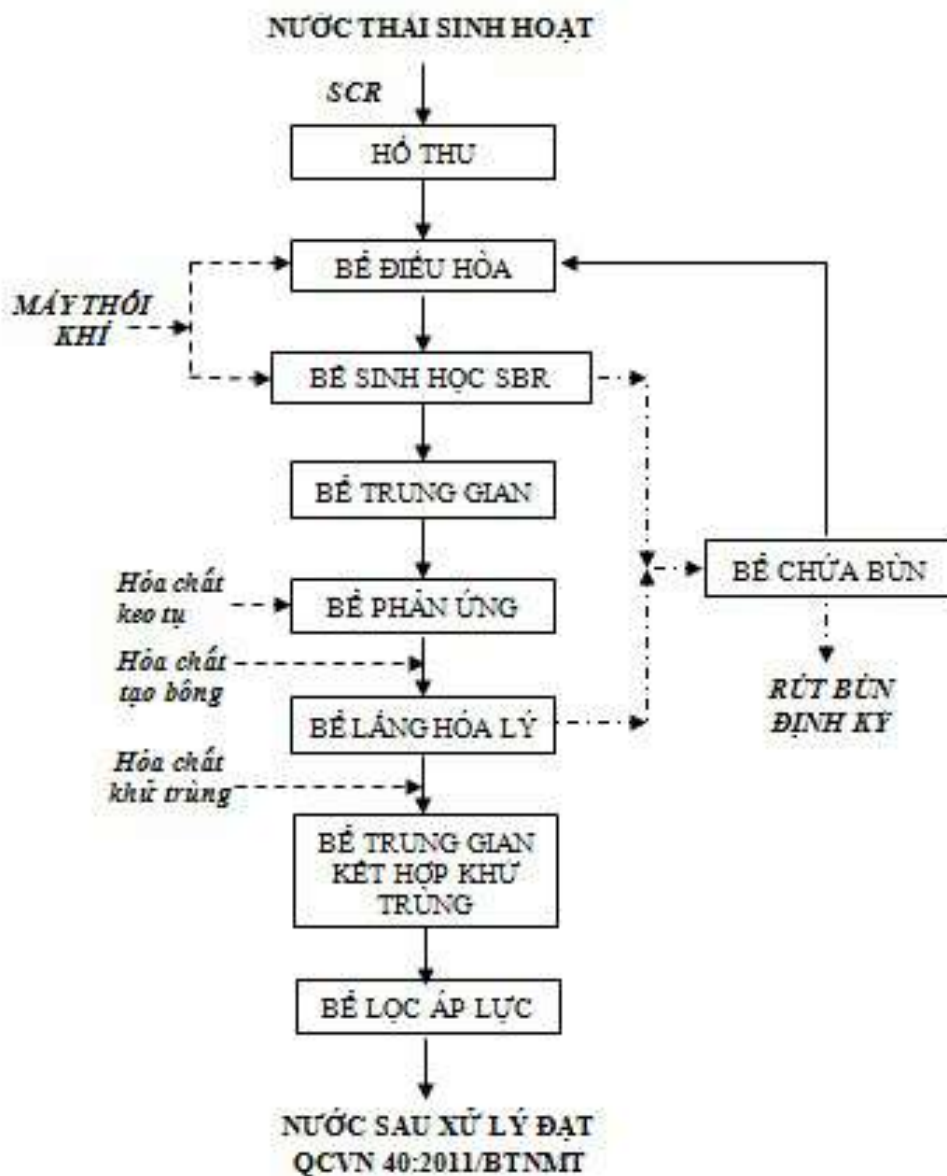
Bảng 3.6: Số lượng và vị trí các bể tự hoại và hố thu gom trong nhà máy

STT	Vị trí	Bể tự hoại		Đường ống thu gom	Hố thu gom	
		Số lượng	Kích thước/thể		Số lượng	Kích thước

			tích (D×R ×H) m³			
1	Nhà vệ sinh xưởng sản xuất	01	2,6×2×1,62 (m) = 8,42 m ³	Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC Ø42mm	01	D×H = 0,9m×2,0m
2	Nhà vệ sinh (khu vực nhà để xe)	01	2,6×2×1,62 (m) = 8,42 m ³	Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC Ø42mm	01	D×H = 0,9m×2,0m
3	Nhà vệ sinh (khu văn phòng và phòng trung bày)	01	2,6×2×1,62 (m) = 8,42 m ³	Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC Ø42mm	01	D×H = 0,9m×2,0m
Tổng		03	25,26	-	03	-

a. Quy trình xử lý nước thải tập trung hiện hữu của nhà máy, công suất 50 m³/ngày

Trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Tổng kho 2 Công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt thì hoạt động của Nhà máy sẽ phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, do đó nhà máy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công nghệ xử lý hóa lý: bể phản ứng và lắng hóa lý để dự phòng xử lý nước thải sản xuất có phát sinh trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, từ khi đi vào hoạt động đến nay, tại nhà máy chỉ sản xuất hàng trang trí nội thất, không sản xuất ván (phủ bề mặt ván) như đã đăng ký trong ĐTM cho nên không phát sinh nước thải sản xuất. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện tại của nhà máy như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt của công ty được thu gom vào các hồ thu gom trước khi được bơm về bể điều hòa.

- **Bể điều hòa:** tại đây nước thải được xáo trộn để điều hòa lưu lượng, nồng độ, tạo môi trường đồng nhất cho dòng nước thải, tránh hiện tượng lắng cặn trong bể phát sinh ra mùi hôi. Khi nước thải ổn định sẽ được cho bơm lên bể sinh học SBR.

- **Bể sinh học SBR:** nước thải được đưa vào bể theo từng mẻ gián đoạn. Quá trình oxy hóa các chất hữu cơ thực hiện nhờ bùn hoạt tính hiếu khí. Bùn hoạt tính hiếu khí là tập hợp các vi sinh vật có khả năng oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải thành CO₂, nước và các chất vô cơ khác nhờ máy thổi khí.

Bể SBR hoạt động gồm 4 pha thực hiện nối tiếp nhau:

- Pha làm đầy (Fill);
- Pha phản ứng (React);
- Pha lắng (Settle);
- Pha tháo nước sạch (Decant);

Sau khi qua pha lắng, phần nước trong được bơm sang bể điều hòa 2, phần bùn dư được định kỳ bơm ra bể phơi bùn. Tại đây hiệu quả xử lý BOD₅, COD rất cao (90 – 95%), bên cạnh đó trong chu kỳ xử lý của bể SBR xảy ra đồng thời 2 quá trình là nitrat hóa và phản nitrat hóa để loại bỏ Nitơ và photpho rất hiệu quả.

- **Bể trung gian:** Tiếp nhận nước thải sau lắng từ bể sinh học hiếu khí (SBR). Tại đây nước thải được điều hòa lưu lượng trước khi được cho bơm lên bể phản ứng.

- **Bể phản ứng:** Nước thải đã có pH về khoảng 8 – 9, phù hợp với ngưỡng pH keo tụ của hóa chất keo tụ, trước khi cho tự chảy qua bể lắng hóa lý. Ở đây hóa chất keo tụ và nước thải sẽ được trộn đều nhờ máy khuấy. Hóa chất keo tụ có tác dụng trong việc gắn kết các chất lơ lửng và cặn vô cơ làm giảm phần lớn độ màu, COD và TSS trong nước thải.

- **Bể lắng hóa lý:** là bể có tác dụng lắng cặn từ bể keo tụ. Nước thải tiếp tục được cung cấp hóa chất trợ keo tụ (polymer) để tăng kích thước bông cặn và hiệu quả lắng. Khi đó nước thải được dẫn vào bể lắng thông qua ống trung tâm và phân phối đều trên toàn bộ diện tích ngang ở đáy bể. Bể lắng được thiết kế sao cho dòng nước đi lên trong bể là chậm nhất, khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn, thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên để lắng xuống đáy bể dưới tác dụng của trọng lực. Phần nước sẽ được tách ra khỏi phần bùn dẫn qua bể trung gian, phần bùn lắng xuống đáy bể định kỳ được bơm ra bể chứa bùn.

- **Bể trung gian kết hợp khử trùng:** nước thải được châm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải và làm trong nước. Thời gian tiếp xúc để loại bỏ vi sinh vật là khoảng 15 – 30 phút. Nước thải sau khử trùng sẽ được bơm qua bể lọc áp lực.

- **Bể lọc áp lực:** có chứa vật liệu đỡ (sỏi lớn) và vật liệu lọc (cát, sỏi nhỏ) có chức năng lọc phần cặn còn lại của nước thải sau khi lắng ở bể lắng hóa lý. Sau một thời gian hoạt động cần rửa lọc để duy trì hiệu quả của bể lọc, nước rửa lọc được dẫn về điều hòa 1 để tiếp tục xử lý. Nước sau lọc được dẫn ra cống nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

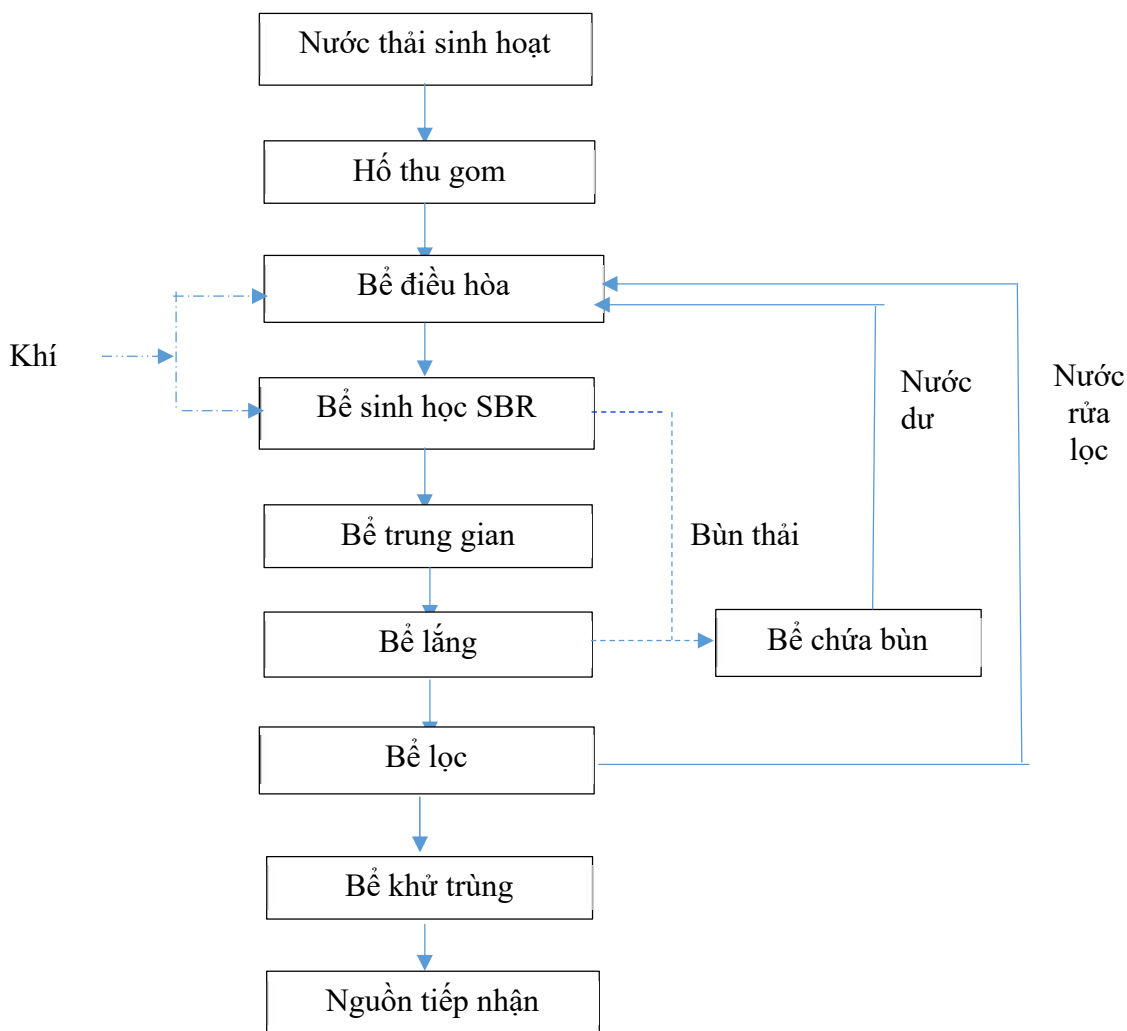
- **Bể chứa bùn:** là bể chứa bùn từ bể lắng và bể sinh học SBR dẫn về. Bùn sau một thời gian sẽ được định kỳ bơm lên bể phơi bùn, nước sau khi lắng bùn sẽ chảy tràn về bể điều hòa 1.

Nhận xét:

Theo bảng kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý định kỳ tại nhà máy thì nồng độ các chỉ tiêu đặc trưng trong nước thải sinh hoạt tại nhà máy đều nằm trong quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, đủ điều kiện thải ra môi trường. Mặc dù vậy, việc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy trình trên gặp nhiều khó khăn cho công nhân vận hành, gây tốn kém cho doanh nghiệp (tốn điện, hóa chất sử dụng). Do vậy, Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng xin cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải để phù hợp với thực tế sản xuất tại nhà máy.

b. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy sau khi cải tạo

Nhà máy dự định cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu công suất 50 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ sau khi cải tạo như sau:



Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt sau khi cải tạo

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt của công ty được thu gom vào các hồ thu gom trước khi được bơm về bể điều hòa.

- **Bể điều hòa:** tại đây nước thải được xáo trộn để điều hòa lưu lượng, nồng độ, tạo môi trường đồng nhất cho dòng nước thải, tránh hiện tượng lắng cặn trong bể phát sinh ra mùi hôi. Khi nước thải ổn định sẽ được cho bơm lên bể sinh học SBR.

- **Bể sinh học SBR:** nước thải được đưa vào bể theo từng mẻ gián đoạn. Quá trình oxy hóa các chất hữu cơ thực hiện nhờ bùn hoạt tính hiếu khí. Bùn hoạt tính hiếu khí là tập hợp các vi sinh vật có khả năng oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải thành CO_2 , nước và các chất vô cơ khác nhờ máy thổi khí.

Bể SBR hoạt động gồm 4 pha thực hiện nối tiếp nhau:

- Pha làm đầy (Fill);
- Pha phản ứng (React);
- Pha lắng (Settle);
- Pha tháo nước sạch (Decant);

Sau khi qua pha lắng, phần nước trong được bơm sang bể trung gian, phần bùn dư được định kỳ bơm ra bể phơi bùn. Tại đây hiệu quả xử lý BOD_5 , COD rất cao (90 – 95%), bên cạnh đó trong chu kỳ xử lý của bể SBR xảy ra đồng thời 2 quá trình là nitrat hóa và phản nitrat hóa để loại bỏ Nitơ và photpho rất hiệu quả.

- **Bể trung gian:** Tiếp nhận nước thải sau lắng từ bể sinh học hiếu khí (SBR). Tại đây nước thải được điều hòa lưu lượng trước khi được bơm sang bể lắng.

- **Bể lắng:** là bể có tác dụng lắng cặn nước thải một lần nữa sau đó nước thải được bơm sang bể lọc, phần bùn được lắng xuống đáy định kỳ được bơm sang bể chứa bùn.

- **Bể lọc áp lực:** có chứa vật liệu đỡ (sỏi lớn) và vật liệu lọc (cát, sỏi nhỏ) có chức năng lọc phần cặn còn lại của nước thải sau khi lắng. Sau một thời gian hoạt động cần rửa lọc để duy trì hiệu quả của bể lọc, nước rửa lọc được dẫn về điều hòa để tiếp tục xử lý. Nước sau lọc được bơm sang bể khử trùng.

- **Bể khử trùng:** nước thải được châm hóa chất khử trùng Chlorine để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải và làm trong nước. Thời gian tiếp xúc để loại bỏ vi sinh vật là khoảng 15 – 30 phút. Nước thải sau khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thải ra Kênh thoát nước chung của khu vực ở phía Nam nhà máy.

- **Bể chứa bùn:** là bể chứa bùn từ bể lắng và bể sinh học SBR dẫn về. Bùn sau một thời gian sẽ được định kỳ bơm lên bể phơi bùn, nước sau khi lắng bùn sẽ chảy tràn về bể điều hòa.

Các thông số kỹ thuật hạng mục công trình và máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường

STT	Tên hạng mục	Hiện hữu	Sau cải tạo	Ghi chú
1	Hố bơm nước thải	- Kích thước (mm): $D \times H = 900 \times 2000$ - Vật liệu: Bê tông - Số lượng: 03 hố	- Kích thước (mm): $D \times H = 900 \times 2000$ - Vật liệu: Bê tông - Số lượng: 03 hố	Không thay đổi
2	Bể điều hòa	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 2,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thành gạch đinđ, đáy và nắp BTCT - Xây âm, có nắp đan chịu lực - Số lượng: 01 bể	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 2,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thành gạch đinđ, đáy và nắp BTCT - Xây âm, có nắp đan chịu lực - Số lượng: 01 bể	Không thay đổi
3	Bể phản ứng	- Thể tích 200 lít - Vật liệu: PVC - Số lượng: 01 bể	Không có	Bỏ bể phản ứng
4	Bể sinh học SBR	- Kích thước ($\varnothing \times H$) $= 1,8m \times 3,0m$ - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 02 bể	- Kích thước ($\varnothing \times H$) $= 1,8m \times 3,0m$ - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 02 bể	Không thay đổi
		- Kích thước ($\varnothing \times H$) $= 2,4m \times 3,5m$ - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 01 bể	- Kích thước ($\varnothing \times H$) $= 2,4m \times 3,5m$ - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 01 bể	Không thay đổi

5	Bể trung gian	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 2,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thép CT3 - Số lượng: 01 bể	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 2,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thép CT3 - Số lượng: 01 bể	Không thay đổi
6	Bể lắng	- Kích thước ($\varnothing \times H$) = $1,3m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thép CT3, thân 3 ly, đáy 4 ly - Chức năng: Lắng hóa lý - Số lượng: 01 bể	- Kích thước ($\varnothing \times H$) = $1,3m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thép CT3, thân 3 ly, đáy 4 ly - Chức năng: Lắng - Số lượng: 01 bể	Không thay đổi
7	Bể trung gian	- Thể tích: 1000 lít - Vật liệu: PVC - Số lượng: 02 bồn	- Thể tích: 1000 lít - Vật liệu: PVC - Số lượng: 01 bồn	Sử dụng 1 bể làm bể khử trùng.
8	Bồn lọc áp lực	- $\varnothing \times H = 0,8m \times 1,8m$, chân cao 0,60m - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 01 bồn	- $\varnothing \times H = 0,8m \times 1,8m$, chân cao 0,60m - Vật liệu: Thép CT3. Thân 4 ly, Đáy 5 ly - Số lượng: 01 bồn	Không thay đổi
9	Bể chứa bùn	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 1,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thành gạch đĩnh, đáy và nắp BTCT - Xây âm, có nắp đan chịu lực	- Kích thước: $L \times W \times H = 2,0m \times 1,0m \times 2,5m$ - Vật liệu: Thành gạch đĩnh, đáy và nắp BTCT - Xây âm, có nắp đan chịu lực	Không thay đổi

		- Số lượng: 01 bể	- Số lượng: 01 bể	
10	Nhà điều hành	- Kích thước: L×W×H = 2,0m×3,0m×2,5m - Vật liệu: Tường gạch ống, mái tôn kẽm	- Kích thước: L×W×H = 2,0m×3,0m×2,5m - Vật liệu: Tường gạch ống, mái tôn kẽm	Không thay đổi
11	Thùng hóa chất	- Chung loại: Nhựa PVC - Thể tích: 200 lít - Xuất xứ: Việt Nam - Số lượng: 04 cái	- Chung loại: Nhựa PVC - Thể tích: 200 lít - Xuất xứ: Việt Nam - Số lượng: 01 cái	Chỉ sử dụng 1 cái để chứa hóa chất khử trùng

Các loại máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.8: Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

STT	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		GHI CHÚ
			Hiện tại	Sau khi cải tạo	
1	Bơm chìm cho hố thu nước thải (bao gồm phao) - Công suất N = 0.5 Hp, - Xuất xứ: Đài Loan	Cái	03	03	Không thay đổi
2	Bơm chìm cho bể điều hòa (bao gồm phao) - Công suất N = 0.5 Hp, - Xuất xứ: Đài Loan	Cái	02	02	Không thay đổi
3	Bơm chìm cho bể sinh học SBR (bao gồm phao) - Công suất N = 0.5 Hp	Cái	03	03	Không thay đổi

	- Xuất xứ: Đài Loan				
5	Bơm cho bồn lọc áp lực (bao gồm phao) - Công suất N = 1.5Hp, - Xuất xứ: Đài Loan	Cái	01	01	Không thay đổi
6	Bơm định lượng - Chung loại: Bơm hóa chất - Xuất xứ: Mỹ	Cái	04	01	Chỉ giữ lại 01 bơm định lượng cho bồn chứa hóa chất khử trùng
7	Máy thổi khí - Xuất xứ: Đài Loan - Công suất: 2 Hp	Cái	02	02	Không thay đổi
8	Máy khuấy (bao gồm trục và cánh khuấy inox) - Chung loại: motor giảm tốc - Xuất xứ: Đài Loan	Cái	01	01	Không thay đổi
9	Hệ thống dây điện, tủ điện điều khiển				
	- Tủ lớn tại hệ thống	Cái	01	01	Không thay đổi
	- Tủ nhỏ tại các hố thu	Cái	03	03	
10	Hệ thống đường ống công nghệ; - Vật liệu: ống uPVC, STK,...	Hệ thống	01	01	Đi lại đường ống theo đúng quy trình công nghệ sau khi cải tạo

11	Đĩa phân phối khí - Chung loại: phân phối khí mịn - Xuất xứ: Đài Loan	Cái	16	16	Không thay đổi
----	--	-----	----	----	----------------

c. Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ cho hệ thống xử lý nước thải

Công ty áp dụng công nghệ xử lý sinh học hiếu khí. Bộ vi sinh sử dụng là các chủng Bacillus, Lactobacillus, Streptomyces, Saccharomyces, Aspergillus,...có vai trò phân hủy mạnh mẽ xenluloz, tinh bột, protein, lipit, pectin, kitin... Có khả năng tiêu diệt vi trùng gây bệnh làm cho vi trùng gây bệnh không tồn tại lâu dài và phát triển trong môi trường nước. Sự có mặt của các chủng vi sinh trong hệ thống xử lý nước thải hiếu khí còn làm tăng khả năng sự tạo bông và kết lắng của bùn hoạt tính, tăng mật độ vi sinh vật hữu ích trên các màng đệm sinh học giúp tăng cường hiệu quả xử lý nước thải. Công ty đã cấy vi sinh vào hệ thống xử lý nước thải với khối lượng là 2,0 m³.

Với hoạt động của các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải thì lượng điện sử dụng cho duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải mỗi tháng khoảng 155 kwh/tháng.

d. Yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật nước thải sau khi xử lý

Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm phải đảm bảo đạt quy chuẩn xả thải là QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kf=1,1; Kq=0,9), cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Bảng 3.9: Bảng quy chuẩn kỹ thuật nước thải sau xử lý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/L	49,5
3	COD	mg/L	74,25
4	BOD ₅	mg/L	29,7
5	T-N	mg/L	19,8
6	T-P	mg/L	3,96

7	NH ₄	mg/L	4,95
8	Coliform	MPN/100mL	3.000

e. Thời gian cải tạo hệ thống xử lý nước thải

Dự kiến, thời gian cải tạo hệ thống xử lý nước thải từ tháng 12/2024 đến tháng 01/2024.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Với quy trình công nghệ sản xuất hàng trang trí nội thất của nhà máy đã mô tả trong chương I của báo cáo cho thấy nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí từ hoạt động của nhà máy bao gồm: bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi gỗ phát sinh từ quá trình sản xuất hàng trang trí nội thất; hơi hợp chất hữu cơ từ quá trình dán cạnh... cụ thể các nguồn phát sinh như sau:

Bảng 3.10: Thống kê các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường

STT	Dạng tác động đến môi trường không khí	Hoạt động, công đoạn sản xuất phát sinh
1	Bụi, khí thải	Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy
2	Bụi, khí thải (SO ₂ , NO ₂ , CO)	Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng
3	Bụi	Hoạt động sản xuất hàng trang trí nội thất: công đoạn cưa cắt, định hình, lắp ráp

3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này, công ty có một số biện pháp như sau:

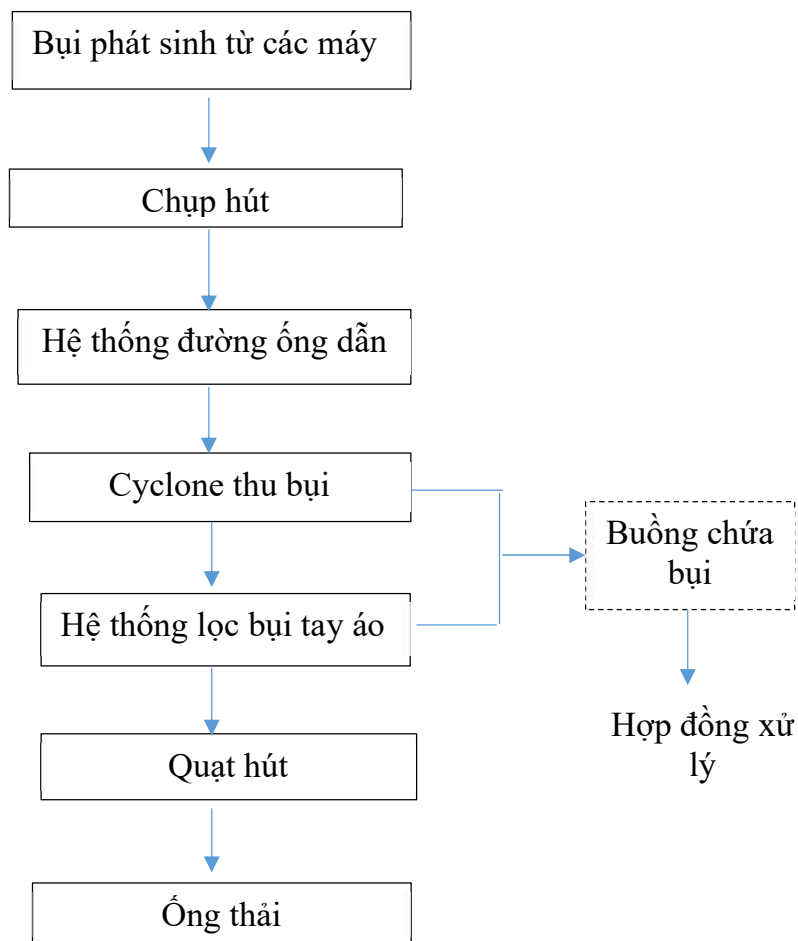
- Quá trình vận chuyển, yêu cầu các phương tiện vận chuyển phải được che đậy kín, đảm bảo vận chuyển đúng tải trọng quy định, phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố về đăng kiểm, ...nhằm hạn chế bụi và khí phải phát sinh trong quá trình vận chuyển. Cân đối thời gian để vận chuyển đến nhà máy một cách hợp lý, tránh vận chuyển trong giờ cao điểm để đảm bảo vấn đề an toàn và hạn chế tai nạn, giảm thiểu ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt của công nhân trong khu vực.

- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ ra vào của xe vận chuyển hàng và chế độ bốc dỡ hàng hợp lý. Xe khi vào đến khu vực nhà máy phải chạy chậm với tốc độ cho phép trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không nổ máy.
- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay, ... cho công nhân làm việc tại công đoạn nhập nguyên liệu vào nhà máy.
- Trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ và khu bãi nhận nguyên liệu vì cây xanh có vai trò điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.
- Vệ sinh quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi.
- Các phương tiện giao thông phải được bảo trì và thay thế nếu không còn đảm bảo kỹ thuật. Bên cạnh đó cần sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất hàng trang trí nội thất

Theo quy trình sản xuất được trình bày ở trong chương 1 thì bụi gỗ phát sinh từ công đoạn cưa cắt, gia công khoan đục nguyên liệu ván. Ngoài ra, khâu lấy bụi gỗ ra khỏi nhà chứa bụi cũng phát sinh một lượng bụi đáng kể. Các quá trình này phát sinh bụi nhiều, bụi phát sinh có kích thước và trọng lượng khác nhau nên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tại khu vực sản xuất mà có khả năng phát tán xa nên còn ảnh hưởng toàn bộ xưởng sản xuất và môi trường xung quanh.

Bụi phát sinh từ công đoạn cưa cắt, định hình hàng trang trí nội thất được thu gom và xử lý bởi hệ thống lọc bụi tay áo, với quy trình như sau:



Hình 3.6: Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý bụi

Thuyết minh quy trình:

Bụi được thu gom trực tiếp từ các máy cưa, cắt, dán cạnh,... vào optiflo (bẫy bụi): bụi to rơi xuống đáy opti, bas cào sẽ cào bụi xuống van sao vào thiết bị lọc bụi (filter rung giữ bụi bằng khí nén hoặc rung giữ bằng quạt) về cyclon đặt trên nhà chứa bụi (buồng chứa bụi bằng thép), bụi có kích thước lớn sẽ rơi xuống silo, còn bụi nhẹ sẽ tiếp tục được hút về đáy các van sao, chu trình gió luân chuyển khép kín tuần hoàn.

Gió sạch sẽ được lọc qua filter lọc bằng vải sợi polyester, hiệu suất lọc bụi 99,9%, độ hạt lọc 0,03 micro. Thiết bị lọc bụi filter hoạt động rung giữ bằng khí nén thì gió sạch sau khi được lọc sẽ theo quạt hút thải ra môi trường. Còn thiết bị lọc bụi filter hoạt động rung giữ bụi bằng quạt thì sau khi được lọc khí sạch sẽ thoát ra ngoài theo lỗ thoát của thiết bị là các lỗ vị trí quạt tròn.

Thiết bị lọc túi vải có cấu tạo và nguyên tắc hoạt động như sau:

- Bộ lọc gồm nhiều đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có nhiều túi vải được khâu thành dạng ống tay áo. Các ống tay áo được căng ở đầu dưới vào nắp đục lỗ vừa bằng đường

kính ống tay áo, đầu trên của ống tay áo được bịt kín và căng vào hệ thống cánh tay đòn phục vụ cho việc giữ bụi.

- Không khí chứa bụi được đưa vào thiết bị qua ống nối vào đầu dưới vào nắp đục lỗ. Không khí đi từ dưới lên trên và từ trong ra ngoài của từng ống tay áo rồi từ khoảng trống giữa các ống tay áo, không khí sạch thoát ra ngoài qua ống thải ở phía trên của thiết bị.

- Định kỳ (khoảng 2-5 phút) tự động luân phiên cho từng đơn nguyên ngừng hoạt động để tiến hành khâu giữ và thu hồi bụi bằng hệ thống tay đòn truyền động. Để giữ bụi triệt để dùng hệ thống van để tạo dòng không khí đi theo chiều ngược lại với chiều lọc bụi nhờ đó bụi rời khỏi mặt trong của túi vải một cách dễ dàng. Bằng phương pháp này, có thể giữ lại 99,9% lượng bụi.

Ngoài biện pháp việc kiểm soát bụi bằng biện pháp kỹ thuật như được mô tả ở trên, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp quản lý như sau:

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn và thu gom bụi rơi vãi trên nền nhà xưởng
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy để điều hòa khí hậu và hấp phụ một phần các chất ô nhiễm trong không khí
- Trang bị khẩu trang chuyên dụng (chống bụi) cho công nhân khi làm việc tại các công đoạn sản xuất.

Vị trí đặt Cyclon và nhà chứa bụi được đặt phía Tây của xưởng sản xuất hàng trang trí nội thất. Khoảng cách từ vị trí đặt cyclone thu bụi đến hàng rào ranh đất của công ty khoảng 10m, tiếp giáp với vườn tràm của dân, hiện khu vực này không có dân cư sinh sống (dân cư chủ yếu tập trung ở phía Nam khu đất). Tại ranh đất, công ty đã xây dựng tường rào cao 5m và trồng thêm cây tràm để tạo khoảng cách cách ly an toàn nhằm giảm thiểu các tác động từ hoạt động của dự án đến các đối tượng xung quanh. Do vậy, vị trí đặt cyclon của công ty tại đây là phù hợp và thuận lợi cho việc thu gom bụi trong quá trình sản xuất, giảm được tác động đến đối tượng xung quanh.



Hình 3.7: Công trình xử lý bụi của Cơ sở

Sau đây là các thông số kỹ thuật:

Bảng 3.11. Các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý bụi

STT	Tên hệ thống, thiết bị	Xưởng thu gom/vị trí	Số lượng	Xuất xứ
1	Đường ống nhánh thu gom: - Đường kính ống: Φ 150-400mm mm, chất liệu ống thép tráng kẽm	Tầng trệt	01 hệ thống	Việt Nam
2	Đường ống chính thu gom:		01 hệ thống	Việt Nam

	- Đường kính ống: Φ 700mm mm, chất liệu ống thép tráng kẽm			
3	Đường ống nhánh thu gom: - Đường kính ống: Φ 150-400mm mm, chất liệu ống thép tráng kẽm	Tầng 1	01 hệ thống	Việt Nam
4	Đường ống chính thu gom: - Đường kính ống: Φ 700mm mm, chất liệu ống thép tráng kẽm		01 hệ thống	Việt Nam
5	Cụm xử lý filter lọc bụi - Số lượng túi vải: 160 cái - Chất liệu túi vải: vải polyester - Kích thước túi vải: D=220mm, H=2,5m - 02 quạt hút: công suất 75 HP lưu lượng 30.000 m ³ /giờ và công suất 60 HP lưu lượng khí 26.000 m ³ /giờ - Số lượng ống thải: 06 cái, đường kính D600mm, chiều cao: 9m (tính từ mặt đất)	Tầng trệt	01 hệ thống	Việt Nam

(Nguồn: Công ty Cổ phần gỗ An Cường, 2024)

Sơ đồ thu gom bụi được đính kèm phụ lục

Ngoài ra, chủ cơ sở đã thực hiện bổ sung các biện pháp quản lý như sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thông thoáng, tận dụng tối đa các biện pháp để thông gió tự nhiên.

- Bên ngoài nhà xưởng được trồng cây xanh để vừa tạo cảnh quan cho nhà xưởng, vừa có vai trò điều hòa khí hậu. Ngoài ra, dải cây xanh này còn là hành lang cách ly khu vực sản xuất của nhà máy với các đối tượng lân cận.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu hơi hợp chất hữu cơ từ hoạt động dán cạnh hàng trang trí nội thất

Nhà máy sử dụng keo để dán cạnh các sản phẩm hàng trang trí nội thất, sau khi dán cạnh ván được để khô tự nhiên mà không cần ép. Thành phần loại keo mà nhà máy sử dụng như sau:

Bảng 3.12: Thành phần và tính chất của các chất trong keo sử dụng dán cạnh

STT	Tên hóa chất	Tỷ lệ trong keo (%)	Tính chất hóa lý	Các tác động đến sức khỏe con người, môi trường
1	Poly vinyl alcohol	9-13%	- Công thức phân tử: $(C_2H_4O)_x$ - Điểm nóng chảy: $200^{\circ}C$ - Khối lượng riêng: 1,19-1,31g/cm³ - Polyvinyl alcohol có đặc tính tạo màng, nhũ hóa và kết dính tốt. Nó cũng có khả năng chống dầu, mỡ và dung môi. Nó có độ chịu kéo cao và tính mềm dẻo, cũng như các đặc tính ngăn oxy và mùi cao	- Ít tác động đến con người và sinh vật. - Được sử dụng nhiều trong ứng dụng y tế vì tính tương thích sinh học, ít kết dính protein và độc tính thấp
2	Canxi cacbonat	3%	- CTHH: $CaCO_3$ - Khối lượng phân tử: 100,0689 g/mol - Khối lượng riêng: 2,71 g/cm³ - Điểm nóng chảy: $825^{\circ}C$ - Dạng bột, màu trắng	- Ít gây hại cho người và vật nuôi, nếu ở dạng bột thì gây khó chịu cho con người khi hít phải, dạng bột nhỏ mịn dễ xâm nhập vào cơ quan hô hấp của con người. - Đây là một chất thường được sử dụng trong y tế như một chất bổ sung calci cho người bị loãng xương, cung cấp calci cho cơ thể hay một chất khử chua

3	Vinyl acetate	20-35%	- CTHH: $C_4H_6O_2$ - Khối lượng phân tử: 86,09 g/mol - Khối lượng riêng: 934 kg/m³ - Điểm sôi: 72⁰C - Chất lỏng không màu này là tiền chất của polyvinyl axetat, chất lỏng không màu, có mùi đặc trưng	Gây khó chịu cho con người khi hít phải. Được sử dụng rộng rãi trong ngành gỗ, dệt may, sản xuất sơn.
4	Nước	55-65%	- CTHH: H_2O - Là chất lỏng, không màu, không mùi - Điểm nóng chảy: 0⁰C - Điểm sôi: 100⁰C - Khối lượng riêng: 1.000 kg/m³	Nước là thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người.

3.2.5. Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

Nhà máy sử dụng 1 máy phát điện dự phòng, công suất 275 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Máy phát điện được đặt trong phòng riêng biệt với các khu vực sản xuất khác.

Máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện đột ngột để cho hoạt động sản xuất không bị gián đoạn. Trường hợp mất điện nhiều giờ có kế hoạch trước thì nhà máy sẽ tạm ngưng sản xuất cho đến khi có điện trở lại.

Với công suất của máy phát điện là 275 KVA 40 lít/giờ (trường hợp tải 100%), tương đương với 34 kg/giờ.

Dựa theo hệ số tải lượng của các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình đốt nhiên liệu dầu Diesel trong tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tải lượng các chất ô nhiễm được tính toán trong bảng sau:

Bảng 3.13. Hệ số tải lượng khí thải từ máy phát điện

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số tải lượng (g/kg)	Tải lượng (g/h)
1	Bụi	0,71	24,14
2	SO ₂	20S	0,34
3	NO ₂	9,62	327,08
4	CO	2,19	74,46
5	VOC	0,791	31,64

(Nguồn: World Health Organization Geneva, 1993)

Ghi chú: S=0,05% là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO (theo Petrolimex-
http://www.petrolimex.com.vn/Desktop.aspx/SpDv/ThongtinSanPham/Chi_tieu_chat_luong_cua_nhien_lieu_diezen_TCVN_56892005/)

Lưu lượng khí thải:

Trong quá trình đốt nhiên liệu của máy phát điện thường có hệ số khí dư so với tỉ lệ hợp thức là 30%, khi nhiệt độ khí thải là 200⁰C, thì lưu lượng khí thải thực tế sinh ra khi đốt cháy 1 kg dầu DO được tính theo công thức:

$$V_t = \left(\frac{7,5a}{32 \times 100} + \frac{b}{28 \times 100} + \frac{4,25c}{2 \times 100} + \frac{7,5d}{12 \times 100} \right) \times \frac{22,4}{273} \times T \times 1,3 \quad (1)$$

Trong đó:

a: Hàm lượng % Lưu huỳnh có trong dầu DO (0,05%)

b: Hàm lượng % Nitơ có trong dầu DO (0,2%)

c: Hàm lượng % Hydro có trong dầu DO (22,8%)

d: Hàm lượng % Carbon có trong dầu DO (76%)

T: Nhiệt độ khí thải (473°K)

V_t: Thể tích khí thải ở nhiệt độ T khi đốt cháy 1 kg dầu DO (với hệ số đốt dư 30%)

Thay số liệu trung bình về thành phần dầu DO vào công thức (1) ta được V_t = 48,1 m³. Như vậy, tổng lưu lượng khí phát thải từ việc đốt dầu DO để chạy máy phát điện là 8.350 m³/h, tổng lưu lượng khí phát thải của máy phát điện ở điều kiện chuẩn (273°K) là 4.819,4 m³/h.

Nồng độ khí thải

Dựa vào tải lượng các chất ô nhiễm như đã tính ở phần trên và lưu lượng khí thải sinh ra, nồng độ của khí thải của máy phát điện được đưa ra trong bảng sau:

Bảng 3.14. Nồng độ của khí thải từ máy phát điện

Chất ô nhiễm	Nồng độ ở điều kiện thực (mg/m ³)	Nồng độ ở điều kiện chuẩn (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1,0; Kv=1,0)
Bụi	8,68	15,02	200
SO ₂	0,0012	0,0021	500
NO ₂	117	203,62	850
CO	26,75	46,35	1.000
VOC	9,66	16,74	-

Ghi chú: QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

So sánh quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện dự phòng ta thấy hầu hết nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép, hơn nữa máy phát điện hoạt động không thường xuyên nên có thể kết luận rằng hoạt động của máy phát điện không làm ảnh hưởng nhiều đến môi trường không khí xung quanh.

❖ **Biện pháp giảm thiểu**

Để giảm thiểu tiếng ồn và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí máy phát điện trong phòng riêng biệt, tách biệt với các khu vực sản xuất khác.
- Máy phát điện được lắp đặt 1 ống khói cao 5m (tính từ mặt đất), đường kính 0,3m.

3.3. CÔNG TRÌNH LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ vào chứng từ thu gom chất thải sinh hoạt hàng tháng trong năm 2024 thì hiện tại, mỗi ngày tại nhà máy phát sinh khối lượng chất thải sinh hoạt ước tính 165 kg/ngày (trung bình khoảng 4,29 tấn/tháng). Các loại chất thải rắn này chứa nhiều chất

hữu cơ dễ phân hủy và phát sinh với khối lượng khá lớn. Nếu lượng chất thải này không được lưu trữ và quản lý tốt thì nó sẽ là môi trường thuận lợi để các vật mang mầm bệnh sinh sôi, phát triển như: ruồi, muỗi, chuột, gián, ...gây nên mùi hôi thối, làm mất vệ sinh và mỹ quan của nhà máy và ảnh hưởng đến sức khỏe của các công nhân viên tại nhà máy.

→ ***Biện pháp thu gom và xử lý như sau:***

Khu vực lưu chứa: Chứa trong các thùng kín có dung tích khoảng 240 lít có nắp đậy và được bố trí tại các nơi phát sinh chất thải sau đó giao cho Công ty TNHH MTV An Thành Nam theo hợp đồng số 07/HĐDV/2024 ngày 01/01/2024 để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom: 2 ngày/lần.
- Quy trình vận hành: Rác từ các khu vực → phân loại vô cơ/hữu cơ → vào thùng chứa → thu gom → bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Hợp đồng với Công ty TNHH MTV An Thành Nam để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 07/HĐDV/2024 ngày 01/01/2024.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Căn cứ vào loại hình sản xuất của nhà máy là hàng trang trí nội thất; căn cứ vào nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất thì các loại chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà máy bao gồm: gỗ vụn, bụi gỗ, bao nylon, thùng carton, dây đai kiện hàng,... với khối lượng khoảng 6.184 kg/tháng, tương đương với 74.208 kg/năm. Thành phần, khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại công ty dựa vào chứng từ thu gom rác công nghiệp thông thường 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bảng 3.15. Thành phần, khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại nhà máy

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, ván vụn, bìa vụn	09 01 03	60.000
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng PE thải	18 01 05	9.035
3	Bao bì nhựa, chỉ dán bằng nhựa, dây đai bằng nhựa thải	18 01 06	2.834
4	Dây đai sắt, đồ ngũ kim thải (sắt thép vụn)	07 03 13	339
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 12	2.000
Tổng khối lượng			74.208

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2024)

→ Biện pháp thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Biện pháp thu gom, lưu chứa	Đơn vị thu gom, xử lý
1	Mùn cưa, ván vụn, bìa vụn	- Chứa trong thùng chứa bụi đặt dưới hệ thống xử lý bụi - Diện tích: 20 m ² - Tần xuất: 1 tuần/lần	Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng theo hợp đồng số 463/HĐ/SV-2023
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng PE thải	- Chứa trong khu chứa rác thải công nghiệp thông thường - Diện tích: 35 m ² - Tần xuất: 1 tuần/lần	Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo hợp đồng số 01/12/2023/CGQ-AC ngày 01/12/2023
3	Bao bì nhựa, chỉ dán bằng nhựa, dây đai bằng nhựa thải		
4	Dây đai sắt, đồ ngũ kim thải (sắt thép vụn)		
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		

3.3.3. Chất thải nguy hại

Căn cứ vào loại hình sản xuất của công ty sản xuất hàng trang trí nội thất từ ván; căn cứ vào các loại nguyên liệu sử dụng thì các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm các loại bao bì; giẻ lau; dầu nhớt thải; pin, ắc quy thải, bóng đèn

huỳnh quang thải; keo thải; bùn thải...Số lượng phát sinh cụ thể của từng loại được dựa vào chứng từ thu gom chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy của công ty trong năm 2023, cụ thể như sau:

Bảng 3.16. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	120
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	NH	20
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	25
4	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	10
5	Keo thải	08 03 01	KS	500
6	Bao bì bằng kim loại thải có dính thành phần nguy hại	18 01 02	KS	150
7	Bao bì bằng nhựa thải có dính thành phần nguy hại	18 01 03	KS	70
8	Giẻ lau, bao tay dính keo, dầu nhớt thải	18 02 01	KS	1.800
Tổng				2.695

(Nguồn: Công ty Cổ phần Gõ An Cường, 2024)

Như vậy, căn cứ vào chứng từ thu gom CTNH thực tế tại nhà máy trong năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 thì ước tính mỗi năm khối lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh khoảng 2.695 kg/năm. Hiện tại, công ty đã đạt được công suất sản xuất các sản phẩm tối đa như đã đăng ký trong ĐTM đã được phê duyệt, do vậy khối lượng rác thải nguy hại theo chứng từ thu gom năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 có thể ước tính cho khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong 1 năm trong suốt quá trình hoạt động của công ty.

- Khu vực và cách thức lưu chứa: Hiện tại chất thải nguy hại đang được công ty thu gom, phân loại tại nguồn sau đó chứa trong các thùng phuy và để trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại của công ty (khu vực lưu trữ CTNH với diện tích khoảng 15 m²) có mái che, nền xi măng, đồng thời dán biển báo phân loại để công nhân thuận tiện trong việc thu gom, có gờ chống tràn; bên ngoài có cửa để ngăn nước mưa chảy tràn và bảng tên nhà rác

nguy hại và định kì chuyển giao cho công ty TNHH TM DV Xử lý Môi trường Việt Khải theo hợp đồng số 0101-2024/CPAC-VK/HĐXL ngày 02/01/2024 để thu gom, mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Tần xuất thu gom: 1 tháng/lần.
- Quy trình vận hành: Rác từ các khu vực phát sinh → phân loại riêng biệt từng loại → thu gom về khu vực lưu chứa → bỏ vào các thiết bị chứa riêng biệt, phù hợp → vào sổ theo dõi (chủng loại, khối lượng,...) bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘNG RUNG

Đối với hoạt động của nhà máy thì nguồn phát sinh tiếng ồn bao gồm:

- Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất hàng trang trí nội thất.
- Tiếng ồn từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.
- Tiếng ồn từ hoạt động của hệ thống xử lý bụi.
- Tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

Với các tác nhân gây ồn kể trên thì công ty đều có những biện pháp cụ thể để giảm thiểu sự ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Lắp đặt lớp đệm cao su, bệ đỡ bằng bê tông,... nhằm chống rung cho các máy móc sản xuất
- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy không được nổ máy trong quá trình xếp dỡ hàng hoá.
- Bố trí thiết bị, quy trình sản xuất một cách hợp lý trong cùng một phân xưởng;
- Bố trí thời gian hợp lí để tránh xảy ra tình trạng các xe vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm ra vào cùng lúc.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như bông gòn, nút bịt tai chống ồn.
- Thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng máy móc theo đúng định kì nhằm giảm độ ồn đến mức người lao động có thể thích ứng được.

Định kỳ hàng quý công ty Cổ phần Gỗ An Cường có phối hợp với đơn vị có chức năng để đo độ ồn trong khu vực sản xuất, cụ thể như sau:

Bảng 3.17: Cường độ ồn trong khu vực sản xuất

Khu vực	Cường độ ồn (dBA)			
	Quý 1/2023	Quý 2/2023	Quý 3/2023	Quý 4/2023

Khu vực sản xuất	74	79	67	74
QCVN 24:2016/BYT	≤85			

(Nguồn: Kết quả đo độ ồn trong khu vực sản xuất công ty Cổ phần Gỗ An Cường, 2023)

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

Nhận xét:

Căn cứ vào bảng kết quả tổng hợp ở bảng trên cho thấy cường độ ồn trong khu vực sản xuất tại nhà máy của công ty thấp hơn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn hiện hành.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

❖ Trách nhiệm của chủ cơ sở trong việc phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

– Chủ cơ sở sẽ ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh (Theo khoản 4 Điều 124 và khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

– Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đến ủy ban nhân dân phường Thái Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Tân Uyên (theo khoản 3 điều 110, Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

– Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, chủ cơ sở phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

❖ Tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở.

Cơ sở thành lập một tổ chức ứng phó sự cố môi trường bộ phận môi trường – an toàn lao động gồm 10 người:

– 3 người trong ban chỉ huy bao gồm giám đốc xưởng, xưởng trưởng và trưởng phòng sản xuất

– 4 nhân viên trong tổ sự cố bao gồm tổ trưởng, ca trưởng quản lý hệ thống xử lý nước thải, xử lý hệ thống khí thải lò đốt dầu truyền nhiệt, hệ thống xử lý bụi.

– 3 nhân viên của bộ phận môi trường- an toàn lao động chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo Công ty có nhiệm vụ đảm bảo vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường, báo cáo kịp thời các sự cố hỏng thiết bị và đề xuất biện pháp xử lý kịp thời.

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

❖ Dự báo các tình huống có thể xảy ra sự cố hóa chất

Tràn đổ, rò rỉ hóa chất có thể xảy ra khi bao bì chứa hóa chất bị rách thủng trong quá trình vận chuyển và bốc vác. Thùng chứa (thùng, can) có thể bị nứt bể do va chạm, do tác động cơ học, do thời gian sử dụng lâu, do chứa đựng hóa chất không phù hợp (ăn mòn, phá hủy...) với chất liệu làm vật chứa, cũng có thể do nhiệt độ kho hay khu vực bảo quản quá cao gây nứt vật chứa. Tràn đổ cũng có thể xảy ra do quá trình sắp xếp hàng hóa trong kho công nhân đã xếp hàng quá cao, vượt quá chiều cao quy định và không cẩn thận nên lớp hàng hóa bị nghiêng và đổ, kéo theo các lô hóa chất kế bên.

Cháy, nổ hóa chất có thể xảy ra khi kho bảo quản hóa chất quá nóng (do hỏa hoạn, chập điện...), vượt quá nhiệt độ tự cháy hoặc nhiệt độ bùng cháy của hóa chất làm hóa chất bốc cháy sinh nhiệt có thể gây nổ. Cũng có thể do hóa chất tràn đổ phản ứng với các loại hóa chất khác trong cùng kho bảo quản sinh ra khí cháy gây nổ.

Dự báo một số tình huống sự cố cụ thể đối với các điểm nguy cơ đã xác định như sau:

Bảng 3.18: Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất

STT	Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất	Xác định điều kiện, nguyên nhân	
		Nguyên nhân Bên trong	Nguyên nhân do tác động bên ngoài
1	Tràn, đổ hóa chất trong kho	Khối lượng bảo quản không phù hợp với dụng cụ chứa đựng	- Nắp thùng không đậy kín. - Lỗi bảo quản, chuyển rót hóa chất của người pha hóa chất.

2	Cháy kho chứa hóa chất	– Tự bốc cháy hoặc nổ do quá nhiệt. – Kho chứa nóng, ẩm... – Vật chứa bị rò rỉ do bao gói có khiếm khuyết, không chịu được nóng hoặc ẩm. – Do ăn mòn hóa học giữa hóa chất và thiết bị chứa.	– Côn trùng cắn, phá làm rò rỉ hóa chất. – Chập điện, giông sét hoặc sử dụng nguồn điện không đúng trong khu vực này.
3	Đổ, rơi vãi hóa chất công nghiệp trong kho bảo quản	Do bao bì chứa bị khuyết điểm, bị lão hóa	Côn trùng cắn, phá
4	Sự cố trong quá trình vận chuyển hóa chất (Rơi vãi, tràn đổ,...)	Do bao bì bị hỏng, rò rỉ	Do thao tác trong quá trình vận chuyển gây va đập, nứt vỡ bao bì chứa
5	Sự cố trong quá trình sử dụng hóa chất	Do thao tác của người sử dụng không đúng; do sự bất cẩn, chủ quan của người sử dụng	Do chập điện, sấm sét, v.v...

❖ **Dự báo các diễn biến của quá trình xảy ra của các sự cố**

Hóa chất tràn đổ nếu không có biện pháp xử lý kịp thời sẽ gây ra những tác động đến người và môi trường xung quanh.

Khi xảy ra tràn đổ rò rỉ hóa chất, nếu có người lao động làm việc tại khu vực tràn đổ rò rỉ thì thông qua tiếp xúc, đường hô hấp hóa chất sẽ có những tác động xấu tới sức khỏe của người lao động.

Người lao động khi tiếp xúc với hóa chất công nghiệp sẽ gặp phải ra các triệu chứng sau:

– Đường mắt: gây kích thích mắt, mẩn đỏ và đau.

– Đường thở: gây kích ứng đường hô hấp, các triệu chứng bao gồm ho, khó thở.

– Đường da: gây kích ứng da. Các triệu chứng bao gồm đỏ, ngứa và đau rát.

Các tác động này đều biểu hiện ngay lập tức và có thể gây nguy hiểm cho người lao động. Mặt khác, tràn đổ hóa chất có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản

❖ **Phương án phòng ngừa sự cố**

➤ ***Chuẩn bị nhân lực ứng phó sự cố***

Nguồn nhân lực ứng phó sự cố là đội ứng phó sự cố khẩn cấp, đảm bảo cùng nhau phối hợp khi có sự cố xảy ra.

➤ ***Chuẩn bị trang thiết bị ứng phó sự cố:***

Trang bị cát, xẻng, chổi, giẻ lau, PPE (khẩu trang hoạt tính/mặt nạ phòng độc, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ) tại khu vực lưu trữ và những vị trí có sử dụng hóa chất.

Nhân viên quản lý hóa chất tiến hành kiểm tra định kỳ hàng tuần về tình trạng mất, hư hỏng, sử dụng, vị trí, vật cản,...

Dán các biển cảnh báo, hướng dẫn quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất tại các khu vực sử dụng hóa chất.

➤ ***Đào tạo, hoạt động diễn tập:***

Thời gian:

1 năm thực hiện diễn tập ứng phó sự cố hóa chất 01 lần và 1 năm thực hiện tập huấn nhận thức cho CBCNV 01 lần.

Nội dung:

Tổ chức cho lực lượng UPSCKC học tập tính năng tác dụng và cách sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ, cách sơ cứu cho người bị nạn theo sự hướng dẫn của đơn vị đào tạo chuyên nghiệp.

➤ ***Một số biện pháp phòng ngừa cụ thể:***

Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản phải sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. Không có hiện tượng xếp chồng lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ (phụ can khi xếp chồng không quá 2 lớp, chiều cao của các lô hàng không quá 2 m), lối đi giữa các lô hàng hóa tối thiểu là 1,5 m. Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phụ can chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa,

rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

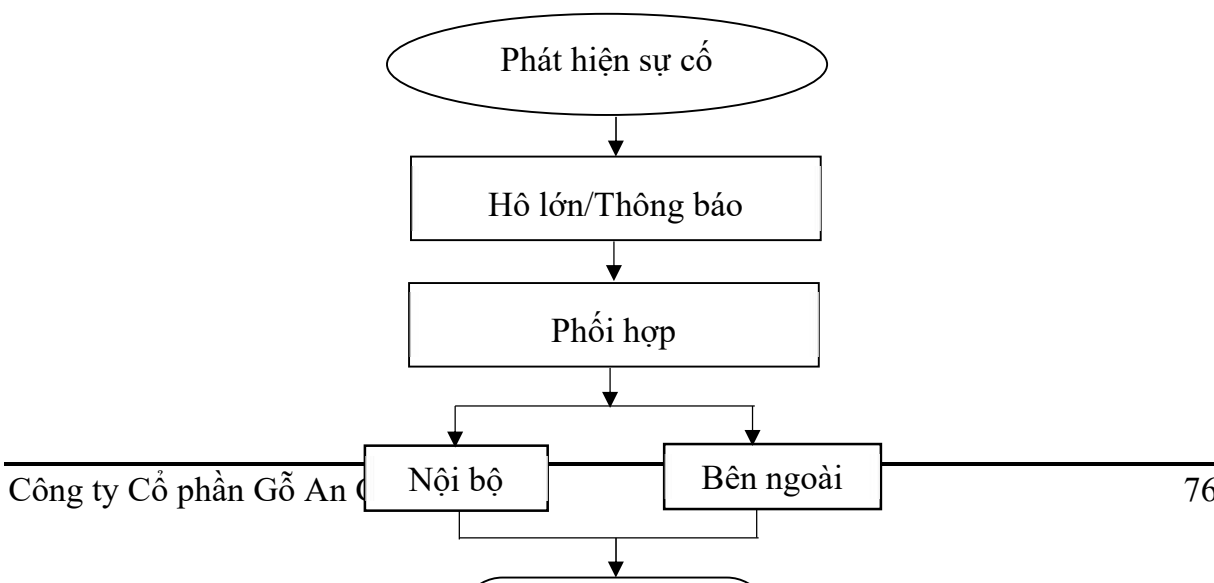
Với mỗi loại hóa chất sử dụng trong Công ty đều phải có sẵn bảng dữ liệu về phiếu an toàn hóa chất. Trong đó tối thiểu phải có những thông tin cơ bản hướng dẫn cách sử dụng hóa chất an toàn, đạt hiệu quả, thông tin về các biện pháp bảo quản, phòng ngừa thích hợp (gồm cả hạng mục trang thiết bị bảo vệ cá nhân) và các biện pháp khẩn cấp, biển cảnh báo tại kho trong khu vực sử dụng hóa chất.

Bất kỳ công nhân nào khi làm việc với hóa chất đều phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và nắm rõ kỹ thuật an toàn đối với việc sử dụng mỗi loại hóa chất.

Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài kho, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc. Khi phát hiện các sự cố nguy hiểm (mất mát hóa chất nguy hiểm, tràn đổ, cháy nổ...) phải báo ngay cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

Giám đốc và người phụ trách về an toàn môi trường - hóa chất của công ty có thể tiến hành kiểm tra đột xuất kho bảo quản hóa chất. Nếu không đảm bảo điều kiện an toàn thì thủ kho phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và tiến hành khắc phục ngay các điểm không đảm bảo an toàn.

❖ **Phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra:**



Hình 3.8: Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố hóa chất

➤ *Phát hiện sự cố*

- Khi phát hiện sự cố tràn đổ hóa chất, dung môi, công nhân viên phải ngay lập tức hô lớn thông báo cho kỹ thuật viên, những người xung quanh được biết.
- Tất cả các nhân viên làm việc liên quan đến chiết xuất, sử dụng và bảo quản hóa chất đều phải được tập huấn ứng cứu sự cố tràn đổ hóa chất.
- Khi nghe tiếng hô tràn đổ hóa chất, kỹ thuật viên hoặc giám sát khu vực hoặc thành viên của đội UPSCKC phải ngay lập tức chạy đến khu vực có sự cố.
- Giám sát khu vực có trách nhiệm báo cho Đội trưởng/Đội phó của đội UPSCKC.

➤ *Phối hợp nội bộ*

- Nhân viên ngay lập tức yêu cầu dừng tất cả công việc tại khu vực xảy ra sự cố, mọi hoạt động sang chiết hóa chất đồng thời sử dụng các giẻ lau gần nhất để cô lập khu vực xảy ra sự cố.
- Huy động toàn bộ con người và thiết bị sẵn có để ứng phó với hóa chất chảy, tràn nhằm hạn chế tối đa tác hại của hóa chất ảnh hưởng đến môi trường: nguồn nước, đất và không khí.
- Đội UPSCKC cùng với giám sát khu vực hoặc kỹ thuật viên, công nhân viên tiến hành khắc phục sự cố.
- Sử dụng giẻ lau/cát để thấm hóa chất, cố gắng giảm hoặc không để sự cố lây lan gây ô nhiễm môi trường hay ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.
- Lượng giẻ lau hoặc cát dính hóa chất phải được thu gom riêng để xử lý CTNH.
- Nếu cần đến sự hỗ trợ của cơ quan chức năng bên ngoài, Đội UPSCKC cần cô lập sự cố, di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực sự cố trong khi chờ cơ quan chức năng đến hỗ trợ.

➤ *Phối hợp bên ngoài*

Trong trường hợp chảy, tràn hóa chất trên diện rộng nội bộ giải quyết không thể triệt để thì cần phải phối hợp với các cơ quan chức năng bên ngoài để cùng giải quyết. Khi đó có thể liên hệ theo danh sách các số điện thoại được dán ở bảng thông báo.

➤ **Lập hồ sơ và báo cáo lên BGD**

– Sau khi thực hiện giải quyết xong sự cố, Đội trưởng đội UPTTKC thực hiện báo cáo lên Đại diện lãnh đạo về tình trạng giải quyết sự cố.

– Lập hồ sơ điều tra, phân tích nguyên nhân xảy ra sự cố và đề xuất các biện pháp khắc phục sự cố tái diễn.

➤ **Nội dung thực hiện sau khi xử lý sự cố hóa chất**

– Tiếp tục cách ly khu vực xảy ra sự cố và thông báo cho toàn bộ CBCNV sự cố này.

– Nhân viên vệ sinh tiến hành dọn dẹp hiện trường hoặc tiếp tục xử lý khu vực xảy ra sự cố để trả lại hiện trạng ban đầu dưới sự chỉ đạo và giám sát của nhân viên an toàn.

– Trưởng bộ phận kết hợp với Ban an toàn lập hồ sơ ghi nhận sự cố, hậu quả của sự cố, điều tra nguyên nhân dẫn đến sự cố và đánh giá lại phương án ứng phó.

– Điều chỉnh các tài liệu và phương án ứng phó với sự cố hóa chất (nếu cần).

– Trong quá trình điều tra, nếu phát hiện các mối nguy mới có thể dẫn đến sự cố hóa chất, Ban an toàn tiếp tục tiến hành nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro, tiến hành các hoạt động kiểm soát để loại trừ mối nguy và giảm thiểu các sự cố khẩn cấp xảy ra.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

❖ **Dự báo các tình huống xảy ra sự cố cháy nổ**

Công ty Cổ phần Gỗ An Cường có nguy cơ tiềm ẩn cháy. Việc cháy có thể xảy ra bởi một số nguyên nhân sau:

- Cháy do bất cẩn trong việc sử dụng lửa: Nguyên liệu và sản phẩm của công ty đều là ván nên rất dễ cháy khi gặp lửa.

– Cháy do dùng điện quá tải: Việc sử dụng cùng lúc quá nhiều thiết bị điện làm cường độ dòng điện tăng lên quá cao, sinh nhiệt năng lớn gây cháy;

– Cháy do chập mạch: Sự cố chập mạch làm các pha chập vào nhau, dây nóng chạm vào dây nguội, dây nóng chạm đất làm điện trở mạch ngoài rất nhỏ, dòng điện trong mạch tăng rất lớn làm cháy lớp cách điện của dây dẫn và làm cháy thiết bị tiêu thụ điện;

– Cháy do nối dây không an toàn, mối nối bị lỏng hoặc hở sinh ra tia lửa điện tiếp xúc với vật liệu dễ gần dễ cháy như giấy...sẽ gây cháy;

- Cháy do sét đánh: Sự cố xảy ra do tia sét với dòng điện lớn đột ngột truyền vào vật liệu, công trình gây cháy;
- Cháy do hóa chất: Chất thải nguy hại phát sinh tại xưởng lưu trữ không đúng cách trước khi tập kết về kho CTNH của Công ty, gần với khu vực phát sinh nhiệt cũng có thể gây cháy;
- Cháy do nguyên nhân khác: Công nhân hút thuốc và vứt tàn thuốc không đúng nơi quy định, công nhân vận hành máy móc thiết bị không đúng quy trình vận hành an toàn,...

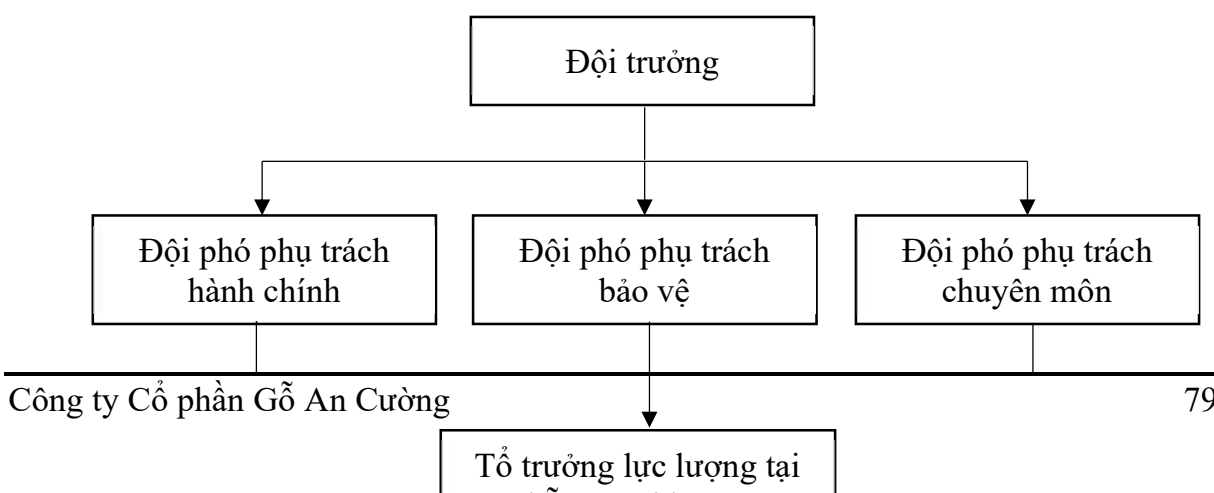
❖ **Dự báo các diễn biến của quá trình xảy ra của các sự cố**

Khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản của Công ty, tính mạng con người và gây ô nhiễm nặng nề tới môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính... Do vậy Công ty sẽ trang bị đầy đủ một số phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động và thiết bị PCCC cầm tay nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

❖ **Phương án phòng ngừa sự cố**

➤ **Chuẩn bị nhân lực ứng phó sự cố**

Công ty đã thành lập đội PCCC cơ sở và phân chia nhiệm vụ theo sơ đồ:



Hình 3.9: Sơ đồ tổ chức đội PCCC cơ sở

Cơ cấu đội PCCC cơ sở gồm 55 thành viên, phân bố đều khắp các khu vực, phòng ban, đồng thời phối hợp với đội UPSCKC ứng phó khi có sự cố xảy ra. Trách nhiệm và quyền hạn của đội như sau:

✓ ***Đội trưởng:***

- Có trách nhiệm chỉ huy hoạt động ứng phó sự cố cháy nổ
- Huy động ngay lực lượng, phương tiện của lực lượng phòng cháy chữa cháy để chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;
- Quyết định khu vực chữa cháy, các biện pháp chữa cháy, sử dụng địa hình, địa vật lân cận để chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;
- Mọi người phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy.

✓ ***Đội phó phụ trách hành chính có trách nhiệm:***

- Tiếp nhận mệnh lệnh từ người chỉ huy chữa cháy để giao nhiệm vụ cho các tiểu đội thuộc phạm vi quản lý.
- Đề xuất việc ban hành các quy định, nội quy an toàn PCCC;
- Có chức năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC. Xây dựng phong trào quần chúng tham gia PCCC.

✓ ***Đội phó phụ trách bảo vệ có trách nhiệm:***

- Lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định PCCC đối với những bộ phận có nhiều nguy hiểm dễ xảy ra cháy phải được kiểm tra hàng ngày.
- Thông qua tuần tra bảo vệ mục tiêu, kiểm tra công tác PCCC đặc biệt lưu ý về ban đêm, ngày nghỉ, lễ, tết.
- Đề xuất xử lý những trường hợp cố tình vi phạm quy định an toàn PCCC, hình thức xử lý theo quy chế đã ban hành và cần thông báo để rút kinh nghiệm chung.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của người chỉ huy chữa cháy.

✓ ***Đội phó phụ trách chuyên môn có trách nhiệm:***

– Tiếp nhận mệnh lệnh từ người chỉ huy chữa cháy để giao nhiệm vụ cho các tiểu đội thuộc phạm vi quản lý.

– Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho mọi người về PCCC;

– Xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện. Tham gia chữa cháy, cứu nạn khi có sự cố xảy ra.

– Thiết lập sự phối hợp trong công tác chữa cháy giữa các tổ chữa cháy thuộc phạm vi quản lý và sự phối hợp của toàn đội với các đơn vị khác.

– Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của người chỉ huy chữa cháy.

✓ ***Các lực lượng tại chỗ ở các khu vực có trách nhiệm***

– Điều tiết công nhân ở từng khu vực, hướng dẫn công nhân sơ tán đúng các, đi đúng lối thoát hiểm;

– Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn cháy nổ, chuẩn bị sẵn sàng chữa cháy.

– Kiểm tra việc chấp hành quy định về bảo đảm an toàn, trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân trang bị cho cán bộ trong toàn đội thuộc phạm vi quản lý trước khi thực hiện nhiệm vụ chữa cháy.

✓ ***Đội viên tại chỗ ở các khu vực có trách nhiệm:***

– Báo cháy khi phát hiện ra cháy, chấp hành nghiêm lệnh huy động tham gia chữa cháy và hoạt động phòng cháy và chữa cháy khác, kịp thời khắc phục các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

➤ ***An toàn trong thiết kế:***

Nhà kho, khu vực chứa đảm bảo các yêu cầu theo TCVN 5507:2002 về hóa chất– quy phạm an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển như:

– Kho chứa được xây dựng, tuân thủ theo các quy định về cự ly an toàn, các cấp bậc chịu lửa, bố trí giao thông đi lại của người và phương tiện theo đúng các quy định tại TCVN 2622:1995. Tường, sàn kho chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn nhà được thiết kế chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ, bề mặt không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút; tất cả các bức tường đều không thấm nước; bề mặt bên ngoài của tường trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng mà không bắt bụi.

– Khu vực nhà xưởng được xây dựng đảm bảo về yêu cầu thiết kế, xây dựng: Phù hợp với TCVN 4317:1986 (nhà kho, nguyên tắc cơ bản để thiết kế), TCVN 2622:1995 (thiết kế nhà kho theo nguyên tắc an toàn cháy nổ), TCVN 3147:1990 (quy phạm an toàn trong công tác bốc dỡ hóa chất).

– Có lối đi ra, vào phù hợp với cửa chịu lửa được mở hướng ra ngoài. Cửa có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.

– Kho luôn luôn được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ, tuyệt đối cấm mọi nguồn lửa đối với kho chứa nhiên liệu.

– Có hệ thống thông gió để làm loãng và hút khí độc sinh ra.

– Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp. Ký hiệu cảnh báo tuân thủ yêu cầu Quốc gia về màu sắc, hình tượng và dạng hình học. Bên cạnh đó, tại kho có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất những điều cần phải triệt để tuân theo khi sắp xếp, vận chuyển, sử dụng

➤ ***Chuẩn bị trang thiết bị ứng phó sự cố***

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ có thể xảy ra, chủ dự án đã thi công các hạng mục lối thoát nạn, các giải pháp kiến trúc, ngăn cháy, chống cháy lan, hành lang, lối thoát nạn, khoảng cách giao thông phục vụ chữa cháy; lắp đặt hệ thống chữa cháy bằng Foam (hạng vách tường, tự động Sprinkler), hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng lắp đặt tại nhà văn phòng, kho hóa chất.

Tổng kho 2 - Công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã được Công an tỉnh Bình Dương cấp giấy Chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 914/TD-PCCC-P2 ngày 13/12/2016; được Công an tỉnh Bình Dương nghiệm thu hệ thống PCCC tại văn bản số 167/PC07-CTPC ngày 12/03/2020.

Công ty đã lập kế hoạch phòng cháy chữa cháy và thực hiện theo đúng hướng dẫn của Luật Phòng cháy chữa cháy số 40/2013/QH13 được thông qua ngày 22/11/2013.

➤ ***Đào tạo, hoạt động diễn tập:***

Thời gian:

– 1 năm thực hiện diễn tập PCCC 04 lần, 01 lần với cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương và 03 lần nội bộ.

– 1 năm thực hiện tập huấn nhận thức PCCC 01 lần.

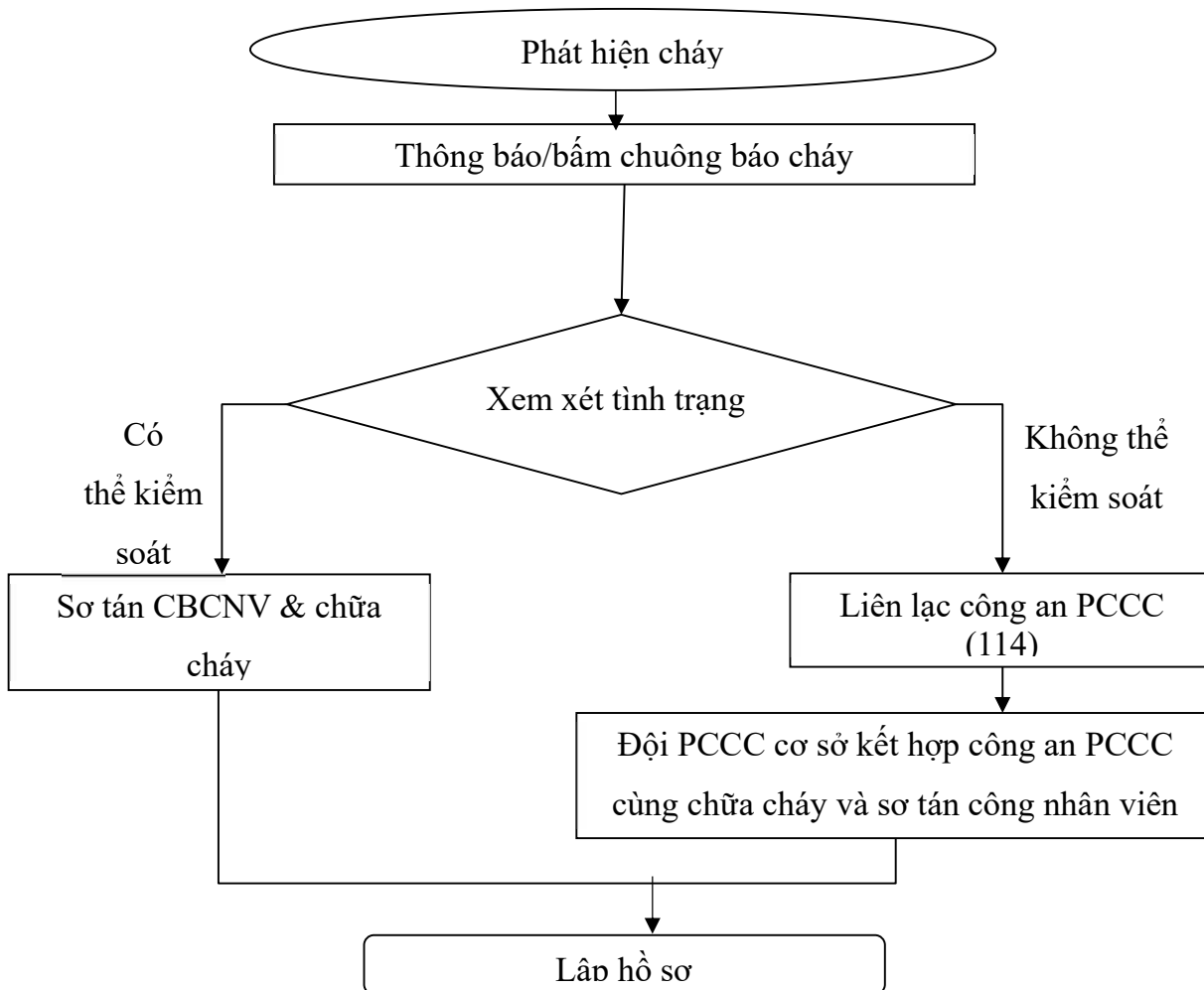
Nội dung:

– Tổ chức cho lực lượng PCCC tại chỗ học tập tính năng tác dụng và cách sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ theo sự hướng dẫn của Cơ quan PCCC chuyên nghiệp.

– Nhằm hướng dẫn cho các công nhân viên cách di tản một cách trật tự trong trường hợp công ty xảy ra hỏa hoạn.

– Kết hợp chặt chẽ với lực lượng PCCC của tỉnh Bình Dương

❖ **Phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra:**



Hình 3.10: Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ

➤ **Phát hiện cháy:**

– Nếu đám cháy nhỏ: nghĩa là đám cháy đó công nhân viên phát hiện có thể có khả năng tự dập tắt bằng các thiết bị, dụng cụ sẵn có gần nhất thì công nhân viên đó nhanh chóng dập tắt lửa

– Nếu đám cháy lớn:

+ Nhân viên hô lớn “CHÁY!CHÁY!CHÁY!” và nhanh chóng nhấn “chuông báo cháy” gần nhất và thông báo cho đội trưởng Đội PCCC.

+ Khi nghe tiếng hô và “chuông báo cháy”, các thành viên trong đội PCCC phải nhanh chóng vào vị trí phân công để chuẩn bị chữa cháy. Mặc bảo hộ khi chữa cháy (ủng, nón,...), mang các trang thiết bị như phân công để tiến hành chữa cháy.

+ Đội trưởng đội PCCC phải lập tức ra phòng bảo vệ tại cổng chính để xác định vị trí xảy ra cháy.

➤ ***Xem xét tình trạng sự cố***

Đội trưởng đội PCCC cơ sở tiến hành xem xét tình trạng của sự cố:

– Nếu xét thấy có thể tự kiểm soát sự cố, Đội trưởng đội PCCC cơ sở sẽ hướng dẫn đội PCCC cơ sở tiến hành sử dụng trang thiết bị PCCC để chữa cháy và sơ tán cho công nhân viên tại khu vực đó.

– Nếu thấy sự cố ngoài tầm kiểm soát của đội PCCC cơ sở, Đội PCCC cơ sở phải gọi lực lượng chữa cháy của khu vực (114) hoặc số của đội cảnh sát PCCC thành phố/ tỉnh/ huyện, nêu rõ vị trí cháy xảy ra cháy, đồng thời gọi điện thoại báo cho lãnh đạo cơ sở.

– Đồng thời, PCCC cơ sở phối hợp với giám sát khu vực sơ tán toàn bộ công nhân viên và các tài sản cần thiết.

– Đồng thời, đội PCCC cơ sở phải liên lạc với Trung tâm Y tế gần nhất

➤ ***Tập trung lực lượng phân công nhiệm vụ cụ thể:***

– Cắt điện khu vực xảy ra cháy.

– Hướng dẫn mọi người bình tĩnh thoát nạn thật nhanh theo các cửa thoát hiểm trong nhà máy (khu vực văn phòng theo đường cầu thang bộ xuống đất ra ngoài) thật khẩn trương, không chen lấn xô đẩy. Kiểm tra lại toàn bộ các vị trí xem có người bị nạn không thể tự thoát ra ngoài. Khi có người bị nạn ngạt ngất phải tổ chức sơ cứu kịp thời và gọi điện cho trung tâm cấp cứu 115.

– Sử dụng bình chữa cháy xách tay và các họng nước chữa cháy tại vách tường được trang bị để chữa cháy ban đầu, hạn chế sự cháy lan của đám cháy.

– Tổ chức lực lượng di chuyển tài sản, hạn chế cháy lan. Chú ý không để tài sản đã sơ tán ở lối đi. Cử người trông giữ tài sản cứu được tại khu vực tập kết.

– Cử người đón và hướng dẫn lính cứu hỏa đến vị trí xảy ra cháy. Lực lượng bảo vệ đón xe chữa cháy và bảo vệ các khu vực cổng không để người bên ngoài không có nhiệm vụ vào khu vực cháy và khu vực hiện trường đám cháy.

– Nhân viên y tế của công ty chuẩn bị thuốc, dụng cụ sơ cứu người bị nạn.

– Khi lực lượng cảnh sát PCCC tới thì lực lượng chữa cháy của cơ sở phải báo cáo ngắn gọn tình hình cháy và công tác cứu chữa ban đầu của cơ sở đồng thời phối hợp với Cảnh sát PCCC trình sát đám cháy, cứu người bị nạn, tiếp nước cho xe chữa cháy khi được yêu cầu.

➤ **Sơ cấp cứu**

– Song song với công tác chữa cháy và di tản người, đội sơ cấp cứu phải tiến hành liên lạc với cơ quan y tế bên ngoài để hỗ trợ (nếu ngoài tầm kiểm soát của đội).

– Chuẩn bị tất cả các thiết bị, vật dụng sơ cấp cứu cần thiết, tập trung tại nơi tập trung sơ tán để sơ cấp cứu cho nạn nhân.

➤ **Hành động khắc phục**

– Nhân viên vệ sinh tiến hành thu dọn hiện trường, vệ sinh khu vực xảy ra sự cố.
– Ban an toàn phối hợp bộ phận xảy ra sự cố tìm hiểu nguyên nhân, tổng kết thiệt hại; xem xét lại phương án ứng cứu, đề ra các cách khắc phục phòng ngừa.

– Nếu vụ cháy xảy ra do ý thức của công nhân:
+ Xác định cá nhân liên quan, tiến hành biện pháp kỷ luật.
+ Nếu xảy ra do tình trạng hút thuốc của công nhân nam trong xưởng sản xuất sẽ điều ra và đuổi việc. Răn đe hơn về quy định nghiêm cấm hút thuốc trong xưởng sản xuất của Công ty.

+ Tăng cường giáo dục ý thức của công nhân, quản lý kiểm soát chặt chẽ hơn.
– Nếu vụ cháy do kỹ thuật hoặc do trang thiết bị:
+ Thay thế các trang thiết bị mới hoặc có đặc tính kỹ thuật cao hơn.
+ Rút ngắn thời gian bảo dưỡng định kỳ.
+ Ban an toàn lập biên bản báo cáo cho Lãnh đạo cao nhất, biên bản phải xác định rõ nguyên nhân, thiệt hại và đề ra cách khắc phục. Tổ chức cuộc họp xem xét của lãnh đạo cao nhất và các bộ phận có liên quan (nếu cháy nổ nghiêm trọng).
– Ban an toàn tiến hành lưu thông tin dạng văn bản.
– Tổ chức cuộc họp xem xét với lãnh đạo nếu xảy ra vụ cháy nghiêm trọng.

3.6.3. Biện pháp ứng phó với sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

Phương án phòng ngừa sự cố số 1: Sự cố ứng phó môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm.

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp có sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh như : hư hỏng thiết bị máy bơm, cánh gạt bùn hoạt động không

hiệu quả, nước thải đầu vào quá đậm đặc, nứt vỡ đường ống tại các đơn nguyên của hệ thống xử lý nước thải...

- Thời điểm xảy ra sự cố: 10h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: tại bể điều hòa xảy ra hiện tượng khuấy trộn kém, khuấy trộn không đều của hệ thống xử lý nước thải, công suất 50 m³/ngày.đêm.
- Khu vực xảy ra sự cố: Trạm xử lý nước thải.
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: Máy thổi khí không hoạt động.
- Cách khắc phục: kiểm tra máy thổi khí, trường hợp máy hư hỏng thì tiến hành sửa chữa hoặc thay thế thiết bị.
- Khả năng ảnh hưởng của sự cố: lắng đọng chất rắn lơ lửng, có thể gây đóng rắn ở đáy bể làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý sau.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố số 2:

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp có sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh như: Bể lắng vi sinh lắng bùn kém, vi sinh bị chết gây mùi hôi kèm COD tăng cao do tảo cào bùn bị hỏng, nứt vỡ đường ống tại các đơn nguyên của hệ thống xử lý nước thải sản xuất...

- Thời điểm xảy ra sự cố: 11h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: hệ thống xử lý nước thải
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: kẹt rác trong ống dẫn nước thải; kiểm tra, thay thế vi sinh; đường ống nứt vỡ.
- Cách khắc phục: vệ sinh rác trong hố gom các khu vực; kiểm tra thay đổi thời gian chạy của máy bơm bùn, vệ sinh bơm bùn, hút hết bùn và nước trong bể lắng, kiểm tra đường ống bị hư hỏng để thay thế hoặc sửa chữa.

Trong trường hợp sự cố nhỏ, thời gian khắc phục nhanh thì toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ được dẫn tuần hoàn về bể điều hòa để tái xử lý.

Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố số 3: Sự cố ứng phó môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm. Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp sự cố nước thải sau xử lý của hệ thống không đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011, Cột A.

- Thời điểm xảy ra sự cố: 14h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: hệ thống xử lý nước thải.

- Nguyên nhân xảy ra sự cố: có thể nước thải đầu vào quá đậm đặc; lưu lượng bơm hóa chất quá nhỏ, hoặc quá lớn; pH đầu vào bất thường; khí nén, nước tuần hoàn, máy thổi khí không hoạt động; quá trình xử lý hóa lý không đạt hiệu quả...

- Cách khắc phục: Giảm lưu lượng xử lý; tăng giảm lưu lượng bơm hóa chất; thay đổi giá trị pH cài đặt; điều chỉnh lưu lượng khí nén, nước, áp suất trong bồn trộn khí, điều chỉnh lưu lượng nước thải; kiểm tra máy thổi khí; kiểm tra toàn bộ hệ thống, kiểm tra hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào. Trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt sẽ chuyển sang bể điều hòa để xử lý lại.

Trong trường hợp sự cố có thời gian khắc phục kéo dài, nước thải được dẫn về bể điều hòa với thể tích bể điều hòa: 10 m³ đảm bảo thời gian lưu 1 ngày của hệ thống có công suất 50 m³/ngày để khắc phục sự cố.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố số 4: Sự cố môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, công suất 50 m³/ngày vượt quá tầm kiểm soát của cơ sở

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp bị nứt, vỡ, rò rỉ các bể xử lý nước thải tràn đổ nước thải thẳng ra môi trường.

- Thời điểm xảy ra sự cố: 15h00 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: Vỡ bể lắng của hệ thống xử lý nước thải.
- Khu vực xảy ra sự cố: Trạm xử lý nước thải .
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: do tác động ngoài ý muốn của hiện tượng thời tiết mưa bão.

Trong trường hợp vượt quá khả năng lưu của các bể điều hòa, nhà máy sẽ ngưng sản xuất các công đoạn nào phát sinh nước thải, hoặc trường hợp vỡ bể lắng, nước thải chưa xử lý tràn đổ thẳng ra môi trường thì chủ cơ sở chủ động thông báo đến các cơ quan chức năng hỗ trợ khắc phục, đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó thực hiện.

❖ Kế hoạch tổ chức ứng phó sự cố môi trường cụ thể:

- Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường của cơ sở có mặt tại hệ thống XLNT để chỉ huy và đưa ra hướng khắc phục sự cố.

- Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường phân công nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Tổ thông tin (3 người): nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải. Khi nhận được tin báo có sự cố xảy ra tại hệ thống XLNT trong cơ sở thì nhanh chóng thông báo cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường của cơ sở để được hướng dẫn và được ra phương án khắc phục sự cố.

Tổ kỹ thuật (7 người): Bao gồm tổ trưởng, ca trưởng, giám đốc xưởng và xưởng trưởng:

- Tư vấn, đưa ra phương án khắc phục sự cố cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường;

- Đội trưởng phân công nhiệm vụ, đưa ra phương án khắc phục sự cố để tổ kỹ thuật thực hiện;

- Nước sự cố vượt ra ngoài khả năng của cơ sở, cơ sở sẽ thông báo đến các cơ quan chức năng hỗ trợ khắc phục.

❖ Biện pháp phòng ngừa:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và có nhật ký vận hành hệ thống nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống

xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được bơm về bể điều hòa; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

❖ Quy trình ứng phó sự cố như sau:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về bể điều hòa để xử lý lại (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

- Trường hợp các hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được bơm về bể điều hòa; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải

được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

– Trường hợp xảy ra sự cố nhỏ (sự cố máy móc, thiết bị hư hỏng (máy khuấy, máy bơm, máy thổi khí...) nhưng nước thải vẫn đạt quy chuẩn xả thải cho phép: hầu hết các thiết bị chính đều có trang bị các thiết bị dự phòng, 1 hoạt động, 1 dự phòng, do vậy khi 1 thiết bị hư hỏng, thiết bị dự phòng có thể thay thế nhanh để hệ thống tiếp tục vận hành. Đồng thời công nhân vận hành nhanh chóng tìm cách khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế thiết bị hư hỏng bằng các thiết bị, máy móc dự phòng hoặc đề xuất mua thay thế trong thời gian nhanh nhất.

– Trong trường hợp sự cố kéo dài, nước thải phát sinh quá sức chứa của bể điều hòa, cơ sở sẽ tạm dừng hoạt động và chỉ hoạt động trở lại khi các sự cố đã được khắc phục.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với hệ thống xử lý bụi

Phương án phòng ngừa sự cố số 5: Sự cố ứng phó môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp có sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh như: rò rỉ hệ thống thu gom, thoát khí thải, sự cố hư hỏng thiết bị, túi vải hư hỏng, ...

- Thời điểm xảy ra sự cố: 15h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: Rò rỉ khí thải ra môi trường sản xuất của công nhân
- Khu vực xảy ra sự cố: hệ thống xử lý khí thải khu vực mài đế.
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: do túi vải hư hỏng
- Cách khắc phục: Kiểm tra, dùng máy để thay thế túi vải.
- Khả năng ảnh hưởng của sự cố: ảnh hưởng đến chất lượng không khí trong môi trường sản xuất của công nhân.

Trong trường hợp sự cố nhỏ, thời gian khắc phục nhanh thì ngưng toàn bộ hệ thống xử lý khí khu vực mài đế để khắc phục sự cố, đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.7.1. Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của nhà máy. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp không chế ô nhiễm để giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe của người công nhân, công ty còn áp dụng thêm những biện pháp sau:

- Xây dựng các nội quy, quy định về an toàn lao động và giám sát thực hiện nội quy
- Sắp xếp hoá chất trong khu vực chứa hoá chất hợp lý, tạo lối đi thông thoáng và không chất hàng quá cao
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho nhân viên
- Trang bị tủ thuốc y tế và các trang thiết bị sơ cứu khẩn cấp tại khu vực nhà văn phòng
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động
- Nghiêm cấm không ăn uống, hút thuốc trong khu vực công ty.

3.7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn

Sự cố về kho chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường,

Phát tán cường bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

Kịch bản ứng phó khi có sự cố xảy ra:

 **Tình huống 1: Phương án xử lý tình huống đo tràn trong quá trình lưu trữ chất thải:**

a) Vị trí đổ tràn:

Tại nhà kho chất thải nguy hại;

Chất thải đổ tràn là dầu nhớt thải ra từ quá trình bảo trì máy móc được vận chuyển xuống kho chứa CTNH;

b) Thời gian xảy ra đổ tràn:

Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z

c) Nguyên nhân xảy ra đổ tràn:

Trong quá trình sắp xếp nhân viên để chồng các thùng chứa nhớt thải lên nhau tại kho và gây ra đổ tràn;

d) Thời gian diện tích đổ tràn:

Thời gian từ khi đổ tràn tới khi khoanh vùng là: 2 phút

Diện tích đổ tràn đến khi triển khai lực lượng ứng phó tại chỗ là: 3 m²

e) Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc khoanh vùng:

Xung quanh là các thùng chứa CTNH khác nhau cần phải di chuyển các thùng chứa này ra ngoài;

f) Tổ chức triển khai lực lượng:

+ Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;

+ Phương tiện: 02 bộ ứng phó đổ tràn, 2 mặt nạ phòng độc, 2 ủng cao su, 2 bao tay chống hóa chất, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, 2 tạp dề, 1 cuộn dây cảnh báo;

Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:

+ Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dầu nhớt đổ tràn, dầu nhớt đổ tràn ... hoặc sử dụng loa hay kêng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;

+ Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC. Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp để tiến hành cô lập, khoanh vùng không cho chất thải chảy lan ra môi trường.

+ Thu hồi chất thải tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải kín.

+ Báo cáo tình hình diễn biến cho Chỉ huy UPSC.

 Tình huống 2: Phương án xử lý tình huống chập điện dẫn đến cháy kho chất thải:

a) Vị trí xảy ra: Tại nhà kho chất thải tập trung; Chập đường dây điện dẫn đến phát lửa ở khu vực này.

b) Thời gian xảy ra: Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z.

c) Nguyên nhân xảy ra: chập điện.

d) Thời gian phát hiện sự cố: ngay khi xảy ra chập điện và bắt cháy; Vị trí gần kho CTNH.

e) Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc ứng phó: các thùng rác đang sắp xếp để nhập kho lưu trữ.

f) Tổ chức triển khai lực lượng:

+ Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;

+ Phương tiện: 02 bình cứu hỏa, 2 mặt nạ phòng độc, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, cát chuyên dụng, 1 cuộn dây cảnh báo.

Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:

+ Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dùng nhót đổ tràn, dùng nhót đổ tràn ... hoặc sử dụng loa hay kêng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;

+ Liên lạc với UBND phường Thái Hòa, Ban chỉ huy phòng chống ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn TP Tân Uyên và Đội PCCC TP Tân Uyên theo lệnh của chỉ huy khi sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó.

+ Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC. Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

+ Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn.

3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

3.8.1. Đánh giá hiện trạng so với báo cáo đề án chi tiết đã được phê duyệt

Năm 2017 Công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 750.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm” tại địa chỉ thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Quyết định phê duyệt số 38/QĐ-STNMT ngày 13/01/2017.

Đến năm 2019, Công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã lập báo cáo hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường phân kỳ 1 của dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 750.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm” và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy xác nhận số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019. Từ đó đến nay, tại nhà máy vẫn duy trì hoạt động sản xuất với sản phẩm là hàng trang trí nội thất công suất 210.000 sản phẩm/năm. Trong quá trình hoạt động có thay đổi về sản phẩm, công suất và các hạng mục bảo vệ môi trường so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt, cụ thể được trình bày dưới đây

3.8.2. Đánh giá các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.19: Công trình xử lý chất thải theo báo cáo ĐTM và báo cáo hoàn công đã phê duyệt và theo báo cáo đề xuất cấp GPMT

STT	Tên hạng mục	Biện pháp, công trình xử lý môi trường		Nhận xét
		Theo báo cáo ĐTM đã được duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	
1	Sản phẩm	- Ván (phủ bề mặt ván): 790.000 sản phẩm/năm - Hàng trang trí nội thất: 210.000 sản phẩm/năm	- Hàng trang trí nội thất: 210.000 sản phẩm/năm	Do thực tế đơn hàng về sản phẩm ván không có nên công ty không tiến hành sản xuất ván tại nhà máy này
2	Lò dầu truyền nhiệt	Sử dụng 1 lò dầu truyền nhiệt công suất 2,7 triệu kcal/giờ	Không sử dụng	Không sản xuất ván (phủ bề mặt ván) nên không dùng đến hơi nhiệt → không có hệ thống xử lý khí thải lò dầu truyền nhiệt.

3	Danh mục máy móc thiết bị	Danh mục máy phục vụ cho sản xuất ván (phủ bề mặt ván) bao gồm: máy lăn keo, máy CNC, máy ép tầng, máy ép cong, dây chuyền ARC	Không có	Không sản xuất ván tại nhà máy
		Máy ép: 6 cái Máy cắt bàn: 14 cái Máy dán cạnh: 2 cái Máy khoan: 7 cái Máy cưa CNC: 4 cái Máy mài: 2 cái Máy bơm hơi: 1 cái	Số lượng một số máy thay đổi như sau: Máy ép: 1 cái Máy cắt bàn: 2 cái Máy dán cạnh: 8 cái Máy khoan: 6 cái Máy cưa CNC: 2 cái Máy mài: 1 cái Máy bơm hơi: 2 cái	Phù hợp với thực tế sản xuất tại nhà máy
		Không có	Máy chà nhám: 2 cái Máy đánh bóng: 4 cái Máy cắt giấy: 1 cái Máy đóng đai: 4 cái Máy quấn PE: 2 cái Máy phủ phim: 1 cái Thang máy: 2 cái Máy đo ken chỉ: 2 cái Máy cạo primer: 1 cái Máy bo góc: 1 cái	
4	Số lượng công nhân viên	100 người	330 người	Phù hợp với thực tế sản xuất
5	Công suất hệ thống xử lý nước thải	15 m ³ /ngày.đêm	50 m ³ /ngày.đêm	Phù hợp với lượng nước phát sinh thực tế tại nhà máy
6	Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải	- Nước thải sản xuất → Bể thu gom → bể phản ứng → bể lắng → Bể điều hòa (nước thải sản xuất sau xử lý + nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại) → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể	Nước thải sinh hoạt → Hố thu gom → bể điều hòa → bể sinh học SBR → Bể trung gian → Bể phản ứng → bể lắng hóa lý → Bể trung gian kết hợp khử trùng → Bể lọc áp lực → kênh thoát	Do thực tế tại nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất nên quy trình công nghệ xử lý nước thải có thay đổi.

		khử trùng → Kênh thoát nước chung của Khu vực.	nước chung của khu vực.	
7	Máy phát điện	Không có	01 máy công suất 275 KVA	Dự phòng cung cấp điện khi có sự cố mất điện xảy ra

3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất tại thửa đất 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản. Do đó, Cơ sở sẽ không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh số 1 tại xưởng sản xuất với lưu lượng khoảng 8 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh số 2 tại khu vực nhà xe với lưu lượng khoảng 8 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại văn phòng với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày.đêm.

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Lưu lượng xả thải tối đa tại nhà máy là công suất của hệ thống xử lý nước thải: 50 m³/ngày.đêm.

4.1.3. Dòng nước thải

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng (dòng nước thải sau hệ thống xử lý được thải vào Kênh thoát nước chung của khu vực)

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn tương ứng

Nước thải tại Cơ sở trước khi thải ra môi trường phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9; K_f=1,1. Cụ thể các chỉ tiêu và tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 4.1: Danh sách các chất ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn tương ứng theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	50	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/L	49,5		
4	BOD ₅	mg/L	29,7		
5	COD	mg/L	74,25		
6	Amoni	mg/L	4,95		
7	Tổng Nito	mg/L	19,8		
8	Tổng Phospho	mg/L	3,96		
9	Coliform	Vi khuẩn	3.000		

		/100mL			
--	--	--------	--	--	--

4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: Kênh thoát nước chung của khu vực
- Tọa độ vị trí xả thải (*Tọa độ VN 2000, Kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°*): X=1215645; Y=609147
- Phương thức xả: tự chảy
- Các chất ô nhiễm: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, T-N, T-P, NH₄, coliform
- Chế độ xả thải: liên tục 24 giờ/ngày.
- Quy chuẩn xả thải: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
1	Nguồn số 01 => 06	Bụi phát sinh từ các máy gia công tại tầng trệt của xưởng sản xuất (6 máy)
2	Nguồn số 07 => 25	Bụi phát sinh từ các máy gia công tại tầng 1 của xưởng sản xuất (19 máy)
8	Nguồn số 26	Bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện 275 KVA (phát sinh không thường xuyên)

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải, phương thức xả khí thải

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Lưu lượng	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).
1	Nguồn số 01 => 25	Dòng thải số 01	Ống thải số 01 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215703; Y=609130
		Dòng thải số 02	Ống thải số 02 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215704; Y=609129
		Dòng thải số 03	Ống thải số 03 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215702; Y=609129
		Dòng thải số 04	Ống thải số 04 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215700; Y=609130
		Dòng thải số 05	Ống thải số 05 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215700; Y=609131
		Dòng thải số 06	Ống thải số 06 hệ thống xử lý khí thải 01	3.300	X=1215699; Y=609132
2	Nguồn số 26	Dòng khí thải số 07	Ống thải số 07 của máy phát điện công suất 275 KVA	Không xác định được lưu lượng	X=1215799; Y=609105

- Lưu lượng xả thải tối đa: 19.800 m³/giờ.

- Phương thức xả thải: Xả thải liên tục trong quá trình hoạt động, riêng dòng số 07 chỉ thải khi hoạt động.

4.2.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp = 0,8 và Kv = 0,8 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ cụ thể như sau:

Bảng 4.2: Giá trị cho phép các thông số đặc trưng cho từng nguồn khí thải

TT	Tên nguồn thải	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng thải số 01-06				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	3.300	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2
2	Bụi	mg/Nm ³	128	

				điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
Dòng khí thải số 07: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có công trình xử lý khí thải, nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.				

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

Nguồn, vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).
Nguồn số 01	Khu vực sản xuất hàng trang trí nội thất	X=1215746; Y=609185
Nguồn số 02	Khu vực xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m ³ /ngày.đêm	X=1215665; Y=609138
Nguồn số 03	Khu vực công trình xử lý bụi	X=1215701; Y= 609131
Nguồn số 04	Khu vực máy phát điện công suất 275 KVA	X=1215798; Y= 609104

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

– Tiếng ồn:

Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA

TT	Thời gian áp dụng và mức độ ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	50	-	Khu vực thông thường

(Nguồn: Theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

– Độ rung:

Bảng 4.5. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất

TT	Thời gian áp dụng và mức gia tốc rung cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

(Nguồn: Theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí khoảng cách các máy móc thiết bị hợp lý.
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.
- Quy hoạch tổng thể mặt bằng nhà máy một cách hợp lý nhằm hạn chế tiếng ồn lan truyền trong nhà máy cũng như lan truyền ra khu vực xung quanh. Bố trí tường rào đồng thời trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.
- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện.
- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (như thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc thiết bị hư hỏng,...)

Công trình biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Công ty đã lắp đặt các đế cao su nhằm giảm độ rung.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị và bảo trì máy móc theo định kỳ.
- Ngoài ra định kỳ hàng năm công ty sẽ phối hợp với đơn vị đủ chức năng tiến hành đo đạc, quan trắc môi trường lao động để giám sát và quản lý môi trường làm việc của người lao động trực tiếp, phát hiện và cải thiện điều kiện làm việc đảm bảo sức khỏe cho người lao động tiếp trực tiếp.

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VỚI CHẤT THẢI

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

4.4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.6: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	120
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	NH	20
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	25
4	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	10
5	Keo thải	08 03 01	KS	500
6	Bao bì bằng kim loại thải có dính thành phần nguy hại	18 01 02	KS	150
7	Bao bì bằng nhựa thải có dính thành phần nguy hại	18 01 03	KS	70
8	Giẻ lau, bao tay dính keo, dầu nhớt thải	18 02 01	KS	1.800
Tổng				2.695

4.4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên

Bảng 4.7: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, vụn vụn, bìa vụn	09 01 03	60.000
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng PE thải	18 01 05	9.035
3	Bao bì nhựa, chỉ dán bằng nhựa, dây đai bằng nhựa thải	18 01 06	2.834
4	Dây đai sắt, sắt thép vụn thải	07 03 13	339
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 12	2.000
Tổng khối lượng			74.208

4.4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên

Bảng 4.8: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1.	Chất thải rắn sinh hoạt (<i>rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...</i>),	165
TỔNG KHỐI LƯỢNG		165

4.4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a. Thiết bị lưu chứa: trang bị thùng chứa có nắp đậy.

b. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, gờ chống tràn, hố thu và rãnh thu gom. Kho lưu trữ có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất

thải nguy hại. Cạnh cửa ra vào được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, có thùng chứa cát, xẻng xúc và bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa, ứng phó các sự cố có thể xảy ra tại kho lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích: 35m²

- Thiết kế, cấu tạo: khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường thuộc một phần diện tích của nhà chứa rác tập trung của công ty. Nhà kho có kết cấu nền đổ BTCT, tường gạch 1,5m, phần tường trên ốp tôn, khung kèo thép, mái lợp tôn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- ✓ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy thu gom chất thải sinh hoạt trong khuôn viên nhà máy

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- ✓ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu trữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế xây dựng nhà kho, khu vực lưu chứa hóa chất và các khu vực sản xuất có liên quan theo quy định tại QCVN 05A:2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn Luật Hóa chất và các quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp).

- Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hoá chất: thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hoặc dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đổ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy rộng và lưu giữ tại nhà kho chứa CTNH hoặc chờ mang đi xử lý đúng theo quy định; sử dụng phương tiện xe nâng di chuyển các thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho CTNH hoặc chờ mang đi xử lý đúng theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt theo quy định khác.

4.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan, bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo

vệ môi trường của Cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Công ty phải đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xảy ra các sự cố môi trường, hóa chất, cháy nổ tại các nhà máy khi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này và các quy định khác của pháp luật

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công ty đã đi vào hoạt động ổn định từ nhiều năm nay, trong quá trình hoạt động công ty luôn cố gắng tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, định kỳ phối hợp với các đơn vị có chức năng để đo đạc quan trắc mẫu nước thải, không khí, khí thải tại công ty. Cụ thể như sau:

Bảng 5.1: Thông tin lấy mẫu quan trắc định kỳ tại Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gổ An Cường

Năm	Đợt	Thời gian lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu	Thông tin giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động
2023	Đợt 1	27/03/2023	Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động	- Chứng nhận VILAS 444 - Chứng nhận VIMCERTS 026
	Đợt 2	08/6/2023		
	Đợt 3	22/9/2023		
	Đợt 4	12/12/2023		
2024	Đợt 1	10/4/2024	Công ty Cổ phần DV TV Môi trường Hải Âu	- Chứng nhận VIMCERTS 117
	Đợt 2	18/6/2024		

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

5.1.1. Vị trí tọa độ lấy mẫu nước thải

- Vị trí: Ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý
- Tọa độ: X=1215645; Y=609147

5.1.2. Kết quả phân tích nước thải

Bảng 5.2: Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý năm 2023 của Tổng kho 2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)
			Quý 1/2023	Quý 2/2023	Quý 3/2023	Quý 4/2023	
1	pH	-	6,56	6,85	6,96	6,12	6-9
2	TSS	mg/L	40	40	42	29	49,5
3	COD	mg/L	57	42	52	42	74,25
4	BOD ₅	mg/L	24	17	23	20	29,7
5	T-N	mg/L	26,1	10,5	12,7	18,1	19,8
6	T-P	mg/L	2,7	1,52	2,22	2,45	3,96
7	NH ₄	mg/L	15,1	2,06	3,09	3,11	4,95
8	Coliform	MPN/100mL	2.600	2.100	2.200	2.700	3.000

(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gổ An Cường năm 2023)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Nhận xét:

Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý của công ty trong kỳ quan trắc năm 2022 cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 5.3: Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024 của Tổng kho 2

TT	Chỉ tiêu	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT , cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)
		Đợt 1/2024	Đợt 2/2024	
1	pH	6,78	6,91	6-9
2	TSS (mg/l)	40	41	49,5
3	BOD ₅ (mg/l)	26	22	29,7
4	COD (mg/l)	65	56	74,25
5	Tổng Nito _r (mg/l)	12,7	17,5	19,8

6	Tổng Photpho (mg/l)	1,8	1,42	3,96
7	NH ₄ ⁺ (mg/l)	<3	<3	4,95
8	Coliform (MPN/100ml)	2.100	2.300	3.000

(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường năm 2024)

Nhận xét:

Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý của công ty trong kỳ quan trắc năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, đủ điều kiện xả thải ra môi trường.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

5.2.1. Kết quả phân tích không khí môi trường lao động

a. Vị trí lấy mẫu

Bảng 5.4: Ký hiệu, vị trí lấy mẫu môi trường không khí trong khu vực sản xuất

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	KK1	Khu vực xưởng sản xuất

a. Kết quả phân tích

Bảng 5.5: Kết quả phân tích chất lượng không khí trong khu vực sản xuất tại Tổng kho 2 năm 2023

Chỉ tiêu	Thông số	
	Bụi (mg/m ³)	Tiếng ồn (dBA)
Đợt 1/2023		
Khu vực xưởng sản xuất	1,03	74
Đợt 2/2023		
Khu vực xưởng sản xuất	0,8	79
Đợt 3/2023		
Khu vực xưởng sản xuất	0,7	67

Đợt 4/2023		
Khu vực xưởng sản xuất	0,84	74
QCVN 24:2016/BYT	-	≤85
QCVN 02:2019/BYT	4,6875	-

Ghi chú:

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than.

Nhận xét: Theo kết quả phân tích môi trường không khí trong khu vực sản xuất của công ty trong kỳ quan trắc năm 2023 tại Tổng kho 2 cho thấy nồng độ của các thông số đặc trưng nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

Bảng 5.6: Kết quả phân tích chất lượng không khí trong khu vực sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2024 tại Tổng kho 2

Chỉ tiêu	Thông số	
	Bụi (mg/m³)	Tiếng ồn (dBA)
Đợt 1/2024		
Khu vực xưởng sản xuất	0,29	78
Đợt 2/2024		
Khu vực xưởng sản xuất	0,29	78
QCVN 24:2016/BYT	-	≤85
QCVN 02:2019/BYT	4,6875	-

Nhận xét: Theo kết quả phân tích môi trường không khí trong khu vực sản xuất của công ty trong 02 kỳ quan trắc đầu năm 2024 cho thấy nồng độ của các thông số đặc trưng nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất của Tổng kho 2 công ty Cổ phần Gỗ An Cường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Văn bản số 5714/GXN-STNMT ngày 21/10/2019. Do vậy, công ty thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của công ty như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Công trình xử lý chất thải	Công suất dự kiến đạt được	Quy trình xử lý	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm
Công trình xử lý nước thải tập trung	50 m ³ /ngày đêm	Nước thải sinh hoạt (<i>Sau khi xử lý bằng bể tự hoại</i>) => Hồ thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bể phản ứng => Bể lắng hóa lý => Bể trung gian kết hợp khử trùng => Bể lọc áp lực (<i>Vật liệu: cát, sỏi</i>) => Nguồn tiếp nhận (<i>Kênh thoát nước chung của khu vực => Suối Bưng Cù => Suối Cái => Sông Đồng Nai</i>).	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: sau 15 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành thử nghiệm trong 01 tháng.
Công trình xử lý khí thải 1	19.800 m ³ /giờ	Bụi (<i>Nguồn số 1 => Nguồn số 25</i>) => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Quạt hút => Thiết bị lọc bụi tay áo => Ống thải (<i>đường kính D600 mm, số lượng 06 ống</i>).	

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (03 lần).
- Loại mẫu: Mẫu đơn

Chương trình quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải được chủ cơ sở phối hợp với đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên & Môi trường thực hiện.

- Việc lấy mẫu khí thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý khí thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667- 10:1992).

- Quan trắc đối với công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Một mẫu tổ hợp được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục (phương pháp đẳng động lực, đẳng tốc và phương pháp khác theo quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường) để đo đạc, phân tích các thông số theo quy định hoặc một mẫu tổ hợp được xác định kết quả là giá trị trung bình của 03 kết quả đo đạc của các thiết bị đo nhanh hiện trường (kết quả đo bằng các thiết bị đo hiện số) theo quy định của pháp luật ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất.

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải như bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc. Lấy mẫu phân tích chất thải của từng công trình

STT	Vị trí	Số lượng	Đơn vị	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Tần suất
	Hệ thống xử lý nước thải					
1	Đầu vào HTXL nước thải	1	Mẫu	Lưu lượng, pH, TSS, BOD5, COD, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. (Kq = 0,9; Kf = 1,1)	Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành giai đoạn ổn định trong tối thiểu 3 ngày liên tục (01 ngày/lần, 1 đợt)
2	Đầu ra HTXL nước thải	3	Mẫu	Lưu lượng, pH, TSS, BOD5, COD, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. (Kq = 0,9; Kf = 1,1)	Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành giai đoạn ổn định trong tối thiểu 3 ngày liên tục (01 ngày/lần, 3 đợt)
	Hệ thống xử lý bụi					
1	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 01 công trình xử lý khí thải số 1 (<i>Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số</i>	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành giai đoạn ổn định trong tối thiểu 3 ngày liên tục (01

	01 đến 25)					ngày/lần, 3 đợt).
2	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 02 công trình xử lý khí thải số 1 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01 đến 25)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	
3	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 03 công trình xử lý khí thải số 1 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01 đến 25)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	
4	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 04 công trình xử lý khí thải số 1 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01 đến 25)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	
5	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 05 công trình xử lý khí thải số 1 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01 đến 25)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	

6	01 mẫu đầu ra tại ống thải số 06 công trình xử lý khí thải số 1 (<i>Công trình xử lý bụi phát sinh từ nguồn số 01 đến 25</i>)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=0,8, Kv=0,8)	
---	---	---	-----	----------------	--	--

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu
- Địa chỉ liên hệ: số 3 đường Tân Thới Nhất, khu phố 4, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38164421
- Điều kiện năng lực: (hồ sơ đính kèm phụ lục)
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 42/GCN-BTNMT ngày 13/11/2023.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI

Để đảm bảo các hoạt động của Cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của nhà máy.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ **Giám sát nước thải**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải theo quy định.

❖ **Giám sát khí thải công nghiệp**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ khí thải theo quy định.

❖ **Giám sát chất thải rắn, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Vị trí giám sát: Các điểm tập kết rác
- Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng.

6.2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục chất thải

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.3: Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm

Stt	Hạng mục	Chi phí giám sát môi trường hàng năm (VND)
1	Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại	5.000.000
Tổng		5.000.000

CHƯƠNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, công ty không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đến kiểm tra, thanh tra.

CHƯƠNG 8: CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Công ty cam kết trong quá trình hoạt động sẽ tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023.

- Môi trường sản xuất đạt các quy chuẩn của Bộ Y tế QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT và QCVN 27:2010/BYT.

- Chất lượng khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại công ty đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

- Chất thải rắn: Được quản lý theo đúng quy định hiện hành: Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng; Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, tập trung, xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng.

- Chất thải nguy hại: Được thực hiện theo đúng quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được phân loại, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công ty sẽ quản lý và lưu trữ các loại rác thải theo đúng Quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chúng tôi đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm.

Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

PHỤ LỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00005

Đăng ký lần đầu, ngày 09 tháng 12 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 26 tháng 04 năm 2023

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH 441 - CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743626282

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/12/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040176028670

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 58 Đường số 4, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 58 Đường số 4, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3700748131

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Thửa đất 681, tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, KP Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



Nguyễn Thanh An

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700748131

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 09 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 32, ngày 23 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN CUONG WOOD - WORKING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN CUONG WOOD - WORKING JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất 681, tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, KP Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (0274) 362 6282 - (0274) 362 6283

Fax: (0274) 362 6284

Email: infoacc@ancuong.com

Website: www.ancuong.com

3. Vốn điều lệ: 1.507.879.460.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn năm trăm lẻ bảy tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 150.787.946

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐỨC NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 30/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025072004189

Ngày cấp: 21/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: A3 - 22A, lô CN2 - 2, khu phố Lam Thiên Lục Địa 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: A3 - 22A, lô CN2 - 2, khu phố Lam Thiên Lục Địa 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: **VÕ THỊ NGỌC ÁNH**

Giới tính: **Nữ**

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: **18/09/1977**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **201349861**

Ngày cấp: **06/02/2014**

Nơi cấp: **Công an Thành phố Đà Nẵng**

Địa chỉ thường trú: **32, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **A2-1 CC Garden Plaza 2-CN3, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

K.T. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần

Mã số doanh nghiệp: 3700748131

Đăng ký lần đầu 20/9/2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 03/10/2016

Do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CE 057390

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số: 441, tờ bản đồ số: 08
b) Địa chỉ: phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 22.580m² (bằng chữ: Hai mươi hai ngàn năm trăm tám mươi mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (21.744m²); HLĐĐ (836m²)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 06/9/2056
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 1	3072	3072	Sử dụng riêng	III	-/-
Nhà xưởng 2	5.400	5.400	Sử dụng riêng	III	-/-
Nhà văn phòng và nhà trưng bày	439,2	925,2	Sử dụng riêng	III	-/-
Nhà ăn	212,5	212,5	Sử dụng riêng	IV	-/-
Nhà nghỉ trưa công nhân 1	176	176	Sử dụng riêng	IV	-/-
Nhà nghỉ trưa công nhân 2	64	64	Sử dụng riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Vibe & Move Việt Nam
- Diện tích 836m² thuộc hành lang an toàn đường điện.

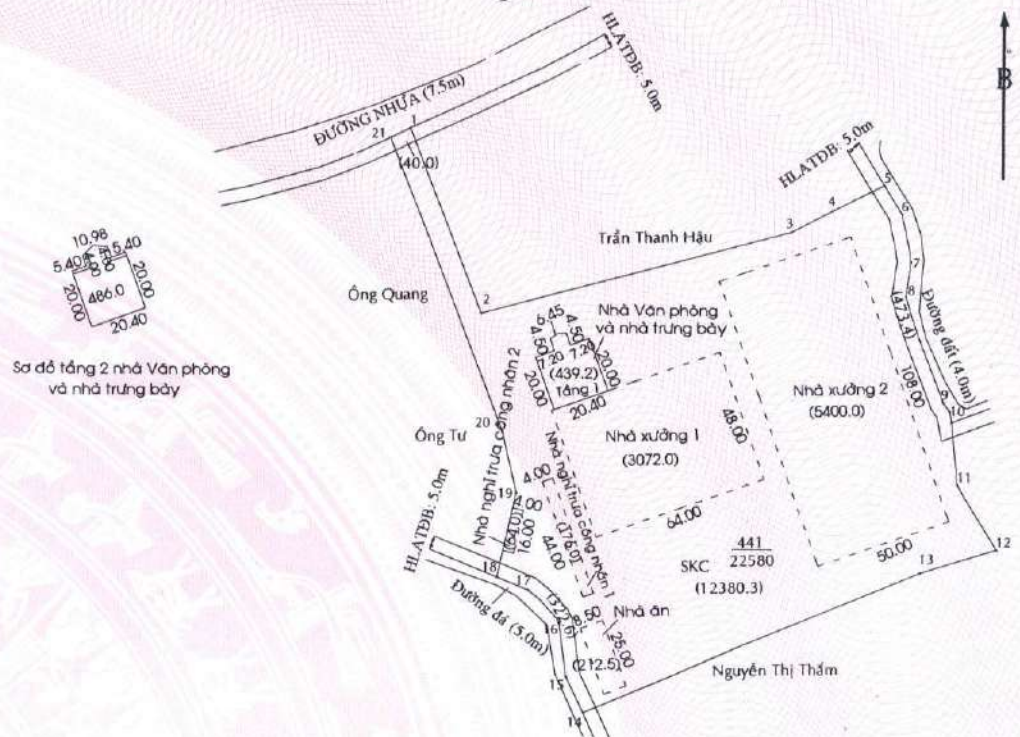
Bình Dương, ngày 28 tháng 5 năm 2017
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Số và sổ cấp GCN: CT17900

Phạm Danh

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý						Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chứng nhận bổ sung QSH công trình xây dựng: Nhà xưởng						02-01-2018
Hạng mục công trình	DT xây dựng (m ²)	DT sản (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu	PHÓ GIÁM ĐỐC  NGUYỄN THỊ TUYẾT
Nhà xưởng	2.688	5.376	Sở hữu riêng	III		

Vị trí tài sản theo bản trích lục bản đồ địa chính (có đo đạc tài sản gắn liền với đất) do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương xác lập ngày 18/10/2017) - theo hồ sơ số 02575. ✓

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

**Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung
số: 01**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 425939 170194 67

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 441

Tờ bản đồ số: 08

Số phát hành GCN: CE 057390

Số vào sổ cấp GCN: CT17900

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (21.744m²) và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 TPHCM (Đ/c: 1073 Phạm Thế Hiển, phường 05, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 742/quyền sử 02/2017	PHÓ GIÁM ĐỐC 16.8.2017 <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>  

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

Bình Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1182 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, đường ĐT 747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng hạng mục công trình Nhà xưởng mở rộng thuộc dự án đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 02/CVAC ngày 11/11/2016 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-03); KT(01-03); KC(01-05); PC(01-07).

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kim Hưng Thịnh.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 51,36%, hệ số sử dụng đất: 0,65.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường nhựa và mép đường đất.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 01 công trình.

2.1. Nhà xưởng:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III; Số tầng: 02 tầng.

- Diện tích tầng 1: $(42 \times 64) = 2688m^2$; Diện tích tầng 2: $2.688m^2$; Tổng Diện tích: $5.376m^2$.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +1m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 16,4m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Sàn bê tông cốt thép, khung thép. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.

2.2. Các nội dung khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 057390 (số vào sổ cấp GCN:



CT17900) ngày 28/3/2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích 22.580m²; Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

5. Giấy phép này thay thế giấy phép xây dựng tạm số 161/GPXD ngày 16/01/2017 do Sở Xây dựng Bình Dương cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Th. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 




Võ Hoàng Ngân

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



Số: 38 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm; diện tích đất 21.744 m²” tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần gỗ An Cường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm; diện tích đất 21.744 m²” của Công ty cổ phần gỗ An Cường họp ngày 15 tháng 12 năm 2016 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm; diện tích đất 21.744 m²” tại thửa đất số



441, tờ bản đồ đồ số 8, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Công ty cổ phần gỗ An Cường;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại tờ trình số: 13 /TTr-CCBVMT ngày 13 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm; diện tích đất 21.744 m²” tại thửa đất số 441, tờ bản đồ đồ số 8, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần gỗ An Cường với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: thửa đất số 441, tờ bản đồ đồ số 8, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất ván (phủ bề mặt ván), sản xuất hàng trang trí nội thất.

1.3 Quy mô: sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm; diện tích 21.744 m².

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức thực hiện chương trình giám và tần suất báo cáo số liệu quan trắc môi trường theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

- Lắp đặt máng đo lưu lượng theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công Thương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty cổ phần gỗ An Cường;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhieen8.

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Gỗ An Cường và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 266/TTr-TNNKSKTTV ngày 03 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Gỗ An Cường; Ngành nghề: sản xuất ván, hàng trang trí nội thất; Địa chỉ: thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Bưng Cù – suối Cái – sông Đồng Nai;
2. Vị trí xả nước thải:
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X=12.14.388; Y=06.90.015
 - Địa chỉ: phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;
4. Chế độ xả nước thải: liên tục;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm;



6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$; $K_f = 1,2$ đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Gỗ An Cường:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Mục I của Tờ trình này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Bung Cù, cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, nitrit, nitrat, phosphat, amoni, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 và Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty Cổ phần Gỗ An Cường được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 157/GP-UBND ngày 27/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Gỗ An Cường còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / 

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty Cổ phần Gỗ An Cường;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

 Nguyễn Ngọc Thúy

Số: 5714 /GXN-STNMT

Bình Dương, ngày 21 tháng 10 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Phân kỳ 1 của Dự án nhà máy sản xuất ván (phủ bề mặt ván), công suất 790.000 sản phẩm/năm; hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm, diện tích đất 21.744m² tại khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên của Công ty cổ phần gỗ An Cường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty cổ phần gỗ An Cường.
Địa chỉ văn phòng: khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên.
Địa điểm hoạt động: khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên.
Điện thoại: 0274.3626282.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700748131.
Ngày cấp (cấp lần đầu): ngày 20 tháng 9 năm 2006.
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 38/QĐ-STNMT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho phân kỳ 1 của Dự án nhà máy sản xuất hàng trang trí nội thất, công suất 210.000 sản phẩm/năm, diện tích đất 21.744m² tại khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên của Công ty cổ phần gỗ An Cường tại Phụ lục kèm theo. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường khác của dự án cho các phân kỳ tiếp theo sẽ được xác nhận hoàn thành theo tiến độ đầu tư của dự án.

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 và 7 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận: ✓

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Cty cp gỗ An Cường;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh5.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 5114 /GXN-STNMT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Đã xây dựng công trình xử lý nước thải để xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
- + Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.
- + Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt => Bể tự hoại => Bể thu gom => Bể điều hoà => Bể sinh học SBR (03 bể hoạt động luân phiên) => Bể trung gian => Bể phản ứng => Bể lắng hoá lý => Bể trung gian kết hợp khử trùng => Thiết bị lọc áp lực => Thải ra công thoát nước của Công ty => suối Bung Cù.
- + Chế độ vận hành: theo mẻ.
- + Hóa chất sử dụng: Clorin, Polymer, PAC.

So với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì công trình xử lý nước thải có một số thay đổi như sau: thay cụm bể anoxic, bể sinh học hiếu khí và bể lắng bằng bể sinh học SBR; chuyển công đoạn xử lý hóa lý ra sau công đoạn xử lý sinh học và bổ sung thiết bị lọc áp lực.

2. Công trình xử lý bụi gỗ:

Bụi gỗ phát sinh từ quá trình cưa, cắt, tạo hình được thu gom, xử lý theo quy trình sau: Bụi gỗ => Chụp hút => Hệ thống đường ống dẫn => Cyclon thu bụi => Lọc bụi túi vải => Ống thải (cao 12m, đường kính 350mm).

3. Công trình quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải công nghiệp:
 - + Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên: đã trang bị các thùng nhựa dung tích 120 lít có nắp đậy, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
 - + Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình sản xuất: đã bố trí khu vực lưu chứa chất thải có diện tích 35m², có mái che, nền bê tông và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Đối với chất thải nguy hại (CTNH):
 - + Đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số 74.002632.T ngày 14 tháng 9 năm 2018.
 - + Đã bố trí khu vực chứa riêng cho từng loại và lưu giữ tại nhà chứa CTNH có diện tích 15 m². Nhà chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao quanh, có gờ chống tràn, có dán nhãn cảnh báo, tên và mã của từng loại chất thải nguy hại.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã xây dựng, lắp đặt đường cống bê tông cốt thép quanh nhà xưởng kích thước 200-300mm để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng, sau đó thải ra suối Bung Cù và đổ ra sông Đồng Nai.

- Đã lắp đặt đường ống nhựa PVC ϕ 40mm để thu gom nước thải sinh hoạt về công trình xử lý nước thải của Công ty.

- Đã được Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương thẩm duyệt phương án phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 914/TD-PCCC-P2 ngày 13 tháng 12 năm 2016.

5. Các vấn đề khác:

Về hồ sơ môi trường: so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì Công ty có một số thay đổi về máy móc, thiết bị cho phù hợp với tình hình sản xuất thực tế, tuy nhiên việc thay đổi này không làm tăng công suất so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần ngày tháng năm 2019”.

7. Yêu cầu khác:

- Khi nhà máy sản xuất ván phủ bề mặt bằng nhựa và giấy melamin đi vào hoạt động thì Công ty phải tiếp tục đầu tư các công trình bảo vệ môi trường theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Sau khi hoàn thành phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. /

Vibe & Move xing có tửg

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo thông tư
số 66/2014/TT-BCA,
ngày 16/12/2014

Số: 914/TD-PCCC-12.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/2016 ngày 28 / 11 / 2016 của: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Người đại diện là ông/bà: Lê Đức Nghĩa Chức danh: T. Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XUỞNG (64M X 42M)
Địa điểm xây dựng: TD441, TBD số 8, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty cổ phần gỗ An Cường
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty CP KT-TM&TV Thiên Phú; Cty TNHH TV-TK-XD Kim Hưng Thịnh
Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler
- Giải pháp sơn chống cháy các cột thép có GHCL 120 phút

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 20

Bình Dương ngày 13 tháng 12 năm 2016

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần gỗ An Cường
- Phòng CS PCCC số 5:
- Lưu: P2 (TDKT):.....



GIÁM ĐỐC

PHÒNG GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 164 /PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2020

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty cổ phần gỗ An Cường

Xét đề nghị của Công ty cổ phần gỗ An Cường tại công văn số 01/2020/ĐXNT, ngày 07/02/2020 về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng (64m x 42m); Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 hiện hữu, màn ngăn cháy kiểu nước giữa nhà xưởng 3 hiện hữu với khối nhà xưởng 2 hiện hữu + xưởng xây mới. Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 8, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ đã thẩm duyệt số 914/TD-PCCC-P2, do Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016; Văn bản hướng dẫn giải pháp an toàn phòng cháy chữa cháy số 1369/CSPC&CC-P2, do Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 11 năm 2017; Hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Bình Dương nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống màn ngăn cháy kiểu nước Drencher lắp đặt theo đúng thiết kế được thẩm duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, CTPC.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

V/v vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 14/6/2005.
- Căn cứ vào chức năng của Công Ty TNHH MTV An Thành Nam.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, tại Bình Dương. Chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV AN THÀNH NAM
Đại diện : Ông LÊ ĐÌNH NAM
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, T. Bình Dương.
Điện thoại : 0918404064
Mã số thuế : 3701679272
Tài khoản số : 5591201010225 tại Agribank - CN Thành phố Dĩ An Sóng Thần

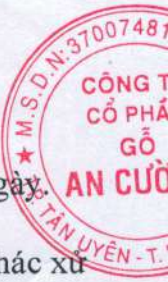
BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
Đại diện : Bà NGUYỄN THỊ DUYÊN
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.
Địa chỉ : Thửa đất số 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Khu phố Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương.
Điện thoại : 0274.3626282 Fax: 0274.3626384
Mã số thuế : 3702470548
Tài khoản số : 3700748131



Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp Đồng Xử Lý Rác Thải theo các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung thỏa thuận

- 1.1/ Bên B giao cho Bên A xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp.
- 1.2/ Điều kiện giao nhận :
 - Bên B phải tập trung rác vào một chỗ.
 - Bên B có trách nhiệm xúc chất thải lên xe chuyên dùng ép rác.
- 1.3/ Thời gian và địa điểm tiếp nhận :
 - Thời gian : Từ 7h30 đến 16h30 khi có thông báo của bên B trước đó 01 đến 02 ngày.
 - Địa điểm : Tại công ty.
- 1.4/ Trong thời gian còn giá trị Hợp đồng bên B không được giao rác thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tiêu hủy.



Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán :

- 2.1/ Giá cả : 2.000đ/kg (Hai ngàn đồng một ký).
 - * Nếu mỗi lần vận chuyển ít hơn 4 tấn phải phụ phí vận chuyển: 500.000 đ/ chuyến
- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT.
(Giá trên sẽ được thỏa thuận lại bằng phụ lục hợp đồng, khi giá cả thị trường có biến động).

2.2/ Phương thức thanh toán :

- Bên B sẽ thanh toán dịch vụ xử lý rác thải cho Bên A theo khối lượng rác thải thực tế. Sau khi có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và hoá đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời hạn thanh toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn do Bên A phát hành.

Điều 3 : Trách nhiệm của mỗi bên

3.1/ Trách nhiệm bên A :

- Thực hiện đúng như Điều 1 .
- Bảo đảm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom và vận chuyển rác, không để rác tồn đọng
- Có trách nhiệm xuất hoá đơn cho Bên B .
- Xử lý chất thải đúng theo qui định, tiêu chuẩn vệ sinh môi trường .
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý của mình .

3.2/ Trách nhiệm của Bên B :

- Tập trung rác tại điểm cố định để xe của Bên A đến vận chuyển đưa đi xử lý .
- Không được để rác nguy hại, rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt lẫn vào nhau .
- Có trách nhiệm thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A. Nếu quá thời hạn qui định của hợp đồng, Bên A sẽ tạm ngưng tiếp nhận rác cho đến khi Bên B thanh toán tiền cho Bên A .

Điều 4: Thời hạn hợp đồng

4.1/ Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

4.2/ Trong thời hạn 30 ngày trước khi hết hạn hợp đồng, hai bên sẽ thoả thuận gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng. Sau khi hết hạn hợp đồng nếu hai bên không có thắc mắc gì xem như hợp đồng đã được thanh lý.

Điều 5: Điều khoản chung

5.1/ Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thoả thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo qui định của pháp luật.

5.2/ Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, hai bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi. Khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng.

5.3/ Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên tự thống nhất nộp đơn đến Toà án kinh tế tỉnh Bình Dương để giải quyết và phán quyết của Toà án kinh tế tỉnh Bình Dương là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu .

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2024.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Đình Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thị Duyên

Bình Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015
- Căn cứ vào Bộ Luật Thương mại đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 23/06/2014.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/ 2022.
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 10/01/2022.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường
- Căn cứ vào Giấy phép hành nghề Quản Lý Chất Thải Nguy Hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.027.VX do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường – Tổng Cục Môi Trường cấp (lần 4) ngày 15 tháng 11 năm 2022 của công ty TNHH TM DV Xử Lý Môi Trường Việt Khải.

Đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

- Địa chỉ : ĐT 747B, KP Phước Hải, P.Thái Hòa, TP Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0274.362.6282 Fax:
- Mã số thuế : 3700748131
- Tài khoản :
- Đại diện : Bà NGUYỄN THỊ DUYÊN Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT KHẢI

- Địa chỉ: 4F/8 KP Đồng An 3, Phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0274.3769.333 Fax: 0274.3768.555
- Mã số thuế : 3700 779 362
- Tài khoản : 119.0000.48.715 tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN-CN Bình Dương.
- Đại diện : Ông. PHAN VĂN BẦY Chức vụ: Giám đốc.

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 . Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải nguy hại (gọi tắt là chất thải) được thải ra trong quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên A, địa chỉ:

- Thửa đất 681, tờ bản đồ 05, Đường ĐT747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương
- Thửa đất 750 và thửa đất 218, tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

- Thửa đất 441 tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TP. Tân Uyên, T. Bình Dương

theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép. Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều khoản 3.2 của hợp đồng.

1.2 . Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT KHẢI, tại Khu Công Nghiệp KSB, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3 . Phương thức xác định khối lượng:

- Khối lượng chất thải của từng loại chất thải là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập kết, phân loại, dán nhãn và lưu giữ an toàn trong kho chứa theo quy định của Pháp luật Việt Nam về Quản lý chất thải nguy hại, trong khi chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom xử lý. Nếu Bên A để chất thải nguy hại, công nghiệp, y tế và sinh hoạt lẫn vào nhau thì Bên B có quyền từ chối tiếp nhận lô hàng đó.
- Khi có phát sinh về số lượng chất thải, Bên A thông báo bằng Fax hoặc điện thoại cho Bên B về số lượng chất thải cần thu gom và xử lý trước 24 giờ.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B như đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Khi giao chất thải, bên A phải phối hợp với Bên B làm biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH theo quy định.
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng, Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác vận chuyển và xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- Bên A chỉ chuyển giao cho bên B các loại chất thải nằm trong danh mục hợp đồng đã ký kết.
- Bên A khi giao chất thải nguy hại cho bên B phải tuân thủ đúng quy định: Chỉ giao chất thải cho xe của bên B có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép (đính kèm danh sách xe đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển có xác nhận của bên B). Nếu bên A vi phạm các điều khoản này, Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao chất thải cho đơn vị không có chức năng xử lý và xe vận chuyển không đúng chức năng, đồng thời hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt mà bên B không cần phải thông báo cho bên A. Bên A phải bồi thường cho bên B các khoản chi phí phát sinh, tổn thất (nếu có) liên quan đến hành vi vi phạm của bên A.

- Bên A cung cấp thông tin người liên hệ cho Bên B như sau:

Stt No	Email	Số điện thoại Phone	Phụ trách In charge
01	Ms Tuyền	0932628778	

- Bên A thông báo cho bên B trước 24h khi có phát sinh chất thải và liên hệ với bên B theo thông tin như sau:

Stt No	Email	Số điện thoại Phone	Phụ trách In charge
01	cskh@moitruongvietkhai.vn (Ms Tịnh)	0274.3769.333 (ext 101)	Đặt lịch thu gom chất thải <i>Waste booking</i>
02	sale1@moitruongvietkhai.vn (Mr Quyền)	0274.3769.333 (ext 102)	Báo giá, hợp đồng <i>Quotation, contract</i>
03	kt1@moitruongvietkhai.vn (Ms Dương) kt3@moitruongvietkhai.vn (Ms Giang)	0274.3769.333 (ext 103-106)	Thanh toán công nợ <i>Payment</i>
04	kt2@moitruongvietkhai.vn (Ms. Yen) Kt4@moitruongvietkhai.vn (Ms. Vi)	0274.3769.333 (ext 104)	Đối chiếu công nợ <i>Debt comparision</i>
05	Admin@moitruongvietkhai.vn (Ms. Thao)	033.852.7487	Hành chính <i>Administration</i>
06	e-invoice@moitruongvietkhai.vn	-	Hóa đơn điện tử <i>E-invoice</i>
07	Vc4@moitruongvietkhai.vn (Mr. Thủy) Vc5@moitruongvietkhai.vn (Ms Thy)	0274.3769.333 (ext 108)	Chứng từ giao nhận <i>Delievery document</i>
08	PO@moitruongvietkhai.vn (Ms Yen)	-	Nhận số PO <i>PO number</i>
09	mt@moitruongvietkhai.vn (Ms Phương)	0274.3769.333	Môi trường <i>Environment</i>
10	hcns@moitruongvietkhai.vn (Ms Tien)	0274.3769.333 (ext 105)	Nhân sự <i>Human resources</i>
11	Atld-1@moitruongvietkhai.vn (Mr Duy)	0274.3769.333	ATLĐ HSE

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Khi Bên A đã thông báo cho Bên B vào thu gom chất thải, thì ngày hôm sau bên B sắp xếp xe vào vận chuyển (trừ ngày lễ, chủ nhật).
- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính Phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Các chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của công ty khi xe và công nhân của Bên B ra/vào nhà máy.
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Phải chuyển chất thải ra khỏi nhà máy khi đủ chuyển và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- Cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

- Bên B phải thông báo với bên A khi Hợp đồng hết hạn hoặc có thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng, khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung đơn vị tiếp nhận chất thải để xử lý, tiêu hủy, khi giấy phép hành nghề quản lý CTNH của bên B hết hạn hoặc gia hạn.
- Bên B phải cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

3.1. Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên Bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

3.2. Danh mục xử lý chất thải nguy hại cụ thể như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đvt	PPXL	Trạng thái	Tính cháy
1	Phuy sắt 200-220l dính TPNH	18 01 02	Kg	STRP	Rắn	Không
2	Phuy sắt 190 dính TPNH nắp lớn	18 01 02	Kg	STRP	Rắn	Không
3	Bồn 1000l dính keo lỏng	18 01 03	Kg	STRP	Rắn	Không
4	Can nhựa trắng, xô nhựa 20L	18 01 03	Kg	TRPL	Rắn	Không
5	Phuy sắt móp dính TPNH	18 01 02	Kg	STRP	Rắn	Không
6	Can nhựa 50L*	18 01 03	Kg	TRPL	Rắn	Không
7	Keo thải, chất kết dính	08 03 01	Kg	TRPL	Rắn	Không
8	Nhớt thải lẫn tạp chất	17 02 04	Kg	LĐ	Lỏng	Dễ cháy
9	Nhớt thải sạch không lẫn cặn	17 02 04	Kg	TCDN	Lỏng	Không
10	Ắc quy thải	19 06 01	Kg	AQCT	Rắn	Không
11	Bùn thải	12 06 05	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
12	Rác y tế	13 01 01	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
13	Thùng thiếc, xô sắt : 20L-30L	18 01 02	Kg	TRPL	Rắn	Không
14	Bao bì mềm dính TPNH (nylon dơ dính tạp chất, băng keo, giấy dính keo...)	18 01 01	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
15	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
16	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	16 01 06	Kg	BĐHQ	Rắn	Không
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải dính hoá chất	18 02 01	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
18	Các loại axit thải	02 01 06	Kg	XLNT	Lỏng	Không
19	Bùn thải lẫn sơn	08 01 02	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
20	Dung môi và hỗn hợp dung môi thải	17 08 03	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy
21	Các loại chất thải khác có TPNH	19 12 02	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy

Ghi chú:

Phương pháp xử lý ("PPXL")

- | | |
|----------|--------------------------|
| 1. LĐ | :HT Lò đốt |
| 2. HR | :HT Hóa rắn |
| 3. AQCT | :HT Ắc quy chì thải |
| 4. LKĐT | :HT Linh kiện điện tử |
| 5. TCDN | :HT Tái chế dầu nhớt |
| 6. TCDM | :HT Tái chế dung môi |
| 7. BĐHQ | :HT Bóng đèn huỳnh quang |
| 8. XLNT | :HT Xử lý nước thải |
| 9. STRP | :HT Súc rửa thùng phuy |
| 10. TRPL | :HT Tẩy rửa phế liệu |

3.3. Đơn giá xử lý được áp dụng theo phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Hàng tháng căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải.
- 4.2. Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản (chi phí chuyển khoản do bên thanh toán chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn phát hành.
- 4.3. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn, Hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản. Nếu Bên A (hoặc bên B) không thông báo thì Bên B (hoặc bên A) sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.
- 4.4. Trong trường hợp Nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.
- 4.5. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B theo lãi suất ngân hàng Công thương Việt Nam (tính theo thời điểm Bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- 4.6. Trong trường hợp Bên A tạm ngưng giao chất thải cho Bên B xử lý theo điều 5 thì Bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 5.1. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao chất thải cho Bên B xử lý bằng văn bản trước 30 ngày nếu Bên B vi phạm hợp đồng.
- 5.2. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao chất thải cho Bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo điều 7.
- 5.3. Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản trước nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:
 - Do bên A vi phạm hợp đồng.
 - Do Bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 4.2 điều 4.
 - Theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.
 - Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt,...
 - Hợp đồng hết hiệu lực theo điều 7.
- 5.4. Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 6.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.
- 6.2. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ được đưa ra giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hoặc Tòa Án kinh tế có thẩm quyền và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 6.3. Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 31/12/2024 (trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt bằng văn bản trước thời hạn của hợp đồng) kể từ ngày ký.

7.2. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới trước thời hạn của hợp đồng. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3. Hợp đồng này bao gồm 6 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ DUYÊN

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



PHAN VĂN BÂY

Bình Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01

Đính kèm Hợp đồng kinh tế Số: 0101-2024/CPAC-VK/HĐXL về việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại ký ngày 02/01/2024 giữa Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường và Công ty TNHH TM DV XLMT Việt Khải.

1. Đơn giá xử lý các loại chất thải nguy hại:

Stt	Tên chất thải	Đvt (Xử lý)	Đơn giá xử lý(vnd)	Đvt (Thu mua)	Đơn giá thu mua(vnd)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Phuy sắt 200-220l dính TPNH	Kg	3,400	Cái	105,000	18 01 02	
2	Phuy sắt 190 dính TPNH nắp lớn	Kg	3,400	Cái	90,000	18 01 02	
3	Bồn 1000l dính keo lỏng	Kg	3,400	Cái	400,000	18 01 03	
4	Can nhựa trắng, xô nhựa 20L	Kg	3,400	Kg	7,000	18 01 03	
5	Thùng thiếc, xô sắt : 20L-30L	Kg	3,400	Kg	6,500	18 01 02	
6	Phuy sắt móp dính TPNH	Kg	3,400	Kg	6,500	18 01 02	
7	Can nhựa 50L	Kg	3,400	Cái	25,000	18 01 03	
8	Keo thải	Kg	4,000	Kg	-	08 03 01	
9	Nhớt thải lẫn tạp chất	Kg	800	Kg	-	17 02 04	
10	Nhớt thải sạch không lẫn cặn	Kg	800	Kg	2,000	17 02 04	
11	Ac quy thải	Kg	3,600	Kg	6,000	19 06 01	
12	Bùn thải	Kg	4,000	Kg	-	12 06 05	
13	Rác y tế	Kg	15,000	Kg	-	13 01 01	

14	Bao bì mềm dính TPNH (nylon dơ dính tạp chất, băng keo, giấy dính keo...)	Kg	3,400	Kg	-	18 01 01	
15	Hộp mực in thải	Kg	3,400	Kg	-	08 02 04	
16	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Kg	3,400	Kg	-	16 01 06	
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải dính hoá chất	Kg	3,400	Kg	-	18 02 01	
18	Các loại axit thải	Kg	4,000	Kg	-	02 01 06	
19	Bùn thải lẫn sơn	Kg	4,000	Kg	-	08 01 02	
20	Dung môi và hỗn hợp dung môi thải	Kg	4,000	Kg	-	17 08 03	
21	Các loại chất thải khác có TPNH	Kg	3,400	Kg	-	19 12 02	

❖ Ghi chú:

- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế GTGT
- Đơn giá thu mua đã bao gồm thuế GTGT

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THỊ DUYÊN

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHAN VĂN BẢY

Số: 463 HD/SV - 2023

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v : Thu mua phế liệu

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 5-6.038.VX (Cấp lần 2) của Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021.
- Căn cứ theo yêu cầu thu gom, xử lý CTNH của Công ty Cổ phần gỗ An Cường.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ : Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, DT 747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0274 362 6282
Mã số thuế : 3700748131
Người đại diện : **NGÔ TẤN TRÍ** Chức vụ: **Phó Tổng Giám Đốc.**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại : 0274.246.1222
Mã số thuế : 3701224331
Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**
Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương.
5500201014922 tại NH Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Bình Dương.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển và thu mua phế liệu phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải, phế liệu: là tổng khối lượng chất thải, phế liệu đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá xử lý chất thải, mua phế liệu:

Stt	Loại phế liệu	ĐVT	Đơn giá thu mua (đồng)
01	Màng co	Kg	2.000
02	Nhôm vụn, sắt thép vụn, dây đai sắt	Kg	5.000
03	Nylon, màng PE hư	Kg	7.500
04	Giấy carton, lõi giấy băng keo, lõi giấy màng PE, dây đai nhựa	Kg	2.000
05	Mùn cưa, dăm bào	Kg	400
06	Chỉ dán (không dính hóa chất)	Kg	1.000

Ghi chú:

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý.
- Đơn giá thu mua phế liệu trên đã bao gồm thuế GTGT.
- Bao bì chứa chất thải, phế liệu Bên B không hoàn trả sau khi thu gom, xử lý.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM THU GOM – SĐT LIÊN HỆ THU GOM, PHẢN ÁNH

- Thời gian thu gom: Theo yêu cầu của Bên A. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) bên A thông báo trước 02 ngày (48 giờ) cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty Cổ phần gỗ An Cường – Địa chỉ: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 1222. Hotline: 0913 521 144.
- Số điện thoại liên hệ phản ánh: 0989 378 972.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Dựa vào khối lượng hàng phế liệu được thu gom thực tế, hàng tháng Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi hoàn tất đối chiếu công nợ.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải, hàng phế liệu thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Chuyển giao chất thải, phế liệu đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải, phế liệu theo quy định tại Điều 3, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải, phế liệu cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất

thải, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 1.000.000 đ/lần.

- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải, phế liệu khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời gian hợp đồng, nếu bên A tự tiêu hủy, tự ý giao chất thải cho 1 đơn vị khác hoặc phương tiện vận chuyển khác không thuộc quản lý của bên B, thì khi có sự cố xảy ra, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 4. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất tại NH ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại Điều 4 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Chỉ những xe trong Phụ Lục I của giấy phép xử lý chất thải nguy hại mới được phép thu gom, vận chuyển chất thải của bên A và kèm theo danh sách phương tiện vận chuyển như sau:

STT	Biển số xe	STT	Biển số xe
1	Xe BKS 61C – 189.49	5	Xe BKS 61C – 189.06
2	Xe BKS 61C – 104.63	6	Xe BKS 61C – 144.82
3	Xe BKS 61C – 126.38	7	Xe BKS 61C – 105.69
4	Xe BKS 61C – 312.72	8	Xe BKS 61C – 293.90

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải, phế liệu đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải, phế liệu đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng.
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
 - + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
 - + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt...
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

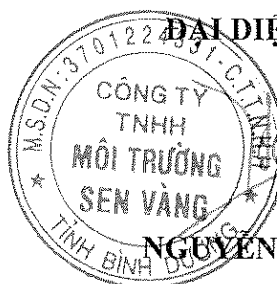
ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 6). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án kinh tế Tỉnh Bình Dương là quyết định cuối cùng có hiệu lực buộc các Bên phải thi hành.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thì hợp đồng này tự động gia hạn thêm 01 (một) năm nữa.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



ĐẠI DIỆN BÊN A

NGÔ TẤN TRÍ



ĐẠI DIỆN BÊN B

NGUYỄN VĂN HÒA



Số: 01/12/2023/CGQ-AC

Bình Dương, Ngày 01 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường – thu mua phế liệu)

– Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;

– Căn cứ vào Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

– Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 17/11/2020;

– Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14;

– Căn cứ năng lực và giấy phép Mã QLCTNH số 1-2-3-4-5-6.063.VX ngày 16/03/2020 của Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý;

– Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường;

Hôm nay, Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý. Chúng tôi, đại diện hai Bên gồm có:

1. BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0906 92 44 99
- MST : 3800743345
- Đại diện : Ông CAO VĂN VIÊN Chức vụ: **Giám Đốc**

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

- Địa chỉ : Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 02743 626 282
- MST : 3700748131
- Đại diện : Ông NGÔ TẤN TRÍ Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Hai bên thỏa thuận và đi đến thống nhất ký Hợp đồng mua bán phế liệu các loại theo các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1 Bên B đồng ý giao cho Bên A, Bên A đồng ý nhận và cung cấp dịch vụ cho Bên B: Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường - thu mua phế liệu (CTRCNTT) bao gồm các chủng loại: Giấy Carton, giấy vụn, giấy lõi, giấy cuộn; dây đai sắt, dây đai nhựa; sắt phế liệu; màng co, nylon sạch, nylon các loại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B cơ sở Công ty Cổ phần Gỗ An Cường tại địa chỉ thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, Phường Thái Hòa, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.2 Thời gian tiếp nhận: Khi Bên B có nhu cầu, Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước 2 ngày.

1.3 Bên A có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường.

1.4 Bên A đồng ý thu mua mua toàn bộ CTRCNTT phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Bên B.

1.5 Bên A tuyệt đối không được phép mang các vật phẩm ra khỏi công ty Bên B bao gồm: hàng thanh lý, hàng tồn kho lâu năm: tay nắm, chân sắt, bas sắt; những vật tư từ bộ phận bảo trì như máy móc lưỡi cưa, dao kim cương, router các loại và các vật tư liên quan đến hóa chất nguy hại.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá thu mua các CTRCNTT cụ thể như sau:

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ THU MUA (VNĐ)	GHI CHÚ
01	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	Kg	2.000	
02	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	Kg	2.000	
03	Dây đai sắt	Kg	5.000	
04	Dây đai nhựa	Kg	2.000	
05	Sắt thép vụn, nhôm vụn	Kg	5.000	

06	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	Kg	7.500	
07	Chỉ dán (PVC) không dính hóa chất	Kg	1.000	

2.2 Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3 Giá trị CTRCNTT thanh toán = Số lượng X đơn giá. Số lượng thực tế được căn cứ vào biên bản giao nhận chi tiết và có sự xác nhận của cả hai Bên.

2.4 Hình thức nghiệm thu và thanh toán: Ngày 25 tây hàng tháng, đại diện hai Bên tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng và giá trị thanh toán.

2.5 Bên B thanh toán tiền CTRCNTT cho Bên A bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng Việt Nam đồng.

2.6 Thời gian thanh toán: Thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị thanh toán đã ký xác nhận.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A

- Khi nhận được thông tin của Bên B tiến hành sắp xếp phương tiện, nhân lực và thiết bị đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT đã được Bên B bàn giao.
- Thực hiện đúng và đầy đủ Điều 1 Nội dung hợp đồng.
- Thanh toán đúng và đầy đủ Điều 2 Đơn giá và phương thức thanh toán.

3.2 Trách nhiệm của Bên B

- Phân loại, lưu trữ và bàn giao CTRCNTT cho Bên A theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và Điều 1 Nội dung hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm đối với CTRCNTT đã được phân loại, lưu trữ trước khi bàn giao cho Bên A.
- Thông báo cho Bên A kế hoạch giao và nhận CTRCNTT bằng hình thức điện thoại hoặc email hoặc tin nhắn.
- Phân công đại diện, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A đến thu gom, bốc xếp CTRCNTT, cân số lượng, lập biên bản giao nhận và xuất hóa đơn tại kho của Bên B.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai Bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng, không Bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản và được sự đồng ý của cả Hai Bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị thiệt hại.

4.2 Khi có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, Hai Bên thiện chí cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu Hai Bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì phán quyết của tòa án Kinh tế có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và Bên thua kiện sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm thi hành án phí, lệ phí, thẩm định và bồi thường (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật dân sự.

4.3 Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và Hai Bên đã thực hiện hoàn tất các nghĩa vụ tài chính với nhau thì hợp đồng trên chính thức tự động được thanh lý.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày 31/12/2024 và tự động được thanh lý khi hợp đồng hết hạn.

5.2 Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng Tiếng Việt, có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai Bên, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ TẤN TRÍ

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



CAO VĂN VIÊN

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: PL02-01/12/2023/CGQ-AC

Bình Dương, Ngày 30 tháng 03 năm 2024

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v bổ sung danh mục thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường – thu mua phế liệu)

– Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;

– Căn cứ vào Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

– Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 17/11/2020;

– Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14;

– Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 01/12/2023/CGQ-AC ký ngày 01/12/2023 giữa Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và Công ty Cổ phần Gỗ An Cường;

– Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường;

Hôm nay, Ngày 30 tháng 03 năm 2024 tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý. Chúng tôi, đại diện Hai Bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0906 92 44 99
- MST : 3800743345
- Đại diện : Ông **CAO VĂN VIÊN** Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

- Địa chỉ : Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 02743 626 282
- MST : 3700748131
- Đại diện : Ông **NGÔ TẤN TRÍ** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Hai Bên thỏa thuận và thống nhất ký kết phụ lục Hợp đồng bổ sung danh mục thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường – thu mua phế liệu sau:

ĐIỀU 1. BỔ SUNG DANH MỤC

Bổ sung danh mục thu mua các CTRCNTT khoản 2.1 Điều 2 Đơn giá và phương thức thanh toán của hợp đồng số 01/12/2023/CGQ-AC ngày 01 tháng 12 năm 2023:

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ THU MUA (VNĐ)	GHI CHÚ
1	Dăm bào, mùn cưa	Xe	1.500.000	

- Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Điều chỉnh khoản 2.4 Điều 2 hình thức nghiệm thu và thanh toán: Ngày cuối cùng hàng tháng, đại diện hai Bên tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng và giá trị thanh toán.

ĐIỀU 2: CAM KẾT CHUNG

- Phụ lục hợp đồng số PL02-01/12/2023/CGQ-AC là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 01/12/2023/CGQ-AC ngày 01 tháng 12 năm 2023.
- Phụ lục hợp đồng số PL02-01/12/2023/CGQ-AC có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày 31/12/2024 và tự động được thanh lý khi hợp đồng hết hạn.
- Phụ lục hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng Tiếng Việt, có đầy đủ chữ ký và con dấu của Hai Bên, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



NGÔ TẤN TRÍ



CAO VĂN VIÊN

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 244-03/23-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2**

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 27/03/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)
244-03/23-1.5K1.Khu vực xưởng sản xuất	74	31,4
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 244-03/23-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 27/03/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)
244-03/23-1.5K1.Khu vực xưởng sản xuất	1,03
QCVN 02:2019/BYT ^(a)	4,6875

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 244-03/23-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 27/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)
244-03/23-1.5L Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	75
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn A)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	400

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC




ThS. Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 244-03/23-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 27/03/2023

4/ Loại mẫu : 244-03/23-1.5NT.Nước thải sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9, Kf=1,	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(32,1°C)	-	6,56	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	40	5,0	49,5	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	57	2,0	74,25	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	24	1,0	29,7	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	26,1	1,56	19,8	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	2,70	0,017	3,96	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	15,1	0,011	4,95	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	2.600	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 539-06/23-2.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)
539-06/23-2.6K1.Khu vực xưởng sản xuất	79	31,8
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 539-06/23-2.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)
539-06/23-2.6K1.Khu vực xưởng sản xuất	0,80
QCVN 02:2019/BYT ^(a)	4,6875

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 539-06/23-2.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)
539-06/23-2.6L Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	4.011	84
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn A)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	400

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 539-06/23-2.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : 539-06/23-2.6NT.Nước thải sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9, Kf=1,	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(32,0°C)	-	6,85	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	40	5,0	49,5	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	42	2,0	74,25	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	17	1,0	29,7	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	10,5	1,56	19,8	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	1,52	0,017	3,96	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	2,06	0,011	4,95	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	2.100	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy



Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/5



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 244-03/23-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 27/03/2023

4/ Loại mẫu : 244-03/23-1.5NM. Nước mặt nguồn tiếp nhận

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/ BTNMT	Phương pháp phân tích
					A2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH* (27,4°C)	-	6,36	2 ÷ 12,5	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	12	5,0	30	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	12	2,0	15	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	5	1,0	6	TCVN 6001-1:2008
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,13	0,011	0,3	TCVN 6179-1:1996
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	0,045	0,021	5	TCVN 6180:1996
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	KPH	0,011	0,2	TCVN 6202: 2008
9	Coliform*	MPN/ 100mL	3.900	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

5/5



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 539-06/23-2.6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, P.Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : 539-06/23-2.6NM. Nước mặt nguồn tiếp nhận

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/ BTNMT	Phương pháp phân tích
					A2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH* (28,4 ⁰ C)	-	6,47	2 ÷ 12,5	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	13	5,0	30	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	8	2,0	15	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	3	1,0	6	TCVN 6001-1:2008
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,18	0,011	0,3	TCVN 6179-1:1996
6	NO ₂ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	0,047	0,021	5	TCVN 6180:1996
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	KPH	0,011	0,2	TCVN 6202: 2008
9	Coliform*	MPN/ 100mL	3.200	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS: Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

5/5



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 967-09/23-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2
2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
3/ Thời gian lấy mẫu : 22/09/2023
4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn
5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)
967-09/23-5.4K.Khu vực xưởng sản xuất	67	31,5
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 967-09/23-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/09/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)
967-09/23-5.4K.Khu vực xưởng sản xuất	0,70
QCVN 02:2019/BYT ^(a)	4,6875

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 967-09/23-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/09/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)
967-09/23-5.4L Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	1.740	51
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn A)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 0,8	256

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 967-09/23-5.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 22/09/2023

4/ Loại mẫu : 967-09/23-5.4NT.Nước thải sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9, Kf=1	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,9°C)	-	6,96	2÷12	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	42	1,5	49,5	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	52	2,0	74,25	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	23	1,0	29,7	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nito**	mg/L	12,7	1,50	19,8	TCVN 6638:2000
6	Tổng phot pho (tính theo P)**	mg/L	2,22	0,016	3,96	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	3,09	0,010	4,95	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	2.200	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/5

Số : 1314-12/23-2.3/ KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/12/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)
1314-12/23-2.3KKXQ.Khu vực xưởng sản xuất	74	31,4
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1314-12/23-2.3/ KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG1/ Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2**2/ Địa chỉ : **ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương**3/ Thời gian lấy mẫu : **12/12/2023**4/ Loại mẫu : **Chất lượng không khí**

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)
1314-12/23-2.3KKXQ.Khu vực xưởng sản xuất	0,84
QCVN 02:2019/BYT ^(a)	4,6875

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duyệt**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS/ Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1314-12/23-2.3/ KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/12/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)
1314-12/23-2.3KT Khí thải sau hệ thống xử lý bụi (Đo tại nguồn thải)	1.850	26
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn A)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 0,8 và K _v = 0,8	256

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1314-12/23-2.3/ KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG - TỔNG KHO 2

2/ Địa chỉ : ĐT 747B, KP.Phước Hải, Phường Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/12/2023

4/ Loại mẫu : 1314-12/23-2.3NT.Nước thải sau hệ thống xử lý

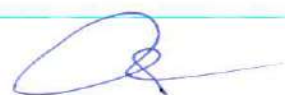
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) Kq=0,9, Kf=1	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,5 ⁰ C)	-	6,12	2÷12	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	29	1,5	49,5	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	42	2,0	74,25	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	20	1,0	29,7	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nito**	mg/L	18,1	1,50	19,8	TCVN 6638:2000
6	Tổng phốt pho (tính theo P)**	mg/L	2,45	0,016	3,96	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	3,11	0,010	4,95	TCVN 6179-1:1996
8	Coliform*	MPN/100mL	2.700	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/5

PPT/Số: HA.24.02064.02

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.02064.02	Khu vực nhúng keo	X: 0609162; Y: 1215690

4. Ngày lấy mẫu: 10/04/2024

Ngày trả kết quả: 17/04/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Nhiệt độ
	°C
HA.24.02064.02	31,6
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	Bụi
	dBA	mg/m ³
HA.24.02064.02	78,0	0,29

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	Bụi
	dBA	mg/m ³
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	--
QCVN 02:2019/BYT	--	6

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

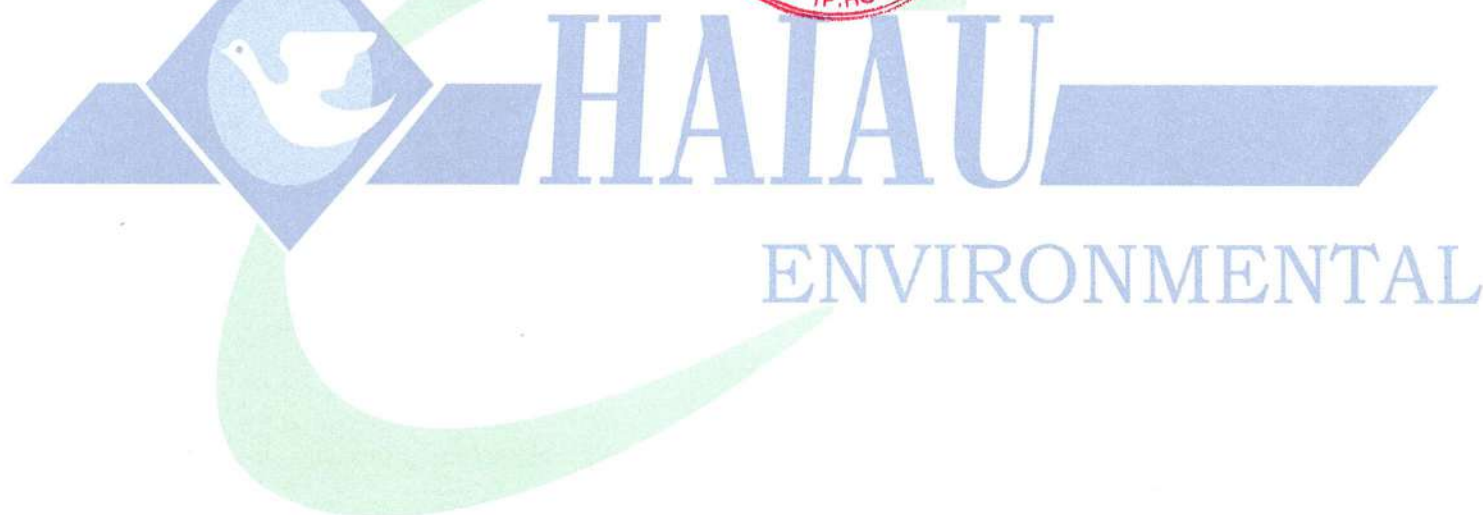
QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.02064.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.02064.01	Sau hệ thống xử lý bụi	X: 0609142; Y: 1215640

4. Ngày lấy mẫu: 10/04/2024

Ngày trả kết quả: 17/04/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2	1.600.000 m ³ /h
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=0.8)
			HA.24.02064.01	
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	1.900	--
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	46,0	256

Ghi chú: () : Chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts**KPH: Không phát hiện**QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - Cột B*Phòng Thử Nghiệm *tk**Nguyễn Thị Trang*
Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm
Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PKQ/Số: HA.24.02064.04

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu
HA.24.02064.04	Sau HTXL nước thải	X: 0609142; Y: 1215640	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 10/04/2024

Ngày trả kết quả: 17/04/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^{(*)/(a)}	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^{(*)/(a)}	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^{(*)/(a)}	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^{(*)/(a)}	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
8	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A K _q =0,9; K _r =1,1
			HA.24.02064.04	
1	pH ^(*) (a)	--	6,78	56 – 9
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	40	49,5
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	26	29,7
4	COD ^(*) (a)	mg/L	65	74,25
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	<3	4,95
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	12,7	19,8
7	Tổng Photpho ^(*) (a)	mg/L	1,8	3,95
8	Coliform ^(*) (a)	MPN/100mL	2.100	3.000

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm
P.Giám đốc
Nguyễn Thị Trang
Nguyễn Thủy Diễm


1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.03518.05

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.03518.05	Khu vực nhúng keo	X: 0609162; Y: 1215690

4. Ngày lấy mẫu: 18/06/2024

Ngày trả kết quả: 25/06/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Nhiệt độ
	°C
HA.24.03518.05	31,6
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	Bụi
	dBA	mg/m ³
HA.24.03518.05	78,0	0,29
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Kết quả thử nghiệm	Thông số	
	Độ ồn	93.8
	dBA	Bụi
QCVN 02:2019/BYT	--	0.387
		mg/m ³
		0.6

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.03518.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: **Khí thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.03518.01	Sau hệ thống xử lý bụi	X: 0609142; Y: 1215640

4. Ngày lấy mẫu: 18/06/2024

Ngày trả kết quả: 25/06/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2	1.600.000 m ³ /h
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5	0,2 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kp=0,8; Kv=0.8)
			HA.24.03518.01	
1	Lưu lượng(*)	m ³ /h	1.950	--
2	Bụi (PM) (*)	mg/Nm ³	43,0	256

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

KPH: Không phát hiện

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - Cột B

Phòng Thử Nghiệm**Nguyễn Thị Trang****P. Giám đốc****Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.03518.03

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CTCP TRUNG TÂM DV – TV MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN LAO ĐỘNG**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG – TỔNG KHO 2**
Thửa đất 441, Tờ bản đồ 08, Đường ĐT747B, KP Phước Hải, Tp.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu
HA.24.03518.03	Sau HTXL nước thải	X: 0609142; Y: 1215640	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 18/06/2024

Ngày trả kết quả: 25/06/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,03 mg/L
8	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A K _q =0,9;K _r =1,1
			HA.24.03518.03	
1	pH ^(*) (a)	--	6,91	56 – 9
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	41	49,5
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	22	29,7
4	COD ^(*) (a)	mg/L	56	74,25
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	<3	4,95
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	17,5	19,8
7	Tổng Photpho ^(*) (a)	mg/L	1,42	3,95
8	Coliform ^(*) (a)	MPN/100mL	2.300	3.000

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**

Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở/giao nhận: Kp 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0948152094

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

Số	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	mạt cưa	5 Tấn	1 xe
02			
03			
04			
05			
06			
07			
08			
09			
Tổng khối lượng:			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 18...tháng 01...năm 2024 <i>Xuân</i> Bùi Xuân Xuân Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	Bình Dương, ngày 18...tháng 01...năm 2024 <i>Hàc</i> Lê Sỹ Hàc Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
--	---



BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, DT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, DT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở/giao nhận: Kp 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0948152094

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

Số	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	mất của	5 Tấn	1 xe
02			
03			
04			
05			
06			
07			
08			
09			
Tổng khối lượng:			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Xuân
Bùi Văn Xuân

Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hải
Lê Sỹ Hải

Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

T Khe

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở/giao nhận: Kp 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0948152094

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

Số TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	mặt của	5 Tấn	1 xe
02			
03			
04			
05			
06			
07			
08			
09			
Tổng khối lượng:			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 8...tháng 3... năm 2024

Bình Dương, ngày 8...tháng 3... năm 2024

Xuân
Bùi Văn Xuân

Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Hầu
Lê Sỹ Hầu

Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

TKho 2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTCNTT

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 6282Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, ĐT 747B, KP. Phước Hải, phường Thái Hòa, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274 362 62822. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**Địa chỉ văn phòng: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 0274 2461222

Địa chỉ cơ sở/giao nhận: Kp 1B P, P. Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0948152094

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

SỐ TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
01	mặt Cưa	5 Tấn	1 Xe
02			
03			
04			
05			
06			
07			
08			
09			
Tổng khối lượng:			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bình Dương, ngày 4.....tháng 4... năm 2024 Xuân Bui Văn Xuân Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	Bình Dương, ngày 4.....tháng 4... năm 2024 Quýnh Lê Sỹ Quýnh Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
--	--

T Kho 2

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÀN	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ		CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG	
		Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn		
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	CT <i>mặt của</i>	<i>5 Tấn</i>	<i>1 xe</i>
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): <i>61C 57514</i>			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
Bình Dương, ngày <i>7</i> tháng <i>5</i> ... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG <i>Xuân</i> <i>Bùi Văn Xuân</i>		Bình Phước, ngày <i>7</i> tháng <i>5</i> ... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ <i>Khô</i> <i>Đoàn nhân</i>	

TK2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÁC

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-SXAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn		
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	<i>mặt cửa</i>	<i>5 Tấn</i>	<i>1 AC</i>
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): *C1H03151*

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày *8* tháng *6* năm 2024

Bên giao

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Xuân
Bùi Văn Xuân

Bình Phước, ngày *8* tháng *6* năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PL
Ng Truc Phuong

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TK2

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

ĐT: 0906912942

MS: 380674334

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn		
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	mái cửa	5 Tấn	1 đc
9	Dầm bảo, mún cửa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61.H.03151

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 9 tháng 7 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Xuân
Bùi văn Xuân

Bình Phước, ngày 9 tháng 7 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

ph
Ng. tức phước

TK2

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn		
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa ✓	5 Tấn	1 đc
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H63151

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 9... tháng 8... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Xuân
Bùi Văn Xuân

Bình Phước, ngày 9... tháng 8... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

ph
Ng Tân Phước

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
TỈNH/THÀNH PHỐ
CAO GIA QUÝ
BÌNH DƯƠNG
NM: Ấp Phước Tân, X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước
PDD: 29/5 Nguyễn Văn Qua, KP. 6 P. TH. Q. 12 TP. HCM
1. Bên giao (chủ nguồn thải):
MST: 3800743345 - ĐT: 0906912942

7/12
BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

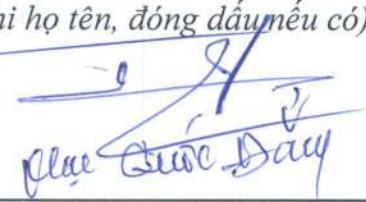
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn		
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa ✓	5 Tấn	1 xe
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H03151

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 10... tháng 09... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Xuân Bùi Văn Xuân	BD, ngày 10... tháng 09... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Tôn Đường Văn Tân
--	---

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số: 08-01/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2000	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày tháng 01 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) 		Dĩ An, ngày 08 tháng 01 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  	

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRCNTT
Số:05-01/2024-AC

102

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường**

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương
ĐT: 0274 3626282
MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty TNHH MTV An Thành Nam**

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
ĐT:
MST: 3701679272

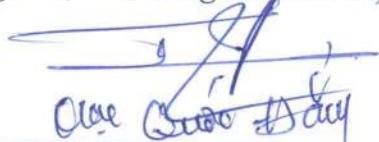
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1560	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày tháng 01 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

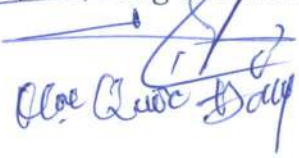

Ông Quốc Đạt

Dĩ An, ngày 15 tháng 01 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT TF2 Số: 06-01/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1640	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày tháng 01 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) 		Dĩ An, ngày 22 tháng 01 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  	

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT

Số:07-01/2024-AC

72

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường**

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty TNHH MTV An Thành Nam**

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

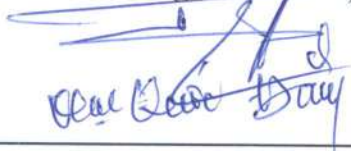
MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1870	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày tháng 12 Năm 2023

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Dĩ An, ngày 28 tháng 12 Năm 2023

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT

Số:05-02/2024-AC

TK2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

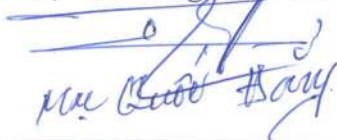
MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1810	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày tháng 01 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Dĩ An, ngày 31 tháng 01 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT

Số: 06-02/2024-AC

TK2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường

Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

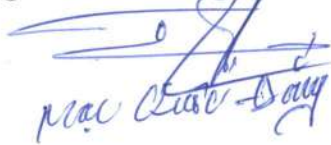
MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1140	
2			
3			
Tổng khối lượng:			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày tháng 02 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Mạc Quốc Dũng

Dĩ An, ngày 04 tháng 02 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRCNTT
Số:05-03/2024-AC

TK2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương
ĐT: 0274 3626282
MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
ĐT:
MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

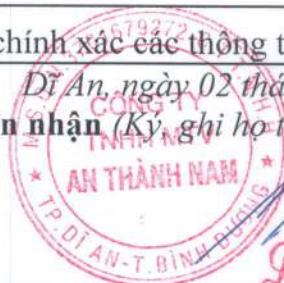
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2090	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày ..02.. tháng 03 Năm 2024
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày 02 tháng 03 Năm 2024
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRCNTT

Số: 06-03/2024-AC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường**

Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty TNHH MTV An Thành Nam**

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2010	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3....., ngày 15 tháng 03 Năm 2024**Bên giao** (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày 15 tháng 03 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số:07-03/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1300	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày 25 tháng 03 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 25 tháng 03 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Lê Đình Nam	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: 04-04/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2430	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
.... <u>12</u> , ngày <u>12</u> tháng 04 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Phạm Hồng Thái		<u>Dĩ An</u> , ngày <u>12</u> tháng 04 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)   Lê Đình Nam	

TỈNH/THÀNH PHỐ

Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT

Số:05-05/2024-AC

TK2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2350	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 09 tháng 05 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày 09 tháng 05 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)
Lê Đình Ni

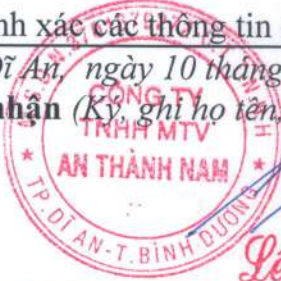
TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: 06-05/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2330	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày 24. tháng 05 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 21 tháng 05 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Lê Đình Nam	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số:05-06/2024-AC		TK2
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131				
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272				
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú	
1	Chất thải CN thông thường	1220		
2				
3				
	Tổng khối lượng:			
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3				
...D.P., ngày 28. tháng 05 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Phạm Hồng Châu		Dĩ An, ngày 28 tháng 05 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Lê Đình Nam		

TỈNH/THÀNH PHỐ Binh Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số: 06-06/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1260	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
.... BĐ ., ngày 07 tháng 06 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 07 tháng 06 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Lê Đình Nam	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số: 04-06/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gổ An Cường Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường DT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường DT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1430	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
..... <i>B.D.</i> , ngày .. <i>A.D.</i> tháng 06 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <i>Phạm Hồng Thái</i>		Dĩ An, ngày .. <i>15</i> tháng 06 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <i>Lê Đình Nam</i>	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT Số:05-07/2024-AC		TR 2
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131				
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272				
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)		Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2010		
2				
3				
	Tổng khối lượng:			
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3				
.... <u>12</u> .., ngày <u>26</u> . tháng 06 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày <u>28</u> tháng 06 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)   Lê Đình Nam		

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số: 06-07/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1820	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
.... <i>L.D.</i> , ngày <i>10</i> . tháng 07 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) <i>Phạm Hồng Lân</i>		<i>Dĩ An</i> , ngày <i>10</i> tháng 07 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  <i>Lê Đình Nam</i>	

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT Số:07-07/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2130	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
.... 07, ngày 23, tháng 07 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 23 tháng 07 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có) Lê Đình Nam	

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCRNTT
Số: 02-08/2024-AC

TK-2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường**

Địa chỉ : : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty TNHH MTV An Thành Nam**

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCRNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCRNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2060	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

...*ĐP*..., ngày *05* tháng 08 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Phạm Hồng Thái

Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày 05 tháng 08 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTRCNTT
Số: 06-08/2024-AC

TC 2

1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274 3626282

MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2190	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....*BD*, ngày ...*19* tháng 08 Năm 2024

Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

[Signature]

Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày *19* tháng 08 Năm 2024

Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ
Bình Dương

BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT
Số: 06-09/2024-AC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ Phần Gổ An Cường**

Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương
ĐT: 0274 3626282
MST: 3700748131

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty TNHH MTV An Thành Nam**

Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
ĐT:
MST: 3701679272

3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	1760	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.... *B.V.*, ngày *27* tháng 08 Năm 2024
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Phạm Hồng Thái

Dĩ An, ngày *27* tháng 08 Năm 2024
Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)


Lê Đình Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số:07-09/2024-AC		TC2
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường DT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131				
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường DT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272				
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao				
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú	
1	Chất thải CN thông thường	1670		
2				
3				
	Tổng khối lượng:			
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3				
.... <u>16</u> ., ngày .. <u>09</u> tháng 09 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 09 tháng 09 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Lê Đình Nam		

TỈNH/THÀNH PHỐ Bình Dương		BIÊN BẢN GIAO CTRSH, CTCNTT Số: 08-09/2024-AC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ Phần Gỗ An Cường Địa chỉ : Thửa đất 681, Tờ Bản Đồ 05, Đường ĐT747B, Khu phố Phước Hải, P Thái Hòa, TX Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 3626282 MST: 3700748131			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH MTV An Thành Nam Địa chỉ: Số 1318 Đường ĐT 743A, Kp. Chiêu Liêu, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. ĐT: MST: 3701679272			
3. Khối lượng: CTRSH, CTCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải CN thông thường	2390	
2			
3			
	Tổng khối lượng:		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
.... <u>10</u> ., ngày <u>24</u> . tháng 09 Năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Phạm Hồng Thái		Dĩ An, ngày 24 tháng 09 Năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  Lê Đình Nam	

Kho 2

R

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	1010	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	133	
3	Dây đai sắt	30	
4	Dây đai nhựa	90	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất	133	
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61H.07528

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 10 tháng 1 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Hq. v. Đỗ
cho phụ trách

BD, ngày 10 tháng 1 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Kim Ngọc Tường

Kho 2

K

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	390	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	70	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	120	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H - 02528

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 12. tháng 11. năm 2023

Bên giao

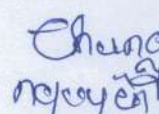
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG


Nguyễn Hoàng Thi Phương *Chức*

BD, ngày tháng năm 2023

Bên nhận

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ**


Chung Nguyễn Văn Chung

TTC2

R

TỈNH/THÀNH PHỐ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

MST: 3800743345

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

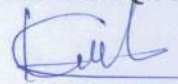
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	950 (Khud + Nhà Máy)	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	/	
3	Dây đai sắt	80	
4	Dây đai nhựa	125	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn	/	
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	212	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất	101	
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):G1H...07528.....

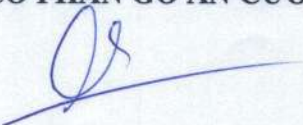
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 16... tháng 11... năm 2021
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Quách Tú Thanh
BD, ngày tháng năm 2021
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Kim Ngọc Tường

T Kho 2

R

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. ĐT: 02743 626 282 Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. ĐT: 02743 626 282			
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ĐT:..... Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương ĐT:			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	750	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H.075.28			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 17 tháng 04 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG  Nguyễn Văn Đỗ Icho phụ kiện		BD, ngày tháng năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ  Kim Ngọc Rung	

T kho 2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNGBIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC**1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	610	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	74	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất	245	
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61# 07528**5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4**BD, ngày 27.. tháng 01.. năm 2023
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
Đỗ Thị XuânBD, ngày 27.. tháng 01.... năm 2023
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
Vũ Văn Nghĩa

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:..... Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:			
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:..... Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	350	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	60	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	272	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): ...61C - 385 87.....			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 22 tháng 2 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Phạm Thị Hiền		BP, ngày 22 tháng 2 năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Nguyễn Văn Trung	

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345
Áp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

TK2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	680 kg	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	83 kg	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	157 kg	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): ...61C 98587.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 29.. tháng 2.. năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Trần Thị Nga	BP, ngày 29.. tháng 2.. năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Lã Văn Nghĩa
---	--

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345
Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

TK2

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-SXAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương DT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước DT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước DT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	630	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	37	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	83	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 62C-38587

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Trần Văn Đỗ
cho PK

BP, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Bùi Hải Bè

TỈNH THANH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	790	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	243	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61H.....075...28.

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 08. tháng 05. năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Th
Ngũ Thị Kim Thoa

BP, ngày tháng năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Đường
Lê Văn Dũng

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	1460	Kho 2 + NM (2 ngày)
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	47	Kho 2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	265	Kho 2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):GAC.....-385...87

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 13. tháng 3. năm 2024
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Thảo
Nguyễn Thị Thu Thảo

BP, ngày 15. tháng 3. năm 2024
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Rõ Văn Nghĩa

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345

Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	500	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt	131	
4	Dây đai nhựa	59	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	111	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61C.....38587.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 15... tháng 5... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Ngô Ngọc Chân	BP, ngày 15... tháng 5... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Võ Văn Nhựt
--	---

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

MST: 3809743345

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	530 Kho 2 + Nhà Máy	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	112 Kho 2	
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	46 kho 2	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng		
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		

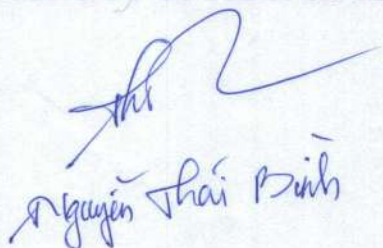
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): ...G.H. 07528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

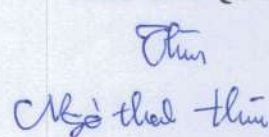

Nguyễn Thái Bình

BD, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

CAO GIA QUÝ


Nguyễn Thái Bình

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	430	Tk2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	99	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	263	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 611-585-87

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 28... tháng 3... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Phạm

Huỳnh Thị Phương
GT1

BD, ngày 28... tháng 3... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Vũ Văn Nghĩa

Vũ Văn Nghĩa

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345

Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

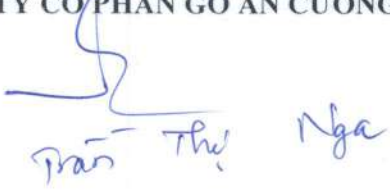
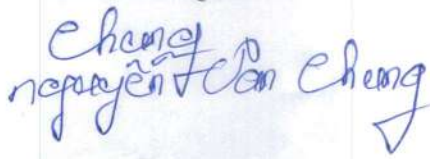
ĐT:

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	570	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	43	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	127	
7	Chí dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): ...61.H.075.28.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày ..2... tháng4... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG  Trần Thị Nga	BP, ngày ..2... tháng ..4... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ  Nguyễn Văn Chanh
---	--

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP
Đ.T: 0906 91 38 4 8
MST: 3800743345

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT:

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	490	Tk2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	40	Tk2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	156	Tk2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bảo, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): ...61C-38587...

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày ..10.. tháng ..4.. năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Thảo Nguyễn Thị. Thu Thảo	Bình Phước, ngày ..10.. tháng ..4.. năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Duy Nguyễn Văn Duy
---	--

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	940 Kg	Nhà máy + TK2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	45 Kg	TK2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	123 Kg	TK2
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61C 38587

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 15... tháng 4... năm 2024
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

BP, ngày 15... tháng 4... năm 2024
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

NM: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

ĐT: 0900 691 894

MST: 3800 71 894

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẠN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	390	TR2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	/	
3	Dây đai sắt	72	TR2
4	Dây đai nhựa	53	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn	/	
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	111	TR2
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất	/	
8	Cùi	/	
9	Dăm bào, mùn cưa	/	
Tổng khối lượng			

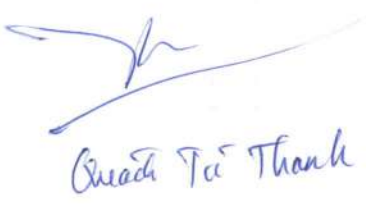
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61C 38987

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG



Quach Tai Thanh

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ



TK2

06

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345

Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
TỈNH THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẠN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	680	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	95	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	215	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61C 3858.7.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 19. tháng 02. năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Đào Thị Xuân

BP, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Lê Văn Dũng

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÀN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

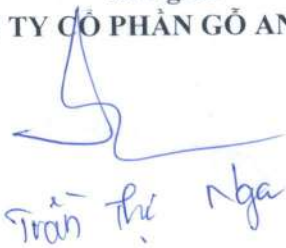
ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	340	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	31	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	174	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61C 385 87.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 22... tháng 4... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG  Trần Thị Nga	BP, ngày 22... tháng 4... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ  Nguyễn Văn Dương
--	--

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Số: 1800743345

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2023-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. ĐT: 02743 626 282

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. ĐT: 02743 626 282

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	420	TK2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	49	TK2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	171	TK2
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H.052.8.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 25. tháng 4.... năm 2023

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Alan.

Trần Anh Tuấn

BD, ngày 25.. tháng 4.... năm 2023

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Hiền

Nguyễn Văn Trung Hiền

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	630	NM + Kho
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt	51	TKL
4	Dây đai nhựa	72	TKL
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	134	TKL
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):616-48577.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

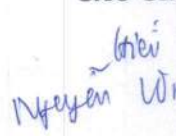
Bình Dương, ngày 27 tháng 04 năm 2024

Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG


Lê Phan Trúc Ngân

Bình Phước, ngày 27 tháng 04 năm 2024

Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ


Nguyễn Văn Trung Hiên

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	500 (TK2)	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	30 (TK2)	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	139 (TK2)	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61C 385.87.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 4... tháng 5..... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Ngô Ngọc Chân	BP, ngày tháng năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Lê Văn Dũng
---	--

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TỈNH THÀNH PHỐ TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

VI: ĐD: 20/5 Nguyễn Văn Quỳ, KP. 8, P. THỊ, Q. 12, TP. HCM

ĐT: 0906 912 948

MST: 3800743845

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÀN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	540	Tk2 + NM
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	50	Tk2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	244	Tk2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): ...G1C - 385 87...

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 11. tháng 5... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Thảo

Nguyễn Thị Thu Thảo

Bình Phước, ngày 11 tháng 5... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Hiển

Nguyễn Văn Trung Hiển

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ vận chuyển): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	570	Tk2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	46	Tk2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	166	Tk2
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61C 385.87.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày ...8... tháng5... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Phạm Huỳnh Thị Phương

Bình Phước, ngày8 tháng5 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	400	TK2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt	60	
4	Dây đai nhựa	63	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	155	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): G1 C 38587

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 29. tháng 05 năm 2024

Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

TK2
VĐ

Bình Phước, ngày 29. tháng 05 năm 2024

Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

TK2
Kim Ngọc Thủy

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
TỈNH/THÀNH PHỐ
CAO GIA QUÝ
BÌNH DƯƠNG
NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP
VPHD: 28/5 Nguyễn Văn Quý, KĐ 0.8 TTT Q 10 TP HCM
ĐT: 0906812942
MS: 900743343

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTCNNT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNNT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	10301	nhằm máy + TRL
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	81	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	1 298	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61L 48522.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 11... tháng 6... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Ngô Thị Kim Thoa	Bình Phước, ngày 14... tháng 6... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Vũ Văn Khoa
---	---

Tk2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
Số: 3890743345

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-SXAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình DươngĐT:
Địa chỉ cơ sở: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình DươngĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình DươngĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	490	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	127	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	211	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Tổng khối lượng		

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 01C-38587

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 27 tháng 06 năm 2024
Bên giao
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG
Nguyễn Văn Đỗ

BD, ngày 27 tháng 06 năm 2024
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
Kim Ngọc Duyên

TK2

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-SXAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

VPDD: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP.6, P. THỊ, Q.12, TP.HCM

ĐT: 0906912942

MST: 3800743345

Địa chỉ văn phòng: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Lô A17, Khu công nghiệp KSB - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	580	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	90	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	129	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61H 07528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GỖ AN CƯỜNG

Bình Phước, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

TỈNH THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	350	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	335	
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	135	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	335	
7	Chí dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):64H-07528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày ..18.. tháng6.. năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Phạm Thị Hiền

Bình Phước, ngày ..18.. tháng ..6.. năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Thư

Ngô Thế Thuận

Th2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	750	2 ngày (20+25/6)
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	✓	
3	Dây đai sắt	✓	
4	Dây đai nhựa	106	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn	✓	
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	372	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất	✓	
8	Củi	✓	
9	Dăm bào, mùn cưa	✓	
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61H 02528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 25.. tháng ...6.. năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

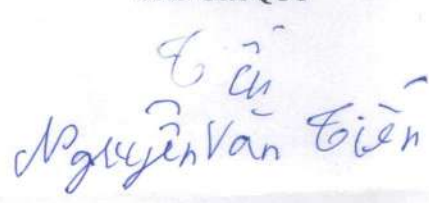


Quách Tài Thanh

Bình Phước, ngày 25.. tháng 6... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ



Nguyễn Văn Tiến

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÀN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTCRNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTCRNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	580	TK2 + NM
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe	-	-
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	101	Tf2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	99	TK 2
7	Chỉ dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H.02528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày ..6.. tháng ..7.. năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Thảo

Nguyễn Thị Thu Thảo

Bình Phước, ngày ..6.. tháng ..7.. năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

CAO GIA QUÝ

Tolien

Nguyễn Văn Tiến

TK2

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

CAO GIA QUÝ

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BF

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	560	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	86	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	172	
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 614 57028

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 3... tháng 7... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Phạm

Huỳnh Thị Phương

Bình Phước, ngày 3... tháng 7... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Thị

Nguyễn Văn Hưng Thiên

TK2

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	790	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	82	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	148	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):GIC 38587.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 11... tháng 7... năm 2024
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG


Võ Văn Thiện

BD, ngày 11... tháng 7... năm 2024
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ


Lê Văn Nghĩa

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	790 kg	NM+TK2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	73 kg	TK2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	194 kg	TK2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): ...G.1.C.385.87.....			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 16 tháng 7 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG [Signature] Lương Ghi Hiền		BD, ngày 16 tháng 7 năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ [Signature] Trần Ngọc Quý	

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	930	T/C 2.
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa		
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	172	T/C 2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):64C 385 87.....			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 20.. tháng 7... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Trần Anh Tuấn		BD, ngày 20.. tháng 7... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Bùi Hữu Bô	

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	770	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	89	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	130	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61C-38587.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 26 tháng 07 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Hg. v Đỗ	BD, ngày 29 tháng 7 năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Lữ Văn Nghĩa
---	--

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	740	TK 2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	115	TK 2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn	156	TK 2
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	252	TK 2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):61H.07528.....			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 8... tháng 8... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Huan Trần Anh Tuấn		BD, ngày 8... tháng 8... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Kim Ngọc Thủy	

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	700 Kg	TK2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	91 Kg	TK2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	152 Kg	TK2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61C 07528.....			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 13. tháng 08. năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Phạm Thị Hiền		BD, ngày 13. tháng 08. năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Nguyễn Thanh Bình	

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RÁC
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	560	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	27	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	164	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 37C-440-80

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Nguyễn Văn Đỗ

Bình Phước, ngày 16 tháng 8 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

Kim Ngọc Trừng

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

CAO GIA QUÝ

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, T. Bình Phước
VPĐD: 29/5 Nguyễn Văn Quà, KP. 8, P. THT, Q. 12, TP. HCM

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	830	Tk2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	80	Tk2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	222	Tk2
7	Chi dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát):51H.....07528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 22.. tháng 8..... năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Nguyễn Hồng Thi Phương

Bình Phước, ngày 22.. tháng 8..... năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

CAO GIA QUÝ

Nguyễn Văn Đạt

Daf

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình DươngĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	890	TKL + nhà máy
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	66	TKL
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	191	TKL
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 616 385 82

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 27.. tháng 08.. năm 2024
Bên giao
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

BD, ngày 27.. tháng 08.. năm 2024
Bên nhận
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ

TKL

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẠN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình DươngĐT: MST: 3800743345			
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	890	Tk2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt	159	Tk2
4	Dây đai nhựa	80	Tk2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	146	Tk2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61C 48577			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
Bình Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Thao Nguyễn Thị Thu Thảo		Bình Phước, ngày 31 tháng 08 năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Chung Nguyễn Văn Chung	

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

BÌNH DƯƠNG

NM: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. BP

PPD: 005 Nguyễn Văn Quỳ, KP. 6, P. TT. 015 TR. H. M.

ĐT: 0906912942

MS: 3806743846

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÀN

CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	850	Tk 2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	69	Tk 2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	171	Tk 2
7	Chỉ dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Củi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát):61.H.075.28.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

Bình Dương, ngày 27 tháng 9 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Phạm Thị Hiền

Bình Phước, ngày 27 tháng 9 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Nguyễn Thanh Phong

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC 7102

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình DươngĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình DươngĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	700	
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	50	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	50 108	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61C 38587

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 11 tháng 09 năm 2024

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Nguyễn Văn Đỗ

BD, ngày 11 tháng 09 năm 2024

Bên nhận

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Chung Nguyễn Văn Đỗ

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương

ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	1060	(TK2 + nhả máy)
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	88	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn	274	
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	268	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất	179	
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 61C-385.87

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 16... tháng 09... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG <i>Hg. v. Đỗ</i>	BD, ngày 16... tháng 09... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ <i>Nguyễn Văn Tiến</i>
--	--

R

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG
Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG**

Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương. ĐT:

2. Bên nhận (chủ vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương ĐT:.....

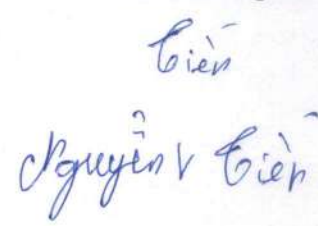
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	650kg	TR 2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	44 kg	
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	151 kg	
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			

4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biển kiểm soát): 61H 07528.....

5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4

BD, ngày 19... tháng 9... năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG  Quách Tú Thanh	BD, ngày 19... tháng 9... năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ  Nguyễn Văn Biên
---	---

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:/2024-BBBG-CGQ-CPAC	
1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG			
Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 05, Đường ĐT747B, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.		ĐT:	
2. Bên nhận (chủ vận chuyển): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ			
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		ĐT:.....	
Địa chỉ cơ sở xử lý: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Dương		ĐT:	
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi Chú
1	Giấy carton, giấy vụn, giấy cuộn	1160	NM + Kho 2
2	Lõi giấy, lõi băng keo, lõi màng Pe		
3	Dây đai sắt		
4	Dây đai nhựa	83	Kho 2
5	Sắt thép vụn, nhôm vụn		
6	Màng co nylon, nylon xanh, nylon trắng	278	Kho 2
7	Chì dán (PVC) không dính hóa chất		
8	Cùi		
9	Dăm bào, mùn cưa		
Tổng khối lượng			
4. Số hiệu phương tiện vận chuyển (Biên kiểm soát): 610.28587			
5. Bên giao, Bên nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 đến mục 4			
BD, ngày 24 tháng 09 năm 2024 Bên giao CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG Lê Phạm Trúc Ngân		BD, ngày 24 tháng 09 năm 2024 Bên nhận CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ Nguyễn Thanh Bình	



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1342448816

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 41696 ngày 11 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

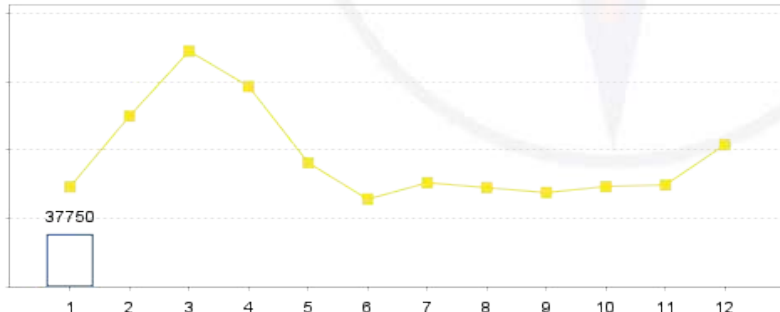
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 1/2024 (10 ngày từ 01/01/2024 đến 10/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.043.457	4.041.317	21.400
Khung giờ cao điểm	10	1.382.335	1.381.279	10.560
Khung giờ thấp điểm	10	1.724.712	1.724.133	5.790
				Tổng: 37.750



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	21.400	38.712.600
Khung giờ cao điểm	3.314	10.560	34.995.840
Khung giờ thấp điểm	1.184	5.790	6.855.360
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		37.750	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			80.563.800
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			6.445.104
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			87.008.904

Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu không trăm linh tám nghìn chín trăm linh bốn đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

87.008.904 đồng



Hạn thanh toán

16/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 01/ 2024 11:26:53



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1344121923

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 57622 ngày 22 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

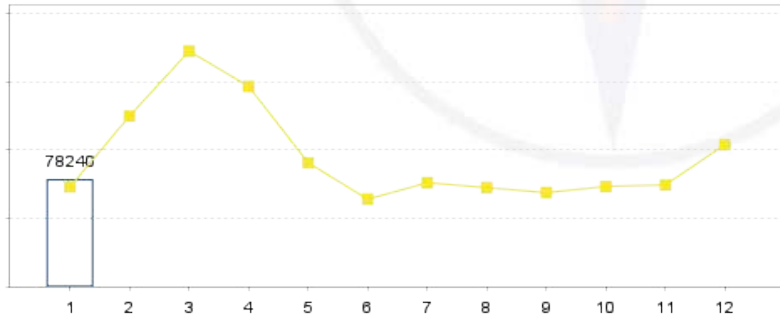
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 1/2024 (10 ngày từ 11/01/2024 đến 20/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.045.745	4.043.457	22.880
Khung giờ cao điểm	10	1.383.449	1.382.335	11.140
Khung giờ thấp điểm	10	1.725.359	1.724.712	6.470
				Tổng: 40.490



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	22.880	41.389.920
Khung giờ cao điểm	3.314	11.140	36.917.960
Khung giờ thấp điểm	1.184	6.470	7.660.480
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		40.490	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			85.968.360
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			6.877.469
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			92.845.829

Bằng chữ: Chín mươi hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi chín đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

92.845.829 đồng



Hạn thanh toán

27/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 01/ 2024 08:51:46



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1350816510

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 58047 ngày 03 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

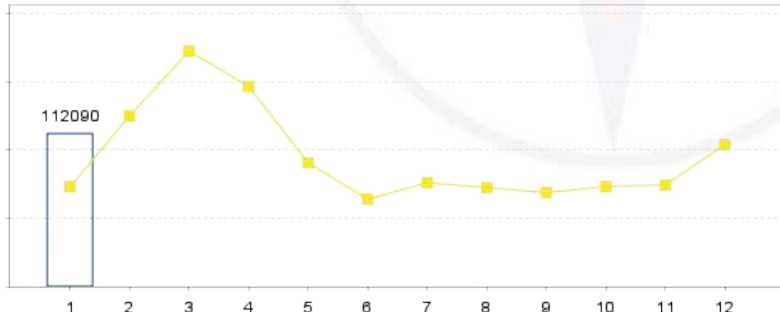
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 1/2024 (11 ngày từ 21/01/2024 đến 31/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.047.607	4.045.745	18.620
Khung giờ cao điểm	10	1.384.419	1.383.449	9.700
Khung giờ thấp điểm	10	1.725.912	1.725.359	5.530
				Tổng: 33.850



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	18.620	33.683.580
Khung giờ cao điểm	3.314	9.700	32.145.800
Khung giờ thấp điểm	1.184	5.530	6.547.520
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		33.850	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			72.376.900
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			5.790.152
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			78.167.052

Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm năm mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

78.167.052 đồng



Hạn thanh toán

08/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspec.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspec.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 02/ 2024 15:44:17



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1352823688

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 97432 ngày 13 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

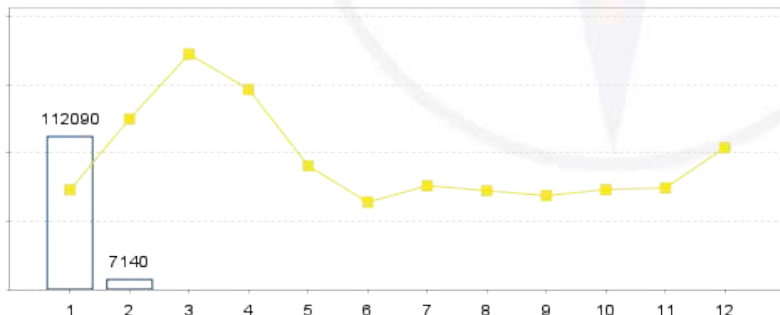
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 2/2024 (10 ngày từ 01/02/2024 đến 10/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.048.068	4.047.607	4.610
Khung giờ cao điểm	10	1.384.640	1.384.419	2.210
Khung giờ thấp điểm	10	1.725.944	1.725.912	320
				Tổng: 7.140



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	4.610	8.339.490
Khung giờ cao điểm	3.314	2.210	7.323.940
Khung giờ thấp điểm	1.184	320	378.880
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		7.140	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			16.042.310
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			1.283.385
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			17.325.695

Bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

17.325.695 đồng



Hạn thanh toán

18/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/ 02/ 2024 11:21:27



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1354514157

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 115651 ngày 22 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Địa chỉ

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Điện thoại

0965667366

Email

minhamayacc@ancuong.com

Mã số thuế

3700748131

Địa chỉ sử dụng điện

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

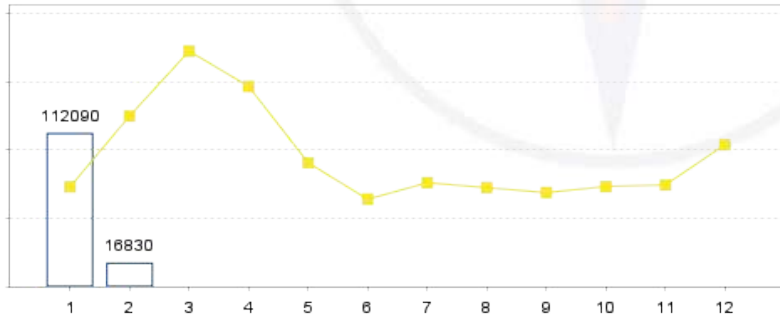
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 2/2024 (10 ngày từ 11/02/2024 đến 20/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.048.711	4.048.068	6.430
Khung giờ cao điểm	10	1.384.902	1.384.640	2.620
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.008	1.725.944	640
				Tổng: 9.690



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	6.430	11.631.870
Khung giờ cao điểm	3.314	2.620	8.682.680
Khung giờ thấp điểm	1.184	640	757.760
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		9.690	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			21.072.310
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			1.685.785
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			22.758.095

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn không trăm chín mươi lăm đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

22.758.095 đồng



Hạn thanh toán

27/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 02/ 2024 10:46:59



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1361287336

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 116080 ngày 03 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

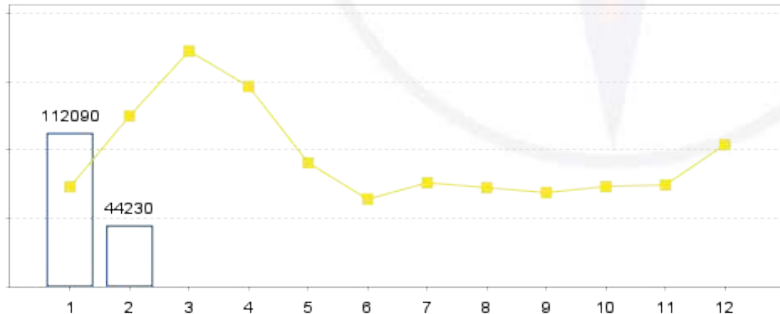
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 2/2024 (9 ngày từ 21/02/2024 đến 29/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.050.160	4.048.711	14.490
Khung giờ cao điểm	10	1.385.809	1.384.902	9.070
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.392	1.726.008	3.840
				Tổng: 27.400



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	14.490	26.212.410
Khung giờ cao điểm	3.314	9.070	30.057.980
Khung giờ thấp điểm	1.184	3.840	4.546.560
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		27.400	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			60.816.950
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.865.356
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			65.682.306

Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn ba trăm linh sáu đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

65.682.306 đồng



Hạn thanh toán

08/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 03/ 2024 07:58:46



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1363627636

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 153245 ngày 11 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

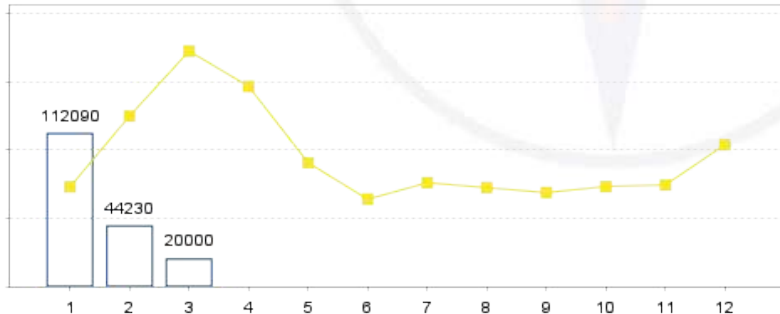
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 3/2024 (10 ngày từ 01/03/2024 đến 10/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.051.346	4.050.160	11.860
Khung giờ cao điểm	10	1.386.584	1.385.809	7.750
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.431	1.726.392	390
				Tổng: 20.000



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	11.860	21.454.740
Khung giờ cao điểm	3.314	7.750	25.683.500
Khung giờ thấp điểm	1.184	390	461.760
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		20.000	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			47.600.000
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.808.000
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			51.408.000

Bằng chữ: Năm mươi một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

51.408.000 đồng



Hạn thanh toán

16/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/03/2024 13:30:45



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1365173131

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 173261 ngày 21 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

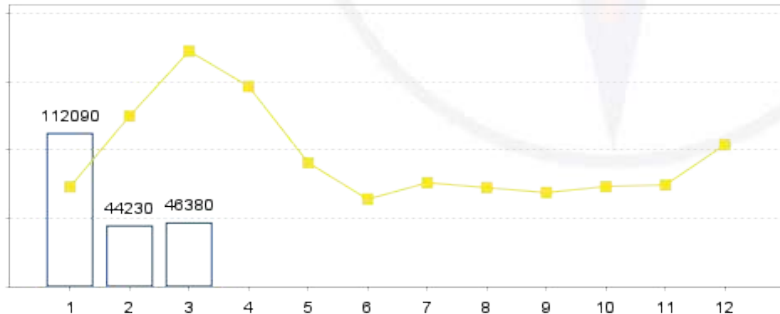
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 3/2024 (10 ngày từ 11/03/2024 đến 20/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.052.946	4.051.346	16.000
Khung giờ cao điểm	10	1.387.571	1.386.584	9.870
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.482	1.726.431	510
				Tổng: 26.380



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	16.000	28.944.000
Khung giờ cao điểm	3.314	9.870	32.709.180
Khung giờ thấp điểm	1.184	510	603.840
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		26.380	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			62.257.020
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.980.562
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			67.237.582

Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

67.237.582 đồng



Hạn thanh toán

26/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 13:50:54



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1372448743

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 174142 ngày 03 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681,Tờ bản đồ 05,Đường ĐT 747B,Kp.Phước Hải,P.Thái Hòa,Tp.Tân Uyên,T.Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681,Tờ bản đồ số 05,Đường ĐT 747B,KP.Phước Hải,P.Thái Hòa,TX.Tân Uyên,T.Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

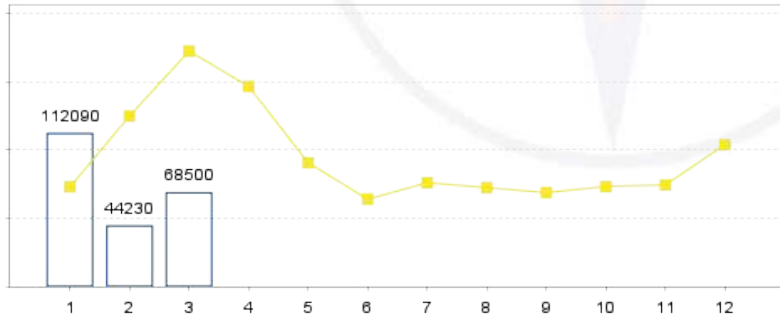
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 3/2024 (11 ngày từ 21/03/2024 đến 31/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.054.257	4.052.946	13.110
Khung giờ cao điểm	10	1.388.430	1.387.571	8.590
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.524	1.726.482	420
				Tổng: 22.120



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	13.110	23.715.990
Khung giờ cao điểm	3.314	8.590	28.467.260
Khung giờ thấp điểm	1.184	420	497.280
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		22.120	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			52.680.530
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.214.442
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			56.894.972

Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

56.894.972 đồng



Hạn thanh toán

08/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 04/ 2024 08:33:32



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1374313906

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 213383 ngày 11 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

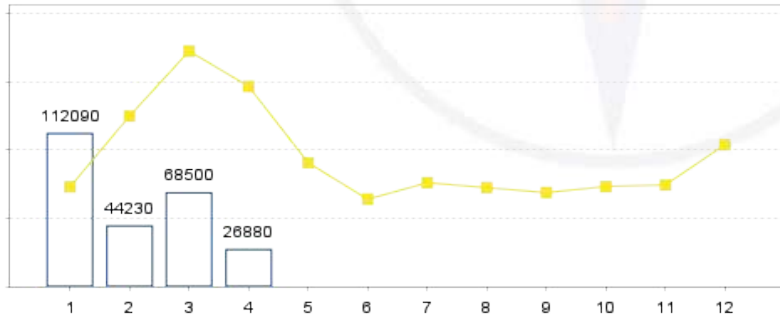
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 4/2024 (10 ngày từ 01/04/2024 đến 10/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.055.889	4.054.257	16.320
Khung giờ cao điểm	10	1.389.437	1.388.430	10.070
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.573	1.726.524	490
				Tổng: 26.880



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	16.320	29.522.880
Khung giờ cao điểm	3.314	10.070	33.371.980
Khung giờ thấp điểm	1.184	490	580.160
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		26.880	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			63.475.020
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			5.078.002
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			68.553.022

Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

68.553.022 đồng



Hạn thanh toán

16/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/04/2024 13:24:41



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1375699554

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 230420 ngày 21 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

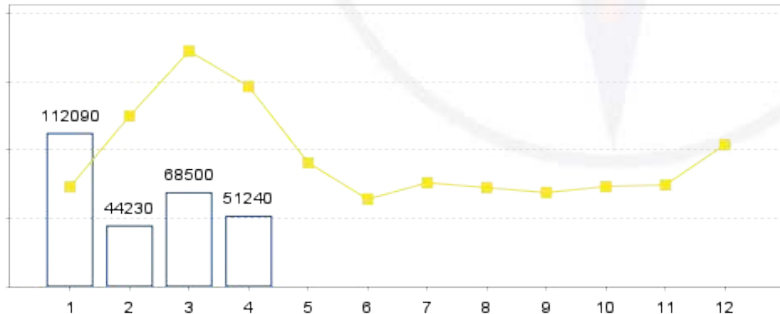
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 4/2024 (10 ngày từ 11/04/2024 đến 20/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.057.379	4.055.889	14.900
Khung giờ cao điểm	10	1.390.331	1.389.437	8.940
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.625	1.726.573	520
				Tổng: 24.360



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	14.900	26.954.100
Khung giờ cao điểm	3.314	8.940	29.627.160
Khung giờ thấp điểm	1.184	520	615.680
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		24.360	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			57.196.940
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.575.755
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			61.772.695

Bằng chữ: Sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

61.772.695 đồng



Hạn thanh toán

26/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 04/ 2024 10:30:24



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1382971359

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 232533 ngày 03 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

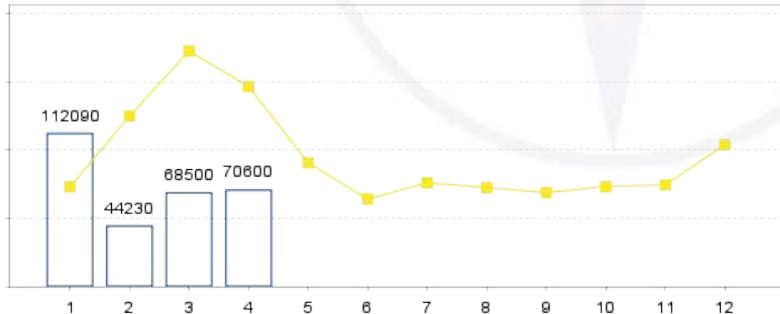
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 4/2024 (10 ngày từ 21/04/2024 đến 30/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.058.592	4.057.379	12.130
Khung giờ cao điểm	10	1.391.007	1.390.331	6.760
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.672	1.726.625	470
				Tổng: 19.360



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	12.130	21.943.170
Khung giờ cao điểm	3.314	6.760	22.402.640
Khung giờ thấp điểm	1.184	470	556.480
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		19.360	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			44.902.290
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.592.183
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			48.494.473

Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

48.494.473 đồng



Hạn thanh toán

08/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 05/ 2024 10:00:28



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1385181121

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 273542 ngày 11 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Địa chỉ

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

Điện thoại

0965667366

Email

minhamayacc@ancuong.com

Mã số thuế

3700748131

Địa chỉ sử dụng điện

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

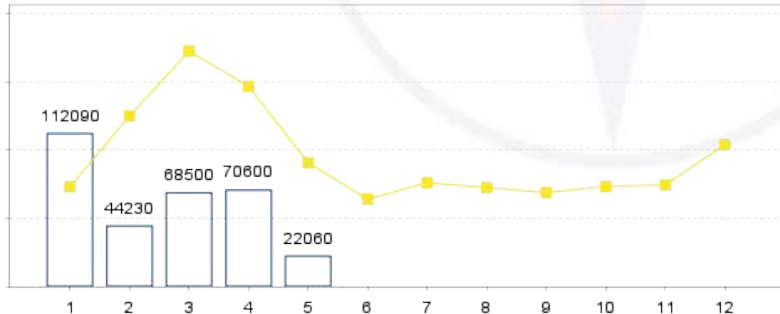
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 5/2024 (10 ngày từ 01/05/2024 đến 10/05/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.059.914	4.058.592	13.220
Khung giờ cao điểm	10	1.391.837	1.391.007	8.300
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.726	1.726.672	540
				Tổng: 22.060



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	13.220	23.914.980
Khung giờ cao điểm	3.314	8.300	27.506.200
Khung giờ thấp điểm	1.184	540	639.360
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		22.060	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			52.060.540
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.164.843
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			56.225.383

Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi ba đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

56.225.383 đồng



Hạn thanh toán

16/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/05/2024 13:11:41



Công ty Điện lực Bình Dương

Điện Lực Tân Uyên

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1386641091

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 290643 ngày 21 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Cấp điện áp sử dụng

Công Ty Cổ Phần Gổ An Cường

Thửa đất 681, Tờ bản đồ 05, Đường ĐT 747B, Kp. Phước Hải, P. Thái Hòa, Tp. Tân Uyên, T. Bình Dương

0965667366

minhamayacc@ancuong.com

3700748131

Thửa đất số 681, Tờ bản đồ số 05, Đường ĐT 747B, KP. Phước Hải, P. Thái Hòa, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương

100 % Sản xuất - Giờ bình thường

100 % Sản xuất - Giờ cao điểm

100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

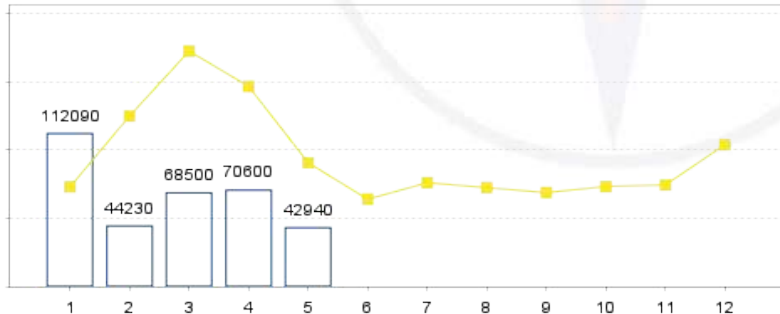
Từ 380V đến dưới 6kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... để nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 5/2024 (10 ngày từ 11/05/2024 đến 20/05/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16131848				
Khung giờ bình thường	10	4.061.225	4.059.914	13.110
Khung giờ cao điểm	10	1.392.568	1.391.837	7.310
Khung giờ thấp điểm	10	1.726.772	1.726.726	460
				Tổng: 20.880



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	13.110	23.715.990
Khung giờ cao điểm	3.314	7.310	24.225.340
Khung giờ thấp điểm	1.184	460	544.640
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		20.880	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			48.485.970
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.878.878
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			52.364.848

Bằng chữ: Năm mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PB04060030383



Số tiền thanh toán

52.364.848 đồng



Hạn thanh toán

26/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 05/ 2024 14:22:55



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG
Số BL: 22271

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 681, TỜ BẢN ĐỒ 05, ĐƯỜNG ĐT747B, KHU PHỐ PHƯỚC HẢI, PHƯỜNG THÁI HÒA, THÀNH PHỐ TÂN
UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: THỬA 441 KP PHƯỚC HẢI DT747B-THÁI HOÀ-TÂN UYÊN
Mã số thuế KH: 3700748131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 2/12/2023 đến ngày: 1/1/2024

Mã số thuế: 3700145694
Điện thoại: (0274) 3740530
Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 26765

Danh bộ 8109.0601.06		Kỳ/Năm 01/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 63.530	Chỉ số mới 64.581	M ³ Tiêu thụ 1.051
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 1.051	13.800	14.503.800		Tiền nước: 14.503.800 Tiền thuế GTGT 5% : 725.190 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 15.228.990 Bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn chín trăm chín mươi đồng				Ngày 04 tháng 01 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 04/01/2024 10:53:10		



**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 393209

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 681, TỜ BẢN ĐỒ 05, ĐƯỜNG ĐT747B, KHU PHỐ PHƯỚC HẢI, PHƯỜNG THÁI HÒA, THÀNH PHỐ TÂN
UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: THỬA 441 KP PHƯỚC HẢI DT747B-THÁI HOÀ-TÂN UYÊN

Mã số thuế KH: 3700748131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 2/1/2024 đến ngày: 1/2/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 401076

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8109.0601.06		02/2024	0	64.581	65.429	848
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 848	13.800	11.702.400		Tiền nước: 11.702.400 Tiền thuế GTGT 5% : 585.120 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 12.287.520 Bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi đồng				Ngày 03 tháng 02 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 03/02/2024 09:26:31		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 784384

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 681, TỜ BẢN ĐỒ 05, ĐƯỜNG ĐT747B, KHU PHỐ PHƯỚC HẢI, PHƯỜNG THÁI HÒA, THÀNH PHỐ TÂN
UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: THỬA 441 KP PHƯỚC HẢI DT747B-THÁI HOÀ-TÂN UYÊN

Mã số thuế KH: 3700748131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 2/2/2024 đến ngày: 1/3/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 799203

Danh bộ 8109.0601.06		Kỳ/Năm 03/2024	Khoán 0	Chỉ số cũ 65.429	Chỉ số mới 66.282	M ³ Tiêu thụ 853
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 853	13.800	11.771.400		Tiền nước: 11.771.400 Tiền thuế GTGT 5% : 588.570 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 12.359.970 Bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm năm mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi đồng				Ngày 05 tháng 03 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 05/03/2024 14:26:54		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 1151707

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 681, TỜ BẢN ĐỒ 05, ĐƯỜNG ĐT747B, KHU PHỐ PHƯỚC HẢI, PHƯỜNG THÁI HÒA, THÀNH PHỐ TÂN
UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: THỬA 441 KP PHƯỚC HẢI DT747B-THÁI HOÀ-TÂN UYÊN

Mã số thuế KH: 3700748131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 2/3/2024 đến ngày: 1/4/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1158757

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8109.0601.06		04/2024	0	66.282	67.459	1.177
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 1.177	13.800	16.242.600		Tiền nước: 16.242.600 Tiền thuế GTGT 5% : 812.130 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 17.054.730 Bằng chữ: Mười bảy triệu không trăm năm mươi tư ngàn bảy trăm ba mươi đồng				Ngày 04 tháng 04 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 04/04/2024 09:11:14		



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG

Số BL: 1563805

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG

Địa chỉ KH: THỬA ĐẤT 681, TỜ BẢN ĐỒ 05, ĐƯỜNG ĐT747B, KHU PHỐ PHƯỚC HẢI, PHƯỜNG THÁI HÒA, THÀNH PHỐ TÂN
UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: THỬA 441 KP PHƯỚC HẢI DT747B-THÁI HOÀ-TÂN UYÊN

Mã số thuế KH: 3700748131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

SX

Từ ngày: 2/4/2024 đến ngày: 1/5/2024

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1582838

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M ³ Tiêu thụ
8109.0601.06		05/2024	0	67.459	68.571	1.112
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
SX: 1.112	13.800	15.345.600		Tiền nước: 15.345.600 Tiền thuế GTGT 5% : 767.280 Phí BV môi trường : 0		
Tổng số tiền phải trả: 16.112.880 Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm mười hai ngàn tám trăm tám mươi đồng				Ngày 07 tháng 05 năm 2024 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 07/05/2024 14:17:24		



BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN MSDS

1. NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

Tên sản phẩm **BUGJO S-900**
Tên công ty **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐÌNH VÀNG**
Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Long An.
Tel: 0272.3900.111-8 Fax: 0272.3900.119

2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CẤU TẠO

1. Vinyl Acetate Copolymer	CAS NO: 9003-20-7	WT %: 20 min
2. Polyvinyl Alcohol	CAS NO: 9002-89-5	WT %: 13 min
3. Calcium Carbonate	CAS NO: 471-34-1	WT %: 3 max
4. 1,2-Benzisothiazolin-3-One	CAS NO: 2634-33-5	WT %: 0.3 min
5. Water	CAS NO: 7732-18-5	WT %: 65 max

3. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Chất lỏng dễ cháy : Không phân loại
Chất hoặc hỗn hợp tự bốc cháy : Không phân loại
Chất lỏng độc hại : Không phân loại
Nguy hại cho đường hô hấp : Không phân loại

4. SƠ CỨU

Hô hấp Di chuyển người bị tác động đến nơi có không khí thoáng.
Đặt người đó ở tư thế nghỉ ngơi để thở 1 cách dễ dàng
Gọi cho bác sĩ nếu nạn nhân cảm thấy không khỏe

Tiếp xúc với da Lập tức cởi bỏ hoặc dịch chuyển quần áo bị nhiễm chất này
Rửa thật sạch với nhiều nước và xà bông
Gọi cho bác sĩ

Tiếp xúc với mắt Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút.
Gỡ bỏ kính sát trùng nếu có và dễ thực hiện cởi bỏ. Tiếp tục
rửa sạch mắt.
Gọi cho bác sĩ

Nuốt phải Rửa sạch miệng. Không cố gắng nôn ói
Gọi cho bác sĩ

Các thiết bị bảo vệ Mang các vật dụng bảo vệ để ngăn chặn chất này gây độc hại

5. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

Các thiết bị chữa cháy Nước, carbon dioxide, bột chữa cháy, đất

Các phương pháp chữa cháy cụ thể Chữa cháy từ hướng gió thổi và trong khu vực không chứa các
chất gas, và thực hiện các bước chống sự rò rỉ

Bảo vệ cho người chữa cháy Trong khi thực hiện các động tác chữa cháy, người chữa cháy
nên mang các dụng cụ để thở phù hợp và quần
áo bảo vệ khỏi các hóa chất

6. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRÁNH TAI NẠN

Đề phòng cá nhân Nghiêm cấm việc xâm nhập mà không có sự cho phép

Bảo vệ môi trường	Làm thông thoáng khu vực bị đóng kín Không đựng vào các chỗ bị rò rỉ Mặc các quần áo bảo vệ cá nhân phù hợp và tránh hít hoặc để hóa chất tiếp xúc với da và mắt Không đổ ra môi trường Tránh làm bắn hoặc ô nhiễm môi trường
Thu hồi/ tái chế	Đối với số lượng nhỏ: Dùng các chất khô để hấp thụ như cát hoặc sỏi khô rồi thu chúng vào vật chứa chất thải hóa học Đối với số lượng lớn: Cần thận di chuyển những phần còn lại và đem chúng đến nơi an toàn Ngăn chặn việc rò rỉ nếu việc này dễ dàng
Các phương pháp và trang thiết bị ngăn chặn hoặc làm sạch	Ngăn chặn hóa chất chảy vào các cống rãnh, tầng hầm hoặc những nơi bị đóng kín
Các phương pháp ngăn chặn đối với những tai nạn thứ 2	Di chuyển 1 cách cẩn thận vì hóa chất sẽ làm sàn nhà rất trơn trượt

7. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại hình	: Trắng nhũ tương
Trọng lượng	: 1.015 - 1.045
Tính tan	: Tan được trong nước
Điểm phát sáng	: Không bốc cháy
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không tự bốc cháy

8. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Điều kiện lưu trữ:	Lưu trữ ở nhiệt độ : 8 - 40 °C Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời Giữ các vật chứa được đóng kín Tránh nhiệt độ đông lạnh
Các nguyên liệu dùng	Không có quy định cho vật lưu trữ đúng nơi và đóng gói nhưng lưu trữ trong các vật chứa đóng kín bền để lưu trữ/ chứa

9. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Tính ổn định hóa học	: Ổn định dưới điều kiện thông thường
Khả năng phản ứng nguy hiểm	: Không có dữ liệu
Các điều kiện nên tránh	: Chưa có dữ liệu
Các nguyên liệu không tương thích	: Các hợp chất diodizing

10. KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC/ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát việc tiếp xúc	:Sử dụng hóa chất ở khu vực thông gió :Nơi làm việc để lưu trữ hoặc xử lý chất này cần phải được trang bị chỗ rửa mắt và vòi nước trong trường hợp khẩn cấp
Bảo vệ	:Sử dụng trang thiết bị bảo vệ cá nhân cần thiết : Mang găng tay bảo vệ : Mang kính bảo hộ : Mang quần áo bảo hộ/ giày bảo vệ
Các phương pháp vệ sinh đặc biệt	: Rửa tay sạch sau khi xử lý

11. THÔNG TIN VỀ CÁC CHẤT ĐỘC

Tính độc hại cấp tính	: Độc tính - hô hấp (hơi nước): ATEmix >20.0 mg/l : Độc tính - hô hấp (bụi, sương): không có dữ liệu
Sự ăn mòn/ gây rát da	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu

Gây rất mắt	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp	: Không có dữ liệu
Gây ảnh hưởng đến da	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Các tác nhân làm tăng tế bào vi trùng	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Chất gây ung thư	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Các chất độc tái sản xuất	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Nguy hiểm đối với việc hít vào	: Tính dẻo thay đổi được đo tại nhiệt độ 40 độ C > 20.5 mm ² /s

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI HỌC

Độc tính đối với cân bằng môi trường	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Độc tính mãn tính đối với cân bằng môi trường	: Kết quả của việc phân loại cùng với việc chuyển các chất độc hại về các thành phần đã biết: không có dữ liệu
Các tác động có hại khác	: Nên tránh làm ô nhiễm môi trường trên cạn và dưới nước Nếu đổ trực tiếp và sông có thể gây chết cá do khó thở bởi các hợp chất keo dính cực mạnh của loại keo sữa này : Nguy hiểm đối với môi trường nếu đổ thẳng vào các nguồn nước

13. NHỮNG LƯU Ý ĐỐI VỚI VIỆC TIÊU HỦY

Rác thải còn dư	Nếu bạn có ý định tiêu hủy hóa chất này, bạn nên tự tay tiêu hủy chúng 1 cách cẩn thận hoặc hỏi các đại lý uy tín theo luật pháp hoặc các luật lệ địa phương. Nếu bạn muốn hỏi các đại lý về việc hủy các chất này bạn nên cung cấp cho đại lý đầy đủ các thông tin hiệu quả về sự nguy hiểm và độc hại của chất này
-----------------	---

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

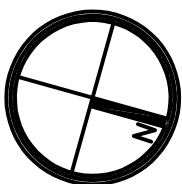
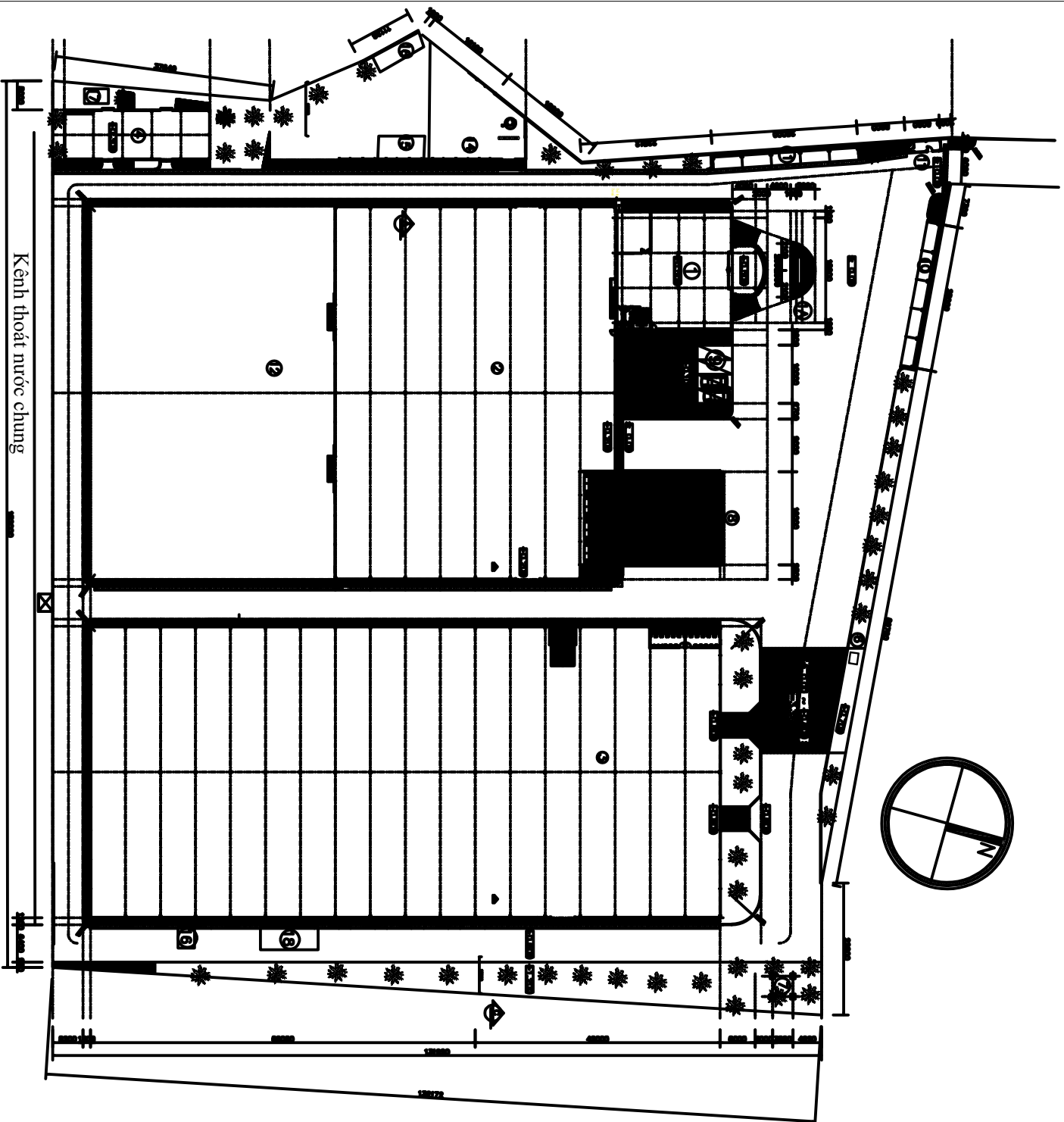
Văn bản dưới luật	: Không có dữ liệu
Thông tin bởi hiệp hội đường biển	: Không có dữ liệu
Chất gây ô nhiễm hàng hải	: Không có dữ liệu
Thông tin luật quy bởi hiệp hội đường hàng không	: Không có dữ liệu

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT LỆ

Bạn có trách nhiệm phải kiểm tra các thông tin về luật lệ quy định liên quan đến chất này ở đất nước và vùng của bạn

16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin này được dựa trên mức độ hiện tại của chúng tôi về kiến thức và kết quả lấy được từ những khách hàng đã sử dụng sản phẩm. Nó được dùng để mô tả sản phẩm của chúng tôi từ quan điểm của các yêu cầu về tính an toàn, không đảm bảo trong trường hợp mang tính chất đặc biệt.



GHI CHÚ:

- ① SHOWROOM VÀ VĂN PHÒNG
② CỘT CỎ
③ NHÀ XƯỞNG 1
④ NHÀ XƯỞNG 2
⑤ NHÀ KHO
⑥ BỂ NƯỚC PECC
⑦ TRÀM BIẾN THỂ
⑧ TRẠM ĐIỆN NI/MT
⑨ GARA CONTAINER
⑩ GARA Ô TÔ
⑪ GARA XE DẠP-XE MÁY
⑫ NHÀ BẢO VỆ
⑬ NHÀ XƯỞNG 3
⑭ NHÀ XE CÔNG NHÂN
⑮ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI
⑯ NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
⑰ KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
⑱ NHÀ RÁC

MỨC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☒ CONCEPT DESIGN

TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ - DESIGNER

VẼ - DRAWING

CÔNG TRÌNH - PROJECT

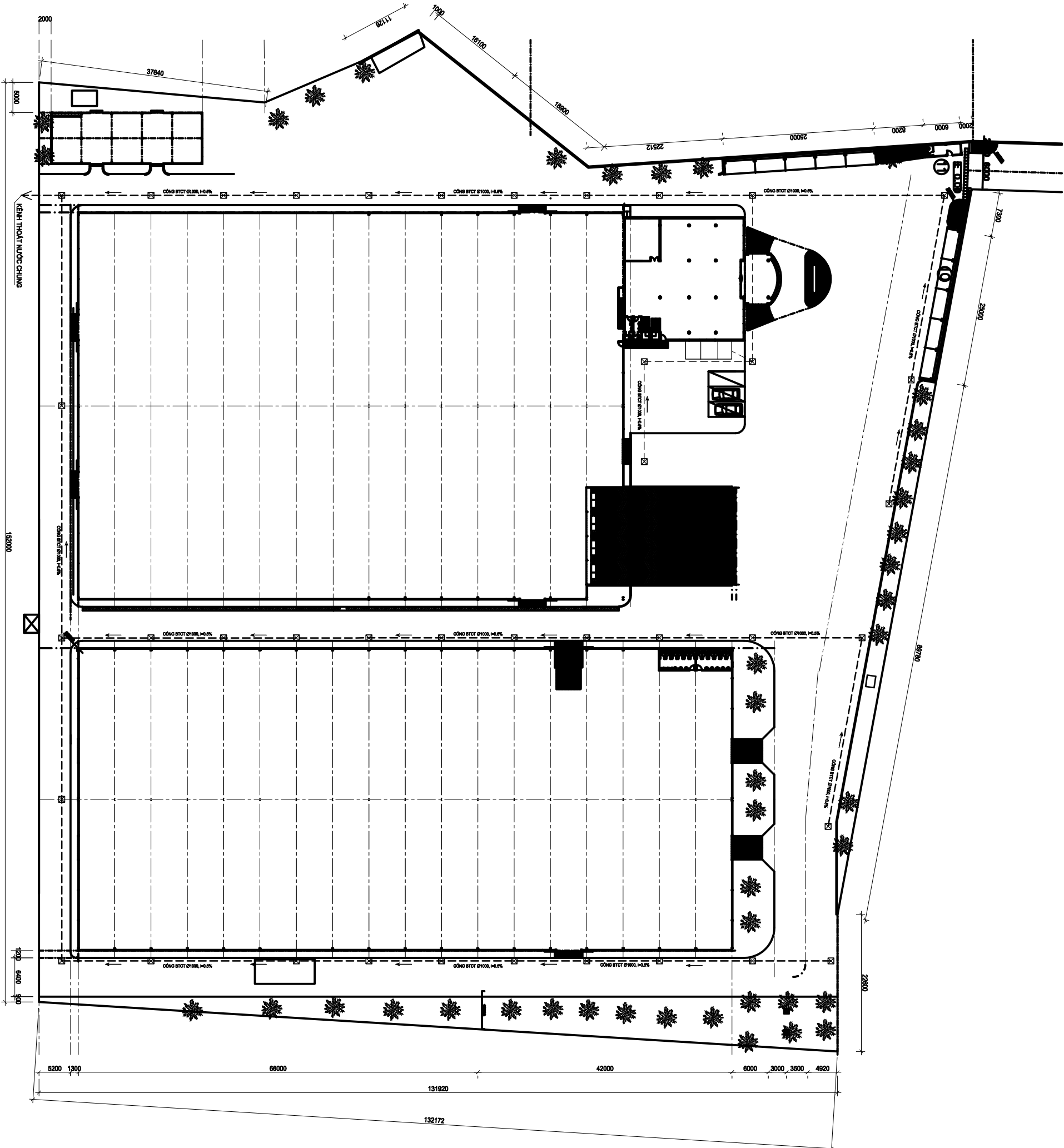
HÀNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

TY LỆ - SCALE 1:100

HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING NO 01

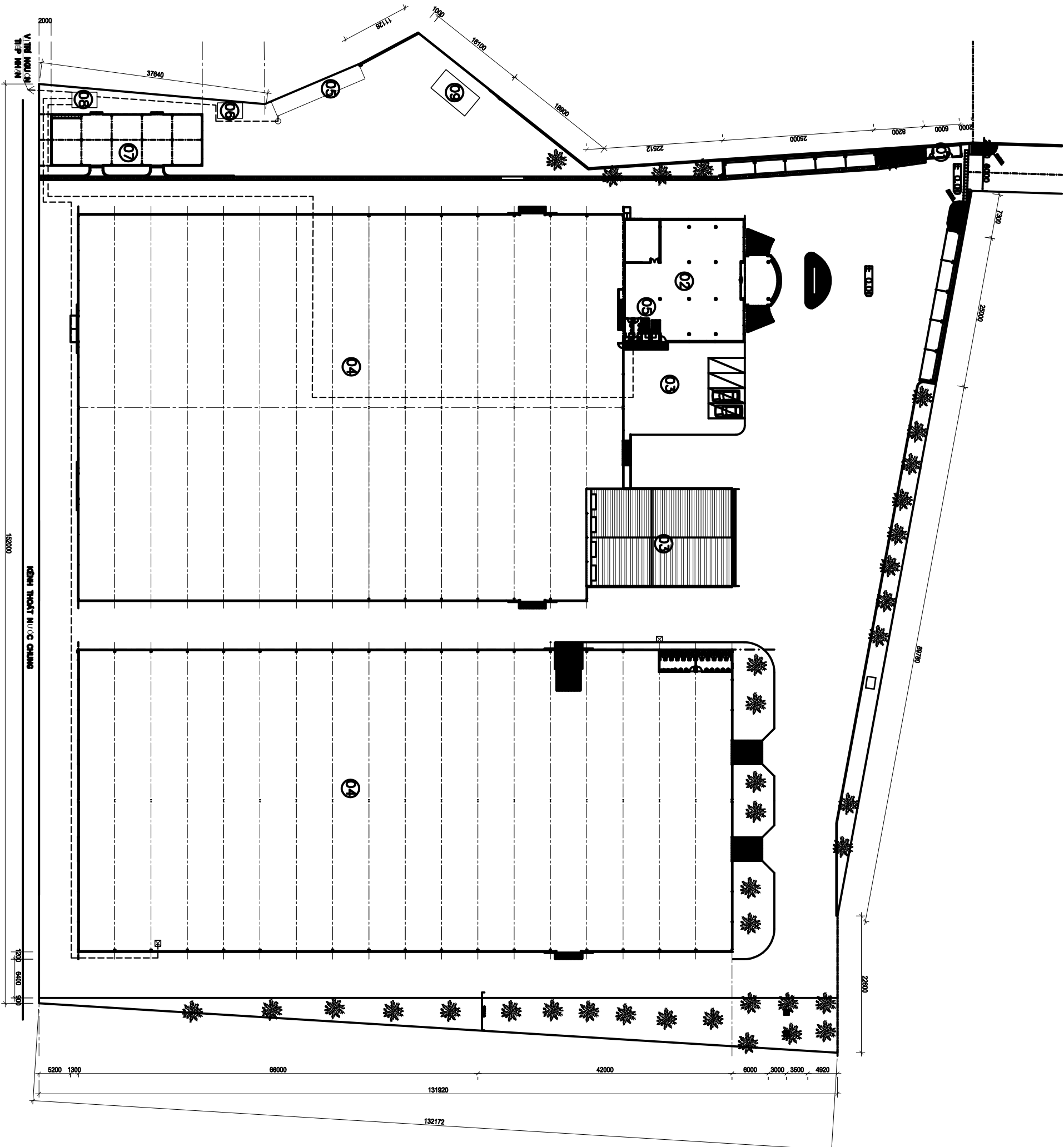
BẢN VẼ TỔNG THỂ (Tỷ lệ 1:400)



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

TL:1/400

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR	
TV THIẾT KẾ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION
GHI CHÚ / NOTE:	
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
VẼ - DRAWING	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	
HÀNG MỤC - ITEM	
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE	
TỶ LỆ - SCALE	1:100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	01

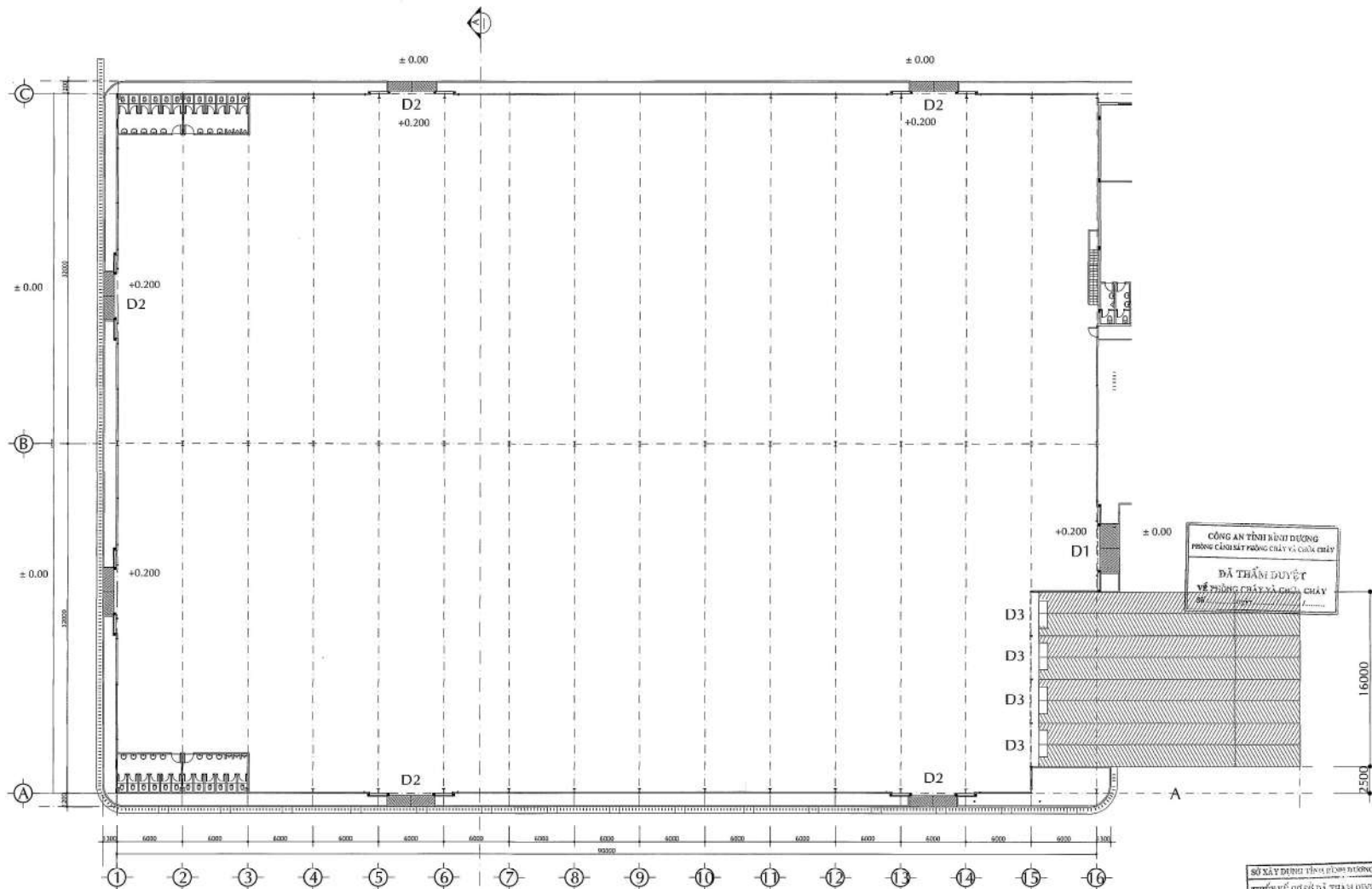


- GHI CHÚ:**
- 01 BÀN VẼ
 - 02 VẤN PHỎNG
 - 03 KHU NGUYỄN LƯU - VẬT TƯ
 - 04 XƯỞNG SẢN XUẤT
 - 05 NHÀ VỆ SINH
 - 06 NHÀ MÁY NÉN KHÍ VÀ ĐIỆN
 - 07 NHÀ KHU CƠ BÊN
 - 08 KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 - 09 BÊN NƯỚC PCCC
 - 10 NHÀ ĐỂ XE 2 BÀNH

SƠ ĐỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT

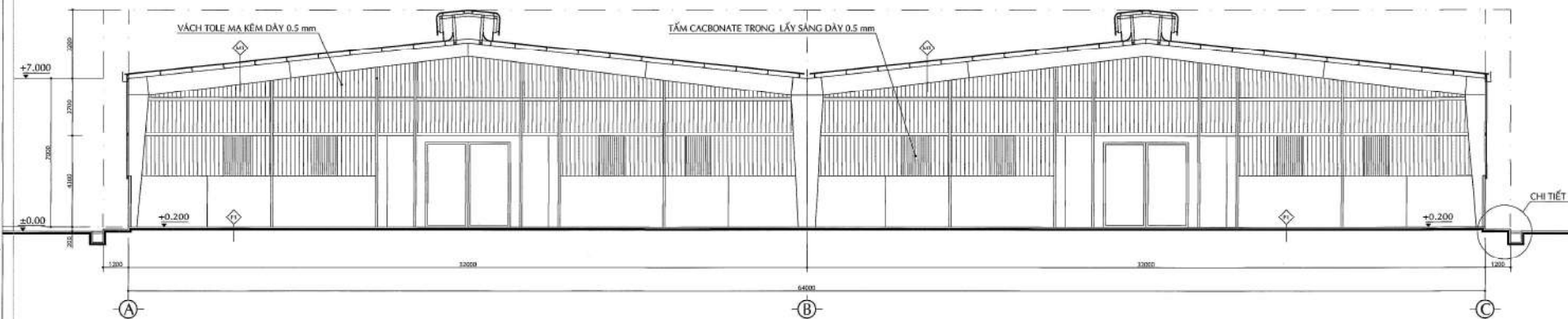
TL:1/400

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR	
TV THIẾT KẾ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION
GHI CHÚ / NOTE:	
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
VẼ - DRAWING	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	
HÀNG MỤC - ITEM	
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE	
TỶ LỆ - SCALE	1:100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	01



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG 1 TỶ LỆ - 1:200

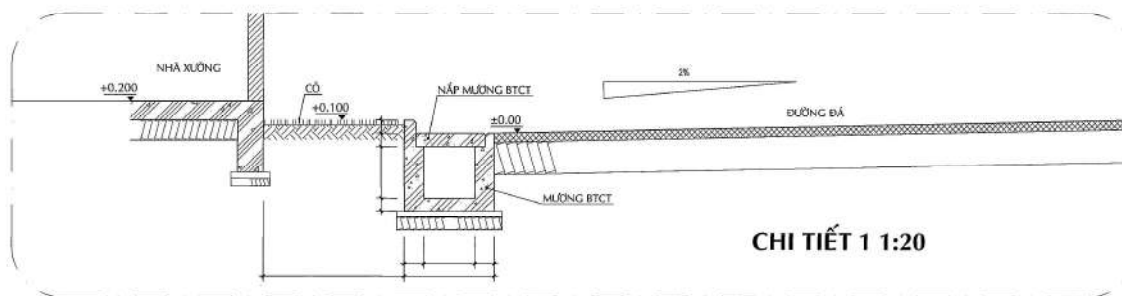
Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING	
Bản vẽ XPXS	
Revision - Hiệu chỉnh	
Date - Ngày	Content - Nội dung
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÌNH	
Drawing name - Tên bản vẽ	
MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG 1	
Project name - Tên dự án	
VIBE & MOVE FACTORY PROJECT	
Owner - Chủ đầu tư	
VIBE & MOVE VIETNAM Co., Ltd.	
Approval of Owner - Chủ đầu tư duyệt	
Giám Đốc	
Design company - Công ty thiết kế	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG KIẾN GIA VIỆT	
Số hồ sơ: 01/17/10/10	
TEL: (84) 90364646	
Director Giám đốc	
Arch. ĐĂNG BẢO TH	
Provide by - Chủ trì	
Arch. TRẦN NAM TIẾN	
Design by - Thiết kế	
Arch. NGUYỄN VĂN THÔNG	
Technical manager	
Quản lý kỹ thuật	
Eng. PHẠM MINH SƠN	
DRAWING - Vẽ	
Kỹ sư NGỌC LIỄU	
Scale: 1:200	Drawing No: 04
Date: 9/3/2007	



M1 Mái Nhà Xưởng
Mái TOLE MÀ KÉM MÀU KÉM DÂY 0.5 mm
LỚP CÁCH NHIỆT
KHUNG KÈO THÉP TIỀN CHẾ

F1 Nền Nhà Xưởng
NỀN SƠN EPOXY
LỚP VỮNG M3 DÂY 20
BÊ TÔNG ĐÁ 4m DÂY 100
LỚP CÁT SẠN NỀN TỰ LƯỚI NƯỚC ĐẮM CHẤT

MẶT CẮT A-A TỶ LỆ 1:100
CÔNG AN TỈNH HUẾ ĐƯỜNG
PHÒNG CÁCH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số..... ngày.....



Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING	
Bản vẽ XPB	
Revision - Hiệu chỉnh	
Đã - Ngày	Chỉnh - Ngày
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÌNH	



Drawing name - Tên bản vẽ

MẶT CẮT NHÀ XƯỞNG 1

Project name - Tên dự án

VIBE & MOVE FACTORY PROJECT

Owner - Chủ đầu tư

VIBE & MOVE VIETNAM Co., Ltd.

Approval of Owner - Chủ đầu tư duyệt

Giám Đốc

Richard Woodman

Design company - Công ty thiết kế

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

SI SỐ TH. SẮC: G.1, TP. HUẾ
TIC: 300.80359

Director

Giám đốc

Arch. ĐẶNG ĐÀO

Preside by - Chủ trì

Arch. TRẦN NAM TIẾN

Design by - Thiết kế

Arch. NGUYỄN VĂN THƯỜNG

Technical manager

Quản lý kỹ thuật

Eng. PHẠM KHUÊ SỨC

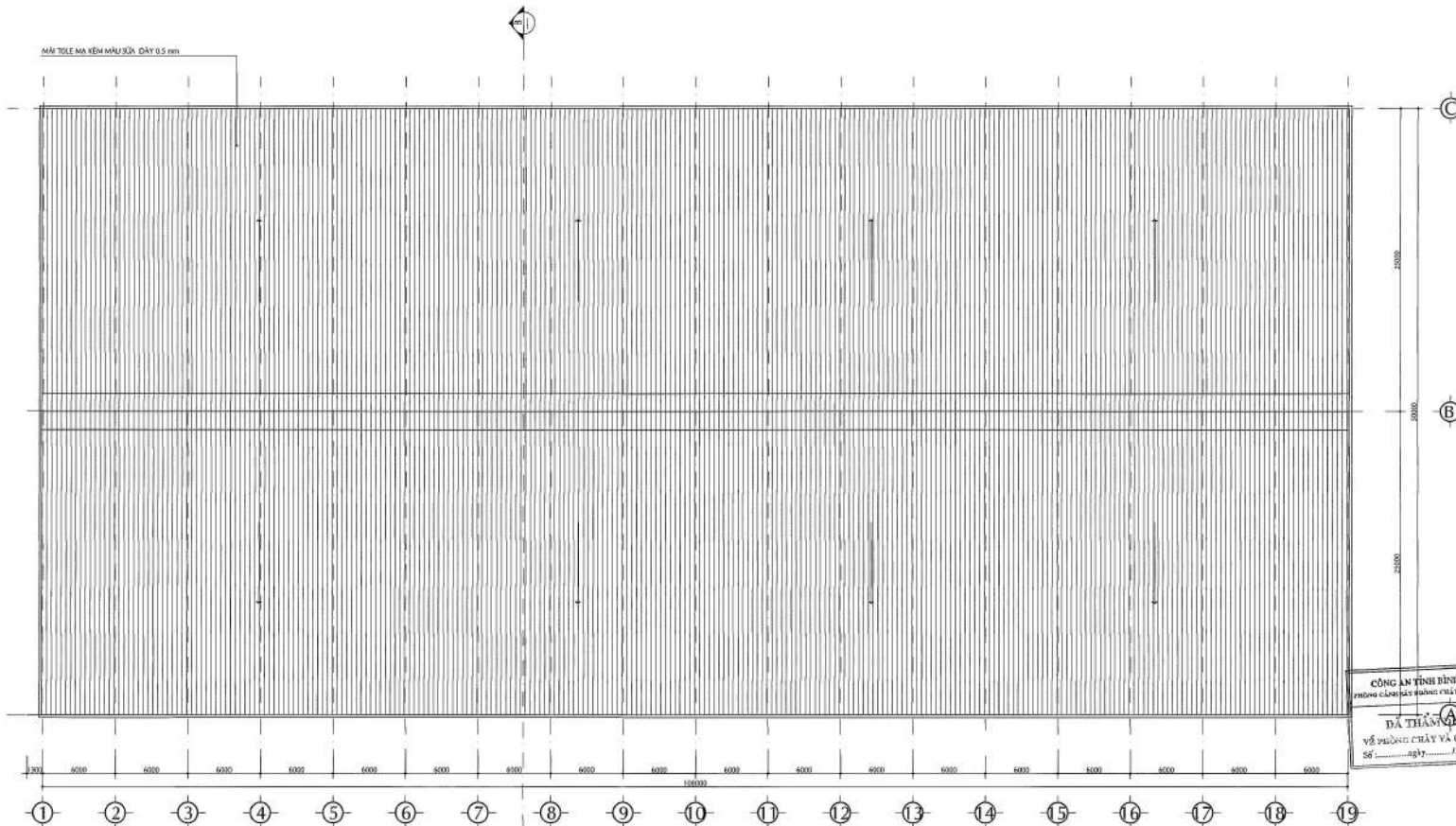
DRAWING - Vẽ

Kỹ thuật NGUYỄN LƯƠNG

Scale: 1:100

Ngày: 09/03/2021

Drawing No: 07

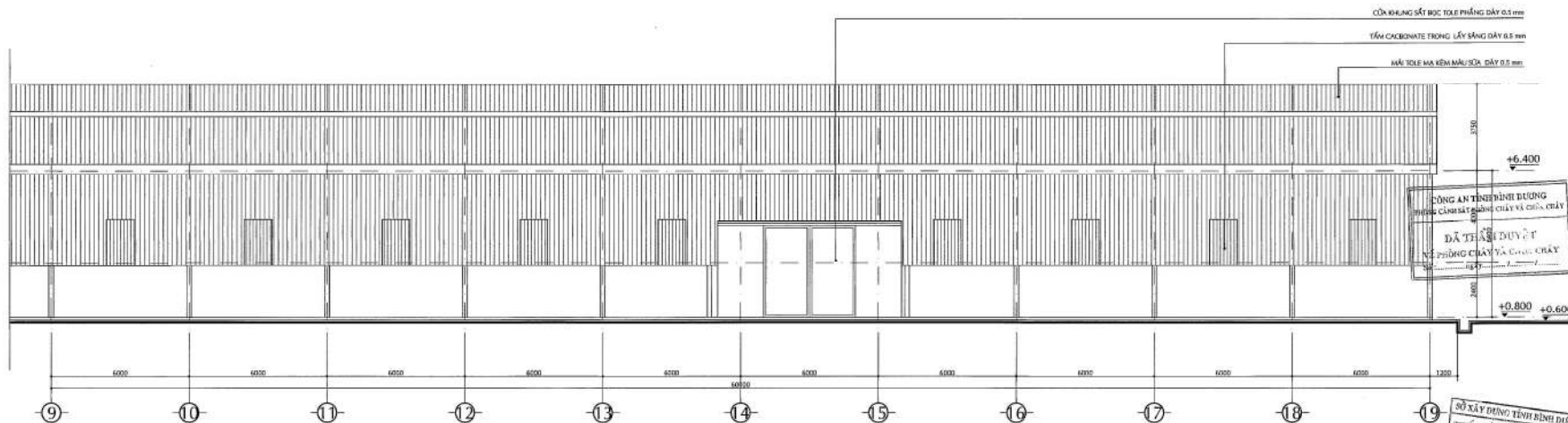
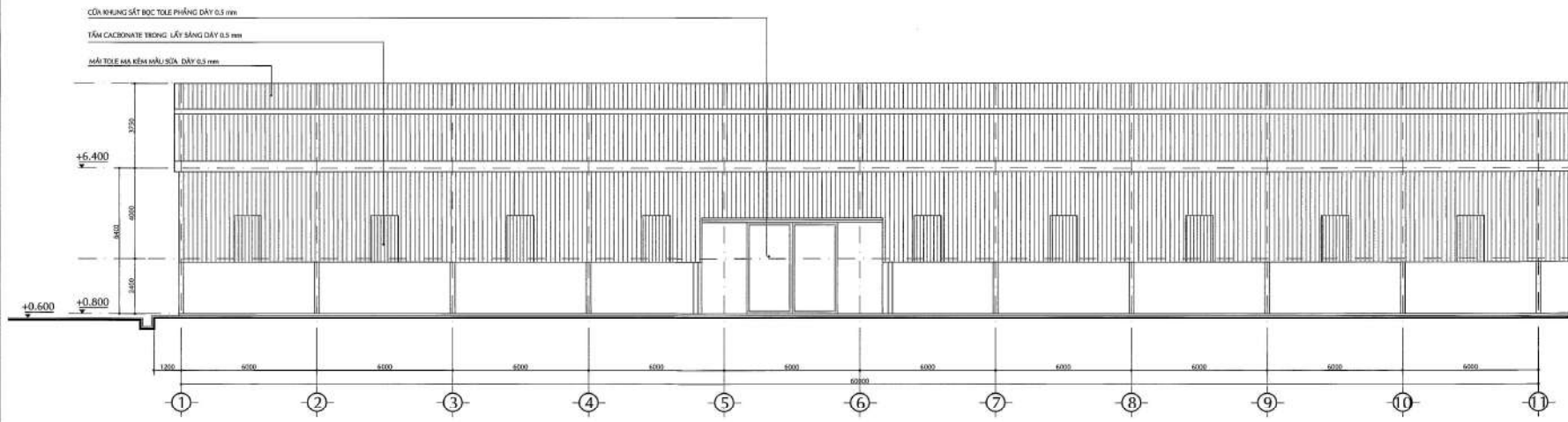


CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy
ĐÃ THẨM ĐỊNH
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số ngày

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
KẾ SỞ VÀ THẨM ĐỊNH
Chức vụ

MẶT BẰNG MÁI XƯỞNG 2 TỶ LỆ - 1:200

Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING BẢN VẼ XÂY DỰNG	
Revision - Hiệu chỉnh	
Draw - Vẽ	Content - Nội dung
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG HẠI NGUYỄN BÌNH	
 Nguyễn Bình	
Drawing name - Tên bản vẽ	
MẶT BẰNG MÁI NHÀ XƯỞNG 2	
Project name - Tên dự án	
VIBE & MOVE FACTORY PROJECT	
Owner - Chủ đầu tư	
VIBE & MOVE VIETNAM Co., Ltd.	
Approval of Owner - Chủ đầu tư duyệt	
Giám Đốc	 Phạm Văn Bình
Design company - Công ty thiết kế	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG KIẾN GIA VIỆT	
Số 10 Trần Hưng Đạo, P. 17, Quận 1, TP. HCM TEL: (08) 5520448	
Director Giám đốc	
Arch. ĐĂNG BẢO THỊ KHOA	
Preside by - Chủ đầu tư phê duyệt	
Arch. TRẦN NAM TIẾN	
Design by - Thiết kế	
Arch. NGUYỄN VĂN THƯỜNG	
Technical manager Quản lý kỹ thuật	
Eng. PHẠM MINH SƠN	
DRAWING - VẼ	
Kỹ thuật NHIỆT LIỆU	
Scale : Tỷ lệ	1:200
Date : Ngày	9/2027
Drawing No : Số hiệu bản vẽ	00



MẶT ĐÚNG NHÀ XƯỞNG 2 TỶ LỆ - 1:100

Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING	
BẢN VẼ XÂY DỰNG	
Revision - Hiệu chỉnh	
Đã - Ngày	Content - Nội dung

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ
XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI
NGUYỄN BÌNH



Nguyễn Bình

Drawing name - Tên bản vẽ

MẶT ĐÚNG NHÀ XƯỞNG 2

Project name - Tên dự án

VIBE & MOVE FACTORY PROJECT

Owner - Chủ đầu tư

VIBE & MOVE VIETNAM Co., Ltd.

Approval of Owner - Chủ đầu tư duyệt

Giám đốc

Phạm Văn Bình

Design company - Công ty thiết kế

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
KIẾN GIA VIỆT

Số 10/100 Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. HCM
TEL: (09) 690646

Director

Giám đốc

Arch. ĐANG BẢO TH

Preside by - Chủ trì

Arch. TRẦN NAM TIẾN

Design by - Thiết kế

Arch. NGUYỄN VĂN THƯỜNG

Technical manager

Quản lý kỹ thuật

Eng. PHẠM MINH SƠN

DRAWING - VẼ

Kỹ thuật

Scale - Tỷ lệ

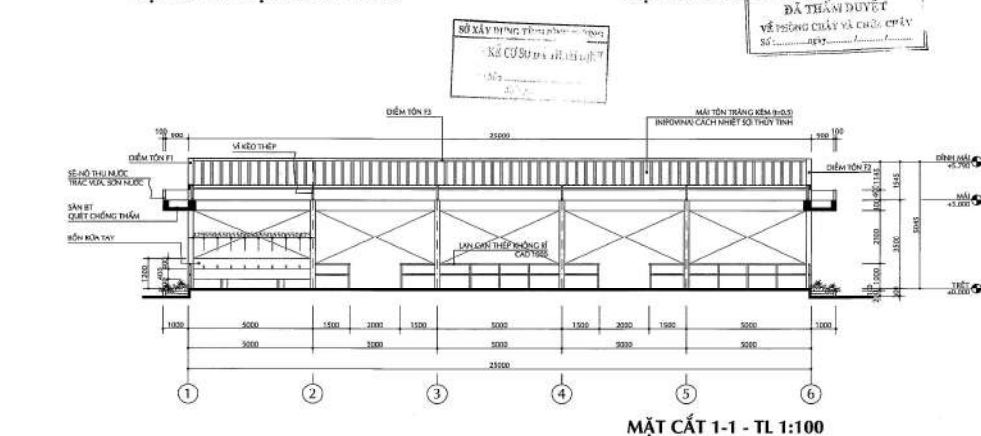
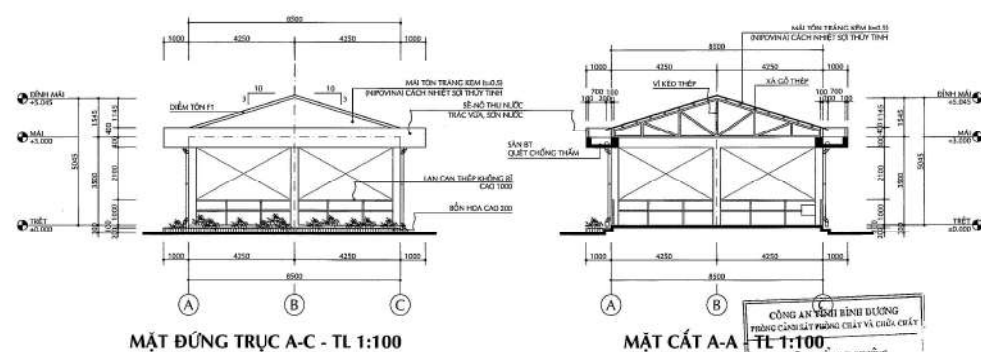
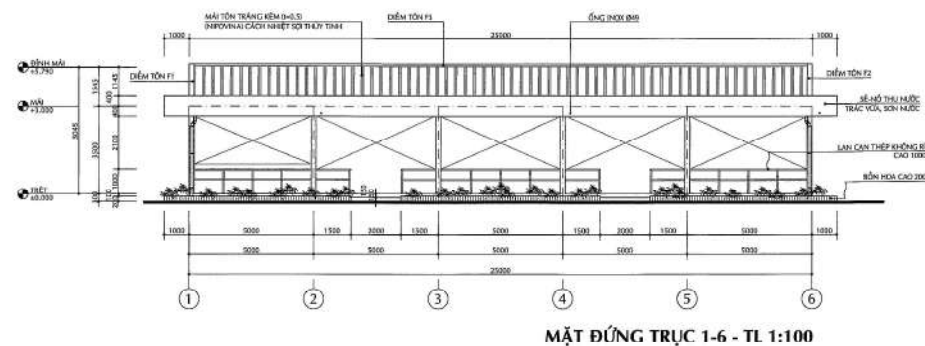
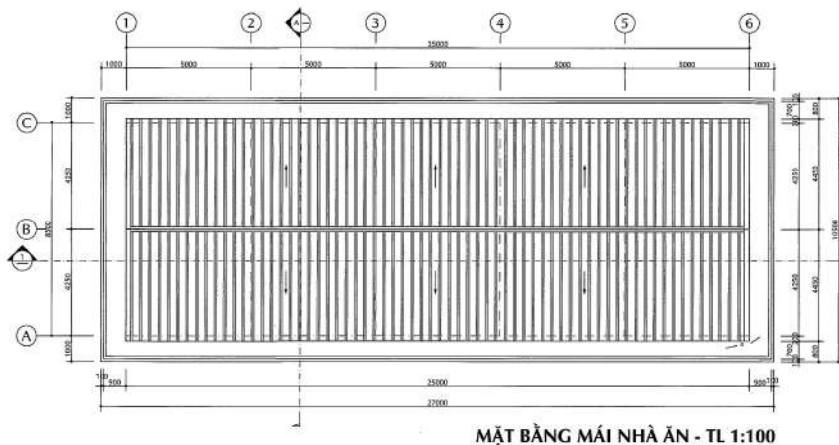
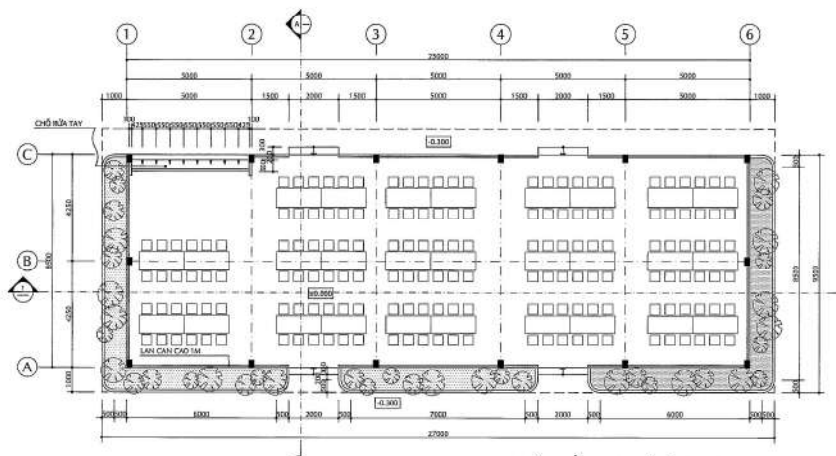
1:100

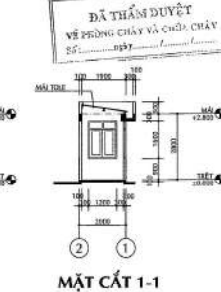
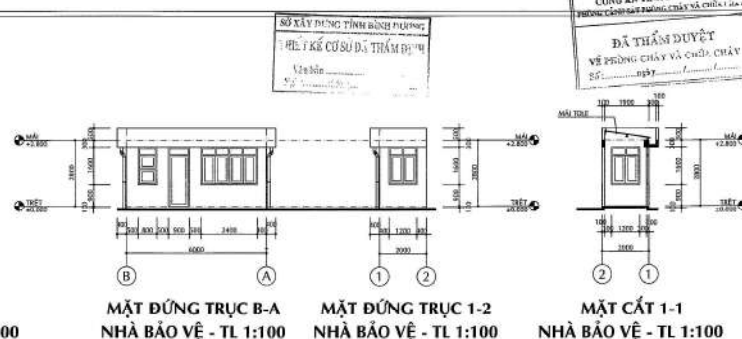
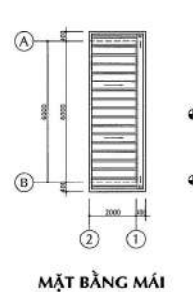
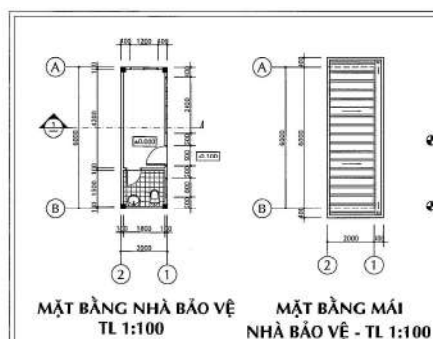
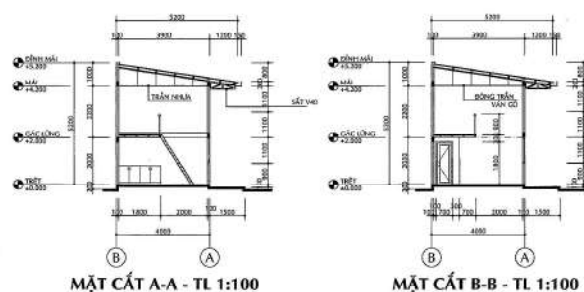
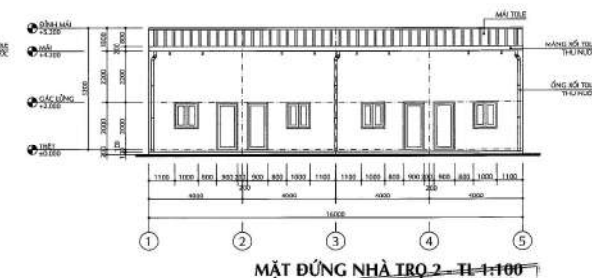
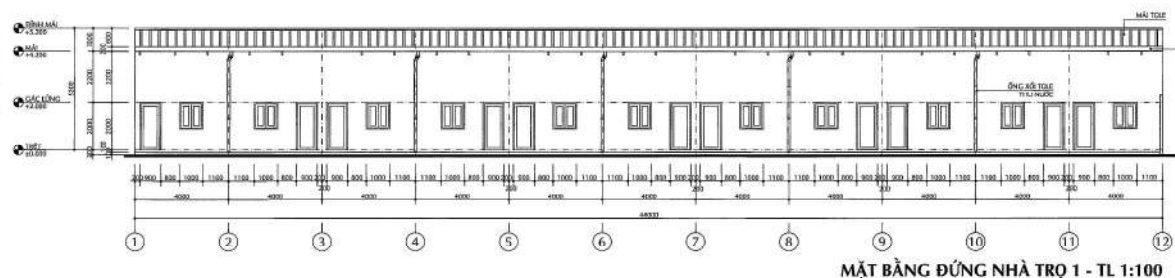
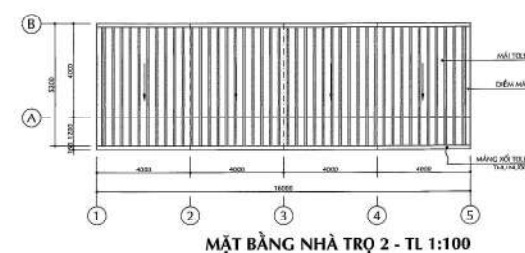
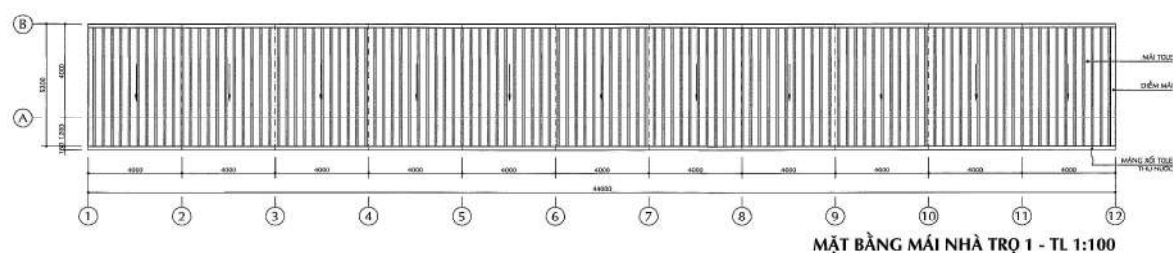
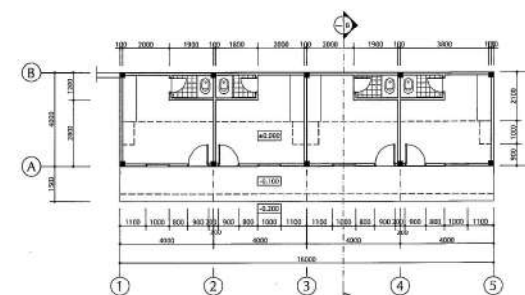
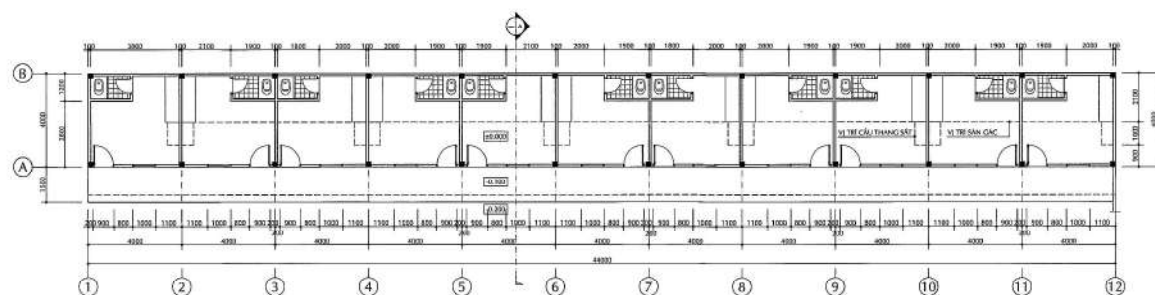
Ngày

9/2007

Ngày

10





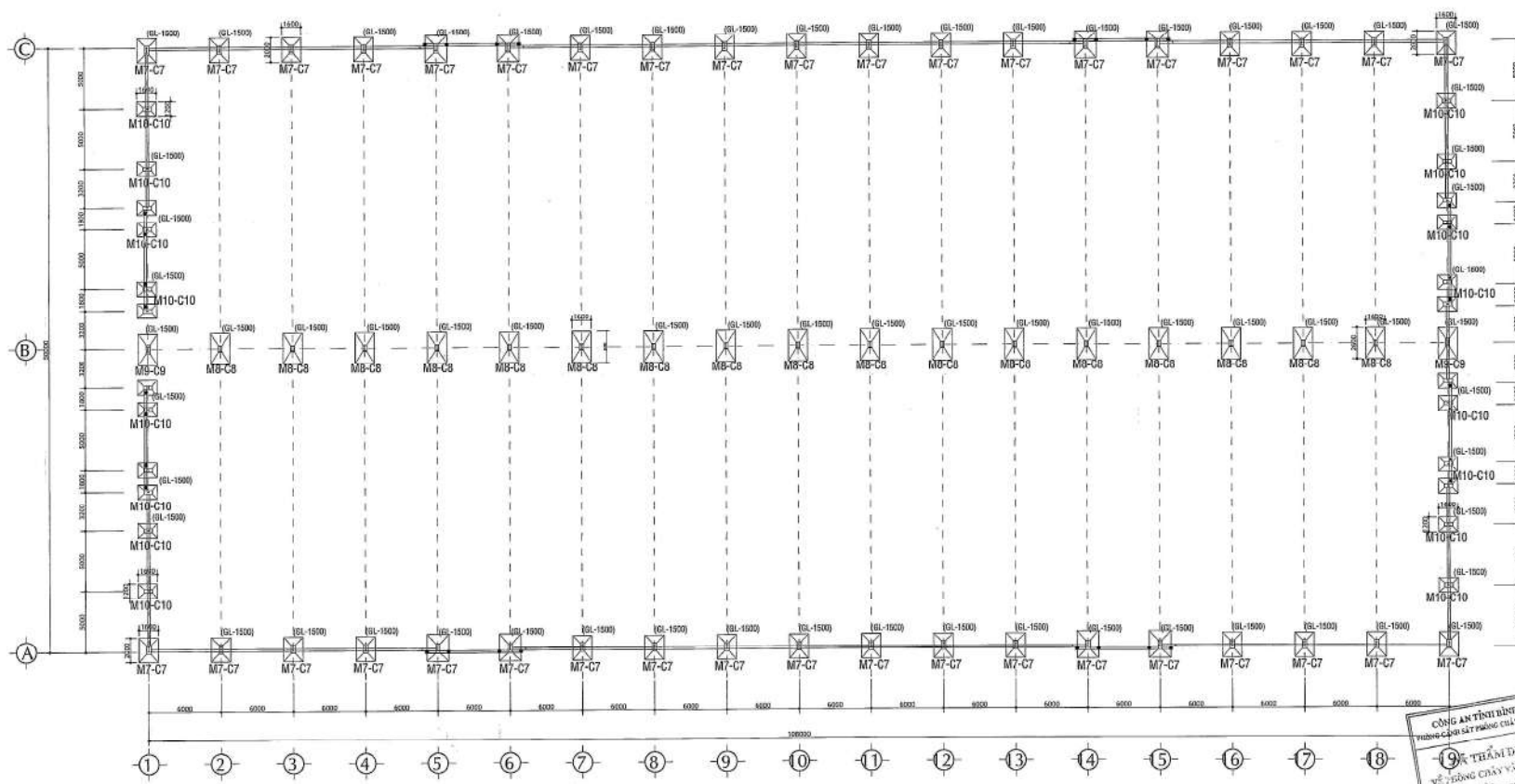


SL 12 bộ

SL 4 bô

Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING BẢN VẼ XÂY DỰNG	
Revision - Hiệu chỉnh	
Drawn - Vẽ	Content - Nội dung
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÌNH	
	
Drawing name - Tên bản vẽ	
CHI TIẾT CỦA	
Project name - Tên dự án	
VIBE & MOVE FACTORY PROJECT	
Owner - Chủ đầu tư	
VIBE & MOVE VIETNAM Co., Ltd.	
Approval of Owner - Chủ đầu tư	
Giám Đốc	
Design company - Công ty thiết kế	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG KIẾN GIA VIỆT	
Số 10 Phố Cầu Giấy, P. Cầu Giấy Hà Nội - Việt Nam	
Directly Giám đốc	
Arch. 	
Responsible by - Chủ trì	
Arch. TRẦN NAM TIẾN	
Design by - Thiết kế	
Arch. NGUYỄN VĂN THƯỜNG	
Technical manager Quản lý kỹ thuật	
Eng. PHẠM MINH SƠN	
DRAWING - VẼ	
KỸ THƯ NGUYỄN LÊ	
Scale: Tỷ lệ	1:20
Date: Ngày	01/2021
Drawing No: Số	15





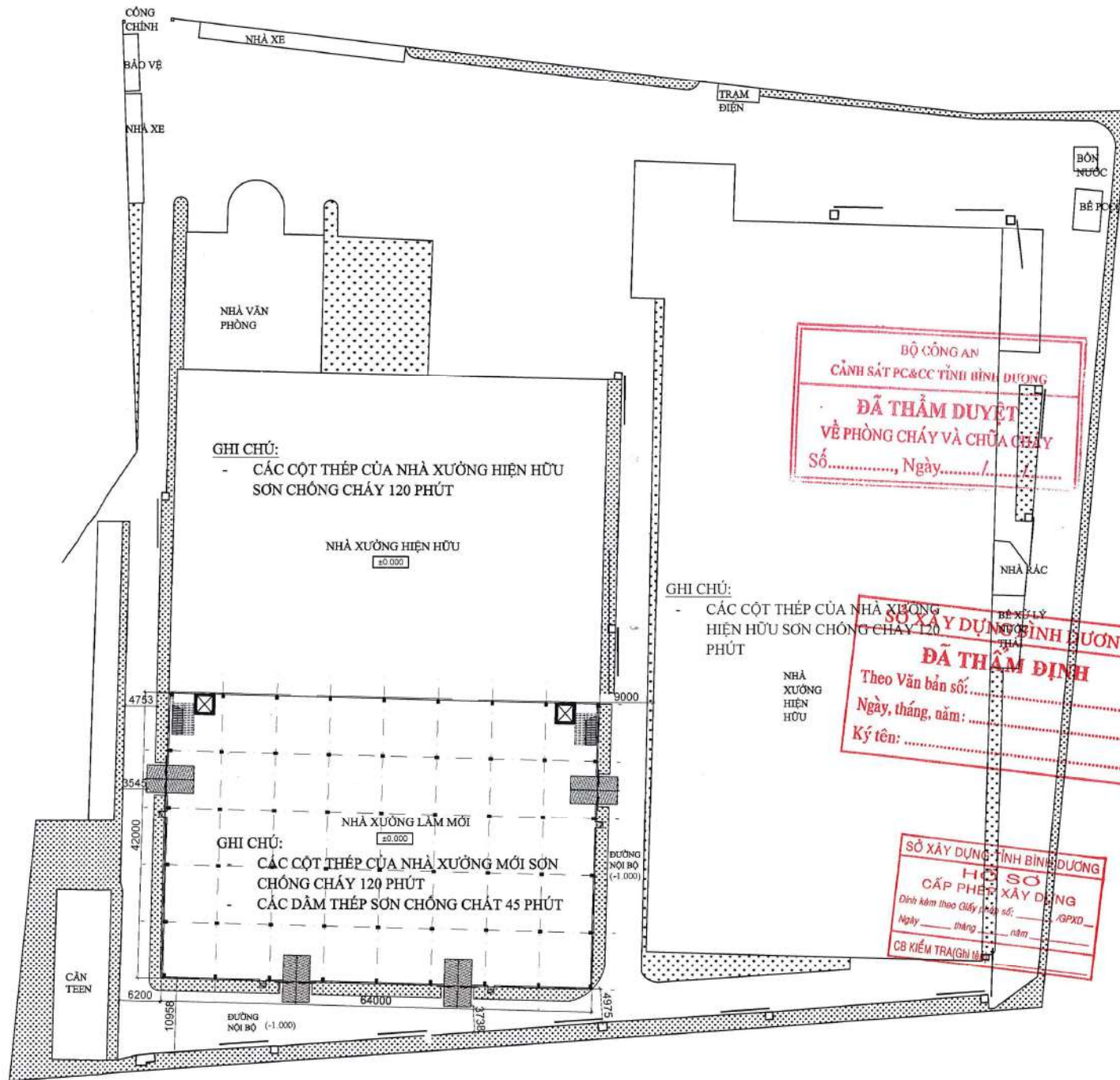
MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÓNG,CỘT,ĐÀ KIỀNG NHÀ XƯỞNG 2 - TỶ LỆ 1:200

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỞNG CƠ QUAN SÁT PHẠNG CHỤP VÀ CHỮA CHẤY
- 9 - TRẦN DUYỆT
VỀ THÔNG CHẤY VÀ CHỮA CHẤY
Số... ngày... tháng... năm...

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
THIẾT KẾ CƠ SỞ BÀ THẨM ĐỊNH
Vấn đề...
Ngày... tháng... năm...

Issued for - Mục đích phát hành	
AS-BUILT DRAWING	
Bản vẽ lắp	
Revision - Hiệu chỉnh	
Order - Ngày	Content - Nội dung
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÌNH	
 Mai Quốc Bình	
Chủ trì thiết kế:	
KS: MAI QUỐC BÌNH	
Drawing name - Tên bản vẽ	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÓNG,CỘT,ĐÀ KIỀNG NHÀ XƯỞNG 2	
Project name - Tên dự án	
VIBE & MOVE FACTORY PROJECT	
Owner - Chủ đầu tư	
VIBE & MOVE VIETNAM CO., LTD.	
Approval of Owner - Chủ đầu tư duyệt	
Giám Đốc	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI NGUYỄN BÌNH
Phạm Văn Diện	
Design company - Công ty thiết kế	
in extension FOR BUILDING DESIGN	
KHOA XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN GIẢ VIỆT	
SƠ VẼ THI CÔNG KẾ THẠCH TÊN: NGUYỄN BÌNH	
Director Giám đốc	
Arch. ĐỒNG BẢO THẠCH	
President by - Chủ trì	
Eng. ĐỒNG VĂN DIỆN	
Design by - Thiết kế	
Eng. PHẠM MINH SƠN	
Technical manager Quản lý kỹ thuật	
Eng. PHẠM MINH SƠN	
DRAWING - VẼ	
CAO THANH BÀNG	
Scale : Tỷ lệ	Drawing No : Số bản bản vẽ
Date : Ngày	18





MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ TL 1/300



HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH
△	
△	
△	
△	
△	

BƯỚC THIẾT KẾ - STATUS

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT
NGÀY LẬP - DATE	



SHAM ĐỐC - DIRECTOR	
Eng. NGUYỄN CAO TRUNG	
CHỦ THÌ THIẾT KẾ - PROJECT MANAGER	
Arch. LÊ QUỐC HOÀNG	
THIẾT KẾ - DESIGNED	
Eng. ĐĂNG HỮU LỢI	
Kiểm - CHECKED BY	
Eng. LÊ THỊ THANH XUÂN	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

HÀNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - TITLE

MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH: SỐ BẢN VẼ - DWG No

HỢP ĐỒNG SỐ - CONTACT No: KT-03

09



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ AN CƯỜNG
AN CƯỜNG

Đo Đức Nghĩa
ĐƠN VỊ THAM TRA - INSPECTING AUTHORITY
TỔNG GIÁM ĐỐC

HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH
△	
△	
△	
△	
△	

BƯỚC THIẾT KẾ - STATUS

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT
NGÀY LẬP - DATE	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG KIM HƯNG THỊNH
KIM HUNG THINH CONSTRUCTION
CONSULTANCY COMPANY



QUẢN LÝ - DIRECTOR
Eng. NGUYỄN CAO TRUNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PROJECT MANAGER
Arch. LÊ QUỐC HOÀNG
THIẾT KẾ - DESIGNED
Eng. ĐĂNG HỮU LỢI
KÈM - CHECKED BY
Eng. LÊ THỊ THANH XUÂN
CÔNG TRÌNH - PROJECT

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

HÀNG MỤC - ITEM

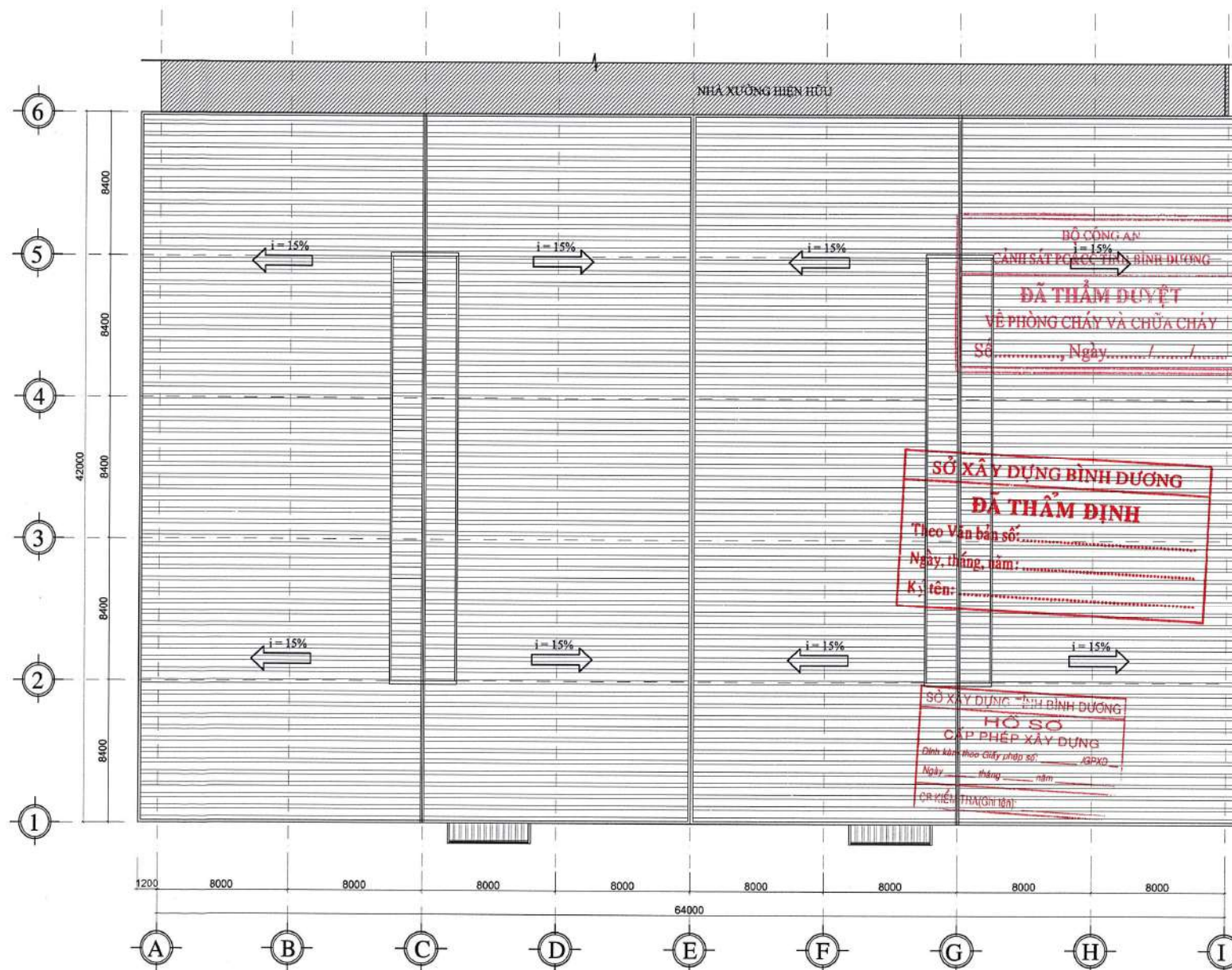
TÊN BẢN VẼ - TITLE

MẶT BẰNG MÁI

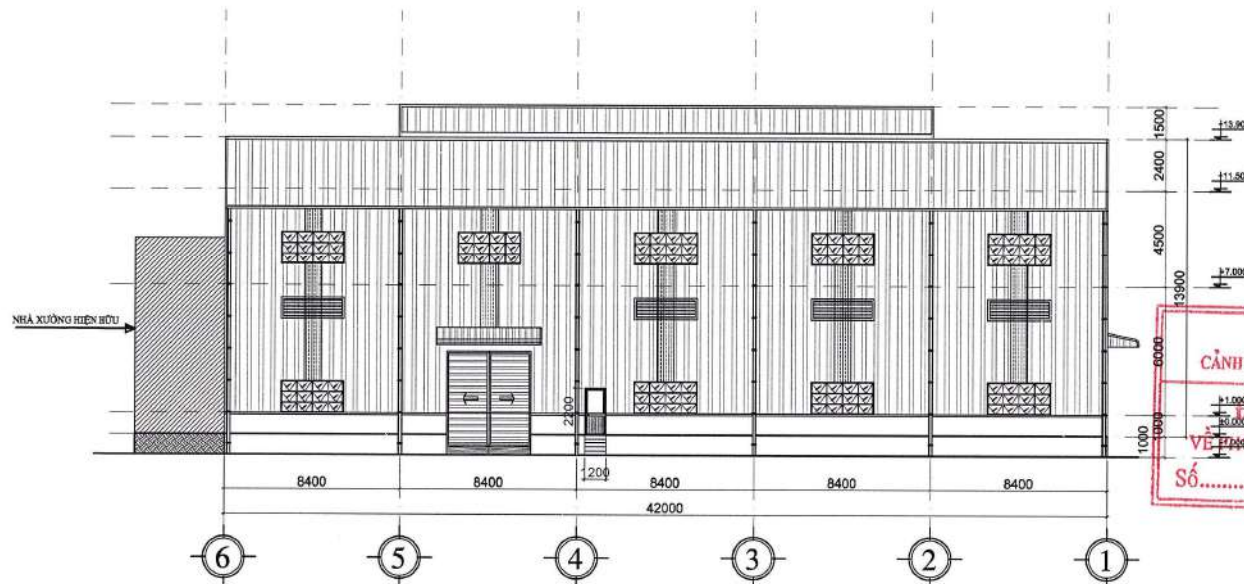
NGÀY HOÀN THÀNH: SỐ BẢN VẼ - DWG No

HỢP ĐỒNG SỐ - CONTACT No: KT-06

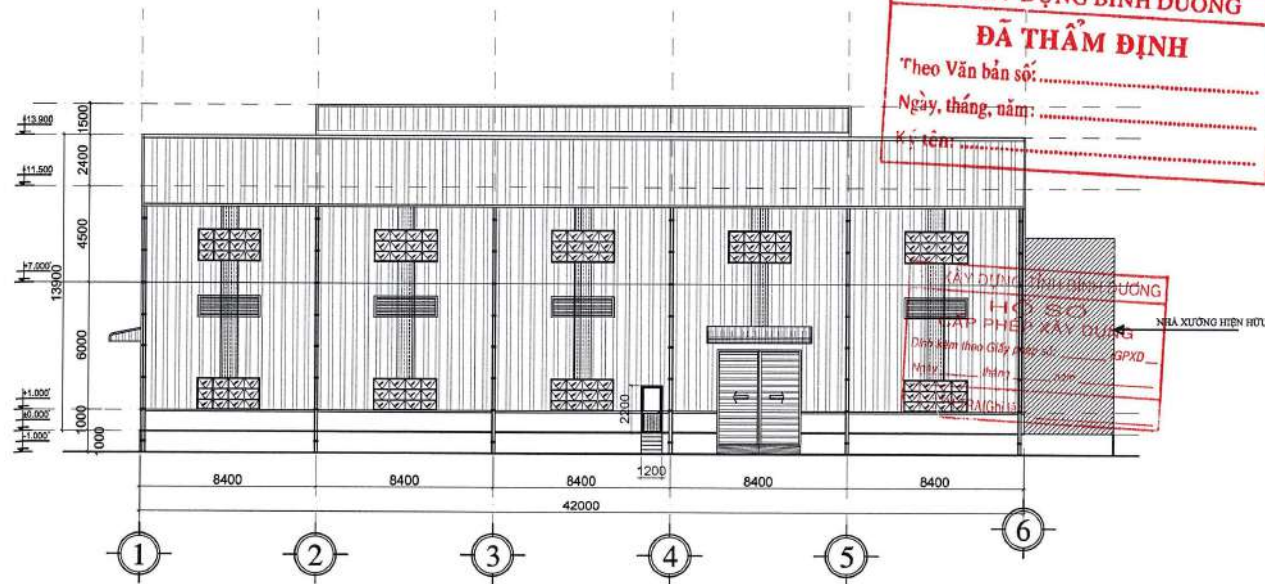
09



MẶT BẰNG MÁI TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC 6-1 TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-6 TL 1/100

GHI CHÚ:

- VÁCH HIỆ HỮU SẼ THÁO DỖ
- VÁCH LIỀN KẾT VỚI XƯƠNG MỚI SẼ ĐƯỢC LÀM TÓN MỚI (CAO ĐỘ TRÊN ĐỈNH MÁI CỨ)



TỔNG GIÁM ĐỐC



HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH
△	
△	
△	
△	
△	

BƯỚC THIẾT KẾ - STATUS

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT
NGÀY LẬP - DATE	



GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PROJECT MANAGER
ARCH. LÊ QUỐC HOÀNG
THIẾT KẾ - DESIGNED
Eng. ĐĂNG HỮU LỢI
Kiểm - CHECKED BY
Eng. LÊ THANH XUÂN
CÔNG TRÌNH - PROJECT

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

HÀNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - TITLE

MẶT ĐỨNG TRỰC 6-1

MẶT ĐỨNG TRỰC 1-6

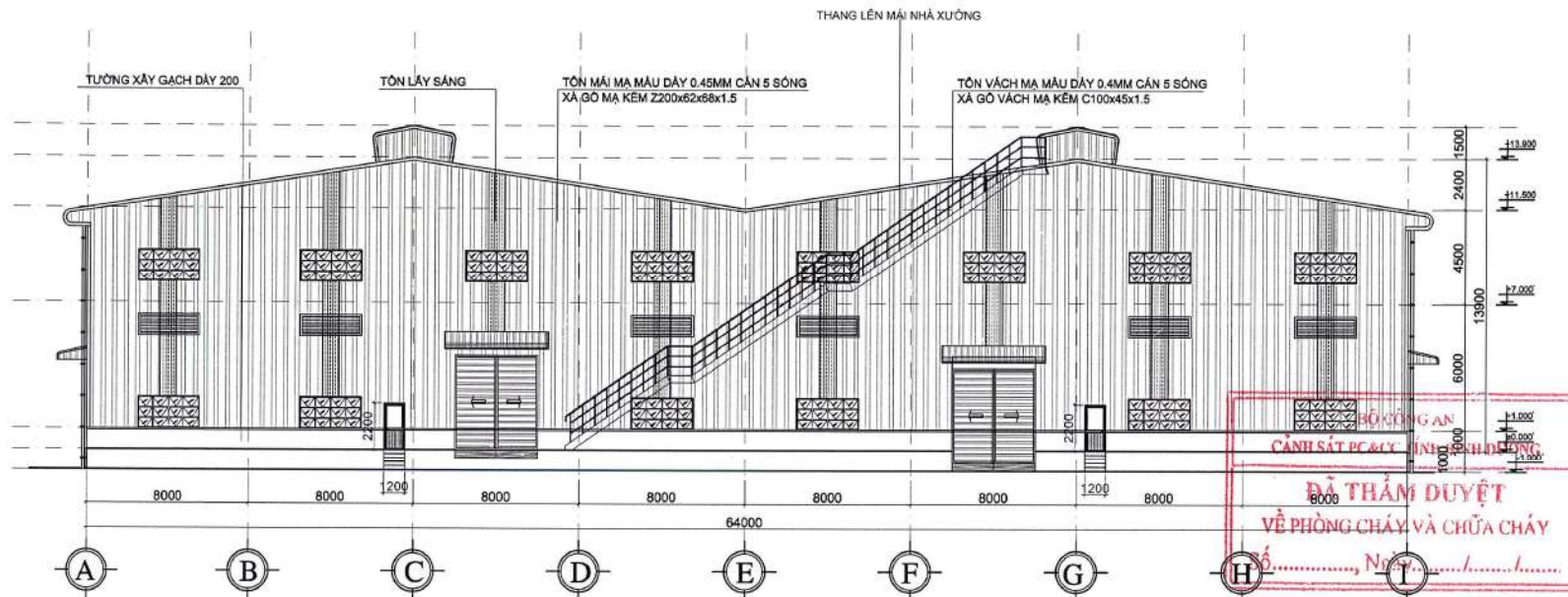
NGÀY HOÀN THÀNH:

SỐ BẢN VẼ - DWG No

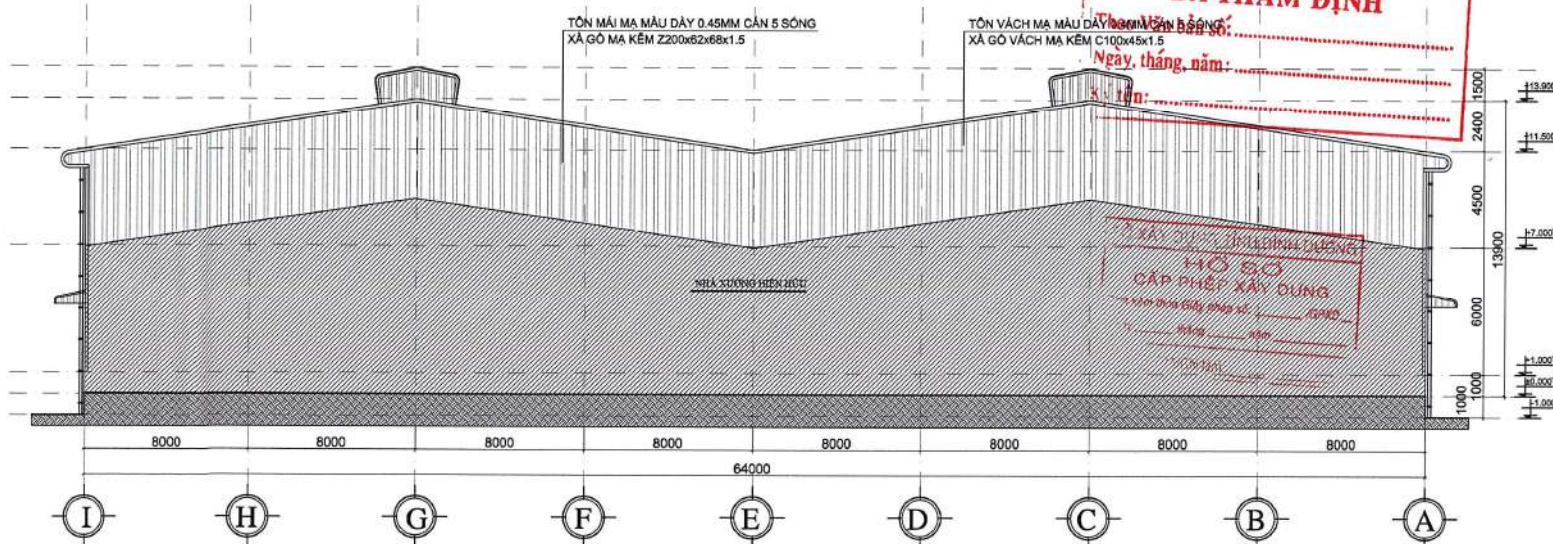
HỢP ĐỒNG SỐ - CONTACT No :

KT-07

09



MẶT ĐỨNG TRỰC A-I TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC I-A TL 1/100

GHI CHÚ:

- CÁC CỘT THÉP CỦA NHÀ XƯỞNG MỚI SƠN CHỐNG CHÁY 120 PHÚT
- CÁC DẦM THÉP SƠN CHỐNG CHÁY 45 PHÚT



HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH
△	
△	
△	
△	
△	

BƯỚC THIẾT KẾ - STATUS

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☒ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT
NGÀY LẬP - DATE	



ĐẠM ĐỐC - DIRECTOR
Eng. NGUYỄN CAO TRUNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PROJECT MANAGER
Arch. LÊ QUỐC HOÀNG
THIẾT KẾ - DESIGNED
Eng. ĐẶNG HỮU LỢI
KIỂM - CHECKED BY
Eng. LÊ THỊ THANH XUÂN
CÔNG TRÌNH - PROJECT

QUA ĐIỂM - LOCATION

HẠNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - TITLE

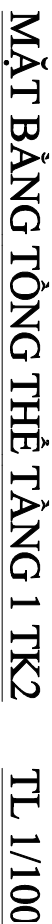
MẶT ĐỨNG TRỰC A-I

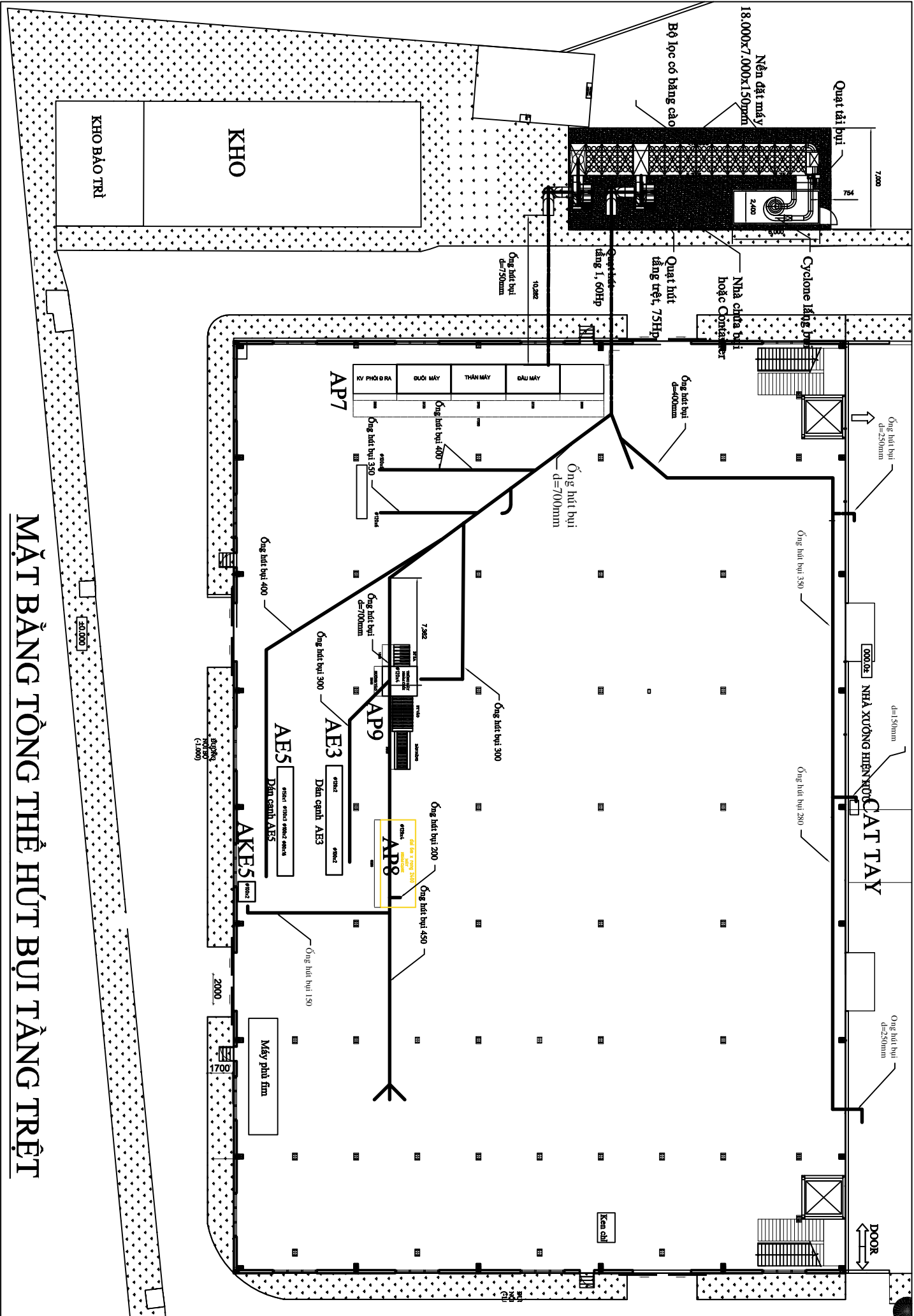
MẶT ĐỨNG TRỰC I-A

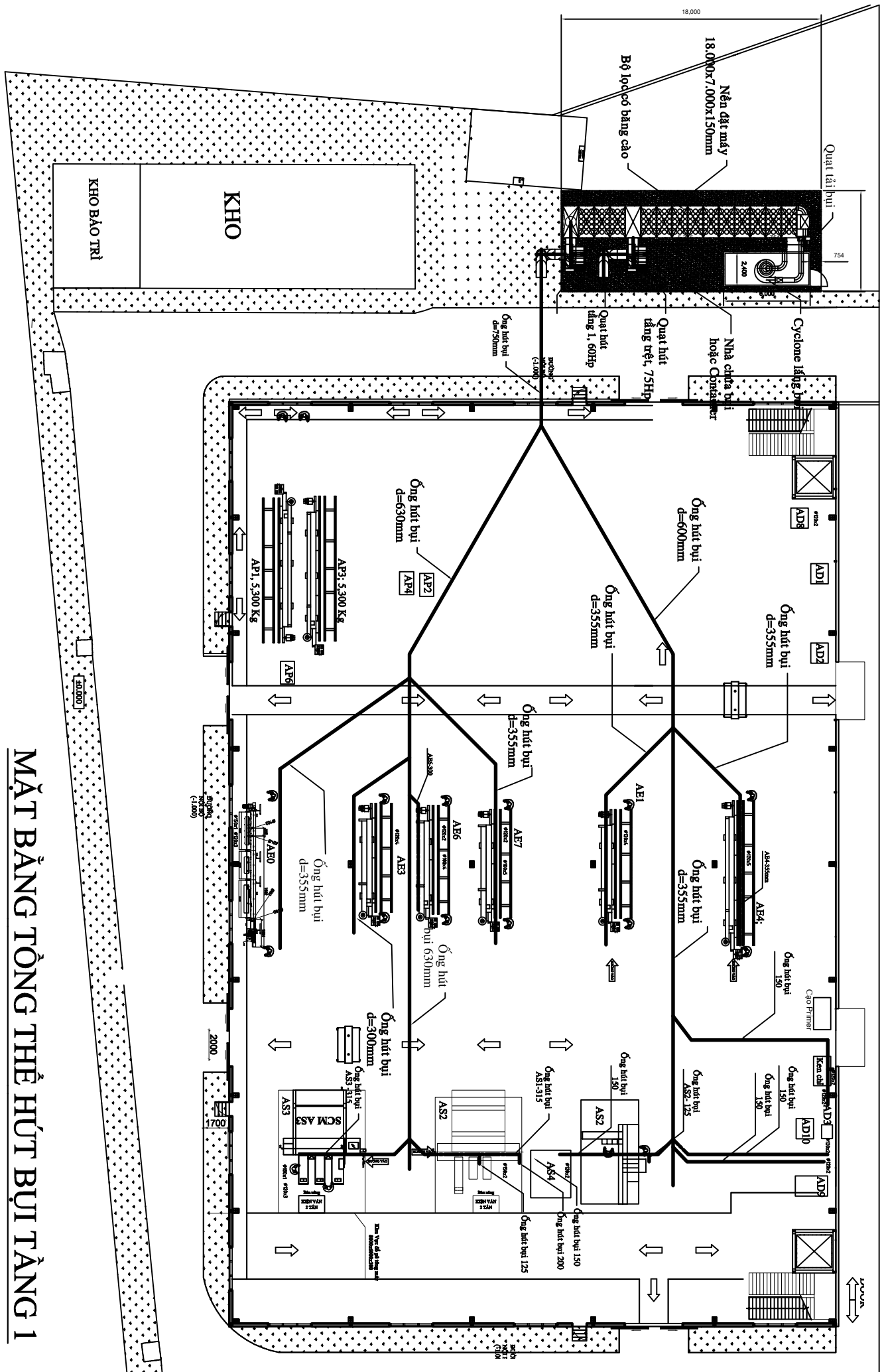
NGÀY HOÀN THÀNH: SỐ BẢN VẼ - DWG No

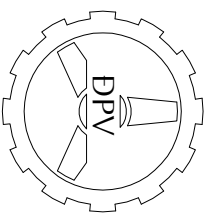
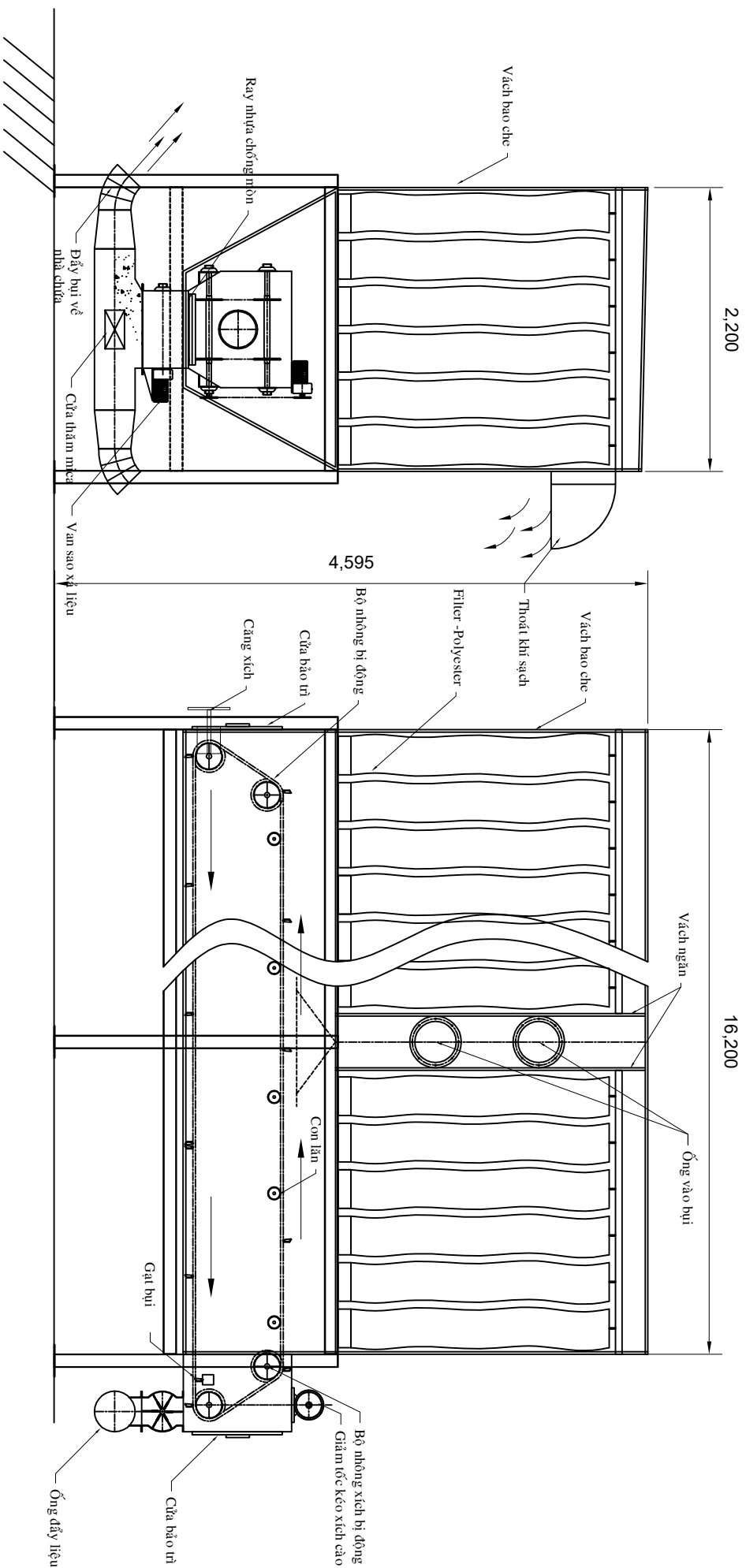
HỢP ĐỒNG SỐ - CONTRACT No: KT-08

09



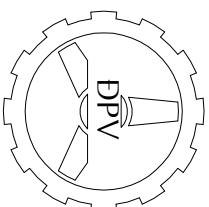
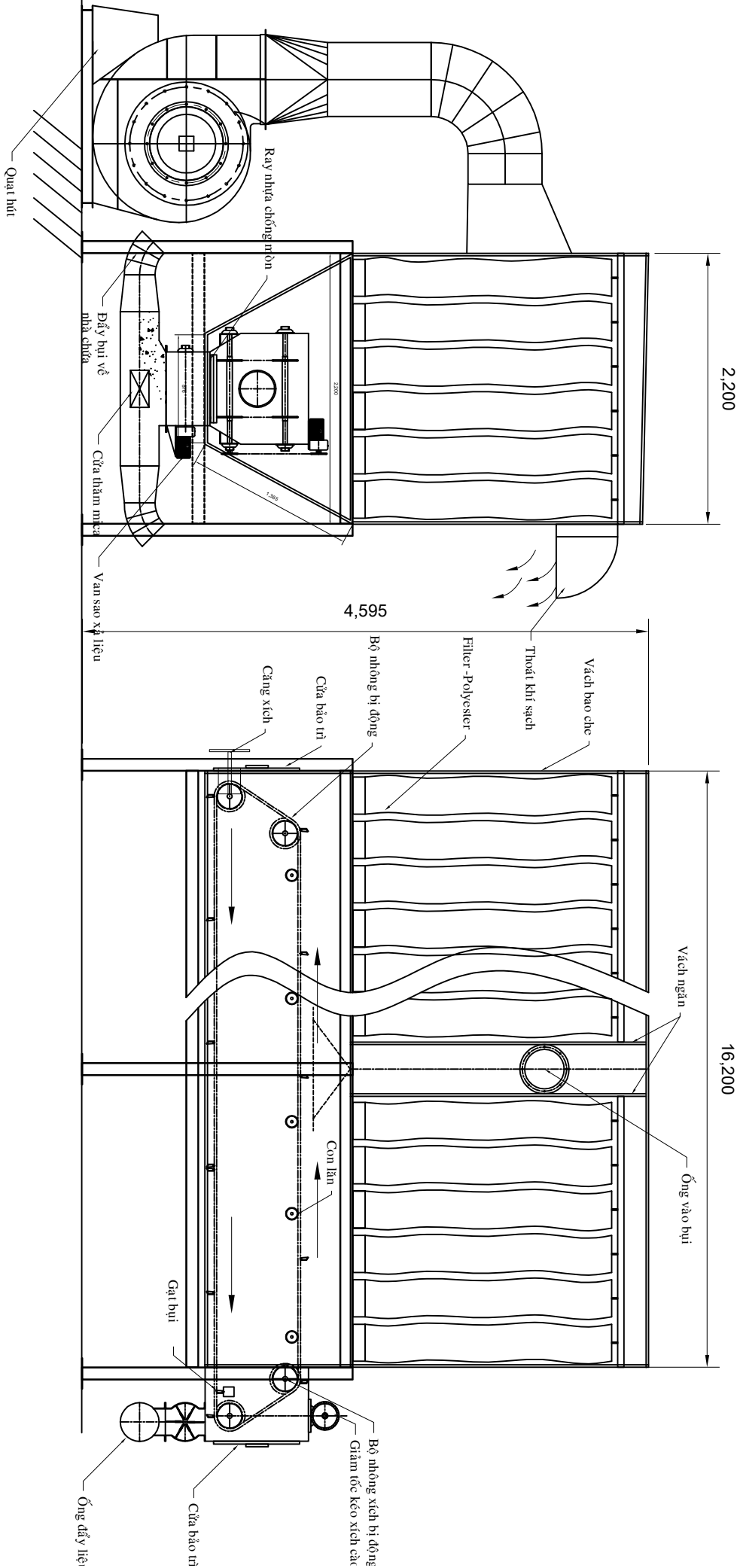






HỆ THỐNG LỌC FILTER

Date : 11/09/04			
Scale : 1/20			
Drawing No : 01			
Sheet No : 01			
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by



HỆ THỐNG LỌC FILTER

Date : 11/09/04

Scale : 1/20

Drawing No : 01

Sheet No : 01

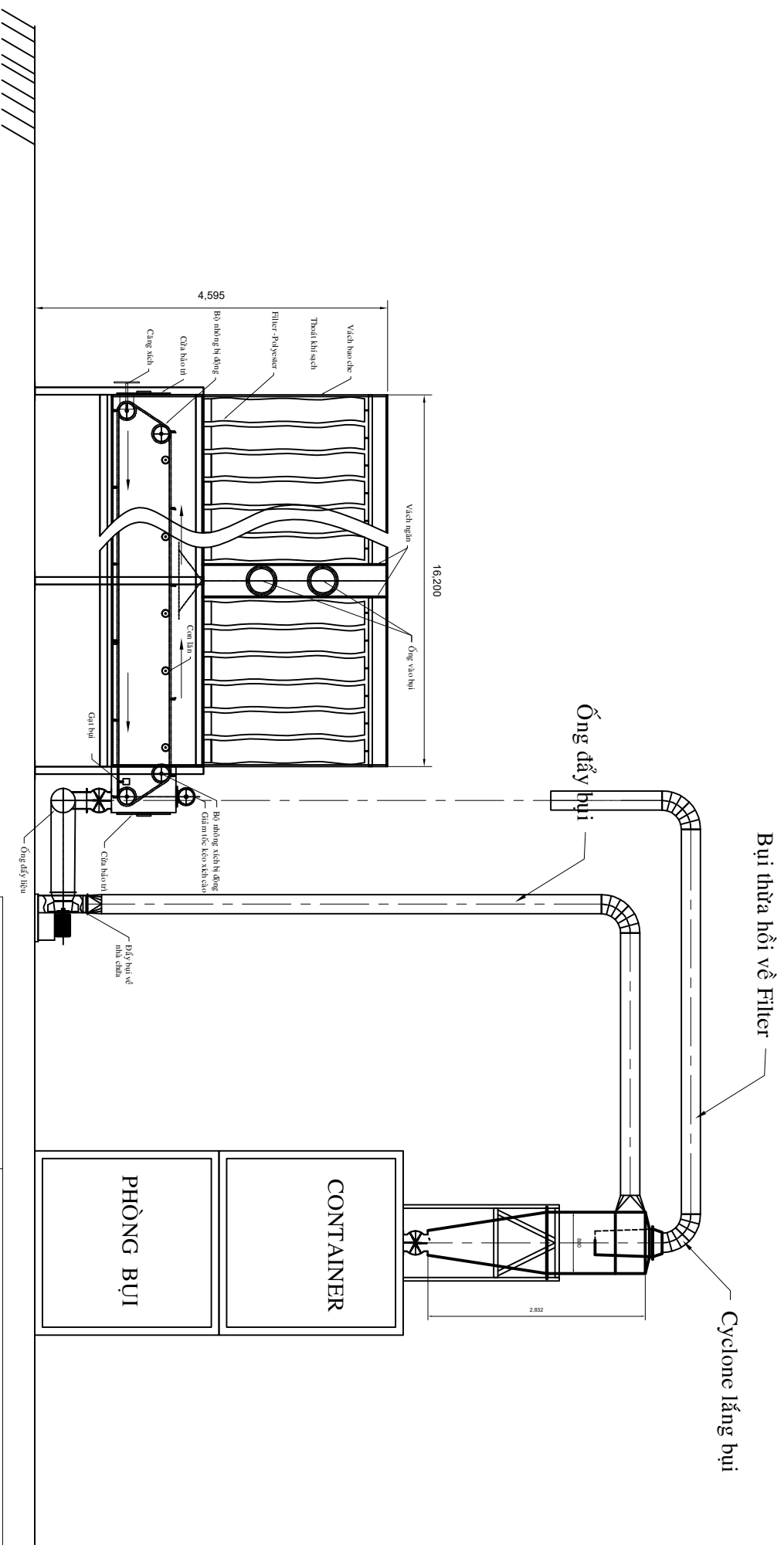
Approved by

Checked by

Designed by

Draw by

HỆ THỐNG LỌC BỤI FILTER PHÒNG ÁN 3



Ông đầy bụi

- Cyclone lăng bụi

2.832

16,200

4,595

CONTAINER

PHÒNG BÚI

10

10

10

1

Date:

Scale : 1/20

Drawing No.:

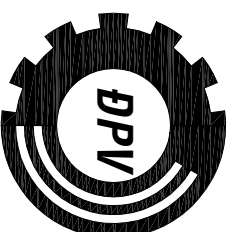
Sheet No :

Draw by	
---------	--

Approved by

Checked by

Designed by

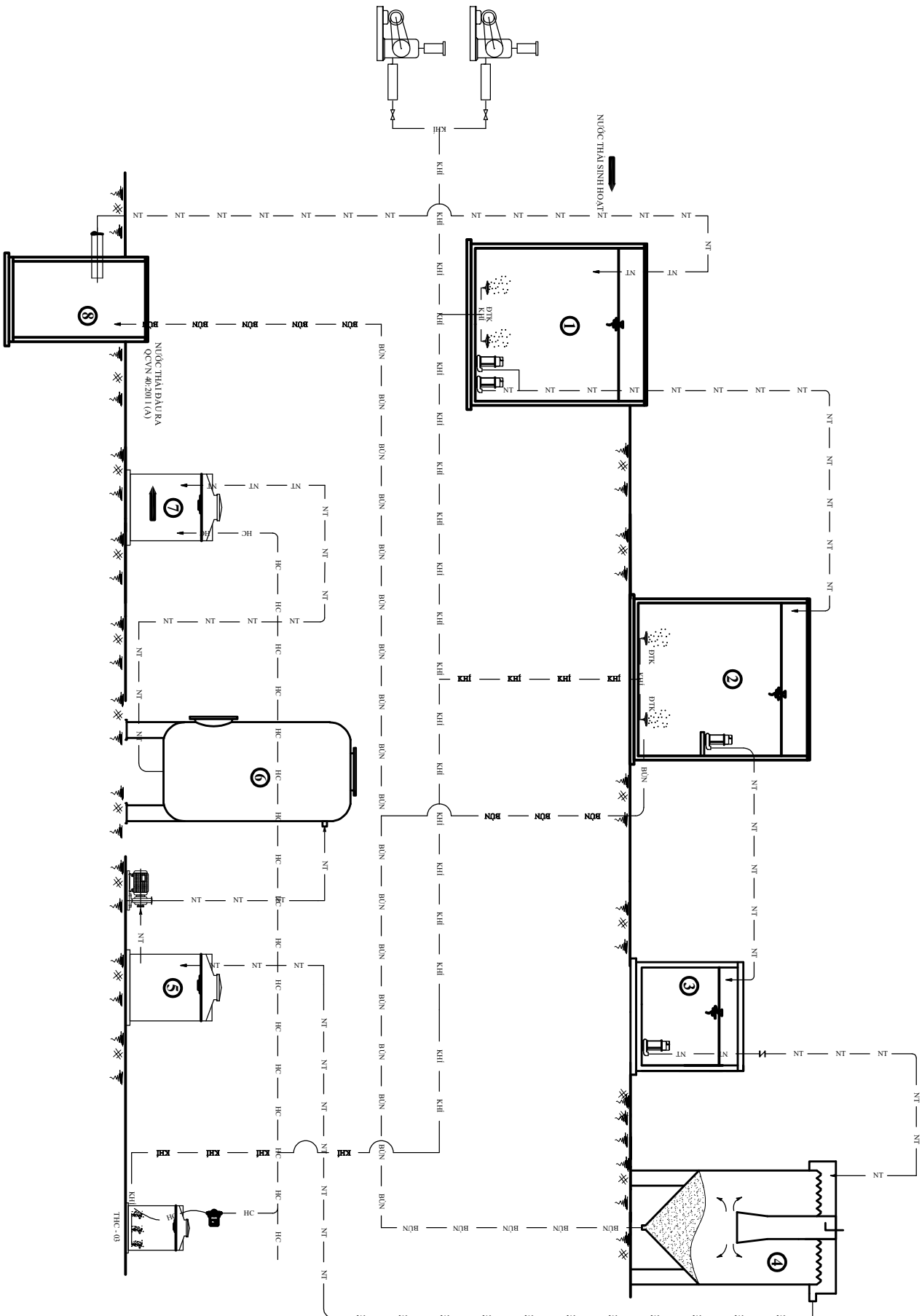


LỘC BÚI PA3			Scale : 1/20
			Drawing No :
			Sheet No :
			Draw by
Approved by	Checked by	Designed by	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

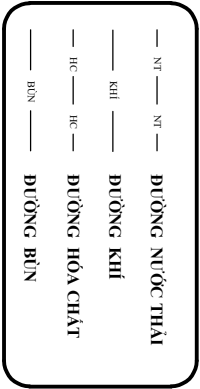
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM



- GHI CHÚ:**
- ① BỂ ĐIỀU HÒA
 - ② SINH HỌC SBR (SỐ LƯỢNG: 03 BỂ)
 - ③ BỂ TRUNG GIAN

- ④ BỂ LẮNG
- ⑤ BỂ TRUNG GIAN
- ⑥ BỂ LỌC ÁP LỰC
- ⑦ BỂ KHỬ TRÙNG
- ⑧ BỂ CHỨA BÙN



LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THIẾT KẾ SỐ BỘ ☒ PRIMARY DESIGN

PHÊ DUYỆT ☐ APPROVAL

HIỆU CHỈNH ☐ REVISE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY:

DỰ ÁN / PROJECT:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:

THỰC HIỆN / PREPARED BY:

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MANAGER:

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KIỂM TRA / CHECKED BY:

TÊN BẢN VẼ / DRW TITLE:

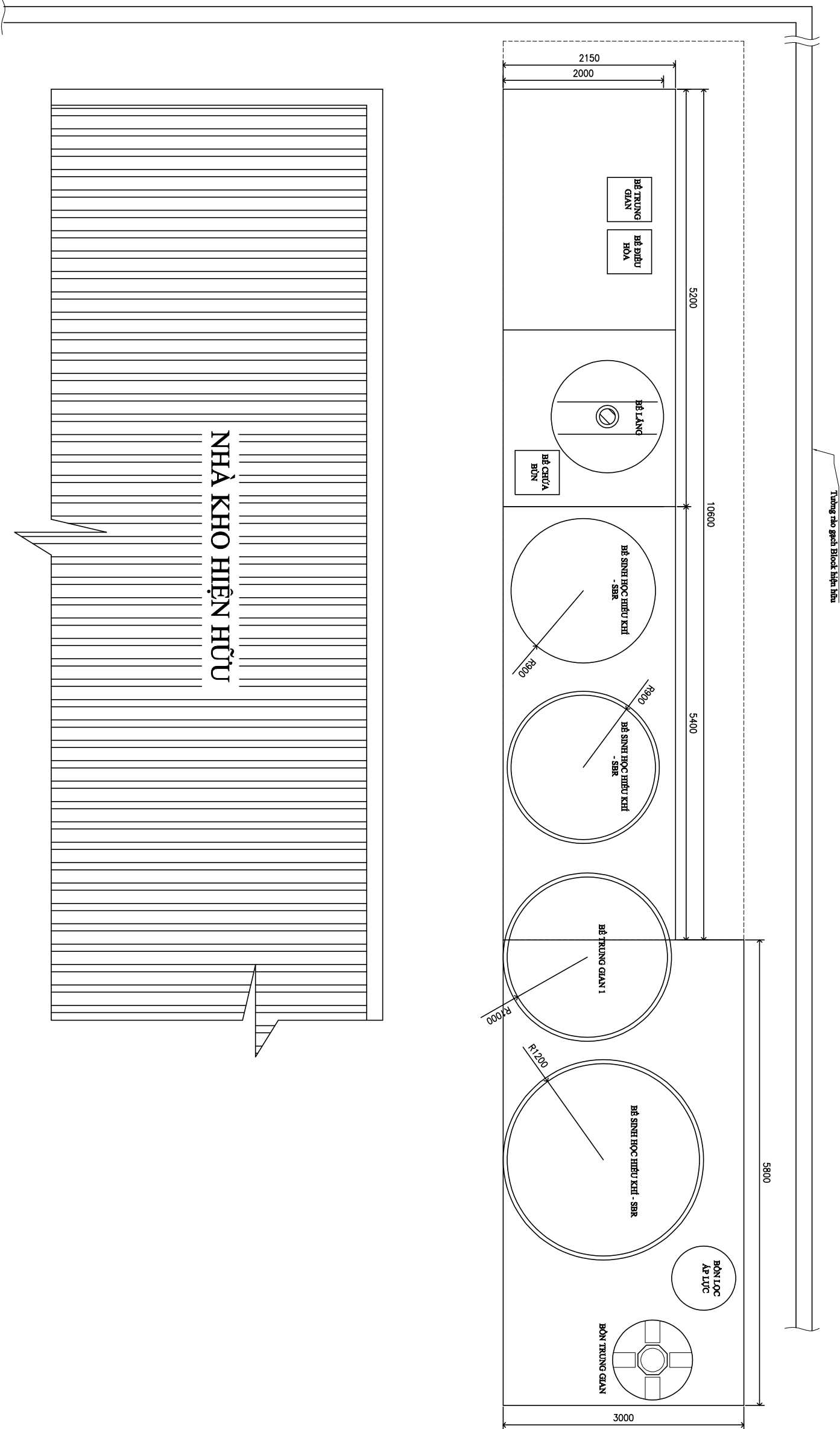
SỐ DỰ ÁN / PRJ NO:

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: 07/2017

TỶ LỆ / SCALE:

SỐ BẢN VẼ / DRW NO

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50M³/NGÀY ĐÊM



NHÀ KHO HIỆN HỮU

LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THIẾT KẾ SỐ BỘ ☒ PRIMARY DESIGN

PHÊ DUYỆT ☐ APPROVAL

HIỆU CHỈNH ☐ REVISE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY

DỰ ÁN / PROJECT

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:

THỰC HIỆN / PREPARED BY:

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MANAGER:

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KIỂM TRA / CHECKED BY:

TÊN BẢN VẼ / DRW. TITLE

SỐ DỰ ÁN / PRJ NO:

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: 07/2017

TỶ LỆ / SCALE: SỐ BẢN VẼ / DRW. NO

THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THIẾT KẾ SỐ BỘ	☒	PRIMARY DESIGN
PHÉ DUYỆT	☐	APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐	REVISE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		

PHÉ DUYỆT / APPROVED BY:

DỰ ÁN / PROJECT:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:

THỰC HIỆN / PREPARED BY:

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / MANAGER:

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KIỂM TRA / CHECKED BY:

TÊN BẢN VẼ / DRW. TITLE:

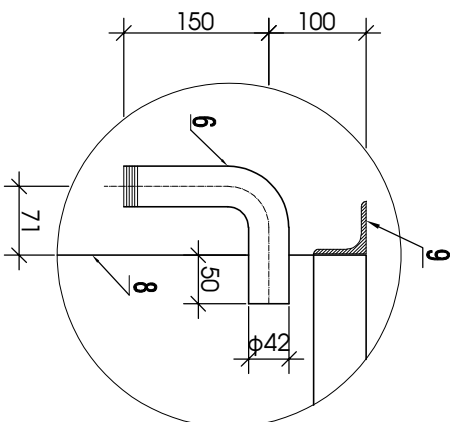
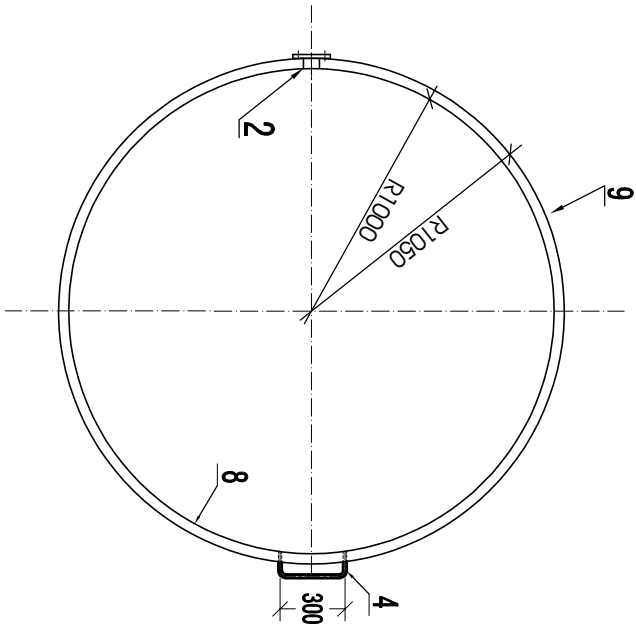
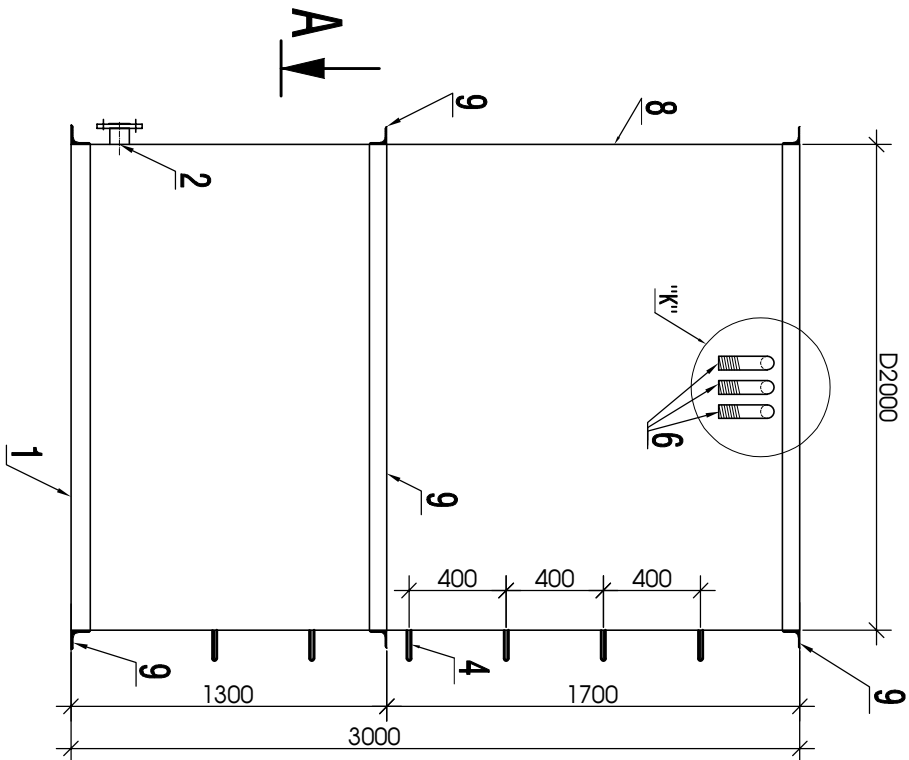
SỐ DỰ ÁN / PRJ NO:

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: 07/2017

TỶ LỆ / SCALE:

SỐ BẢN VẼ / DRW. NO

THIẾT BỊ TRUNG GIAN



A - A

CHI TIẾT "K"

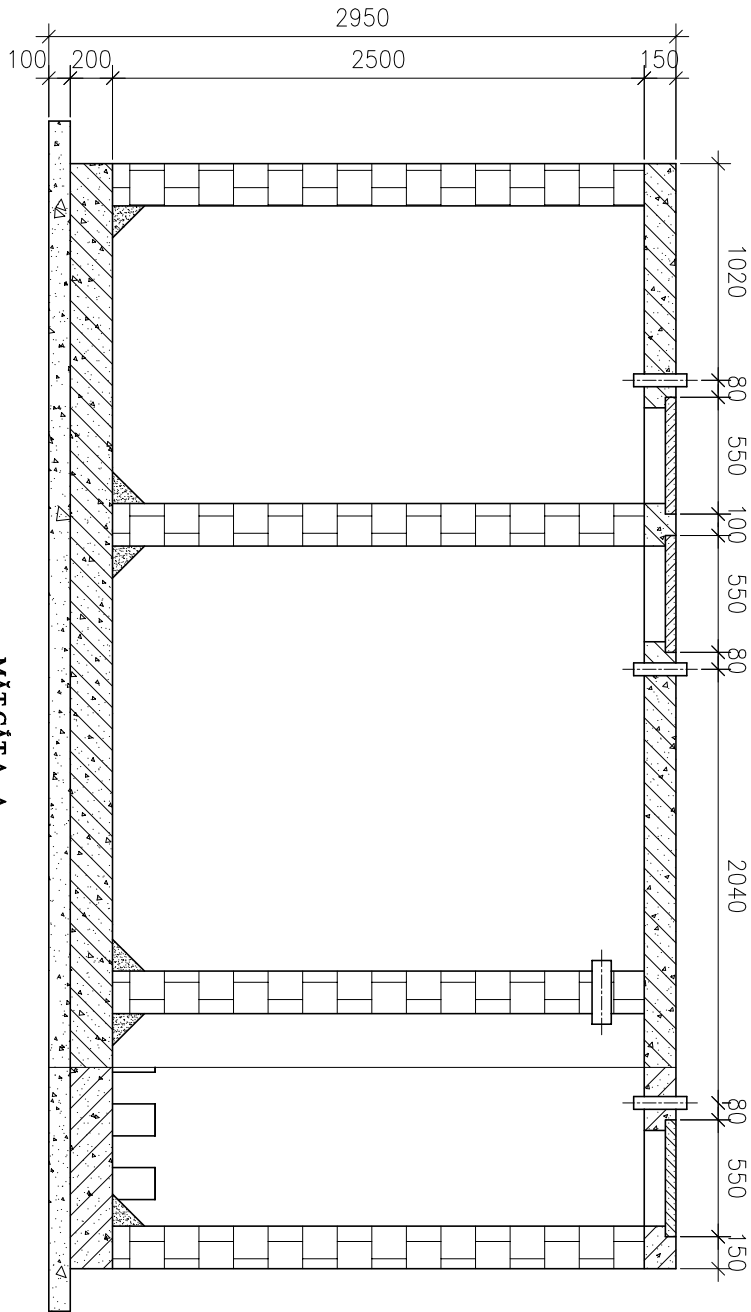
Giải chú:

Thiết bị sơn epoxy 2 lớp chống rỉ,

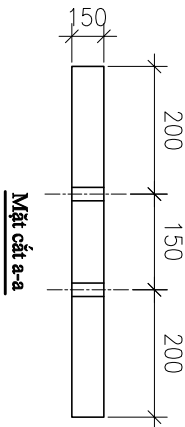
STT	TÊN GỌI	Vật liệu	Số lượng
01	Đáy thiết bị dày 5 mm	Thép CT3	01
02	Ổng xả đáy Ø60, cách thân 60mm	Thép CT3	01
03			
04	Cầu thang thép gắn Ø16 dài 30cm, hai đầu cách thân 10cm	Thép CT3	07
05		Thép CT3	
06	Ổng nước vào Ø42, Một đầu reng ngoài	Thép CT3	03
07			
08	Thân thiết bị dày 4mm	Thép CT3	01
09	Sắt gia cường đầu, thân và đáy thiết bị V5	V5	03
10	Sàn công tác, 500mm x 2000m (tại thanh V5 đỡ sàn)	Thép	01

MẶT BẰNG CHI TIẾT THIẾT BỊ SINH HỌC

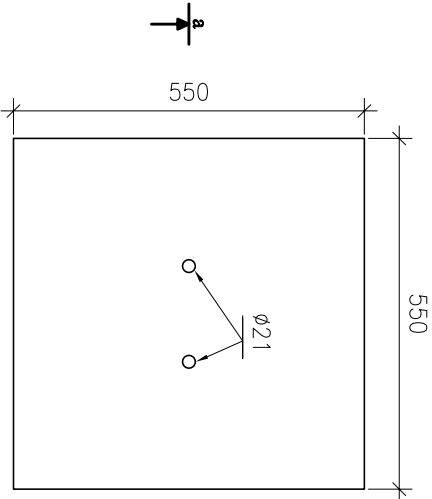
CHI TIẾT CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



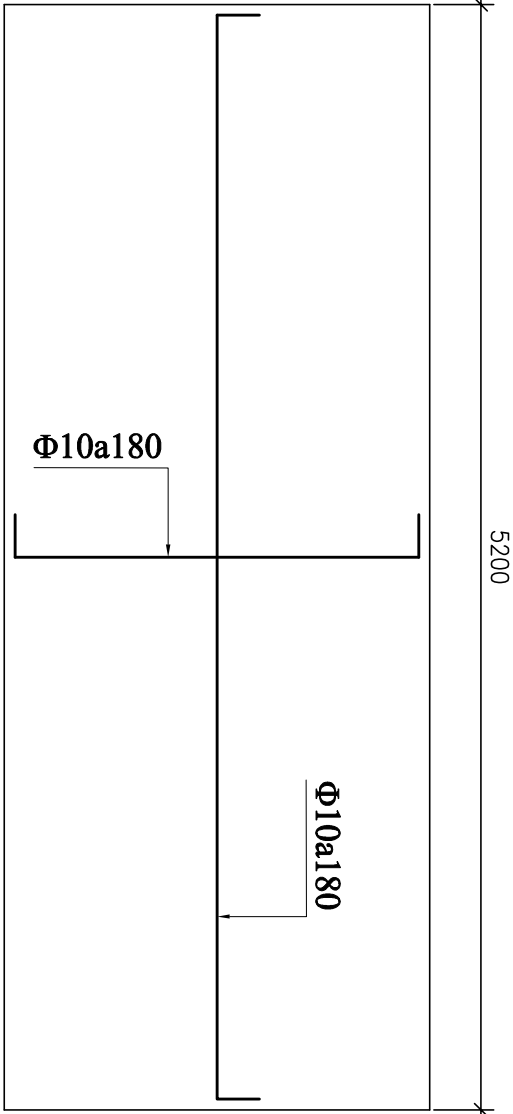
MẶT CẮT A - A



Mặt cắt a-a



CHI TIẾT NẬP HỐ THÂM



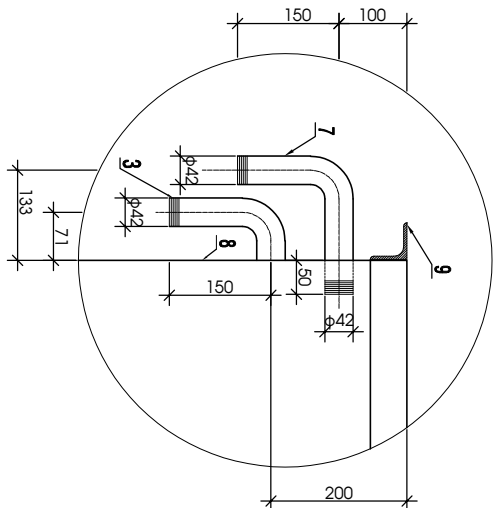
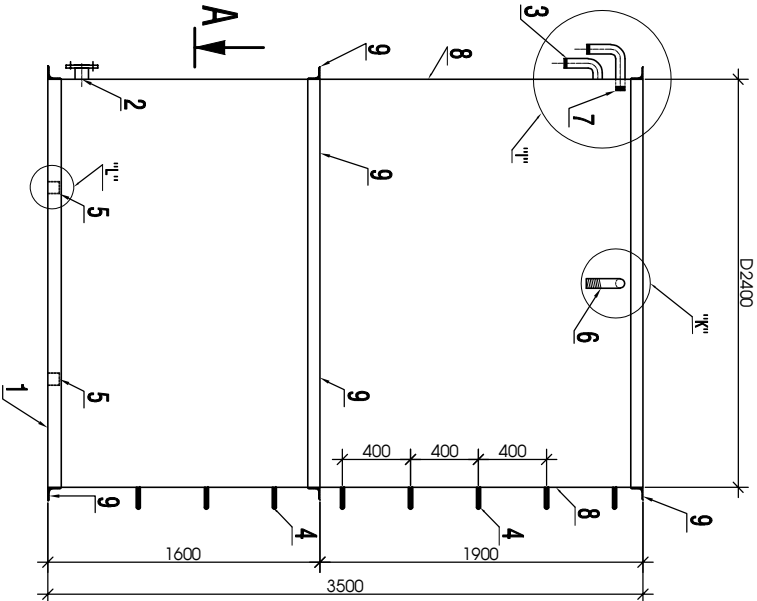
MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ THIẾT DÂY VÀ NẬP
(BỐ TRÍ 2 LỚP LỆCH NHAU)

GHI CHÚ:

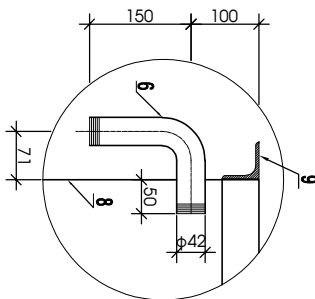
- DÂY VÀ NẬP BÊ KẾT CẦU 2 LỚP SẮT NHƯ NHAU ĐƯỢC BỐ TRÍ LỆCH NHAU.
- DÂY VÀ NẬP BÊ TỔNG CỘT THIẾT M200, THÀNH GẠCH ĐINH ĐƯỢC TRÁT VỪA XM M7,5 DÀY 2CM.
- KHI THI CÔNG ĐÀO MÔNG GẤP PHẢI ĐẶT YẾU THỊ PHẢI XỬ LÝ ĐẤT NỀN TRƯỚC KHI THI CÔNG.
- CÁC CHI TIẾT NHƯA SỬ DỤNG ỨNG DỤNG BÌNH MINH

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
																LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:	
																THAM KHẢO ☐ REFERENCE	
																THIẾT KẾ SỐ BỘ ☒ PRIMARY DESIGN	
																PHÊ DUYỆT ☐ APPROVAL	
																HIỆU CHỈNH ☐ REVISE	
																THI CÔNG ☐ CONTRUCTION	
																HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT	
																CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:	
																PHÊ DUYỆT / APPROVED BY:	
																DỰ ÁN / PROJECT	
																ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:	
																THỰC HIỆN / PREPARED BY:	
																GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:	
																CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MANAGER:	
																THIẾT KẾ / DESIGNER:	
																KIỂM TRA / CHECKED BY:	
																TÊN BẢN VẼ / DRW. TITLE	
																SỐ DỰ ÁN / PRJ NO:	
																NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: 07/2017	
																TỶ LỆ / SCALE: SỐ BẢN VẼ / DRW. NO	

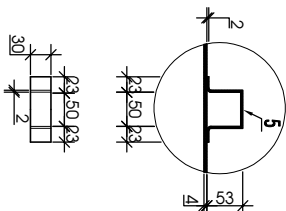
THIẾT BỊ SINH HỌC HIẾU KHÍ SBR 3



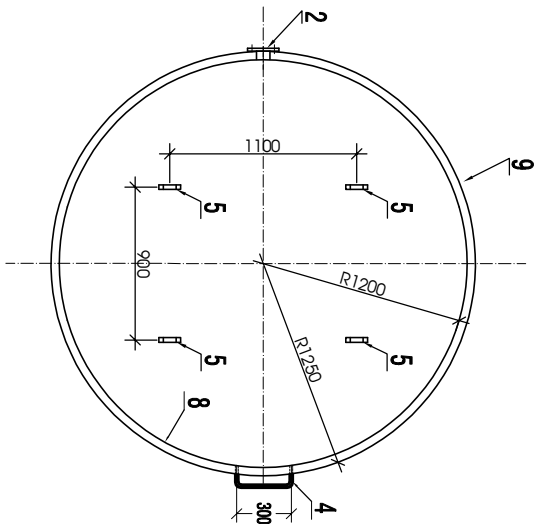
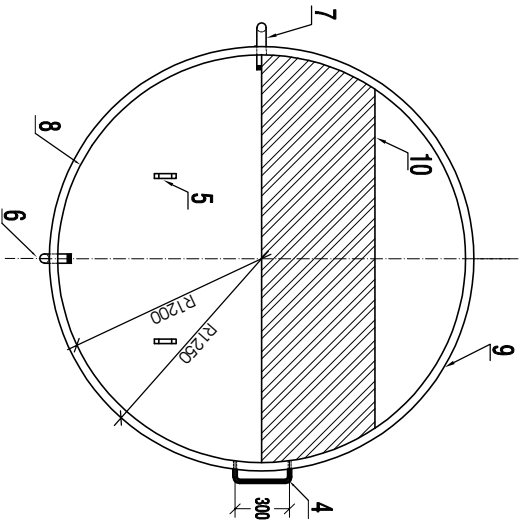
CHI TIẾT "I"



CHI TIẾT "K"



CHI TIẾT "L"



MẶT BẰNG CHI TIẾT THIẾT BỊ SINH HỌC

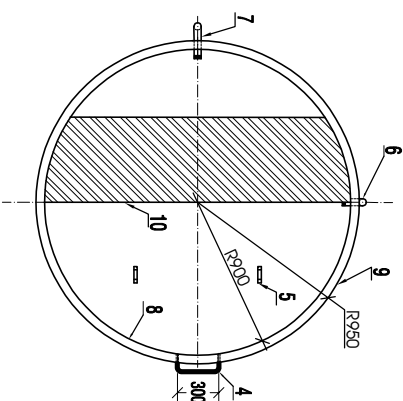
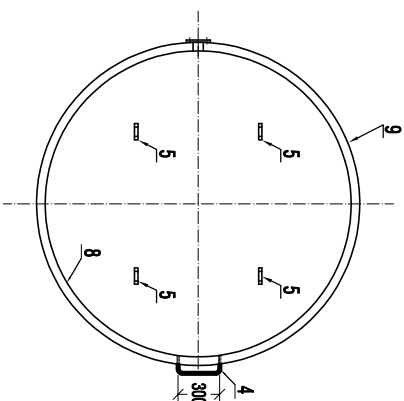
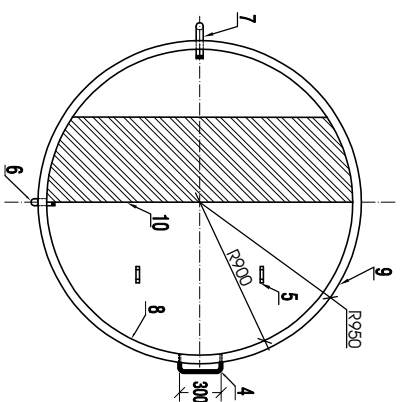
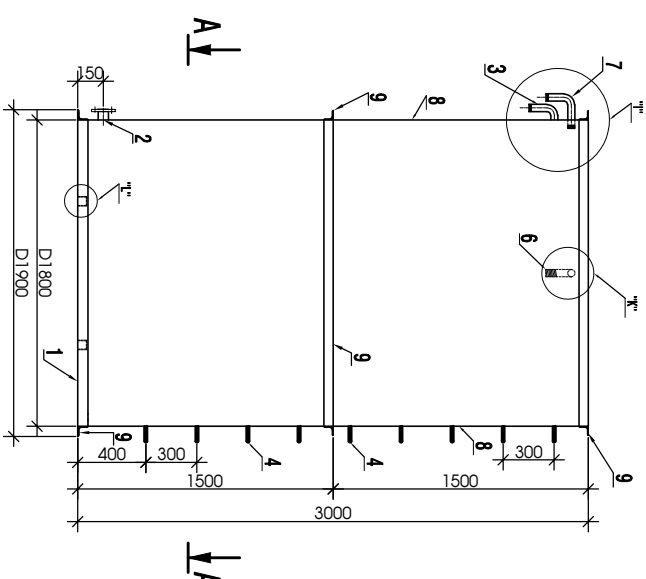
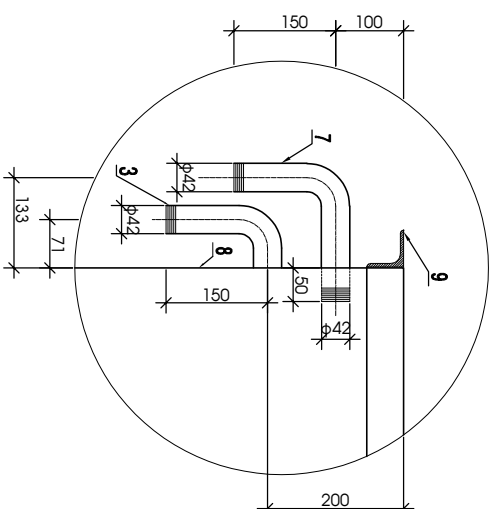
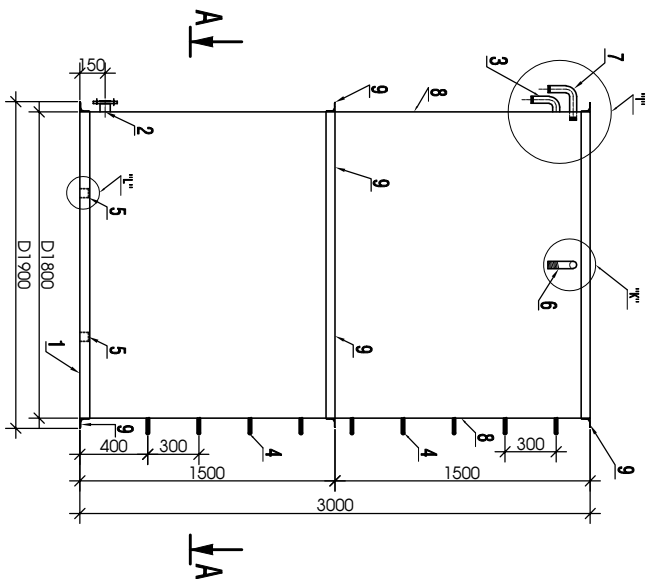
A - A

Ghi chú:
Thiết bị sơn epoxy 2 lớp chống rỉ,

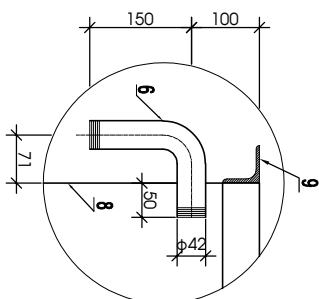
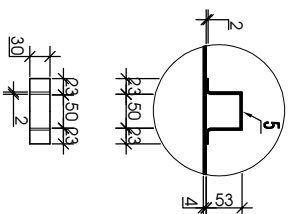
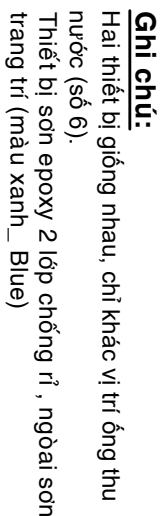
STT	TÊN GỌI	Vật liệu	Số lượng
01	Dây thiết bị dày 5 mm	Thép CT3	01
02	Ống xả dây Ø60, cách thân 60mm	Thép CT3	01
03	Ống nước vào Ø42, 01 đầu reng ngoài	Thép CT3	01
04	Cầu thang thép gần Ø16 dài 30cm, hai đầu cách thân 10cm	Thép CT3	08
05	Dai giữ ống khí, 2 ly	Thép CT3	04
06	Ống thu nước Ø42, hai đầu reng ngoài	Thép CT3	01
07	Ống cấp khí Ø42, hai đầu reng ngoài	Thép CT3	01
08	Thân thiết bị dày 4mm	Thép CT3	01
09	Sắt gia cường đầu, thân và dây thiết bị, V5	V5	03
10	Sàn công tác, 500mm x 2400m (hai thành V5 đổ sàn)	Thép	01

LOẠI HỒ SƠ/TYPE DOCUMENT:		16	17	18
THAM KHẢO	☐	REFERENCE		
THIẾT KẾ SỐ BỘ	☒	PRIMARY DESIGN		
PHÊ DUYỆT	☐	APPROVAL		
HIỆU CHỈNH	☐	REVISE		
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION		
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT		
CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR:				
PHÊ DUYỆT/ APPROVED BY:				
DỰ ÁN/ PROJECT				
ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:				
THỰC HIỆN/ PREPARED BY:				
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:				
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:				
THIẾT KẾ/ DESIGNER:				
KIỂM TRA/ CHECKED BY:				
TÊN BẢN VẼ/ DRAW TITLE				
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:				
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE: 07/2017				
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRAW NO			

THIẾT BỊ SINH HỌC HIẾU KHÍ SBR 1,2



MẶT BẰNG CHI TIẾT THIẾT BỊ SINH HỌC 1



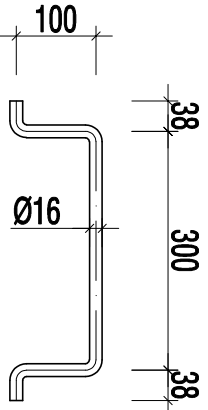
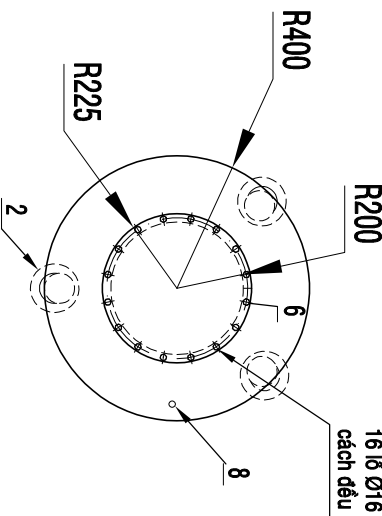
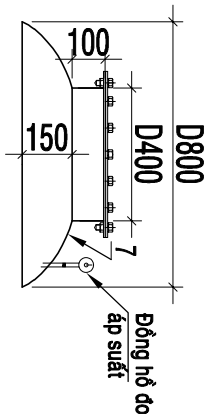
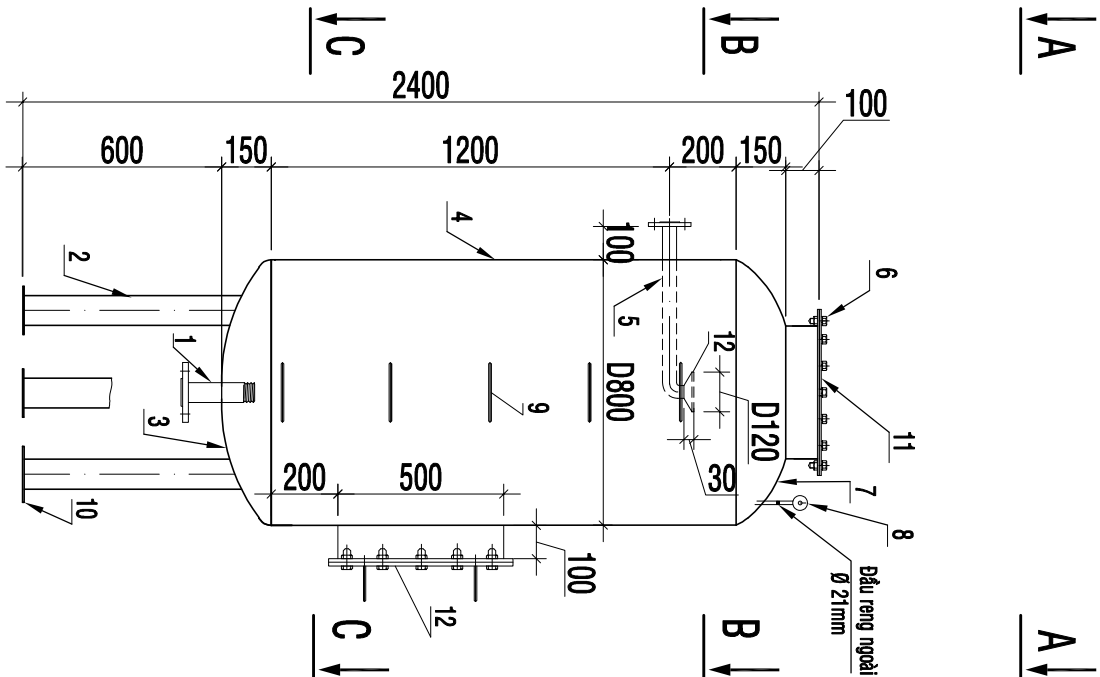
MẶT BẰNG CHI TIẾT THIẾT BỊ SINH HỌC 2

STT	TÊN GỌI	VẬT LIỆU	Số lượng
01	Dây thiết bị dây 4mm	Thép CT3	01
02	Ống xả dây Ø60, cách thân 60mm	Thép CT3	01
03	Ống nước vào Ø42, 01 đầu reng ngoài	Thép CT3	01
04	Cấu thanh thép gần Ø16 dài 30cm, hai đầu cách thân 10cm	Thép CT3	09
05	Bai giữ ống khí 2 ly	Thép CT3	04
06	Ống thu nước Ø42, hai đầu reng ngoài	Thép CT3	01
07	Ống cấp khí Ø42, hai đầu reng ngoài	Thép CT3	01
08	Thân thiết bị dây 3mm	Thép CT3	01
09	Sắt gia cường đầu, thân và dây thiết bị, V5	V5	03
10	Sân công tác, 500mm x 1800m (hai thanh V5 đỡ sàn)	Thép	01

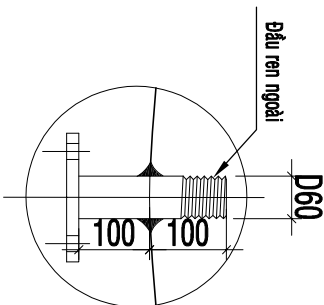
16	17	18
LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:		
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THIỆT KẾ SƠ BỘ	☒	PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐	APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐	REVISE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT
CHỮ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		

PHÊ DUYỆT/ APPROVED BY:	
DỰ ÁN/ PROJECT	
ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:	
THỰC HIỆN/ PREPARED BY:	
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:	
THIẾT KẾ/ DESIGNER:	
KIỂM TRA/ CHECKED BY:	
TÊN BẢN VẼ/ DRW. TITLE	
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE: 07/2017	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW. NO

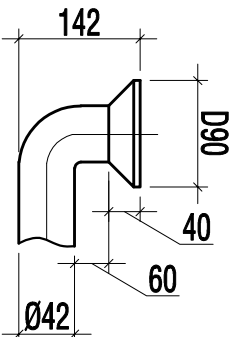
CHI TIẾT THIẾT BỊ LỌC ÁP LỰC



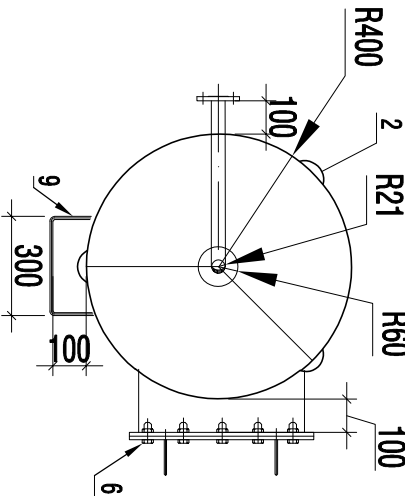
CHI TIẾT NẮP THIẾT BỊ LỌC



CHI TIẾT "I"



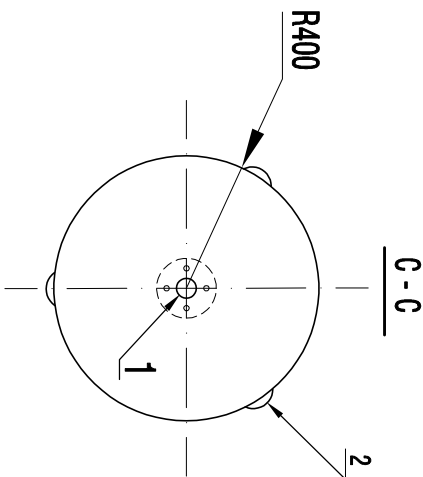
CHI TIẾT PHỄU PHÂN PHỐI NƯỚC



B - B

- Ghi chú:**
- Giữa nắp bít lỗ người và thân có ron cao su;
 - Thiết bị lọc áp lực, trong sơn epoxy 2 lớp chống rỉ, ngoài sơn trang trí màu xanh (màu blue)

CHI TIẾT BẠC THANG

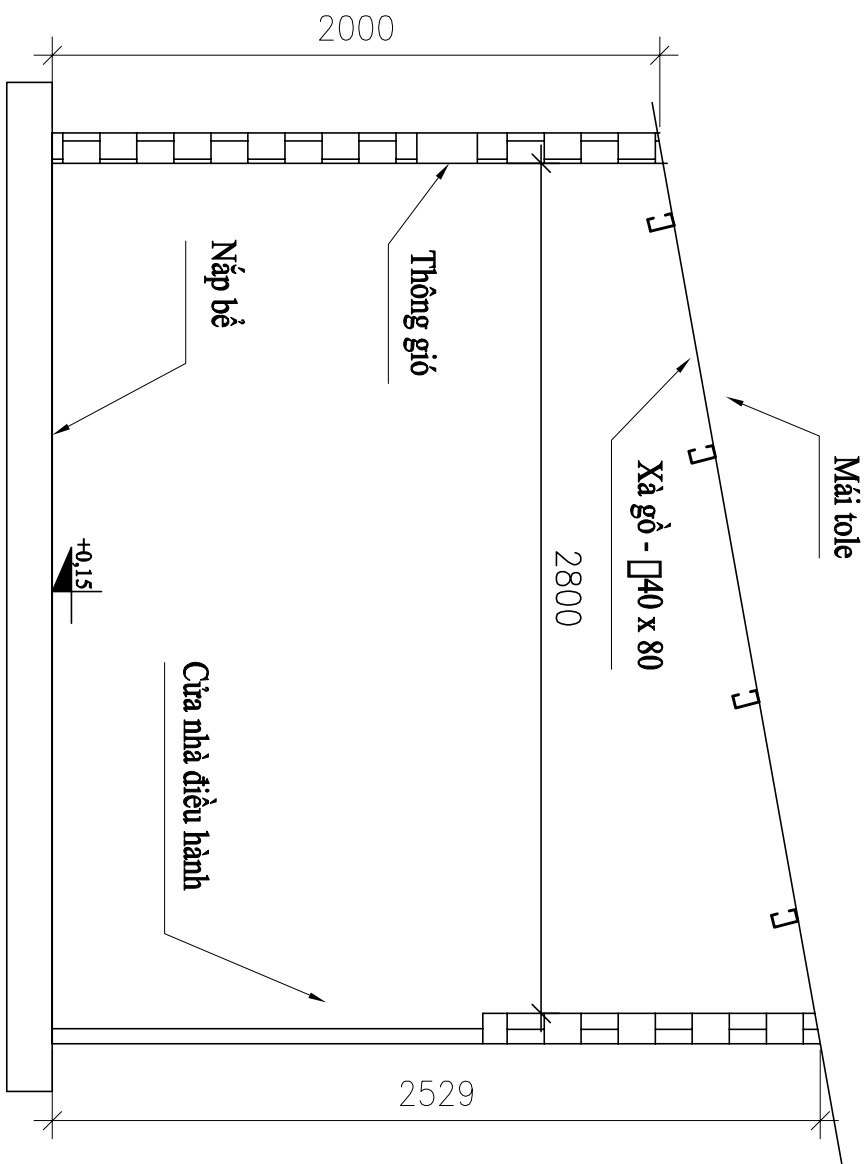


C - C

12	Phễu phân phối nước	Thép CT3	01
11	Lỗ người Ø 500mm và Ø 400mm	Thép CT3	02
10	Đế chân, D = 150mm, dày 10mm	Thép CT3	03
09	Cấu thang Ø16 x 300, cách thân 100mm		05
08	Ống gắn đồng hồ đo áp lực, đầu ren ngoài Ø 21	Thép CT3	01
07	Nắp thiết bị, thép dày 5mm	Thép CT3	01
06	Bulong + đai ốc M16 ghép giữa nắp và thân thiết bị	Thép CT3	32
05	Ống dẫn nước vào Ø 42, cách thân 100mm	Thép CT3	01
04	Thân thiết bị, thép dày 4mm	Thép CT3	01
03	Dây thiết bị, thép dày 5 mm	Thép CT3	01
02	Chân đỡ bồn lọc Ø60 mm, cao 600mm	Thép CT3	03
01	Ống thu nước lọc và rửa lọc Ø 60	Thép CT3	01
STT	TÊN GỌI	VẬT LIỆU	SL

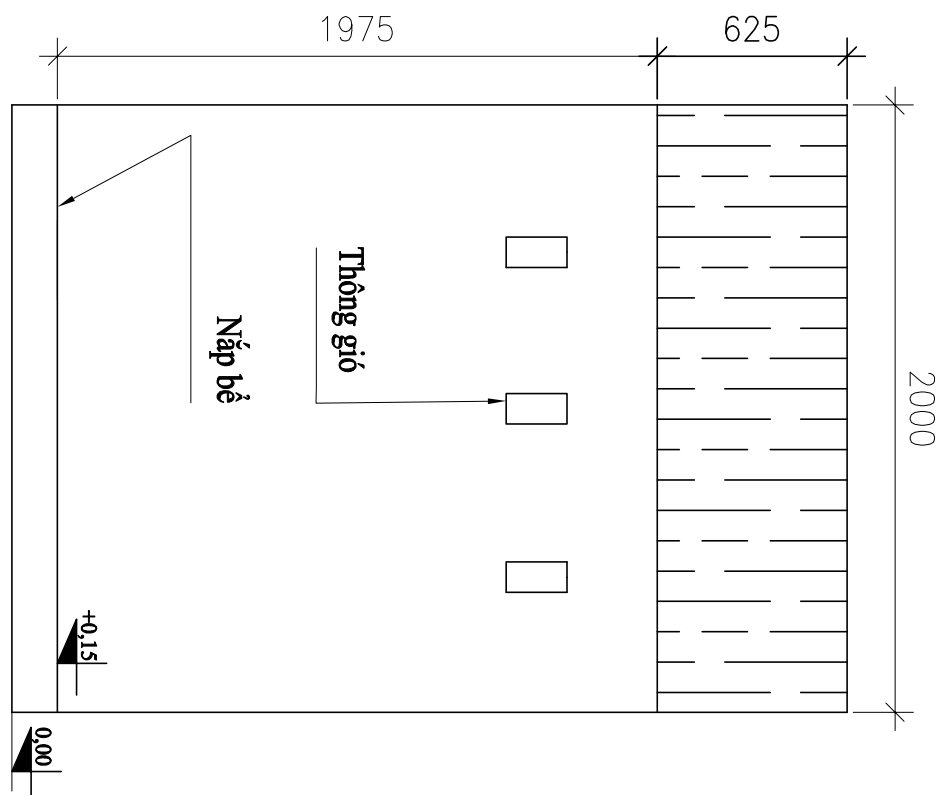
16	17	18
LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:		
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THIẾT KẾ SỐ BỘ	☒	PRIMARY DESIGN
PHÉ DUYỆT	☐	APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐	REVISE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT
CHỮ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		
PHÉ DUYỆT / APPROVED BY:		
DỰ ÁN / PROJECT:		
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:		
THỰC HIỆN / PREPARED BY:		
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:		
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / MANAGER:		
THIẾT KẾ / DESIGNER:		
KIỂM TRA / CHECKED BY:		
TÊN BẢN VẼ / DRW. TITLE:		
SỐ DỰ ÁN / PRJ NO.:		
NGÀY PHÁT HÀNH / DATE:	07/2017	
TỶ LỆ / SCALE:	SỐ BẢN VẼ / DRW. NO	

NHÀ ĐIỀU HÀNH



MẶT CẮT A - A

→ B



MẶT CẮT B - B

GHI CHÚ:

- NHÀ ĐIỀU HÀNH ĐẶT TRÊN BỂ ĐIỀU HÒA;
- TƯỜNG: GẠCH ÔNG DÀY 100mm, CỎ TÔ TRẮT, ĐẶT LỖ THÔNG GIÓ ĐỐI DIỆN CỬA CHÍNH;
- XÀ GỖ SẮT, 04 CÂY x 3,0M, □40x80;
- MÁI TÔN TRÁNG KẼM, (KHÔNG CÓ SENO HAY MÁNG THU NƯỚC MƯA);
- CỬA RA VÀO: TÔN TRÁNG KẼM, KHUNG SẮT □ 40x40; NỀN: SỬ DỤNG NẤP CỬA CÁC BỂ XỬ LÝ ;
- TRỤ XÂY GẠCH ÔNG, 04 CÂY 200mm x 200mm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
															LOẠI HỒ SƠ / TYPE DOCUMENT:		
															THAM KHẢO	☐	REFERENCE
															THIẾT KẾ SỐ BỘ	☒	PRIMARY DESIGN
															PHÊ DUYỆT	☐	APPROVAL
															HIỆU CHỈNH	☐	REVISE
															THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
															HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT
															CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		
															PHÊ DUYỆT / APPROVED BY		
															DỰ ÁN / PROJECT		
															ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:		
															THỰC HIỆN / PREPARED BY:		
															GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:		
															CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MANAGER:		
															THIẾT KẾ / DESIGNER:		
															KIỂM TRA / CHECKED BY:		
															TÊN BẢN VẼ / DRAW TITLE		
															SỐ DỰ ÁN / PROJ NO:		
															NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: 07/2017		
															TỶ LỆ / SCALE:		
															SỐ BẢN VẼ / DRAW NO		